

VƯƠNG HỒNG SẼN
sưu tập

Chuyện cười

CỒ NHÂN



Tên sách : CHUYỆN CƯỜI CỔ NHÂN

Tác giả : VƯƠNG HỒNG SẼN Sưu tập

Nguồn sách : Thích Đức Châu

Đánh máy : Thanh Trần

Kiểm tra chính tả : Kim Thoa, Lê Thị Phương Hiền,

Trần Lê Nam, Nguyễn Mỹ Quỳnh Dao

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 29/06/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả VƯƠNG HỒNG SẼN
đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

LỜI KHAI KHÔNG AI HỎI

SÁCH THAM KHẢO

1. Chuyện Ký Viên
2. Cây đơn
3. Ông điếc đi mừng tuổi
4. Sửa mũ mấn
5. Dương phù âm trợ
6. Ông thần bia (Xem bài số 5 trước)
7. Ăn nói khoan thai (số 29 bản Thọ An)
8. Tánh người chậm lụt (số 13 bản Phụng hoàng San)
9. Tánh trầm tĩnh của người Hồng mao (T.S.V.P. tr.149)
10. Lửa cháy nhà
11. Từ Hôn
12. Mảng lo viết văn
13. Nghe qua thì biết
14. Cha dạy con
15. Thằng bé ngu tối
16. Giấu cày
17. Ông già thật thà
18. Tưởng là gì ?
19. Hai anh sợ vợ
20. Thơ cóc
21. Ba anh dốt làm thơ

- [22. Bụng không](#)
- [23. Không chịu thua \(chuyện cờ tướng\)](#)
- [24. Chỉ nước cờ](#)
- [25. Cờ ngoài, bài trong](#)
- [26. Ông đồ Nghệ làm thơ](#)
- [27. Bốn anh học trò đặt thơ trong chùa](#)
- [28. Chế giãm](#)
- [29. Phép trị rượu chua](#)
- [30. Hùn vốn đặt rượu](#)
- [31. Uống rượu bằng chén con mà chết hóc](#)
- [32. Cạo váy](#)
- [33. Thầy hù](#)
- [34. Cái gì không xài nó dài ra](#)

VẤN ĐỀ RÂU

- [35. Mặt dày](#)
- [36. Mặt dày](#)
- [37. Ông râu rậm](#)
- [38. Ông già không có miệng](#)
- [39. Giống ông bộ râu](#)
- [40. Thấy pháp râu đỏ](#)
- [41. Thuốc nhuộm râu](#)
- [42. Lấy giống râu](#)
- [43. Râu quai nón](#)
- [44. Lấy thuốc mọc râu](#)
- [45. Thuốc trồng râu](#)

46. Trên dưới thông đồng

47. Liên hữu hội

48. Truyện người râu ba chòm, người râu rìa

TIẾU LÂM PHỤNG HOÀNG SAN

49. Thơ ngựa hay (Bài số 6 tr.5)

50. Chó ngáp (bài 2 tr.7)

51. Kết lương hữu (Bài 14 tr.8)

52. Chiêm bao rui (Bài 15 tr.9)

53. Coi sách (Bài 15 tr.9)

54. Ông đánh cháu (bài 18 tr.10)

55. Làm biếng hai kiếp (Bài số 19 tr.10)

56. Dời nhà (Bài số 20 tr.2)

57. Tuổi sứt (bài số 22 tr.2)

58. Rể bất lợi (bài số 23 tr.12)

59. Mướn đày tớ không tiền (Bài số 24 tr.12)

60. Hai anh em làm ruộng (bài số 25 tr.13)

61. Không đãi khách (bài số 26 tr.13)

62. Một món cũng đủ (bài số 27 tr.13)

63. Hà tiện (bài số 29 tr.14)

64. Xin nước lạnh (bài số 30 tr.15)

65. Cho đủ cặp (bài số 31 tr.15)

66. Đòi nợ (bài số 32 tr.15)

67. Mỗi ăn nhà (bài số 33 tr.15)

68. Mua phân (bài số 34 tr.16)

69. Chuột cắn (bài số 35 tr.16)

- [70. Dốt hay nói chữ \(bài số 36 tr.16\)](#)
- [71. Nói láo như bò \(bài số 37 tr.17\)](#)
- [72. Đi làm rể \(bài số 38 tr.17\)](#)
- [73. Lò mò \(bài số 39 tr.18\)](#)
- [74. Con rắn vuông \(bài số 40 tr.19\)](#)
- [75. Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ \(bài số 41 tr.19\)](#)
- [76. Kính mang coi sách \(bài số 42 tr.20\)](#)
- [77. Giấu đồ kéo chúng giựt \(bài số 43 tr.20\)](#)

TRUYỆN ÔNG Ó

- [78. Cho mượn trâu \(bài số 1 tr.3\)](#)
- [79. Nói láo gạt người hàng thịt \(bài số 2 tr.4\)](#)
- [80. Nói láo có Sách \(bài số 3 tr.4\)](#)
- [81. Nói láo tới Huế \(bài số 4 tr.5\)](#)
- [82. Nói láo gạt các quan \(bài số 5 tr.6\)](#)
- [83. Nói láo gạt quân lính \(bài số 6 tr.7\)](#)
- [84. Nói láo gạt ông quan hữu trí \(bài số 7 tr.7\)](#)
- [85. Nói láo trong dinh Đông cung \(bài số 8 tr.9\)](#)
- [86. Từ Huế về Nam \(bài số 9 tr.10\)](#)
- [87. Câu ổng \(bài số 10 tr.10\)](#)
- [88. Nói láo tỉnh tuồng, đờn bà hoảng kinh \(bài số 11 tr.11\)](#)
- [89. Người chết của hết \(bài số 12 tr.12\)](#)
- [90. Đặt rượu bằng khoai thúi và khoai Sùng \(bài số 13 tr.13\)](#)
- [91. Chó săn \(bài số 14 tr.14\)](#)
- [92. Khi ông Ó về tới nhà \(bài số 15 và bài chót tr.17 tập Bùi Quang Nho\)](#)

TRUYỆN TIỂU ĐÀM – PHỤNG HOÀNG SAN VÀ DƯƠNG DIẾP

93. Sửa mũ mấn (bài số 1 tr.5)
94. Chim đồng độc (bài số 2 tr.6)
95. Không bỏ thói cũ (bài số 3 tr.7)
96. Nghệt lối (bài số 4 tr.10)
97. Dâu gịoi cha chồng (bài số 5 tr.11)
98. Mượn ngựa (bài số 6 tr.12)
99. Thuốc mắc cổ (bài số 7 tr.12)
100. Hỏi chỗ làm (bài số 8 tr.13)
101. Coi đầu mua nón (bài số 9 tr.13)
102. Giáo tập (bài số 10 tr.13)
103. Thầy say rượu (bài số 11 tr.14)
104. Nói chữ An nam ra chữ Tây (bài số 12 tr.14)
105. Thầy dốt (bài số 13 tr.15)
106. Thuốc ngựa
107. Đánh cha già (bài số 15 tr.16)
108. Ngồi lâu phải đổi (bài số 16 tr.16)
109. Sớm đỏ tối đen (bài số 17 tr.17)
110. Học lợi (bài số 18 tr.17)
111. Địa lý (bài số 19 tr.17)
112. Chó cắn tay (bài số 20 tr.18)
113. Mới dựng kê (bài số 21 tr.18)
114. Đứng cho thuốc người mập (bài số 22 tr.19)
115. Thầy thuốc hay (bài số 23 tr.19)
116. Hết gạo (bài số 24 tr.20)

- [117. Đi thú \(bài số 25 tr.21\)](#)
- [118. Tánh không chừng \(bài số 26 tr.21\)](#)
- [119. Thuốc rất linh nghiệm \(bài số 27 tr.22\)](#)
- [120. Mau phai \(bài số 28 tr.22\)](#)
- [121. Cũng chết \(bài số 29 tr.23\)](#)
- [122. Cũng một môn \(bài số 30 tr.23\)](#)
- [123. Hết trị \(bài số 31 tr.24\)](#)
- [124. Đòi ăn \(bài số 32 tr.24\)](#)
- [125. Cạo váy \(bài số 33 tr.25\)](#)
- [126. Tá thơ ngu, hờn thơ ngu \(bài số 34 tr.25\)](#)
- [127. Trên dưới thông đồng \(bài số 35 tr.26\)](#)
- [128. Cho sống lại \(bài số 36 tr.26\)](#)
- [129. Thầy thuốc đánh lộn \(bài số 37 tr.26\)](#)
- [130. Liên hữu hội \(bài số 38 tr.27\)](#)
- [131. Thuốc trồng râu \(bài số 39 tr.27\)](#)
- [132. Ông già không có miệng \(bài số 40 tr.28\)](#)
- [133. Bị mắng \(bài số 41 tr.29\)](#)
- [134. Người lùn hun vợ \(bài số 42 tr.29\)](#)
- [135. Cũng là thằng đui sướng \(bài số 43 tr.29\)](#)
- [136. Tiếng không xa \(bài số 44 tr.30\)](#)
- [137. Cận thị \(bài số 45 tr.30\)](#)
- [138. Bay nón \(bài số 46 tr.31\)](#)
- [139. Địt hay \(bài số 47 tr.31\)](#)
- [140. Ăn trộm địt \(bài số 48 tr.31\)](#)
- [141. Cửa chẳng lia mình \(bài số 49 tr.32\)](#)

142. Dám cho thua (bài số 50 tr.chót 33)

CHUYỆN KHÔI HÀI

143. Cũng vậy (số 1 T.V.K)

144. Thơ ngày tết (số 2 T.V.K)

145. Tú Suất lật váy bà quan (số 3 T.V.K.)

146. Lấy quần chúng phơi ngoài sào (số 4 T.V.K.)

147. Tú Suất giành mền ông huyện (số 5 T.V.K.)

148. Chữ Thiên trời đầu (số 6 T.V.K.)

149. Thơ hòa thượng (số 7 T.V.K.)

150. Đối « thần lẫn » với « khí gió » (số 8 T.V.K.)

151. Đối được vợ (số 9 T.V.K.)

152. Câu đối có chí khí (số 10 T.V.K.)

153. Than kinh (số 11 T.V.K)

154. Bẻ cau (số 12 T.V.K)

155. Hóc lưỡi búa (số 13 T.V.K)

156. Cá rô cây (số 14 T.V.K)

157. Nửa trụ cơm, nửa trụ canh (số 15 T.V.K)

158. Yá vất (số 16 T.V.K.)

159. Ăn hàng không trả tiền (số 17 T.V.K.)

160. Nghe trống ném ki đi về (số 18 T.V.K.)

161. Con học trò (đồng nhi) cứu thầy già Sáu (số 19 T.V.K.)

162. Cứu Cự cho khỏi bắt (số 20 T.V.K.)

163. Anh kì cào (số 21 T.V.K)

164. Thầy kiện (số 22 T.V.K.)

165. Khăng khái (số 23 T.V.K)

- [166. Cặp tré \(số 24 T.V.K.\)](#)
- [167. Tú Suất đóng cũi giải nạp về tỉnh thành \(số 25 T.V.K.\)](#)
- [168. Chọc con ông Tổng đốc \(số 26 T.V.K.\)](#)
- [169. Đánh phách \(số 27 T.V.K.\)](#)
- [170. Làm bộ chị thợ làm bánh \(số 28 T.V.K.\)](#)
- [171. Thợ chạm rồng trở phụng \(số 29 T.V.K.\)](#)
- [172. Làm xây \(số 30 T.V.K.\)](#)
- [173. Chó có sừng \(số 31 T.V.K.\)](#)
- [174. Dụng mưu làm thuốc \(số 32 T.V.K.\)](#)
- [175. Thầy rờ \(số 33 T.V.K.\)](#)
- [176. Ông huyện với ông đồ \(số 34 T.V.K.\)](#)
- [177. Ngô thì Sĩ với ông Tán lý Thường \(số 35 T.V.K.\)](#)
- [178. Người can đảm \(số 36 T.V.K.\)](#)
- [179. Cà xốc \(số 37 T.V.K.\)](#)
- [180. Tú Suất bắt mụ nữ tu \(số 38 T.V.K.\)](#)
- [181. Ông Cống Quỳnh](#)

ĐỐI CỔ KỲ QUAN

- [182. Giấu đầu ra đuôi \(bài số 10 tr.17 ĐCKQ\)](#)
- [183. Cóc cắn bể nồi vỡ \(bài số 22 tr.33\)](#)
- [184. Tham thì thâm \(bài số 26 tr.42\)](#)
- [185. Ông chàng \(heo rừng lớn\) \(bài số 27 tr.45 tập nhì\)](#)
- [186. Bà già hóa ra nấp hòm \(bài số 33 tr.65\)](#)
- [187. Tử sanh hữu mạng \(số 11 tr.18 tập 1 Đặng-lễ-Nghi, 1910\)](#)
- [188. Ma liệng ban ngày \(số 12 tr.20\)](#)
- [189. Một đêm ma nhát hai lần \(số 14 tr.22\)](#)

- [190. Ông bà bắt con cháu, con cháu bắt ông bà \(số 23 tr.36\)](#)
- [191. Nàng dân chí hiếu \(số 24 tr.38\)](#)
- [192. Cọp oán \(bài số 32 tr.60, cuốn nhì\)](#)
- [193. Cá ông cứu người \(số 34 tr.68\)](#)
- [194. Cọp hóa ra chó \(số 36 tr.72\)](#)
- [195. Nước nóng trừ bệnh điên \(số 37 tr.74\)](#)
- [196. Xà niên \(số 38 tr.77\)](#)
- [197. Nước gừng trị bệnh ôn đôn \(lớn dái\) \(số 40 tr.81\)](#)
- [198. Hồn Gia-định, xác Bắc-thành \(số 42 tr.84\)](#)
- [199. Tà bất cảm chánh \(số 30 tr.55\)](#)
- [200. Chuyện ma trong Chợ-lớn](#)
- [201. Hồn Trương Hoa, ma hàng thịt \(chuyện số 31 tr.48\)](#)
- [202. Truyện Thủ Huồn \(bài số 25 tr.41\)](#)

VƯƠNG HỒNG SẼN Sưu tập
CHUYỆN CƯỜI CỔ NHÂN

LỜI KHAI KHÔNG AI HỎI

Tôi là một tên dân Việt rất tốt, chưa có tiền án.

Bà xã rất ngán tôi, vì tôi có tánh yêu đời và bất cứ thứ gì đẹp đều yêu : yêu sách vở, yêu cô-ngoạn, yêu ngắm dòm.

Bốn vách đều có va đầu vào nhưng chưa bể, nay thêm ghiền trà : bác sĩ cấm thì uống lén.

Ưa giễu cợt, ưa ngâm thơ tuy ngâm sai giọng, ưa ca hát tuy trật nhịp, bởi đờn không tươi ngón nên thôi, biết và hiểu hát bội.

Có một món ưa nhứt đời là đồ xưa, nhưng không có tiền mua.

Thích hơn hết là nói tiểu lâm, từ chuyện tầm phào vô hại đến chuyện hài hước mua cười, nói trước bữa ăn nói sau bữa ăn, nói trước khi ngủ, trong khi mơ, sau khi thức dậy, có khi đào lỗ nói rồi lấp lại.

Có lúc cũng biết nổi cộc, rất ba trợn, chưa biết sợ ai, không làm bậy, còn lương tâm.

Tức khí dẫn ép quá, không xì ra thì chết.

Mà chưa muốn chết.

Còn yêu đời và muốn thấy thẳng bình, trước khi ra đi.

Viết tiểu lâm để có tiền mua cà và miếng cơm.

Xin kiểm duyệt niệm tình đừng cắt cụt.

V.H.S

SÁCH THAM KHẢO

1. Tiểu lâm của Phụng Hoàng San, Đinh Thái Sơn xuất bản, nhà in Phát Toán Sài gòn 1912, sách này nhà Thuận Hòa Chợ lớn in lại năm 1954.
2. Chuyện Tiểu đàm của Phụng Hoàng San và Dương Diếp, bản nhì Sài gòn 1914.
3. Truyện Ông Ó, Bùi Quang Nho, bản 1, nhà in Huỳnh kim Danh. Sài gòn 1913.
4. Kho truyện giải buồn Ba Giai của Nguyễn Nam Thông, Nhật Nam xuất bản 1934.
5. Tú Xuất, quyển 4, Nguyễn Nam Thông soạn, Tân Dân xuất bản 1931.
6. Tú Xuất, quyển 5, Nguyễn Nam Thông soạn, Tân Dân xuất bản 1931.
7. Ba Giai, Tú Xuất, Thế Giới xuất bản (Đồ Nam), quyển 1 (không ghi năm in).
8. Ba Giai, Tú Xuất, Thế Giới xuất bản (Đồ Nam), quyển II (không ghi năm in).
9. Cổ tích nực cười, Nguyễn Quỳnh soạn, tác giả tự xuất bản 1957.
10. Tân tiểu lâm, Lò Léc Du Du I, Lạc Sinh, nhà in Phạm Văn Tươi, in năm 1952.
11. Cống Quỳnh (quyển 1 và 2) Nhơn Ái, Thuận Hòa xuất bản, in năm 1957.
12. Chuyện Khôi hài, Trương Vĩnh Ký, bản in nhà hàng C. Guillant et Martinon, 1882.
13. Chuyện tiểu lâm và cổ tích, Công Thành sao lục, Phạm văn Mạnh quyển I in năm 1950.
14. Chuyện tiểu lâm và cổ tích, Công Thành sao lục, quyển 2 in năm 1950.
15. Tiểu lâm Việt Nam Cử Tạ, nhà sách Khai Trí in năm 1968.

16. Chuyện tiểu lâm Lý Đình Dù, Hương Giang xuất bản (quyển 1) năm 1970.
17. Tiểu Lâm Giao chỉ Lý Đình Dù, Chiêu Dương xuất bản (quyển 2) in năm 1970.
18. Tiểu lâm Tân thời Lý Đình Dù, Chiêu Dương xuất bản (quyển 3) in năm 1970.
19. 101 chuyện cấm cười Tú Xe, Khai Trí in năm 1970.
20. 102 chuyện cấm cười Tú Xe, Khai Trí in năm 1970.
21. 103 chuyện cấm cười Tú Xe, Khai Trí in năm 1970.
22. 1001 chuyện cười Bửu Kế, nhà Khai Trí xuất bản năm 1969.
23. Văn số 169, Tưởng niệm Phạm Duy Tồn in năm 1970.
24. Văn học số 112 (Ấn quán Văn Học Sài Gòn) 1970
25. Tiểu Lâm An nam do Thọ An soạn, bản Ích Ký, cuốn 1 in lần 3, năm 1924.
26. Tiểu Lâm An nam do Thọ An soạn, bản Ích Ký, cuốn 2 in lần 3, năm 1924.
27. Tiểu Lâm An nam do Thọ An soạn, bản Ích Ký, cuốn 3 in lần nhứt, năm 1918.

Loại sách chữ Pháp

28. Recueil de bons mots historiques, M. Glomeau, Paris 1918.
29. T.S.V.P.J.W. Bienstock et Curnonsky, Ed. Crès, Paris 1924.
30. Le compartiment réservé par Bobèche, le livre de l'avenir, Paris.
31. Le compartiment des dames seules par Bobèche.
32. N.1 Collection Anas, Gallimard, Paris. Histoires enfantines 1925.
33. N.3 Histoires de vacances 1925.
34. N.5 Histoires anglaises 1925.

- 35. N.7 Histoires théâtrales 1925.
- 36. N.9 Histoires gauloises 1925.
- 37. N.13 Histoires littéraires 1916.
- 83. N.15 Histoires pour la plage 1926.
- 39. N.17 Histoires de chasse 1926.
- 40. N.19 Histoires pour jeunes filles 1926.
- 41. N.23 Histoires Médicales 1927.
- 42. N.25 Histoires judiciaires 1927.

*Cuộc đời nghĩ chẳng là bao ;
Tội gì hay khóc, làm sao không cười ?
Trăm năm cái cõi đời người.
(trích cuốn G. Cordier tr.326)*

*

*Có ai mua cười ra mua !
Cười cay, cười ngọt, cười chua, cười bùi :
Cười buồn lại có cười vui,
Cười trăm nghìn sự mua cười ra mua !
(trong sách Cordier, tr.328
Sơn Phong, sách xem tết Mậu-thìn).*

*

*Này cười đi, này cười đi !
Đừng ngồi sị mặt làm chi nữa ngài !
Người đâu như khóc than hoài !
Không cười kiếc, để cho người ta vui !
(Cordier, sách xem tết Mậu-thìn)*

*

*Một ánh trăng trong, trong lòng chậu nước,
Một đôi mắt ướt trên mặt xinh xinh,
Mắt kia chứa mấy nhiêu tình,
Không cười kém đẹp, cô mình biết chưa ?*

*

*Một hột nước trong, trong lòng lá thắm,
Một tia nắng ấm tắm trọn căn nhà,
Hoa, trăng đừng úa chó tà,
Tiếng cười như đã một và lòng ta.*

1. Chuyện Ký Viên

Ông Ký Viên, thưở còn đi học, dạo ra ngoài đồng, thấy có ba ông già chừng bảy tám mươi tuổi, tóc râu trắng bạc, lum khum¹ cuốc đất, công việc làm như kẻ còn trai.

Ông Ký Viên hỏi : « Ba ông tuổi tác chừng ấy, tiếp dưỡng thể nào mà sức lực còn mạnh thế ấy ? »

Một ông trả lời : « *Thất nội cơ thô xú* » (nghĩa là trong nhà vợ thô kém).

Một ông đáp rằng : « *Văn phạm giảm số khẩu* » (nghĩa là cơm chiều bớt và miếng).

Ông thứ ba đối lại rằng : « *Dạ ngọ bất phúc thủ* » (nghĩa là đêm nằm chẳng úp đầu).

Ông Ký Viên bèn nối ba câu ấy mà rằng : « *Chỉ tai tam tẩu ngôn, Sở dĩ thọ trường cửu* » (nghĩa là : ý chỉ thay lời ba già, chỗ do sống lâu xa).

Chính là lời dạy người ta muốn hưởng tuổi xa, thì phải tiết ẩm thực, việu sắc dục, vẫn hiệp với lời Tiền Kiên ca rằng :

*Thượng sĩ dị phòng,
Trung sĩ dị bị,
Phục được bách lỏa,
Bất như độc ngọ.*

Nghĩa là : Kẻ thượng sĩ riêng phòng, kẻ trung sĩ riêng mền ; uống thuốc trăm viên, chẳng bằng năm riêng. Đính vận cả hai bài ca :

*Thất nội cơ thô xú,
Văn phạm giảm số khẩu,
Dạ ngọ bất phúc thủ,
Chỉ tai tam tẩu ngôn,
Sở dĩ thọ trường cửu.*

Trích « Chuyện giải buồn » cuốn sau.

Của ông Huỳnh Tịnh Của.
Bản in Quán Hạp năm 1895, trang 5)

*

Lời bàn thêm. – Bài này ý vị thâm trầm, lời lẽ trang nhã, bằng mấy thang thuốc bổ, đáng ghi vào đầu cuốn sách này. Chuyện gọi giải buồn, tức là để đọc cho vui. Muốn vui mà ép buộc ba điều : già không nên có vợ đẹp, già không nên ráng ăn quá mức buổi tối ; rớt hết, già không nên nằm sấp mặt, (tức cấm làm cái việc đó !) (giảng như vầy đã thấy tục rồi). Nếu ai áp dụng đủ ba phương pháp này, thì khỏi đau lưng, khỏi đau bao tử, và không bao giờ mắc tim phồng !

2. Cây đơn

Một ông về hưu đã lâu, nhân buổi chợ, định ra mua cây đơn về giồng để lấy lá làm thuốc. Cả dãy hàng cây, chỉ có một hàng có cây đơn thôi.

Ngài hỏi : « Cây này bán bao nhiêu ? »

- Ngài muốn mua ? Người ta thì bán rẻ, chứ ngài... tôi xin mười nén...

- Cây có bằng một tí, lơ lơ vài cái lá... Sao nói thách với tôi ?

- Ngày trước bất cứ to nhỏ, ngài cũng lấy mỗi lá đơn là một đồng...

- Kìa ! Lý cật bây giờ về bán cây đấy à ?

Kim Xuyên (Văn cười)

*Trích cuốn Morceaux choisis d'auteurs annamites
của ông G. Cordier. bản in Lê Văn
Tân. Hà nội năm 1935, trang 322.*

*

Thiệt là sâu sắc, miễn phê bình, ngọt thanh như cam xứ Đoài.

3. Ông điếc đi mừng tuổi

Ông vừa bước vào nhà, con chó sủa. Chủ nhân ở trong nhà nghe chó sủa vội chạy ra. Ông trách ngay chủ nhân :

*Đầu năm năm mới đến nhà ông,
Đã bắt đầu ngay gặp sự rông :
Con chó cứ nhìn mình mà ngáp,
Thế thì nông nổi có buồn không ?*

Ông kia hiểu ngay, liền ghé vào tai ông điếc mà nói to : « Xin quan bác tha lỗi. Con chó này tôi mua ở làng Bẹp về đây, sáng hôm nay nó chưa được hút ».

Ông điếc gật gù mà nói : « Thảo nào... »

*Sơn Phong (Sách xem tết năm Canh ngọ)
Cordier - Morceaux choisis d'auteurs annamites.
Lê Văn Tân. Hà nội 1935, tr.326.*

*

Lễ bái tổ đã xong, tôn sư dạy, ăn chay gặp bữa tiệc vĩ vèo, cứ nuốt ba vắt cơm lạt, rồi được phép nhúng đũa vào đồ mặn, không tội vạ chút nào, miễn người đi tới đâu thì mình đi tới đó.

Lễ đã đủ lễ, từ trang này sắp sau ² ; nói tục mới là tiểu lâm. Các bà ưa mắc cỡ, xin xếp sách đừng đọc nữa, để gặp nhau còn chào.

*Gia đình, Vân đường phủ
8-12-1970.*

4. Sửa mũ mấn

Có hai anh học trò, một tên Dương Thăng, một tên Lý Diệp, rủ nhau đi thi. Trên đường thiên lý, Lý Diệp cỡi ngựa chạy sau, thấy đuôi ngựa Dương Thăng gió thổi phất phơ đẹp lắm, bèn nói với tới rằng : « Để tôi ra cho anh một câu đối, anh đối chơi đỡ buồn ».

- Chú ra đi, tôi đối cho.

Lý Diệp ra câu đối như vậy : « *Phong xuy mã vĩ, thiên điều tuyến* ». (Gió đưa đuôi ngựa, ngàn lông mướt).

Dương Thăng ngó quanh ngó quất, bỗng thấy có bày trâu đưng đứng ăn cỏ dưới bầu trời mưa lún phún, liền ngụ ý đối lại rằng : « *Võ sái ngư đầu, vạn điểm sương* ». (Mưa rưới đầu trâu, muôn điểm sương).

Làm được hai câu như vậy, cả hai đều mừng, vừa ý nhau lắm, chắc phen này làm gì cũng đậu. Chạy được một đôi xa, vừa tới một ngôi miếu cũ, bỗng thấy có một ông già tóc râu bạc phơ, có vẻ tiên phong đạo cốt, đón đầu ngựa tay cầm quạt lông, thi lễ mà rằng : « Xin hai thầy dừng ngựa lại, già muốn nói một đôi điều ».

Hai người lật đật xuống ngựa. Ông ấy nói rằng : « Hai thầy quả bực cao tài, chuyến này đi thi ắt đậu cao. Khi này tôi nghe và lấy làm thích thú, một thầy ra cũng hay mà thầy đối lại cũng xứng. Mà phải chi hai thầy cho phép tôi sửa lại đôi chữ thì là hay vô cùng. Vì theo tôi hiểu, làm sao hai thầy dám chắc đuôi ngựa đếm một ngàn sợi lông, còn hột mưa đủ một muôn hột ? »

Hai anh học trò kinh hãi, vái dài mà rằng : « Xin ông dạy giùm chúng tôi ».

Ông già nói : « Theo ý già, thì như vậy. Câu ra : *Phong xuy mã vĩ điều tuyến*. (Gió đưa đuôi ngựa lông lông mướt). Còn câu đối lại thì : *Võ sái ngư đầu điểm điểm sương*. (Mưa rưới đầu trâu điểm điểm sương) ».

Hai người nghe rồi càng thêm kinh sợ, chắp tay hỏi : « Chẳng hay ông là người gì và ở đâu ? »

Ông ấy rằng : « Nói thiệt, tôi là ông thần ở tại cái miếu này ».

Hai người nghe rồi liền lạy mà rằng : « Xin ông dạy thêm, giúp hai anh em chúng tôi chuyển này đi thi cho đậu ».

Ông thần lấy tay khoát khoát mà rằng : « Tôi nói không lẽ hai thầy lại cười, chớ thuở nay, tôi làm ra thì không đặng, song có một điều ai làm sẵn tôi đút tay vô sửa mũ mấn³ thì hay lắm ! ».

*Thuật theo Phụng hoàng San và Dương
Diếp. Truyện tiểu đàm, xuất bản năm 1914.
Saigon. Nhà in de l'Union, trang 5.*

5. Dương phù âm trợ

Có một anh, yếu như sên, nhát như cáy, đi thi cử vũ không đỗ. Đến sau, nhờ có thần thể, lo chạy được bổ chức phó lãnh binh. Khi đi đánh giặc, mới trông thấy hơi bóng giặc, đã cắm đầu ù té chạy. Giặc đuổi theo, anh ta sợ run cuống cẳng, chạy không được. Sắp sửa bị quân giặc bắt, bỗng tự nhiên nghe có tiếng bảo rằng : « Có ta đây, đừng sợ ! ».

Anh ta ngoảnh cổ lại nhìn, thì không thấy giặc đâu nữa, mà cũng chẳng thấy ai cả. Mới chấp tay vái rằng : « Không biết ông thần nào anh linh, cứu tôi khỏi chết vậy ? »

Tiếng văng vẳng nói : « Ta là thần bia đây ! »

- Vậy chứ tôi có công đức gì cảm động đến ngài, mà ngài cứu tôi ?

- Ta cứu nhà ngươi là vì rằng : Kỳ thi vũ mới rồi, nhiều người bắn ta khổ lắm ; duy chỉ có một mình nhà ngươi là không nữ bắn trúng ta mà thôi, cứ bắn ra ngoài xa cả. Bởi thế cho nên bây giờ ta giã ơn nhà ngươi đây !

*Trích Tiểu lâm Thọ An. Bản Ích Ký. Hà nội,
Năm 1924, số 24 trường 30.*

6. Ông thần bia (Xem bài số 5 trước)

Cũng một đề tài : « Dương phù âm trợ », đây là một bài thuật theo giọng miền Nam, tôi xin chép y nguyên văn, rút trong bốn Tiểu lâm Phụng hoàng San, do nhà Phát Toán in năm 1912 tại Sài gòn, bài ấy như vầy :

« **Ông thần bia.** – Có anh thi võ cử mà không đỗ, sau nhờ người đỡ đầu đặt làm chức tầm thường. Khi ra đánh giặc thua chạy, bị giặc đuổi nà, xảy nghe có tiếng kêu rằng : « Có ta trợ lực đây ! » Ngó lại thì giặc đã về hết. Anh ta chấp tay mà vái rằng : « Chẳng hay ông thần chi cứu tôi khỏi chết ? ». Tiếng nói lại rằng : « Ta là thần bia đó ! ». Hỏi : « Tôi có đức chi mà cảm động tới ông thần bia, nên ông cứu giúp tôi ? ». Nói : « Cái đó là ta trả ơn cho nhà ngươi, vì trong hội thi võ, nhiều người bắn ta lắm, duy có một mình nhà ngươi nới tay mà thôi. »

*Tiểu lâm Phụng hoàng San. Nhà Phát Toán
Sài gòn in năm 1912, trang 3.*

Sau đây, cũng một đề tài « Tánh người hoãn đãi », tôi sao y hai bài này :

7. Ăn nói khoan thai (số 29 bản Thọ An)

Ngày xưa có một người nuôi phải thẳng đày tứ tính hay lấu tấu, chưa đặt đít đã đặt mồm, bạ đâu nói đấy, chẳng ra đầu đuôi làm sao cả.

Một hôm thầy mắng tứ rằng : « Từ rày không được ăn nói hấp tấp như thế nữa. Nói câu gì phải cho có đầu có đuôi, chứ không được nói nhăng nói nhít ».

Một nhát, người chủ ngồi ăn thuốc lá, tàn thuốc rơi vào áo nhiễu. Thẳng đày tứ trông thấy mới ra đứng khoanh tay, nói thông thả rằng : « Thừa thầy... trứng con ngài... đem ủ... nở ra... con tằm... Con tằm... kéo kén... Kén... ươm tơ... Tơ đem ra... kẻ chợ... bán... Người ta... mua về... bán lại cho... chú khách... Chú khách... đóng hòm... chở về Tàu... Bên Tàu... mới đem... dệt thành nhiễu... Thành nhiễu rồi... đóng hòm... lại chở... sang bên... An nam. Cửa hàng ta... buôn về... bán lại... Thầy mới đi mua... đem về nhà... gọi... thợ may đến... cắt áo... khâu xong... thầy mặc... thầy ngồi... ăn... thuốc lá... tàn thuốc... rơi... cháy kia kìa ».

Anh chủ vội vàng trông xuống, thì áo đã cháy mất một mảng to. Giận quá mắng thẳng ấy rằng : « Sao mày không bảo ngay, mà mày nói lời thôi thế ? »

Nó thưa rằng : « Vừa ban nãy, thầy mới dặn con phải ăn nói cho có đầu có đuôi ».

*Tiểu lâm An nam. Thọ An soạn Ích Ký Hà nội
Xuất bản lần 3. 1924, tr.41.*

8. Tánh người chậm lụt (số 13 bản Phụng hoàng San)

Mùa đông lạnh, anh kia đương vầy lửa mà hơ và uống rượu cho ấm. Xảy có người khách tới, tánh người chậm lụt lắm. Anh chủ mời ngồi uống rượu, uống được vài tuần, anh khách thủng thẳng nói rằng : « Tôi... có thấy... một chuyện... hồi... mới... vô...tới... bây... giờ... tôi... muốn... nói... sợ... tánh... anh... nóng... nảy... bằng... không... nói... thì... sợ... thiệt... hại... cho... anh... không... biết... nói... phải... hay... là... làm... thình... phải ? »

Chủ nhà nói : « Chuyện chi anh nói phứt đi mà nghe ! »

Anh nói : « Tôi... ngó... thấy... cái... ché... áo... anh... nó... chấ... vô... lửa ! »

Anh nọ lật đật vén áo đứng dậy, thì ngón⁴ đã hết nửa cái rồi.

Anh giận mà trách rằng : « Sao anh không nói sớm ? »

Anh khách trả lời rằng : « Họ... nói... tánh... anh... nóng... thiệt... quả... như... vậy ! »

*Tiểu lâm Phụng hoàng san.
Saigon. Bản 1912, trường 8.*

9. Tánh trầm tĩnh của người Hồng mao⁵ (T.S.V.P. tr.149)

Bài số 29 bản Thọ An (Hà nội) nói về *cách ăn nói khoan thai* (xuất bản lần thứ 3 năm 1924) đối chiếu với bản Phụng hoàng San, Sài gòn in từ năm 1912 viết về *tánh người chậm lụt*. Nay thấy trong quyển T.S.V.P (Tournez s'il vous plait)⁶ in từ năm 1924, một bài như sau tả tánh trầm tĩnh của dân xứ tóc đỏ, xin đăng luôn để tiện so sánh :

Một người Pháp tên Jules Janin, sang qua kinh đô nước Hồng mao, vào một quán rượu của một người đồng hương, ngồi thư thả uống rượu khai vị nơi một bàn nọ, mắt chăm chỉ đọc một tờ báo trải trước mặt. Có một bọm nhậu tóc đỏ cũng đang ngồi nhăm nhi gần đó, xảy gọi tên hầu sáng đến gần và chậm rãi hỏi : « Này anh, anh có biết tên họ ông chi chi đang ngồi hút xi gà và đọc báo bên cạnh lò hơi kia chẳng ? »

- Thưa ông, tên bồi nói, tôi không biết ạ !

Bọm nhậu ta bèn đến gần bàn tính tiền, hỏi hòa hoãn chị giữ kết, cũng y hệt câu ban nãy : « Thưa cô, cô biết danh tánh ông chi chi đang ngồi kia kìa vừa hút xi gà vừa đọc nhựt trình đó đó ? »

Cô công-táp nhỏ nhẹ trả lời rằng đó là khách chưa đến quán lần nào nên cô không biết là ai mà nói.

- Tôi cần gặp ông chủ quán, bọm nhậu ta nói.

Chợt chủ quán từ trong bếp đi ra, bọm nhậu được cô giữ kết chỉ, lại tiếp tục hỏi câu nãy giờ : « Chủ quán có thể cho tôi biết quý danh quý tánh của vị khách đang ngồi đọc báo hút xi gà đằng kia chớ ? »

Chủ quán lịch sự đáp : « Thưa ông, đó là một ông khách lạ, mới đến đây lần thứ nhứt, nên tôi chưa được biết tên họ, xin mời ông hỏi ngay vị đó là tốt hơn ».

Chừng ấy, bọm nhậu ta bèn đến gần bàn người khách ngồi và trịnh trọng hỏi : « Thưa vị khách đang ngồi thường thức mùi xi gà ngon cạnh lò

sưởi, có thể nào ngài cho tôi biết đại danh quý tánh ? »

- Dạ thưa, anh Pháp trả lời, tôi tên là Jules Janin. Ông có chi cần dạy bảo ?

- Dạ thưa, bợm nhậu lễ phép trả lời, tôi cần cho ông Jules Janin hay rằng cái áo ngự hàn của ông đang cháy.

Ấy phép lịch sự của Hồng mao là thế, chỉ tiếp chuyện khi biết được tên người mình muốn tiếp xúc.

Sau đây là ba bài tiểu lâm Tây, cho ta thấy tánh người đàn ông Pháp :

10. Lửa cháy nhà

Một tên đày tớ hớt hơ hớt hải, chạy báo tin cho ông Budé, là một nhà thông thái danh tiếng, rằng có lửa cháy tại nhà, ông trả lời tỉnh khô : « Hãy đi về báo cho bà chủ mi hay ! Mi phải biết, về việc gia đạo, ta không bao giờ cần biết đến ! »

11. Từ Hôn

Một thanh niên được nhà đại văn hào Corneille hứa gả con. Việc bất thành, vì có việc trắc trở, anh đành từ hôn, nên đến tìm cho Corneille biết. Nhà đại văn hào trả lời : « Ấy, đừng làm rộn tôi ! Xin hãy lên lầu mà thương lượng với mẹ ở nhà, coi mẹ tính sao. Mấy việc như vậy, tôi xin không biết tới ».

12. Màng lo viết văn

Nhà văn Frédéric Morel đang mãi say mê dịch cổ văn của Libanius. Có tin nhà cấp báo, phu nhơn bịnh nặng từ lâu, nay muốn gặp mặt chồng trần trối đôi lời.

- Về trước đi, Morel nói, còn hai đoạn này nữa, dịch xong là về ngay tức thì.

Một lát sau, có tin báo vội, bà đang trở mình, hấp hối.

- Cứ về đi, còn hai chữ nữa thôi. Về đi, là tôi theo kịp liền.

Liền khi đó, tin báo bà đã thở hơi cuối cùng.

- Ai ta hồ hiên phụ ! Tội nghiệp dữ chưa ?

Miệng nói vậy mà Morel ngồi lý không rời bản dịch.

Tôi xin chép luôn ra đây ba bài văn pháp để tiện tra cứu :

Un domestique court tout effrayé dans le cabinet du savant Budé, lui dire que le feu est à la maison. « Eh bien ! lui répondit-il, avertissez ma femme. Vous savez bien que je ne me mêle pas du ménage ».

(Recueil de bons mots historiques, 15^e mille, 1918, paris, M. Glomeau édit, page 150).

*

Un jeune homme auquel Corneille avait accordé sa fille en mariage, étant, par l'état de ses affaires, obligé d'y renoncer, vint le matin chez le père pour retirer sa parole et, arrivant dans son cabinet, lui expose les motifs de sa conduite.

- Eh ! Monsieur, réplique Corneille, ne pouvez vous, sans m'interrompre, parler de tout cela à ma femme ? Montez chez elle, je n'entends rien à toutes ces affaires là.

Sách dẫn thượng, trang 150.

*

Frédéric Morel travaillait à traduire Libanius, lorsqu'on vint lui dire que sa femme, qui languissait depuis quelque temps, était bien malade et qu'elle voulait lui parler. « Je n'ai plus, dit-il, que deux périodes à traduire et après cela j'irai voir ». Un second commissionnaire vint lui annoncer qu'elle était à l'extrémité. « Je n'ai plus que deux mots, dit Morel, allez retourner vers elle, j'y serai aussitôt que vous. » Un moment après, on vint lui rapporter qu'elle était morte. « J'en suis très fâché, dit-il, c'était une bonne femme ». Et il continua son travail.

Sách dẫn thượng, trường 149.

13. Nghe qua thì biết

Có một ông nhà giàu nọ đã rít róng lại thêm dốt nát, sanh được một đứa con trai đã bảy tuổi đầu mà chưa cho vào trường học tập. Một người khách đến nhà chơi thấy vậy hỏi : « Con ông nó cũng trộm^z, sao ông chưa cho đi học ? »

- Sợ nó còn nhỏ, ông nói, vô trường học sợ học trò lớn ăn hiếp.

- Vậy thì, khách nói, ông rước thầy về nhà cho nó học.

- Sợ nó chưa có trí, ông nói, biết học đặng hay không ?

- Có khó gì, khách tiếp, thầy sẽ tùy theo sức nó mà dạy. Ví dụ : Nay dạy nó chữ NHỨT là một, một ngang, nó thuộc rồi, qua ngày mai người ta dạy nó chữ NHỊ là hai, hai ngang, nó thuộc, qua bữa mốt, người ta dạy nó chữ TAM là ba, ba ngang, lần lần như vậy thì nó phải biết chữ.

Khách ra về, thằng con ra nói : « Thôi cha đừng rước thầy về tốn kém, mấy chữ ấy con đã thuộc rồi. »

Người cha biểu nó viết thử chữ NHỨT là một đến chữ TAM là ba, thì nó đều viết được hết thầy. Cha nó khen giỏi rồi biểu nó viết chữ VẠN là muôn, nó nói để thùng thặng cho nó viết. Cha nó đi xóm một buổi, về hỏi nó viết rồi chưa ? Đứa con đáp : « Thưa cha, chữ Vạn mất quá, con viết gần trọn nửa ngày mà mới đặng có năm trăm ngang mà thôi ! »

*Thuật theo bài số 3 của
bản Phụng hoàng San, năm 1912.*

14. Cha dạy con

Có một ông thầy dạy đạo kia, như thấy ông chủ nhà mình đang ngồi dạy học, giàu có muôn hộ cơm ăn không hết, còn gia đạo mình thì bần hàn túng thiếu, nên có ý muốn đem con mình theo ở chung ăn học để khỏi tốn cơm nhà. Bữa nọ sẵn dịp thẳng con ông chủ nhà quên mặt chữ, thầy mới nhắc khéo : « Phàm học trò thì nhờ có bạn tác nó nhắc nhở nhau, và nông trí đua bơi học tập. Tôi có một đứa con, phải chi nó được ở gần, cặp xách bầu bạn với cậu em, hầu có quên thì nó nhắc ».

Ông chủ liền căn dặn sang năm thế nào thầy cũng nhớ đem trò nhỏ theo.

Thầy về thăm nhà và kêu đứa con ra dặn trước : « Tao khoe mày bên ông chủ là mày học hành sáng láng, nhưng tao biết mày ngu độn hơn ai hết. Vậy tao cho mày ba chữ này mày hãy ráng nhớ cho thuộc lâu để nữa trước mặt ông chủ, tao hỏi lại thì mày phải trả lời cho thông, như vậy thì mới mong ở được. Ba chữ ấy là chữ *cơm*, chữ *mền* và chữ *cha* ».

Cha con giáp lối xong rồi, đứa nhỏ học hèn lâu, thầy mới dắt qua bên. Cơm nước xong xả, ông chủ đem sách ra cho nó đọc thì nó không đọc được chữ nào, thậm chí chữ *nhứt* một nét ngang, nó cũng không biết !

Thầy bào chữa cho con : « Tánh nó nhát, ông hỏi nó khớp, nên trả lời không được. Vậy để tôi viết ra đây ít chữ, thử nó đọc cho mà xem ».

Nói rồi, thầy viết chữ *mền*, hỏi nó chữ gì ? Nó đứng ngó trân không nói. Thầy nhắc khéo : « Vậy chớ ban đêm khi ngủ, mày đắp bằng giống gì ? »

Nó cứ tình thật nó nói : « Đắp bằng chiếu manh ! »

Thầy giận viết chữ *cơm* hỏi nó, nó vẫn trơ trơ. Thầy nhắc : « Vậy chớ thường bữa mày ăn giống gì ? »

Nó đáp tình bơ : « Ăn tấm mần ! »

Thầy giận quá, viết chữ *cha*, hỏi nó : « Còn chữ gì đây ? Nó lại u ở
ngơ ngáo ». Chán quá, thầy hỏi : « Vậy chớ mẹ mầy, tối ngủ với ai ? »

Nó đáp gọn băng : « Ngủ với ông Xã ! »

*Thuật lại chuyện số 5 (trường 4)
bản Tiểu lâm Phụng hoàng San,
In năm 1912 Sài gòn.*

15. Thằng bé ngu tối

Có một thằng bé ngu tối quá. Mẹ nó đem gửi ở nhà ông thầy cho nó học. Thầy dạy nó câu gì, nó cũng không nhớ, bảo nó cái gì, nó cũng đều quên. Dạy mãi, mới biết được : Cái ống nhổ, cái hỏa lò, và cái cấp thiêu⁸, còn ngoại giả chẳng biết một tý gì nữa.

Một hôm, có ông Đề là bạn của ông thầy dạy học, đến chơi. Nó cũng không chào. Ông thầy mới mắng : « Cự Đề là bạn tao, thì cũng như tao. Sao cự ấy đến chơi mà mầy không chào ? Thế là vô phép. Hể bạn sau mầy thấy cự ấy thì mầy phải chấp tay lại mà chào : Lạy cự Đề ạ ! Nhớ chưa ? »

Thằng ấy xin vâng. Từ ngày ấy, hễ nó thấy ông Đề đến, thì nó chấp hai tay lại, chào : « Lạy cự Đề ạ ! » Bạn nào cũng thế.

Một hôm nó về chơi nhà. Mẹ nó muốn thử xem con học hành tấn tới thế nào, mới đi lấy cái điếu đem ra hỏi con rằng : « Cái này là cái gì ? »

Thằng bé nói : « Cái ống nhổ ! »

Mẹ nó chán quá, lại lấy cái ấm bình tích, hỏi nó : « Cái này là cái gì ? »

Nó trả lời : « Cái hỏa lò ! »

Giận lắm, lấy cái cối trầu, hỏi nó : « Cái này là cái gì ? »

Nó trả lời : « Cái cấp thiêu »

Mẹ nó điên ruột, tức ngược váy lên, hỏi gắt rằng : « Thế thì cái này là cái gì ? »

Thằng bé chấp hai tay lại, mà chào rằng : « Lạy cự Đề ạ ! »

*Bài số 28 trong 40, trong Tiểu lâm
An nam của Thọ An. Quyển 1.
Ích Ký 1924.*

16. Giấu cà

Một lão cà ruộng kia, tới buổi, vợ kêu về ăn cơm, lão nói lớn lên rằng : « Khoan đã ! Để tao giấu cái cà đi đã rồi sẽ về ».

Vợ dặn : « Giấu cà thì phải làm thình, chớ ông la lớn chúng nghe nó ăn cắp đi còn gì ? Từ rày sắp lên đưng có nói lớn như vậy nữa ».

Về ăn rồi trở ra thì quả thật chúng đã lấy mất cái cà. Lão lật đật chạy về giõ miệng vào lỗ tai vợ mà nói nhỏ rằng : « Họ ăn cắp cái cà rồi mụ à ! »

*Bài số 17 trường 10 trong
Tiểu lâm Phụng hoàng San,
in năm 1912. Sài gòn.*

Cùng một đề ấy, đây là bản Bắc :

17. Ông già thật thà

Có một lão già thật thà quá. Một hôm cày ruộng ở ngoài đồng. Đến bữa cơm, bà vợ ra cổng đứng gọi to lên rằng : « Ông ơi, cơm chín rồi, đi về mà ăn ».

Ông lão cũng nói to lên rằng : « Ừ, để tôi giấu cái cày vào trong bụi tre đã, rồi tôi về ».

Đến khi về, vợ bảo chồng : « Giấu cày thì cứ im mà giấu, sao ông lại kêu rống lên thế, người ta biết, người ta có lấy mất không ? Từ rày giờ đi, ông đừng có nói to thế nữa nhé ! »

Ông lão gật đầu : « Ừ, từ rày tôi không nói to nữa ».

Ăn cơm xong, ông lão giở ra đồng, vào bụi tre tìm cày thì không thấy cày đâu nữa, người ta ăn cắp mất rồi. Vợ vàng chạy về, ghé mồm vào tai vợ mà nói rằng : « Người ta ăn cắp mất cái cày rồi, bà mà ạ ! »

Bài số 36, tr.6 quyển II,

Tiểu lâm Thọ An.

Ích Ký xuất bản năm 1924.

18. Tướng là gì ?

Có hai bác tính hay sợ vợ, cùng ở lán giềng với nhau. Một hôm, bác nọ, vợ đi vắng ; ở nhà giờ mưa, có váy vợ phơi, quên không cất vào, để mưa ướt cả. Khi vợ về, nó chửi cho một trận đê nhục, chán rồi, nó đánh cu cậu tối tăm cả mắt mũi lại. Bác bên cạnh thấy bác kia vợ đánh chửi tệt như vậy, mới lẩm bẩm rằng : « Đ... mẹ kiếp ! Chẳng phải tay ông... »

Vợ nghe thấy, trợn mắt lên, hỏi dồn rằng : « Phải tay ông, thì ông làm gì hử ? Ông làm cái gì ??? »

- Phải tay ông, thì ông... cất trước lúc giờ chưa mưa, chứ gì !...

Bài số, 1 tr.5 quyển I. Tiểu lâm Thọ An.

Hà nội. Ích Ký năm 1924. in lần 3.

19. Hai anh sợ vợ

Hai thằng cha kia hay sợ vợ, ở kề một bên nhau. Bữa nọ phơi đồ, sao để quên mưa ướt đi. Con vợ nó mắc lục đục trong bếp, nhớ trực lại đồ phơi ngoài sào, thì hối nó ra mà lấy vô. Con mẹ nó mắng nó nhiếc, rồi nó xỉ vả nó lại vác cây nó đập cho, chạy mất. Qua bên nhà anh kia ; ở bên nói chuyện. Người kia hỏi : « Chớ giống gì, mà chỉ mắng chỉ chửi làm om bển vậy ? »

- Tôi quên đem đồ vô, nó rầy tôi.

- Tốt kiếp thì thôi, thế ! Anh đó, chớ tôi ấy thì...

Con vợ nghe nổi xung, ở trông xách cây chạy ra hỏi : « Chớ tôi... thì... sao ? »

Thằng chồng sợ, nói : « Không mà, tao nói : Anh đó chớ, chớ tôi, thì tôi đem vô trước hồi chưa mưa kìa chớ ! »

*Bài số 22 trong 33 trong tập
« Chuyện đời xưa » của P.J.B Trương Vĩnh Ký,
xuất bản 9è mille. Tại nhà in Qui nhơn
(An nam) năm 1914.*

20. Thơ cóc

Có ba ông vẫn tự đắc là mình hay thơ nôm. Một hôm, rủ nhau đi chơi chùa, để cùng họa thơ tức cảnh. Nhưng mà đến chùa, không biết làm thơ gì ; mới bảo nhau hãy đưa tiền cho ông tự đi mua rượu và đồ nhắm về đánh chén đã : Hễ rượu vào thì tự khắc thơ ra tuồn tuột ! Mua về, ba ông ngồi bắt chân chữ *ngũ*, gật gù uống rượu, rung đùi nghĩ thơ. Chợt thấy con cóc ở trong xó, nhảy ra. Một ông mới ngâm rằng :

Con cóc trong hang,

Con cóc nhảy ra.

Ông thứ hai họa theo rằng :

Con cóc nhảy ra,

Con cóc ngồi đấy.

Ông thứ ba :

Con cóc ngồi đấy,

Con cóc nhảy đi.

Ba ông cùng vỗ đùi, cười ồ cả lên khen rằng : « Hay ! Hay ! Hay thật ! »

Cười chán rồi, một ông bảo rằng : « Thơ ta tuyệt cú ! Mà ta xuất khẩu thành chương như thế thì tôi e lắm, hai tiên sinh ạ. E rằng Thánh nhân người đã dạy : Ai mà linh khẩu lắm thì chẳng kéo chết non. Vậy ta phải nên liệu trước ».

Hai ông kia lấy làm phải lắm, bèn mời ông tự ra, nói hết đầu đuôi rồi đưa tiền nhờ mua hộ ngay cho ba cỗ ván. Ông tự cầm tiền đi mua. Một chốc đem về bốn cái áo quan. Ba ông hay thơ mới hỏi : « Sao lại mua những bốn cái thế ? »

- Thưa các ngài, tôi mua thêm một cái để cho tôi, bởi vì tôi buồn cười quá, cũng đến chết mất.

*Nguyên văn bài 38, tr.9. Quyển 2,
Tiểu lâm Thọ An. Hà nội 1924.*

21. Ba anh dốt làm thơ

Có ba anh học trò dốt, ngồi nói chuyện với nhau, mới nói : « Mình tiếng con nhà học trò, mà không có làm thơ làm phú với người ta, thì té ra mình dở lắm ».

Mấy người kia mới nói phải. Hè nhau làm ít câu chơi.

Anh thứ nhất thấy *con cóc* ở trong hang nhảy ra, mới làm câu mở như vậy : « *Con cóc trong hang, con cóc nhảy ra* ».

Người thứ hai tiếp lấy : « *Con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó* ».

Người thứ ba : « *Con cóc ngồi đó, con cóc nhảy đi* ».

Lấy làm hay lắm. Rồi nghĩ lại giựt mình, vì trong sách nói : Hễ học hành giỏi, thì sao cũng phải chết. Cho nên tin như vậy mới biểu thằng tiểu đồng ra đi mua ba cái hàng đất để dành cho sẵn đó.

Tiểu đồng lẳng cẳng đi mua, ra ghé quán uống nước, ngồi xớ rớ đó. Có anh kia hỏi nó đi đâu ? Mua giống gì ? Thì nó nói : « Ba thầy tôi thông minh trí huệ, làm thơ hay lắm, sợ lời sách quở, có khi không sống, nên sai tôi đi mua ba cái hòm ».

- Mà có nghe họ đọc thơ ấy không ?

- Có.

- Mà có nhớ, nói lại nghe chơi, coi thử sức nó hay làm sao ?

Thằng tiểu đồng mới nói : « Tôi nghe đọc một người một câu như vậy :

« *Con cóc trong hang, con cóc nhảy ra ;*

Con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó ;

Con cóc ngồi đó, con cóc nhảy đi ».

Anh kia nghe tức cười nôn ruột, mới nói với tiểu đồng : « Mà chịu khó mua giùm cho tao một cái hòm cho luôn trót thể ».

Tiểu đồng hỏi : « Mua làm chi ? »

Lão nọ mới nói : « Tao mua hờ để đó, vì tao sợ tao cười lắm, có khi cũng chết theo ba thầy làm thơ đó nữa ».

*Bài số 49, trường 69. Truyện đời xưa của
P.J.B. Trương Vĩnh Ký, in lần thứ 9è mille
tại nhà in Imprimerie de Qui Nhơn
(An nam) năm 1914.*⁹

22. Bụng không

Một anh học trò gần ngày thi, lo lắng quá sức, đến nỗi ăn không ngon, nằm không ngủ. Vợ, vì ngày xưa học trò thi đều lớn tuổi, vợ anh thấy vậy mới nói : « Tôi coi bộ anh lo thi nó cũng khó bằng tôi lo đẻ ! »

Anh học trò trả lời : « Hứ ! Đẻ coi vậy mà còn dễ ».

Con mẹ cãi lại, hỏi đẻ sao mà dễ ? Anh nói tỉnh khô : « Thứ đàn bà có con sẵn trong bụng, nín hơi rặn thét nó phải ra, cho nên đẻ không khó khiết gì. Chứ như tôi đây, gần ngày thi mà bụng trống chử không, mới lấy gì mà rặn : Thi khó hơn đẻ ».

*Phỏng theo bài số 4
Tiểu lâm Phụng hoàng San.*

*

...Chứ tao đây, ngày thi đã kề mà một chữ trong bụng cũng không có, mới lấy gì mà cho ra ?

...Mấy có con sẵn, mấy rặn thì nó lòi, ngặt tao không có chữ nào, lấy gì cho lòi ?

(Trên đây là những câu nghe lóm và mỗi lần mỗi khác. Cho hay chuyện Tiểu lâm là kho gia tài vô tận của bình dân và của nhiều đời để lại, không rõ ắt ai là tác giả và câu ấy đã có từ lúc nào. Xưa bên Pháp, có tiếng tài ba lỗi lạc nhất thời là ông Voltaire. Nhưng Voltaire tiên sanh, kể về hóm hình và đáo để, có khi thua thặng « vô danh thị » xa lắc. (Il y a quelqu'un qui a plus d'esprit que M. de Voltaire, c'est M. Tout-le-monde. Léon Treich, Histoires Gauloises, Gallimard, Paris)

23. Không chịu thua (chuyện cờ tướng)

Một anh kia, tự phụ là cao cờ, xảy gặp một khách cao thủ hơn, cùng nhau thử đánh ba bàn, đều thua anh khách trọn ba. Bữa sau gặp một bạn hữu hỏi thăm hôm qua đánh được mấy bàn và kết quả ra sao ? Anh ta trả lời : « Chúng tôi đánh cả thầy ba bàn : bàn trước tôi không thắng, qua bàn giữa thì ở bên không thua, đến bàn sau rốt tôi biểu huề nhưng bên không chịu ».

*Tiểu lâm Phụng hoàng San,
bản 1912, bài số 7, trương 6.*

24. Chi nước cờ

Hai người đánh cờ tướng, bất phân thắng bại, ngặt một điều, có một anh đứng ngoài, làm tài khôn, chỉ nước hoà. Anh kia thất nước đồ quạu, đứng dậy xán một bóp tai đau điếng. Anh bị đòn vừa thối lui ít bước, nhưng chứng nào tật ấy, vừa một tay vò má tía lia, tay kia vẫn rán chỉ mà rằng : « Không sập sĩ, bí chết đi còn gì ? »

*Tiểu lâm Phụng hoàng San,
bản 1912, bài số 21, trường 11.*

25. Cờ ngoài, bài trong

Bài số 23, « Chỉ nước cờ », được ông Thọ An, Hà Nội, viết lại như vậy : « Hai anh ngồi đánh cờ chiếu tướng, ăn tiền. Có một anh đứng ngoài, cứ mách bảo hảo ; nói làm sao, cũng không chịu nghe. Một anh phải nước cờ bí sắp sửa thua. Anh đứng ngoài cứ chỉ trỏ, mách nước nọ, xúi nước kia. Anh bí cờ tức mình, đứng dậy, tát anh mách đánh « đốp » một cái. Anh mách, một tay xoa má, còn một tay cứ chỉ vào bàn cờ mà nói rằng : « Kìa ! sao không ghênh sĩ, để người ta chiếu tướng, thua bây giờ ! »

*Tiểu lâm Thọ An, Ích Ký Hà nội xuất bản
năm 1918, quyển 3, bài 82, trường 19.*

26. Ông đồ Nghệ làm thơ

Có một ông đồ, người xứ Nghệ, ra ngoài Bắc kỳ tìm chỗ dạy học. Đi đến một cái đền thờ Đức Thánh Quan, vào xem, trông thấy ở trong cung có tượng Ngài uy nghi ngồi giữa ; Ông Châu vác ngọn dáo ; ông Bình bưng hòm ấn, đứng hầu hai bên, trên án có cái đỉnh, nắp con sấu, ngoài sân có đôi hạc đứng chầu trên lưng rùa ; liền làm bài thơ họa cảnh, trổ trệ ngâm rằng :

*Nọ biết ông chi mặt đỏ gay,
Thế mà hương hỏa bấy lâu nay !
Bên kia chú lái cầm dao quắm ;
Bên này thầy sãi bưng cái khay.
Trên án lò hương con chó đứng ;
Ngoài sân cò trắng đ. cà cay.*

*Tiểu lâm Thọ An, Ích Ký Hà nội năm
1924, số 61 trương 42,
quyển nhì in lần 3.*

27. Bốn anh học trò đặt thơ trong chùa

Bốn anh học trò đi đường, ghé vào chùa chơi. Ngồi coi ba bàn thấy tượng đồ treo thờ đó, mới rủ nhau làm ít câu thơ chơi.

Anh thứ nhất, thấy tượng Quan Đế, thì mở rằng : « *Hơn vương ăn ớt mặt đỏ gay* ».

Người thứ hai, thấy tượng Quan Bình, thì đặt : « *Bên kia Thái tử đứng khoanh tay* ».

Người thứ ba ngó quanh quất, thấy tượng Châu Xương thì đặt rằng : « *Thằng mọi râu ria cầm cái mác* ».

Còn anh thứ bốn ngó ra, thấy con hạc đập lưng qui, thì thêm : « *Ngoài này cò quăm đập cây thay* ».

*Chuyện đời xưa P.J.B. Trương Vĩnh Ký,
in tại Qui Nhơn năm 1914,
bài 50 trang 70.*

*

Lời bàn. – Thầy đồ Nghệ, tha phương cầu thực, mà không bỏ tật hỗn xược, làm thơ tục tũ, không nghe nói kiếm được sở làm. Đến nhà hiền triết, học giả cũng phạm tội bất kính. Tôi chép lấy làm gương tay, nhưng vì mục sưu tập, phải chép đủ. Cò *quăm* là thứ cò dài mỏ mà quáu quáu (Huỳnh tịnh Cửa).

Cây thay, Cắn thay, nguyên tiếng Miên nói trại, chỉ loại rùa lớn con. Tiếng *Cần đước*, cũng tiếng Miên, gọi con rùa, Quận Cần Đước, Cần Giuộc, đều tiếng Miên Việt-hóa ra.

28. Chế giã

Chủ quán kia bán rượu, thường rượu hay chua, uống không đặng. Bữa nọ có ba anh khách đi tới quán biếu dọn tiệc, nhứt là rượu phải cho ngon.

Chủ quán hỏi : « Thịt bóp giã dùng được không ? »

Mấy anh nói : « Ngon lắm ! »

Hỏi : « Đậu hủ nấu giã ngon không ? »

Khách nói : « Nó sần, ngon lắm ! »

Hỏi : « Cải bóp giã, nước lèo chế giã dùng được không ? »

Mấy anh khách thấy hỏi dai, liền nói rằng : « Món nào chế giã cũng là ngon hết, hơi nào mà hỏi từ món ».

Anh ta trở vô dọn tiệc, mấy anh khách ngồi lại ăn, đồ uống rượu, mùi rượu chua áy, ai nấy nhăn mày.

Hỏi : « Quán ! Rượu gì chua dữ vậy ? »

Chủ quán trả lời rằng : « Tại khi nãy các ông nói món nào chế giã cũng ngon hết, nên tôi mới chế trong rượu, còn hỏi làm sao ? »

*Bài số 8 trường số 6 trong
Tiểu lâm Phụng hoàng san,
bản Sài gòn năm 1912.*

29. Phép trị rượu chua

Chủ nhà kia đãi khách, rượu chua quá, nhắm một chút, ai cũng đều nhăn mặt.

Có anh khách nói rằng : « Tôi có phép trị rượu chua trở nên rượu tốt ».

Chủ nhà nghe nói hỏi phăng.

Ảnh bày rằng : « Lót giấy cho nhiều, úp hũ rượu lên trên, lấy thuốc cứu đốt trên đít hũ bảy liều, để sáng ngày mà coi ».

Chủ nói : « Úy ! vậy nó chảy hết rượu còn gì ? »

Khách nói : « Chớ thứ rượu chua, để mà làm quái gì ? »

*Bài số 12 trường số 8 trong
Tiểu lâm Phụng hoàng san,
bản Sài gòn năm 1912.*

30. Hùn vốn đặt rượu ¹⁰

Hai thằng hùn vốn đặt rượu.

Thằng kia hỏi : « Mầy chịu bao nhiêu ? »

Thằng nọ nói : « Tao chịu nước, mầy chịu nếp thì đủ ».

Thằng kia hỏi : « Như vậy rồi để nữa, chia làm sao ? »

Thằng nọ nói : « Tao chẳng hơn thua làm chi, đặt xong rồi, tao chịu nước thì tao lấy ba miếng nước, còn bao nhiêu cái thì để hết cho mầy ! »

*Tiểu lâm Phụng hoàng San,
bài 28 trường 14.*

31. Uống rượu bằng chén con mà chết hóc

Có một anh tính khí rất keo cú. Hễ nhà có giỗ, thì cứ đem những chén « hạt mít » ra để mời khách uống rượu. Một khi, có bạn ở xa đến chơi, anh ta phải thết cơm rượu, cứ lồi cũ giờ ra. Người khách biết ý, đương ngồi uống rượu, tự nhiên khóc hu hu lên. Anh kia ngạc nhiên hỏi làm sao đương vui lại khóc ?

Người khách gạt nước mắt, đáp rằng : « Tôi uống rượu, nhìn thấy chén, thì lại sực nhớ đến người anh em bạn thân của tôi, ngày xưa vì uống bằng chén con như thế này, mà phải chết oan ».

- Làm sao thế ?

- Tại chén nhỏ quá, vô ý nuốt cả chén, cho nên chết hóc !

Anh chủ nhà vội vàng thay ngay chén con, mà lấy chén nhón đem ra.

Trích Tiểu lâm Thọ An, Hà nội.

Ích Ký in lần 2 năm 1918.

Quyển 3 số 108 trương 46.

*

Chén hạt mít. – chén bằng cỡ hột mít, để dùng uống rượu tằm, Có câu ca dao : *Đố ai đánh võng không đưa. Ru con không hát, tôi chừa rượu tằm. Rượu tằm là rượu ngon. Tằm là bọt nhỏ li ti, khi rót từ đáy nổi lên mặt.*

Chén mắt trâu : lớn hơn chén hạt mít, trông bằng mắt con trâu, để uống trà.

Chén tốt, chén quân : chén uống trà (tốt là sĩ-tốt, quân là quân sĩ).

Chén tổng : do « tướng » nói trại ra. Chén lớn để pha trà « ba quân một tổng ».

Tỷ dụ, bộ chén trà vẽ tích « Ngưu manh » có đến hai kiểu, (gồm ba quân một tổng), một kiểu vẽ thẳng mục ngồi lưng trâu với tay chụp nón bị

gió thổi bay, không đề thi ; một kiểu khác cũng vẽ trâu và thừng chăn, kèm câu thi : « Xuân du phương thảo, đồng vịnh ca qui ». Bộ « Xuân du... » ký Trân ngọc, chế năm Kiền long 1736-1795 ; bộ khác ký « Ất tỵ » chế năm Thiệu trị (1845). Năm thứ 5 đời vua Thiệu trị là năm 1845 T.l.

32. Cạo váy

Người kia biểu tên thợ váy tai ¹¹. Thợ váy đau quá, chịu đà không nổi. Váy xong một bên, thợ biểu day qua bên kia. Người ấy nói : « Ủa ! Còn lấy bên nây nữa sao ? Vây mà tôi tưởng lấy hai bên một lượt. Sao mà nó đau thấu bên nây qua bên kia vậy ».

*Bài số 33 tr.25, truyện Tiếu đàm
Phụng hoàng San và Dương Diếp,
in kỳ nhì năm 1914, Sài gòn.*

33. Thầy hù

Anh thầy hù mới ra nghề, cạo đầu cho người khách kia, phạm một dao thì anh lấy một ngón tay đập lại, cho máu đừng chảy, đập hết một bàn tay năm ngón mà hời còn phạm. Anh ta ngừng lại mà nói với khách rằng : « Cái đầu của anh coi vậy mà còn non quá, nên cạo bây giờ chưa được. Để đợi ít năm nữa cho nó già rồi tôi sẽ cạo hết cho ».

Thuật theo bài số 9 tr.6.

*Tiểu lâm Phụng hoàng San,
in năm 1912 Sài gòn.*

*

Lời bàn phụ. – Tại sao người lớp trước ở miền Nam này thường gọi những người chuyên môn cạo đầu váy tai và sau này, làm nghề hót tóc cạo râu, là « *thầy hù* » ? Tôi tra không thấy sách xưa hay nay nào cắt nghĩa hai tiếng này. Và « *thầy hù* » ngày xưa, cũng có nghĩa là « *người hay nói láo* ».

Trong bộ Đại Nam quốc âm tự vị Huỳnh Tịnh Của có ghi :

- HÙ : tiếng nhát sợ, nhứt là nhát con nít, mà giả tiếng cọt kêu.
- một nghĩa khác nữa là rên rĩ : rên hù hù ;
- cọt hù : tiếng cọt hộ vẫn vẫn.

Vả chẳng, ngoài Bắc, gọi « ráy tai » và không dùng tiếng « *thầy hù* ».

Nay trong sách không có, luôn cả hai ông bạn Trần văn Hương và Lê ngọc Trụ cũng bí nốt, và đây là sách tiểu lâm, nên được phép tha hồ chế biến, thêm như thêm nhĩ. Theo tôi hiểu, sự việc như vậy, và xin để cho tôi cắt nghĩa : hồi tôi còn nhỏ, cách nay sáu mươi năm, con nít đi học, lên tới lớp nhứt, dọn thi tiểu học, mà đầu còn cạo trọc lóc trọc lơ, nhẵn nhụi như cái gáo dừa. Tôi nói cạo là cạo bằng dao, chớ không được hót sát như các thầy các sư ngày nay thường làm : đẩy tông-đơ mà không cho đẩy sát ! Các cha chú, người Nam, thì hồi đó còn để tóc dài bối lại. Người các chú ¹² thì

để bím, thắt « bì bì » (đuôi sam), cạo tóc chung quanh sạch bót ; còn học trò thì cạo trọc, chỉ có độ vài mươi người làm việc cho Tây, gọi mấy ông mấy thầy, thì tóc hớt ngắn, cho nên nhắc lại, lối năm 1910, bọn đi cạo đầu dạo từ xóm này xóm kia, dân chúng đặt cho cái tên lạ lạ, là « thầy hù ». Cho đến năm 1911 (Tân hợi), dân Trung quốc làm cách mạng, lật đổ nhà Mãn Thanh, cắt đuôi bím và để tóc hớt cụt theo kiểu Tây phương, từ ấy bọn « thầy hù » bót nghề cạo đầu, và mới đổi ra nghề hớt tóc như ngày nay vậy. Tuy bỏ nghề cạo đầu chớ vẫn giữ nghề cạo râu và váy tai, lấy cứt ráy. Thầy hù váy tai lấy cứt ráy thì khỏi nói, họ làm nhẹ nhàng khéo léo, và đang khi người được váy tê mê tâm thần – gửi hồn trên mây – thì thầy hù kéo lông váy ra, bịt lỗ tai lại, thổi một hơi gió thật mạnh vào tai, miệng la « hù » một tiếng sát tai. làm cho kẻ kia giật mình như từ trên mây rớt xuống, đoạn thọc lông váy tai vào lỗ trở lại, lấy cây nhíp thép búng một cái vèo. rồi kê sát cây nhíp còn rung cho đụng cây lông váy. người được váy tư-lơ-mơ sững cực kỳ, bởi làm cái nghề thổi tai hù lên hù xuống, cho nên thét rồi được danh hiệu là « thầy hù ». Một điều khác nữa là phần đông các thầy hù này đều là tay bán trời không chứng, ăn đông nói tây, ăn đàng sóng nói đàng gió, bịa chuyện láo khoét không tin được, – thuở ấy chưa có nhật báo chưa có bộ thông tin tuyên truyền, cho nên các chuyện trên xóm dưới xóm, vợ ai lấy trai, con nào đẻ sẩy, đổ lợp, tâm bôn, v.v... đều do miệng thầy hù học lại, vả chẳng thuở ấy, các mẹ muốn con thôi khóc cũng đem thầy hù ra dọa, khiến nên ai ai cũng ngán thầy hù, tin đồn thất thiệt cũng y, mất con nít cũng nghi cho vãi ¹³, vì đó sanh ra danh từ : « *đừng thầy hù mầy* » tức là « đừng có nói láo như thầy hù, mầy », và « *thầy hù hù con nít* » tức là « anh hớt tóc cạo râu đi dọa nạt trẻ con ».

Viết đến đây, tôi nhớ lại, lối năm 1913, tôi học lớp nhì (cours moyen) cứ mỗi tháng, mẹ tôi cho tôi ba đồng xu, tức ba phần trăm (0,03) của đồng bạc hồi đời đó, để đi lại tiệm chú Hia « cạo đầu cho nó mát ». Lúc ấy tôi đã chổng ngồng cái đầu, thấy gái đã biết mặc cỡ, thế mà mẹ tôi không cho được năm xu (0,05), để đi cạo cho đường hoàng, lại chỉ phát cho có ba đồng xu (0,03) khiến cho tôi bị chú Hia đả vào hàng hạ cấp ! Thuở ấy, hể

có đủ năm đồng xu lỗ, thì chú Hia cho ngồi ghế dựa, có khăn choàng tử tế cho tóc con tóc cắt đùng rớt vào kẽ áo, vào thân mình, bằng với giá ba đồng xu, (phải đưa tiền trả trước), tuy chú vẫn cạo và không nói nặng nhẹ gì, nhưng cách cư xử đối đãi đã khác : cho ngồi ghế đầu, phân nửa bàn tọa ra ngoài, không có khăn choàng, và muốn tóc khỏi rớt xuống áo quần và xuống gạch, thì chú phát cho miếng nắp hộp thiếc cũ, chú cạo tới đâu, mình phải lẹ tay đưa miếng thiếc ra hứng, khi nào tóc rớt xuống gạch, khi cạo rồi, mình phải lấy chổi hốt quét sạch sẽ trước khi về, chỉ trả thiếu có hai xu mà chú hành hạ mình thế ấy, phép tắc thầy hù đời xưa là vậy. Nhiều khi, đang cạo được một phần hay phân nửa cái đầu, kíp có khách sang và gấp đến, chú Hia thôi cạo cho mình và biểu ra ngồi chờ đầu đó, đợi cho chú cạo đầu lấy tai cho khách xong xả rồi chú mới tiếp tục cạo cho mình. Trời đất ôi ! Ai đời đầu cạo còn lại phân nửa, mà chú biểu mình « đi chơi đi » là đi chơi cái gì ? Tuy vậy, nhờ tuổi nhỏ nên bao nhiêu cũng tha thứ, ở nhà để mẹ cạo đầu thì dao lặt¹⁴ rất da, hít hà còn không được, thà cho chú Hia làm gì thì làm... Nói chí đáng, cây dao cạo của chú Hia là cây dao cạo Tàu, có hình lưỡi búa, (nên cũng gọi dao cạo lưỡi búa), dày dục mà bén ngọt còn hơn dao A-lơ-măng ngày nay. Trong tay chú Hia, cây dao là một nghệ thuật thần sầu, chú kéo chạy tới đâu là tóc rớt tới đó, da đầu êm ru như có thoa mỡ, nhứt là khi chú cạo tới sau ót, chú trịch áo đi một đường bí quyết, vừa lạnh xương sống vừa khoái rần rần từ gót chân đến đỉnh đầu ! Nhớ lại thật là tài xứng với câu liền sau này, đã đọc đâu đây quên phứt :

« Cười phấn cợt son, tô điểm tóc tai người tứ xứ.

Mài dao đánh kéo, mở mang mày mặt khách năm châu ».

Nghĩ lại, ngày nay vật đổi sao dời, đời càng mắc mỏ, chạy không đủ ăn. Mỗi lần hớt tóc, trả một trăm bạc mà vẫn không có cái khoái vấy tai. Không bì năm 1913, với ba đồng xu lỗ (0,03), chú Hia chạy cho một đường dao lưỡi búa nơi sau ót, cái khoái lên tận mây xanh.

Chú Hia và chú Sùng, đều là hai lão thầy hù ở chợ Sóc trăng, tôi từng biết mặt biết mày và từng thí nghiệm tài riêng ăn đứt nghề cạo vấy sáu chục năm về trước.

Bây giờ thầy đều lên chức. Vật giá đều leo thang. Thầy lên ông, ông lên cụ. Hớt tóc là một nghệ thuật. Người hành nghề ăn vận ra phết, đâu còn nhớ ông bạn đồng nghiệp « thầy hù » năm xưa. Kể về tài ba, kém việc váy tai váy lỗ ghèn, duy thiện nghề cái nghề chìa tay, trả một trăm, còn cho rằng nhẹ : Hạnh phúc, mầy đi đâu ?

34. Cái gì không xài nó dài ra

Năm ấy, trước đảo chánh 1954, một vị tu sĩ ngồi chờ trước tôi, tại một phòng hớt tóc ở Chợ Cũ, bên hông Tòa tạp tụng. Bởi ông tới trước, nên khách kia vừa xuống thì đến phiên ông lên ghế ngồi. Anh thợ hớt tóc vừa giữ khăn định choàng, bỗng vị tu sĩ nói một câu mở đề, để cho thấy mình là tay có trí : « Nè anh thợ ! Có phải là cái gì mình không xài thì nó mọc dài ra hoài, phải không hử ? » Ý ông muốn ám chỉ tóc râu vô dụng mà vẫn mọc.

Nhưng anh thợ lại nghĩ khác, nên một tay cầm khăn quên giữ, một tay ôm bụng cười dài, cười ngoặt ngoẹo đến bủn rủn tay chơn không làm gì được. Nột ý, vị tu sĩ phát câu : « Tôi nói có gì lạ mà anh cười dữ vậy. Hớt đi chứ ! »

- Thưa thầy tha lỗi, anh thợ thưa, nghe thầy nói, con bỗng nhớ thầy là người tu hành, không xài, ắt nó dài lắm !

Vị tu sĩ biết lỡ lời, đỏ mặt, nói để che sượng ¹⁵ : « Ý cái anh này, khéo nghĩ tầm bậy tầm bạ không lo mần việc. Ai nói vậy ! Hớt lẹ đi không ? »

Nửa để tai nghe, nửa nhớ cái ấy của mình, nhớ kỹ đủ hết ngày nay chép lại.

VẤN ĐỀ RÂU

35. Mặt dày

Hai anh, một anh có râu và một anh không có râu. Anh không có râu, muốn xỏ anh kia, mới đố rằng : « Tôi đố anh, vật gì cứng nhất ? »

Anh có râu nói : « Đá với sắt cứng nhất, chứ gì ? »

- Không phải.

- Đá với sắt mà không cứng, thì còn gì cứng hơn nữa.

- Đá đập phải vỡ, sắt nung phải mềm !

- Vậy thì anh bảo cái gì cứng ?

- Râu, chứ gì !

- Có khi nào râu lại cứng hơn sắt được ? Anh nói thế, tôi không chịu.

- Anh thử nghĩ mà xem : như da mặt anh dày thế kia, mà nó còn dùi thủng ra được, thì râu không cứng là gì ?

Anh có râu hiểu là anh nọ nói xỏ mình, mới đáp rằng : « Da mặt tôi dày thật, nhưng mà cũng không dày bằng da mặt anh ».

- Sao vậy ?

- Bởi vì râu cứng thế, mà cũng không dùi thủng được !

Bài số 100 trương 35 tập 3.

Tiểu lâm Thọ An, Hà nội.

Ích Ký năm 1918.

36. Mặt dày

Anh không râu đố giả ngộ ¹⁶ chú có râu rằng : « Đố anh trong đời vật gì thiệt cứng ? »

Chú nọ trả lời rằng : « Đá với sắt là cứng chớ giống gì. »

Anh kia nói : « Không phải, đá đập phải nát, sắt nung phải mềm. »

Hỏi : « Vậy chớ giống gì cứng ? »

Anh kia nói : « Râu là cứng ! »

Chú có râu nói : « Có lẽ nào râu lại cứng hơn sắt đá ? »

Anh kia nói : « Anh nghĩ mà coi, da mặt anh dày cui nó dùi phủng ¹⁷ nó ra, sao gọi rằng không cứng ? »

Chú có râu đáp lại rằng : « Tuy cứng thì cứng mà cũng không bằng da mặt chú này ; vì nó dùi hoài mà không phủng nên nó không ra được ! »

Bài số 10 trường 7 tập Tiểu lâm

Phụng hoàng San,

in tại Sài gòn năm 1912.

37. Ông râu rậm

Có một ông râu rậm che kín cả miệng. Một hôm, đương đi ở ngoài đường, chợt có đứa bé trông thấy, nó mới gọi mẹ nó mà bảo rằng : « Mẹ ơi ! Ra mau mà xem người không có mồm ! »

Rồi nó cứ vỗ tay, chạy theo mà reo lên rằng : « A ! A ! A ! Ông này không có mồm ».

Ông râu rậm tức quá, quay mặt lại, vạch râu chửi nó rằng : « Chẳng mồm là l... mẹ mày đây à ! »

*Bài số 8 tr.13, nguyên văn Tiểu lâm
Thọ An, Hà nội. Ích Ký xuất bản năm
1924 quyển nhất, in lần thứ ba.*

38. Ông già không có miệng

Chú kia râu ria um sùm không thấy miệng mồm đâu hết. Đi đường gặp thằng con nít nói chơi rằng : « *Hồ tử nghinh phong tâu, chỉ kiến hồ tử bất kiến khẩu* » (râu kia đi ngoài gió, chỉ thấy râu ria miệng đâu có).

Người râu giậm quá, tay nắm râu dờ lên bày miệng ra, chỉ miệng mà mắng rằng : « Giống gì đây không phải miệng, vậy chớ hùm mẹ mày đây sao ? »

Thằng nhỏ bị mắng khóc chạy về mét với mẹ nó.

Mẹ nó dỗ nó rằng : « Không phải đâu con. Chú nó mắng người khác đa ! Thôi, con chạy theo mắng chú lại, nói mẹ có mà ít kìa, le the năm mười sơi he, chớ không phải xồm xàm như của chú vậy đâu ! »

*Bài số 40 tr.28. truyện Tiếu đàm
Phụng hoàng San và Dương Diếp.
Sài gòn 1914.*

39. Giống ông bộ râu

Có một ông huyện đi làm quan ở xa, vợ ở nhà gần ngày sanh. Ông nóng biết tin nên sai thằng trung tín về xem bà đã ở cữ rồi chưa. Vốn thằng nhỏ có tánh ngây ngô, sợ việc đàn bà đẻ, nó không dám vào, đứng ngoài hàng rào xơ rở để nghe ngóng. Bất ngờ bà ra vườn, vén váy đi tiểu. Thằng kia trông thấy, vội vàng chạy về bẩm với ông : « Bẩm ông, bà đã ở cữ rồi ».

Quan nghe mừng lật đật hỏi : « Chớ bà mày đẻ con trai hay con gái ? »

- Bẩm, con không tưởng cô hay là cậu, nhưng con nhìn thấy giống ông lắm.

- Mà trông giống tao cái gì ?

- Bẩm, giống ông ở bộ râu !

Do một người bạn Bắc thuật lại.

40. Thấy pháp râu đỏ

Lão thầy pháp kia râu hoe hoe đỏ đỏ, cưới vợ về. Vợ nó mới chê : « Râu gì đỏ hoe đỏ hoét xấu quá ». Thì nó kiếm chước nói giải cho xuôi rồi đi. Vợ nó nói : « Úy ! Mày đừng có khinh, râu tài đó. Râu này có biết sợ ai ? »

Vợ nó không hiểu được ý làm sao mà làm vậy, làm tinh lừa cơ thử tài anh va, coi thử có thiệt hay không.

Cách ít bữa kể bịnh tới rước thầy đi chữa, mà nhà bịnh ở cuối truông ném qua bên kia kia.

Chữa chuyên xong rồi, người ta đem bánh lớ xôi chè chuối mít, lại một cái đầu heo tạ thầy. Thì thấy lấy khăn cột xách đem về.

Vợ nghe chừng anh ta về tới, mới vác gậy ra, ngồi giữa truông núp trong bụi. Anh thầy ta lọt xột đi tới. Chị ta đập một cái sạt. Thầy thất kinh quăng gói chạy quày trở lại, không dám đi. Người vợ ra lượm lấy cái gói xách ngay về nhà, đóng cửa lại ngủ.

Một chập, anh ta tỉnh hồn mới mò về, thì hăm hở hồi mở cửa cho mau. Bước vào, cái mặt cắt không đặng một chút máu ; gài cửa lại lấy cây chống thêm.

Vợ thấy vậy hỏi việc gì thất thanh đi vậy ? Thì chú chàng mới nói : « Hú hồn ! tao tưởng đâu chúng nó đã cắt cổ tao đi rồi ! Một đảng cướp cũng được hai ba trăm nó đón nó đánh giữa truông ».

- Có ở đâu nào ?

- Ấy ! Là quả làm vậy chớ !

- Mà anh nói anh râu đỏ anh không biết sợ ai, sao mà sợ té đái ra vậy ?

- Nó đông lắm mượn sợ, năm ba mươi chẳng nói gì ; cái này đâu cũng được vài trăm, không sợ làm sao ? Thôi tắt cửa lại cho chặt rồi ngủ.

Vợ nó đi nấu nước đi pha cho chú nghỉ uống, lại có đem ra một nải chuối nữa. Nó nhìn đi nhìn lại nải chuối hoài : « Mẹ ! Chuối ở đâu mà giống chuối họ đưa mình ? »

Vợ nó nói : « Phải ở đâu ? Chuối sớm mai tôi đi chợ tôi mua. Khéo nhìn bá láp không ! »

Rồi đem đĩa xôi ra. Anh ta càng lấy làm lạ : « Lạ này ! xôi này của nhà bệnh đem đưa tao về đây mà ».

Đem lần các món ra ; anh ta hiểu không được, hỏi gắt vợ cho biết đồ ấy ở đâu mà có vậy. Thì vợ mới nói thiệt : « Hồi chàng vụng tôi núp trong bụi, tôi nhát anh, anh ném gói anh chạy, tôi xách gói về đó, chớ ai ? »

- Có lẽ nào ? Ăn cướp nó rượt người ta chạy sáng hốt ¹⁸, mà mầy nói mầy nhát à ?

- Thiệt không tin, tôi đem cái đầu heo, lại cái khăn anh gói cho mà coi.

Thầy thấy quả, chưng hửng, mới nói : « Phải hồi đó tao biết là mầy, tao đập một cây chết đi còn gì ? »

*Bài số 14 trường 23-24-25,
Chuyện đời xưa P.J.B. Trương Vĩnh Ký.
Qui Nhơn 1914.*

*

Giải bày. – Chuyện Tiểu lâm, luôn luôn khởi đầu thì thanh bai ý nhị, nhưng càng về khuya, càng giặm mắt muối và tránh không khỏi sự lả lơi chớt nhả, một đôi khi đến sổ sàng tục tĩu, một khía cạnh của con người cầm khí cụ làm ra hột cơm, gìn giữ đất nước hơn là cầm viết cầm quạt lông. Để cho đủ hạng tuổi đọc, xin mạn phép chép luôn ra đây những bài tiếp theo. Ai có tật mau đổ tai, xin xếp sách lại, yêu cầu đừng giả dối lấy mình, rửa người viết mà đọc trong mùng.

Trong chuyện tiểu lâm đối chiếu này, cốt ý của người sưu tập là gom góp vào một bộ, những cách lối nói chuyện trong thiên hạ, Trung Nam Bắc, lẫn Tây Đông, cũ mới. Ai có tịch nấy biết. Nhứt định không có ý kiêu ngạo

một ai, chỉ muốn duy trì những khía cạnh ngôn ngữ của ông bà ngày trước. Có rất nhiều thành ngữ, danh từ, nay đã ít nghe, rất dễ dỏm nếu không ghi chép e mai một mất. Tinh hoa đất nước không phải gồm toàn hoa thơm. Có dây thúi địt mới biết dây phong lan quý ; không tốt phân rau cải không ngon.

41. Thuốc nhuộm râu

Con nụ ¹⁹ còn trẻ. Chủ nhà đã già, cứ mua thuốc nhuộm râu cho đen, làm bộ còn trẻ để mà gạ. Nó biết nỡm ²⁰, nhất định không nghe. Chủ nhà tức quá, phát khùng, dọa nó rằng : « Rồi ông có phép xử cho mày ! »

Nó hỏi : « Phép gì ? »

- Phép hãm để cho mày bạc lông, mới gả chồng !

Con nụ bĩu môi, nói rằng : « Không cần ! Đã có thuốc nhuộm râu ! »

Bài số 92 trường 26, tập 3 in lần 2.

*Tiểu lâm Thọ An. Ích Ký Hà nội
xuất bản năm 1918.*

42. Lấy giống râu

Có một anh thích râu ba chòm quá, mà mình thì ở cằm, ở mép. không thấy mọc một cái râu nào ; trong bụng thường phàn nàn rằng : « Thôi, số mình chẳng được thì phải cố làm thế nào cho con nó về sau có vậy ».

Một hôm, ra đường gặp một người râu ba chòm. Anh ta nhất định đón ngay về nhà để lấy giống ; làm cơm thết đãi, rồi nói thực tình rằng : « Tôi chỉ sở nguyện được một bộ râu như của ông, mà không làm được, đành để cho con vậy. Xin ông giúp tôi việc ấy, không bao giờ dám quên ơn ».

Tức thì bảo vợ vào trong buồng quạt màn dải chiếu, sắp chăn gối, mời người ấy vào. Người ấy lấy làm lạ, ngần ngừ ; anh ta cầm tay lôi bừa vào bắt phải... cấy cho một ít giống râu ba chòm.

Người có râu, thế-bất-đắc-dĩ, phải nể mà vào... cấy. Thoạt tiên, thấy reo lên : « Này một chòm ! », rồi sau : « Này hai chòm ! Này ba chòm ! », sau nữa làm luôn : « Này bốn chòm ! Năm chòm ! Sáu chòm ! Bảy chòm ! Tám chòm ! »...

Anh nọ đứng ngoài nghe thấy, vội vàng chạy vào nói rằng : « Ấy chết ; ông làm vừa chứ, kéo cháu về sau thành ra râu quai nón mất ».

Bài số 59, tr.38, tập 2 in lần 3.

Tiểu lâm Thọ An. Ích Ký Hà nội 1924.

43. Râu quai nón

Một hôm, một ông chánh tổng râu quai nón, cười ngửa đi làm thuế. Đến một chỗ, đường nhỏ và lộn, không thể nào đi ngựa được ; phôi dất lên quán, để gửi nhà hàng. Nhưng mà ở trong quán chẳng thấy có ai ; chỉ thấy một ông thầy bói ngồi đấy mà thôi. Ông chánh mới buộc ngựa bên cạnh mà bảo rằng : « Tôi gửi ông thầy con ngựa đây nhé ! Tôi vào trong làng gần đây, chốc nữa ra tôi sẽ lấy ».

- Chứ ông là ai mà lại gửi ngựa tôi ?

- Tôi là chánh tổng.

- À ! Ông chánh đấy ư ? Nhưng mà tôi giữ làm sao được ? Ngộ chốc nữa có đứa nào đến bảo là ông chánh đòi ngựa thì tôi biết làm thế nào ?

- Ông thầy đừng ngại, tôi râu quai nón. Bây giờ tôi để ông sờ xem. Hễ chốc nữa tôi lại lấy ngựa, ông sờ lại, y như thế thì giả ngựa tôi ; mà không, thì thôi, ông không cho lấy.

Ông thầy thuận. Ông chánh đem râu lại cho mà sờ. Sờ thấy râu tốt, khen mãi vuốt mãi lâu rồi mới buông cho ông chánh đi.

Bây giờ có một mụ mò cua sau lưng quán, nghe thấy thế, lập tâm để lấy con ngựa ấy. Nó đợi cho ông chánh đi được một lúc lâu, rồi nó lại, bịt mũi bắt chước tiếng ông chánh, mà nói với ông thầy bói rằng :

- Nào, xin ông con ngựa, nào !

- Ông chánh đấy phải không ?

- Phải, tôi đây. Tôi đi làm thuế về đây.

- Vậy thì ông cho tôi xem râu, nào !

Mụ nọ lại gần, tốc ngược váy lên, cho ông thầy sờ râu. Ông thầy vuốt mãi, khen mãi : « Phải ông chánh đấy. Quý hóa quá ! Râu đâu mà lại có râu quý thế này ».

Rồi lại vuốt râu mình mà nói rằng : « Râu tôi cũng khá, nhưng mà so với râu ông thì còn kém xa ! ừ, ừ ! Ông này đã ăn mắt tôm ! Đã đánh chén ở trong làng rồi mới ra đây ! Thế mà chẳng lấy phần cho tôi, công trình giữ ngựa từ nãy đến giờ. Tệ lắm, ông chánh nhé ! »

*Bài số 44, trang 19, tập 2 in lần 3
năm 1924. Tiểu lâm Thọ An.
Ích Ký Hà nội*

44. Lấy thuốc mọc râu

Có một anh không có râu, bị vợ diếc móc khổ quá, phải đi lấy thuốc mọc râu. Một hôm, mang tiền đến nhà ông lang. Chẳng may ông lang đi vắng, chỉ có bà lang ở nhà mà thôi. Bà lang thấy anh ta đến, mới hỏi rằng : « Bác hỏi gì ? »

- Thưa bà, tôi đến xin thuốc.
- Ông lang tôi đi vắng, bác lấy thuốc gì ?
- Thưa, tôi xin thuốc mọc râu.

Bà lang ngồi nghĩ một chốc, rồi nói rằng : « Tưởng lấy thuốc gì thì tôi không dám hạ thủ ²¹, chứ thuốc này tôi đã kinh trị. Để tôi giùm cho ! »

Rồi lấy một ít liên tu, gói vào giấy, đưa cho anh kia mà nói rằng : « Phương thuốc này thì phải nội ẩm, ngoại đồ mới được. Đây tôi bốc thuốc uống, còn thuốc đồ, bác phải kiểm lấy ».

Anh kia cầm lấy thang thuốc hỏi rằng : « Thưa bà, thuốc đồ thế nào, xin bà bảo cho ».

- Bác kiểm lấy hai hòn đá cuội, lấy da bong bóng lợn bọc lại. Khi uống thuốc rồi, thì lên giường nằm ngửa, lấy túm đá cuội ấy mà day trên môi một lúc, rồi lấy ít dầu vừng đồ qua, thì mọc được râu.

Anh ta mừng quá, giả tiền thang thuốc, rồi chạy về nhà.

Một chốc, ông lang về, hỏi bà lang rằng : « Tôi đi vắng, ở nhà có ai đến lấy thuốc không ? »

Bà nói : « Có, có người đến xin thuốc. Ông đi vắng, nếu không có tôi ở nhà khai phương cho người ta, thì người ta đi lấy chỗ khác ».

Ông lang ngạc nhiên hỏi : « Ai lấy thuốc gì mà bà dám bốc ? »

Bà lang mới kể tình đầu lại cho chồng nghe.

Ông lang ngần ra hỏi rằng : « Chứ bà theo sách nào mà bốc cho người ta như thế ? »

Bà quắc mắt, cãi rằng : « Chẳng phải theo sách nào cả ! Khi tôi mới lấy ông thì tôi có tí... nào đâu ? Sao ông chỉ đồ cho tôi có một ít lâu, mà bây giờ mọc rậm thế ? »

*Bài 60 trường 40-41. Tập 2 in lần 3
năm 1924. Tiểu lâm Thọ An.
Ích Ký Hà nội.*

45. Thuốc trồng râu

Người kia không râu, giận mình chẳng phải đứng trượng phu, mới đi tới thầy mua thuốc trồng râu, thầy đi khỏi. Người vợ bày một phương rằng : « Có khó gì, về lấy trứng dái gà mỗi bữa chà chà hai bên mép, thúng thảng rồi nó ra. « Người ấy về làm y như vậy. ít lâu quả có râu ra. Người ấy mừng đem đồ tới đền ơn. Thầy mới hỏi vợ phương thuốc đó ở đâu mà thấy ? Vợ rằng : « Y là ý vậy » (nghĩa là thuốc tại có ý), tiếp ngày mới gả cho phu quân, một sợi cũng không, vì bị hai hòn ngoại thận của phu quân chà hoài, chẳng bao lâu bấy giờ cho đến đổi xồm xàm ra thế này...

*Bài 39 trường 27. Truyện Tiểu đàm của
Phụng hoàng San và Dương Diếp.
Sài gòn 1914.*

46. Trên dưới thông đồng

Một người kia râu dài khỏi bụng, người thấy đều khen rằng tốt. Ngày kia xảy gặp một thầy tướng, anh ta biểu thầy coi tướng cho mình, cũng có ý khoe bộ râu luôn thể. Thầy tướng rằng : « Tiếc thay bộ râu ông vẫn một chút ! »

Người ấy nói : « Râu tôi dài khỏi bụng, người người đều khen tốt, sao thầy lại chê vẫn ? »

Thầy rằng : « Phải chi nó dài thêm ít tấc nữa, cho đặt trên dưới giao thông với nhau, càng tốt hơn nữa. »

*Bài số 35 trường 26. Truyện Tiểu đàm của
Phụng hoàng San và Dương Diếp.
Sài gòn 1914.*

47. Liên hữu hội

Khi đó râu nói với lông mày rằng : « Bọn ta sanh nhằm lúc này, người đời hay khinh bạc lắm, chi bằng hiệp lại bao bọc giúp đỡ cho nhau là sự tốt, tôi với anh tóc mai đã liền với nhau rồi vậy tôi thấy trên con mắt này có hai vị quý ông đây cũng là bực trên trước, cũng là ở nơi đầu mặt với nhau, nên tôi xin hòa hiệp với nhau một đoàn thì lấy làm sự tốt lắm, xin hai ông chớ từ. »

Lông mày rằng : « Chúng tôi đều cảm ơn ông chẳng bỏ phận hèn mọn mà nghĩ đến, song chúng tôi hèm vì phận mỏng, gốc thưa, vậy sao ông không xuống dưới nhà họ Mao kia, chỗ vườn rậm có dựng cột cờ đó mà lập hội, chẳng là đông đảo hơn ! »

*Bài số 38 trương 27. Truyện Tiểu đàm của
Phụng hoàng San và Dương Diếp.
Sài gòn 1914.*

*

Phụ chú. – *Chuyện năm xưa, trên năm mươi năm, mà như chuyện mới viết ngày hôm qua đây thôi ! Những bài tiểu lâm kể đến đây, như đã thấy, đều mượn qua mượn lại, và còn nhiều lắm, chép không bao giờ hết, để tránh sự nhàm chán, thêm nữa nhiều bài ở Bắc chưa được năm mươi năm, quyền tác giả vẫn còn, nên để tránh sự hiểu lầm, tôi xin chấm dứt sự đối chiếu nơi đây, để sao lại toàn những bài trong Nam lựa rút trong các sách sẵn có và đã trên năm mươi năm, tức bản quyền đã thuộc về công cộng. Đây là một bài chót về râu cho đủ bộ :*

48. Truyện người râu ba chòm, người râu rìa

Nguyên thuở xưa có một cái chùa bà, một cái chùa ông : hễ phần đàn ông có việc chi thì đến chùa ông cầu khẩn. Còn phận đàn bà có việc chi thì đến chùa bà cầu khẩn.

Nên hết thấy người đàn ông khi nào muốn râu mọc ba chòm cho suôn sẻ xinh tốt, thì lại đến chùa ông lạy ông mà xin ông trồng cho, rồi về thì râu mọc ba chòm suôn tốt. Còn người râu rìa kia là bởi khi mình muốn trồng râu, lại không biết chùa ông ở đâu mà đến, bèn hỏi thăm người chỉ cho, thì đi lạc qua chùa bà, ngỡ là chùa ông, bèn lạy xin bà trồng cho.

Song le không phải chỗ mặc dầu, nhưng mà bà cũng có phép trồng đặng, không lẽ đuổi người về, liền kêu thế nữ đem râu ra trồng cho người, thế nữ vững lịnh lấy râu ra trồng, thì đứng xa xa, biểu ngược mặt lên, thế nữ bèn vãi nhảm chừng vô mặt người cho rồi mà đi về đi, rồi thế nữ bèn chạy vô chùa, hình như mắc cỡ vậy.

Khi người xin trồng râu ấy về, thì râu mình mọc loạn xạ không đặng ba chòm như những người trồng bên chùa ông vậy.

Nên hiểu người sao râu mọc ba chòm, người sao râu rìa là vì bởi đó mà ra.

Bài 47 trang 68. Truyện đời xưa, tác giả khuyết danh, nhà Đinh Thái Sơn tức Phát Toán in lần thứ ba tại Sài gòn. Năm 1908.

TIẾU LÂM PHỤNG HOÀNG SAN

Những chuyện hay trích trong bộ Tiểu lâm Phụng hoàng San,
do Phát Toán xuất bản năm 1912 tại Sài Gòn :

49. Thơ ngựa hay (Bài số 6 trường 5)

Hai vợ chồng ông kia, nhà giàu có, sanh đặng ba đứa con gái dung nhan đẹp đẽ. Hai đứa lớn gả cho hai người văn chương, còn con gái út, có nhiều nơi coi mà nó không khứng. ²²

Khi ấy có một tên kia nhà phú hậu, lại thêm lịch sự trai, đến cầu hôn. Ông chê nó ít học không chịu gả, còn con thì đành. Bà thương con út, có ý chiều lòng con, mới khuyên ông rằng : « Hễ học thì phải hay, chớ cái lịch sự khó kiếm lắm. Nó tuy ít học, về mình dạy thêm nó phải trở nên một đấng văn chương. »

Ông nói : « Nó tuy lịch sự trai, song nó bất học, nên ăn nói không thanh nhã, mụ nói lắm tôi cũng nghe theo. »

Gả cưới xong rồi, ông mới mua đặng một con ngựa hay lắm, trong lúc ăn tiệc, ông biểu ba người rể làm thơ mà khen con ngựa hay.

Người rể lớn làm như vậy : « Mặt nước thả cây kim ; cha tôi cỡi ngựa chạy như chim ; chạy đi chạy lại, cây kim chưa chìm. »

Người rể giữa đặt rằng : « Than lửa để cái lông, cha tôi cỡi ngựa chạy như đông, chạy đi chạy lại, cái lông chưa hồng. »

Ông hỏi còn thằng nhỏ sao không làm. Nó thưa : « Hai ảnh làm, chón hết ý hết vận, nên tôi họa chưa được, để thùng thảng tôi nghĩ. »

Bà liền nói đỡ cho nó rằng : « Nó đã nhỏ, ông lại hối lắm, nó rối trí làm sao cho được ! » Bà lật đặt vừa bước và nói, rui lỗ tròn.

Thằng nghe liền mừng mà nói rằng : « Thưa mẹ, tôi nghĩ đặng bài thơ rồi. »

Bà biểu : « Thì con viết ra, rồi đọc nghe thử ».

Anh ta viết rồi đọc rằng : « Mẹ tôi xán cái địt ²³, cha tôi cỡi ngựa chạy như hít, chạy đi chạy lại, đít mẹ chưa khít ! »

Bà nghe mới nửa bài, bỏ đi xuống nhà dưới một nước.

50. Chó ngáp (bài 2 tr.7)

(Hãy sánh với bài số 3 trong tập này).

Người điếc kia tới nhà người bạn hữu, chó thấy sủa hoài, mà anh ta không nghe. Ngồi uống nước trà, mới chỉ con chó mà rằng : « Con chó của anh hồi hôm nó không ngủ hay sao ? »

Người chủ hỏi : « Sao chú biết ? »

Người điếc nói : « Nếu hồi hôm nó có ngủ, sao nãy giờ tôi thấy nó ngáp hoài ».

51. Kết lương hữu (Bài 14 tr.8)

Mười anh sợ vợ, lén bàn soạn với nhau ; một anh nói rằng : « Sách có câu : Quả bất địch chúng, nhược bất địch cường » (ít phải thua đông, yếu phải thua mạnh). Bởi một mình nên sợ nó, chớ chúng ta kết bạn với nhau, hễ nhứt hô bá ứng, đừng ai bỏ ai, thì nó phải sợ lại mình.

Anh khác khen rằng : « Kế ấy hay lắm, song sợ lúc đó, không đồng tâm hiệp lực lấy làm khó lòng ; nhưng muốn cuộc vuông tròn, thì phải thích huyết thề nguyện kết làm lương hữu mới chắc ».

Mười anh đồng chịu, lén mua rượu tới miếu thề thốt vừa xong, ngồi lại uống rượu. Xảy thấy mười chị đờn bà xách hèo gậy xông vô ; mấy ảnh hoảng hồn đâm đầu chạy mất. Tan rồi, kiếm ra thiếu hết một anh. Kéo vào miếu, thì thấy ảnh còn ngồi xếp bằng tại tiệc. Chín người kia khen rằng : « Anh ấy có gan đờm hơn hết, phải nhượng ảnh làm anh ».

Chẳng ngờ lại gần coi, thì thấy ảnh đã chết cứng !

52. Chiêm bao rùi (Bài 15 tr.9)

Anh sợ vợ kia đương ngủ mê, vùng cười khan một tiếng, vợ kêu dậy hỏi vì có gì mà cười ? Anh sợ quá, cứ thiệt mà khai rằng : « Chiêm bao thấy cưới vợ bé mừng quá nên cười, xin chị nó miễn chấp ».

Người vợ nói một hai không thứ.

Anh ta năn nỉ rằng : « Sự chiêm bao mộng mị, có thiệt vào đâu ».

Người vợ nói : « Chiêm bao thấy điều chi cũng thứ, chớ chiêm bao quái gở như vậy, thật không tha. » Nói rồi rút roi xốc lại.

Anh ta kinh hãi, lạy lạy xin tha một phen, lại nói : « Từ rày sắp tới, tôi không dám chiêm bao như vậy nữa ! »

Còn nói : « Đêm khác chiêm bao như vậy, ai theo mà giữ kìa ? »

Anh ta bệu bạo nói rằng : « Thôi từ rày sắp lên, tôi không dám ngủ nữa ! »

53. Cõi sách (Bài 15 tr.9)

Thằng con ông nhà giàu kia, làm biếng học lắm. Ông ép nó ở trong thư phòng coi sách hoài. Lâu lâu ông rình nghe nó nói rằng : « Hiểu rồi ! » Ông mừng vô hỏi : « Con nghĩ ra câu nào đó vậy ? »

Nó nói : « Thừa cha, tưởng lại coi sách thiệt là có ích lắm, nó tủa trí ra nhiều, bấy lâu tôi tưởng sách là chữ viết, coi cho kỹ, thiệt là chữ in ! »

54. Ông đánh cháu (bài 18 tr.10)

Ông già kia sai thằng cháu nội lên bảy tuổi, đi mua một đồng xu dầu, một đồng xu giấm. Nó hỏi ông dầu với giấm đựng chung lại được không. Ông biểu đựng riêng hai chén.

Nó đi một hồi lâu rồi trở lại hỏi rằng : « Đồng xu nào mua dầu, đồng nào mua giấm ? »

Ông nói : « Đồng nào cũng được, phải hỏi gì ? »

Nó đi một hồi lại trở về hỏi nữa : « Chén nào đựng dầu, chén nào đựng giấm ? »

Ông tức mình gọi nó hai ba cái. Kế cha nó đi xóm về, ông học chuyện ²⁴ lại cho cha nó nghe. Thằng chả chẳng nói gì hết, ném dù xuống, một tay thì nắm đầu, một tay thì nó gọi đầu nó tía lia.

Ông thấy vậy hỏi : « Mây điên hay sao vậy ? »

Nó nói : « Không phải điên, cha đánh con tôi dữ quá, thử coi tôi đánh con cha có được hay không ! »

55. Làm biếng hai kiếp (Bài số 19 tr.10)

Thằng làm biếng kia, không làm một sự gì hết, tới bữa ăn cũng làm biếng ăn ; nài nỉ lắm, nó ráng ăn một hai miếng rồi cũng nằm nữa.

Cha mẹ nó nói : « Nếu làm biếng ăn thì sống sao đặng ? »

Nó nói : « Tôi cũng làm biếng sống nữa ! »

Đến khi nó chết, vua Diêm Vương ghét nó làm biếng, bắt nó đầu thai làm con mèo. Nó tâu rằng : « Xin cho tôi làm con mèo mun, mà có một đúm ²⁵ trắng trước mũi. »

Vua Diêm Vương hỏi chi vậy ? Nó tâu rằng : « Đặng như tối, tôi nằm một chỗ, chuột không thấy tôi, chỉ thấy đúm trắng, nó tưởng là cơm, lại kiếm ăn, sẵn đó tôi cắn tôi nhai cho dễ ! »

56. Dời nhà (Bài số 20 tr.2)

Người kia tánh ưa vắng vẻ, không chịu có tiếng tăm ngày ngày ²⁶, mà hai căn phố hai bên đều do anh thợ rèn với anh thợ bạc ở, ngày đêm đập mãi ; anh ta nghe đã điếc tai, tức mình nói rằng : « Phải hai chú thợ dời đi, tôi chịu làm tiệc mà đưa họ. »

Bữa kia, hai anh thợ tới mà nói rằng : « Anh em tôi tính dời nhà, xin anh nhớ lời, đãi anh em tôi một bữa lên đường. »

Anh kia mừng hết sức mừng, dọn tiệc trọng thể mà đãi. Trong lúc đương ăn uống, anh chủ nhà hỏi thăm rằng : « Hai anh tính dọn về phố nào ? »

Anh thợ rèn nói : « Anh thợ bạc dọn qua căn tôi, còn tôi dọn qua căn ảnh ! »

57. Tuổi sọt (bài số 22 tr.2)

Anh lái buôn kia, ghé lều xanh, chơi điếu. Hỏi con ²⁷ mấy tuổi ? Nó nói : « Mười tám tuổi ». Cách vài năm anh ta ghé lại đó chơi nữa, con ấy đã quên, anh hỏi thăm tuổi, nó nói mười bảy tuổi. Anh ta về buôn bán càng ngày càng lỗ, cách đôi năm, cũng ghé lại lều xanh ấy mà chơi, hỏi thăm tuổi. Nó cũng quên anh đi, nó nói nó có mười sáu tuổi. Anh ta nghe nói liền khóc lên. Con lấy làm lạ hỏi làm sao mà khóc ? Anh nói : « Cái tuổi của mình, cũng như cái vốn của tôi, càng ngày nó càng tiêu mòn dần, nghĩ đến động lòng, không khóc làm sao cho đặng ? »

58. Rể bất lợi (bài số 23 tr.12)

Ông nhà giàu kia không có con trai, nuôi ba người rể trong nhà. Ông mới cất nhà, dọn dẹp vừa rồi. Đêm sau thằng rể lớn đi uống rượu đâu không biết, về khuya, kêu cửa không đặng, đổ cốc đấm cửa mà thề rằng : « Cửa gì quá cửa ngục, đóng chặt cứng, xô đà không nổi ! »

Cha vợ nó giận mới nói với thằng rể giữa rằng : « Tao làm cái nhà, tốn hơn bạc ngàn mà nó nói tiếng bất lợi dường ấy. »

Thằng giữa trả lời rằng : « Nhà này cầu họ mua năm trăm cũng nên bán, chớ ai mua tới ngàn ! »

Ông tức mình đọc lại cho thằng rể út nghe.

Thằng nhỏ nói : « Ảnh nói phải đa cha ! Thà bán rẻ năm trăm, chẳng hơn để nữa bị hỏa hoạn thì không đáng một đồng điếu ²⁸ ! »

59. Mướn đày tớ không tiền (Bài số 24 tr.12)

Thằng điếm kia tới nói với ông nhà giàu nọ rằng : « Tôi một thân một mình, tới xin ở làm bộ hạ ông mà nhờ hột cơm dư, chớ tôi không ăn tiền mướn ; song tôi có ba chuyện, một là : không biết chèo chống ; hai là : đi ngược không đặng : ba là : ngó thấy cơm thì thôi ; như ông dùng đặng, tôi xin ở với ông trọn đời ».

Ông bá hộ liền chịu. Nó ở ít lâu, ông sai nó đi chèo ghe, nó nói : « Xin ông nhớ lời giao khoản thứ nhứt ! »

Đến mùa làm ruộng, biểu nó đi cày phụ, nó nói. « Xin ông nhớ khoản thứ nhì. »

Ông tức mình rình coi nó ăn cơm thế nào, thì thấy nó ngồi ăn hoài không nghỉ, ống đờ mồm hơi mới bước ra mà hỏi rằng : « Mầy giao khoản thứ ba : hễ ngó thấy cơm thì thôi, mà mầy ăn đã mười chén rồi, mầy hỡi còn ²⁹ xúc nữa. »

Nó giận để chén cơm xuống há miệng ra cho ống coi rồi hỏi rằng : « Ông ngó thấy cơm chưa mà ông biểu tôi thôi ? »

60. Hai anh em làm ruộng (bài số 25 tr.13)

Hai anh em làm ruộng chung với nhau, tới lúa chín, thằng anh nói với em rằng : « Tao lấy khúc ngọn, chia khúc gốc cho mày ! »

Thằng em nói : « Chia như vậy, sao cho công bình ? »

Thằng anh nói : « Sao không công ? Qua sang năm thì mày lấy ngọn, tao lấy gốc, bởi vì mày làm em phải ăn sau. »

Thằng em cũng nghe lời. Qua năm sau, trời sa mưa dông, thằng em thúc làm ruộng, thì anh nói rằng : « Năm nay tao coi mòi ruộng thất, thôi để đất trồng khoai xong hơn ».

Nghề khoai thì củ ở dưới gốc, té ra hai năm cũng một mình ảnh hưởng lộc !

61. Không đãi khách (bài số 26 tr.13)

Người khách đến thăm người chủ, gà vịt chạy đầy sân, mà ảnh than rằng : « Ngặt không có đồ ăn, không biết lấy chi đãi khách một bữa. »

Anh khách nói : « Tôi có con ngựa đó, bắt làm thịt dùng tiệc với nhau cho vui ! »

Chủ nói : « Úy ! Vậy rồi anh về bộ sao thầu ? »

Khách nói : « Hề gì, anh lựa gà vịt và ngỗng của anh đó, coi con nào lớn hơn hết, cho tôi mượn một con tôi cỡi tôi về cũng được ! »

62. Một món cũng đủ (bài số 27 tr.13)

Ông thầy dạy đạo kia, đến nhà ông chủ khai trường. Ông chủ dọn tiệc đãi, có làm một con ngỗng, và các món đồ khác ăn uống rượu nữa.

Đương ngồi ăn, thầy nói với ông chủ rằng : « Và chẳng sự ở đời là sự trường cửu, cũng phải tiết kiệm mới bền lâu được. Từ rày sắp lên, xin đừng dọn nhiều món nữa ! »

Thầy chỉ con ngỗng trong mâm mà nói rằng : « Mỗi bữa chừng một món như vậy cũng đủ dùng ».

Mỗi bữa ăn chừng một con ngỗng, rốt năm cũng đủ bán hết sự nghiệp ông chủ nhà.

63. Hà tiện (bài số 29 tr.14)

Người hà tiện kia có hai đứa con trai nhỏ, va nói chuyện với con rằng : « Đời xưa Tào Tháo đi đánh giặc thảng nằng, binh kéo ngang qua núi, nhằm đồng khô cỏ cháy không có khe suối chi, quan quân khát nước gần chết. Tào Tháo lập trí, chỉ cụm xanh xanh đằng trước mà nói rằng : « Cha chả là me ! Đi tới mau hái me ăn giải khát ! ». Quân gia nghe nói me, đều thềm chua đổ nước miếng, đỡ khát đặng một hồi. Nay nhà mình nghèo cũng nên bắt chước tích xưa : mỗi bữa ăn cơm, đem con mắt mò treo bên vách, và một miếng cơm, ngó nó một cái mà nuốt, là thấy cũng như ăn. »

Hai đứa con nghe lời, tới buổi ngồi lại ăn cơm, thằng con trai bảy tuổi nó thềm con mắt mò lắm, thấy đó mà khó ăn, nên nó ngó hai ba lần mới nuốt một miếng. Thằng em nó thấy vậy kêu cha mà mét rằng : « Coi kìa, anh hai ảnh ăn có một miếng, mà ảnh ngó tới hai lần ! »

Thằng chả nói : « Đừng thềm nói, con ! Để mặng chết cha nó cho bỏ ghét ! »

64. Xin nước lạnh (bài số 30 tr.15)

Dọn cơm khách mà thiếu hết một phần đũa, ai nấy ngồi cầm đũa mời nhau, còn anh không đũa đứng dậy mà nói với người chủ nhà rằng : « Cho tôi xin một chén nước lạnh. » Chủ nhà hỏi : « Ủa, chi vậy ? ». Anh nói rằng : « Đặt rửa tay cho sạch mà bốc đồ ăn ».

65. Cho đủ cặp (bài số 31 tr.15)

Hai anh ngồi uống rượu, trong đĩa có bốn con đồng độc nướng mà thôi. Anh kia làm một mình đã hết ba con rồi, lại hỏi anh nọ : « Sao anh không ăn chim để ngồi uống rượu nữa ³⁰ vậy ? » Anh nọ trả lời rằng : « Thôi, để anh ăn luôn cho đủ cặp ».

66. Đòi nợ (bài số 32 tr.15)

Anh kia mắc nợ, nhiều chủ tới đòi, ngồi chật bàn chật ghế. Có một anh tới sau hết, phải ngồi dưới thềm. Anh chủ nhà lại nói nhỏ với y rằng : « Mai cậu lại sớm ghé ! »

Người ấy ngỡ là dặn tới sớm mà trả trước cho mình, kiếm chuyện nói mở ngảng³¹ mà về trước. Bữa sau, người ấy đến hồi rặng đông, rồi hỏi chủ nhà rằng : « Anh dặn tôi đến sớm, tôi đến chừng này vừa không ? »

Chủ nhà nói : « Hôm qua cậu ngồi dưới thềm, tôi lấy làm bất bình, nên tôi dặn cậu đến sớm, xin lựa một cái ghế tốt ngồi xí phần trước đi, kéo chút nữa họ tới chật hết chỗ ngồi ».

67. Mỗi ăn nhà (bài số 33 tr.15)

Khách đến nhà hồi lâu, đứng bữa cơm mà không dọn, người chủ lên vô nhà trong, ăn ba miếng uống vài chén, rồi đi ra cầm khách. Người khách nói rằng : « Nhà anh cây cột tốt quá, ngặt bị ba con mỗi nó ăn, uống quá ! »

Người chủ nói : « Không mà ! Nhà tôi có mỗi ở đâu ? »

Khách nói : « Mỗi nó ăn ở trong, mình thấy sao đặng ? »

68. Mua phân (bài số 34 tr.16)

Người làm rẫy kia hay đi mua phân người ta, đặng đem về bỏ đồ cho tốt, tở thấy thùng phân của anh nọ mới hỏi rằng : « Thùng phân đó anh ăn bao nhiêu ? ».

Anh nọ nói : « Tôi dứt giá một quan, thiếu một đồng không được ».

Người làm rẫy trả một tiền rưỡi.

Anh nọ giận mà nói rằng : « Phân người ta, không phải cứt heo mà rẻ làm vậy chớ ! »

Anh làm rẫy đở cộc, nói : « Đặt ra mua bán, có giá cao giá thấp ; phải thì bán, không phải thì thôi, chớ tôi có ăn của anh miếng nào, mà anh làm dữ vậy ? »

69. Chuột cắn (bài số 35 tr.16)

Hai anh nhà giàu với một anh nhà nghèo ngồi nói chuyện với nhau. Anh giàu kia nói : « Tôi giận ba con chuột quá chừng ! Những đồ ăn bị nó vọc hết ».

Anh giàu nọ nói : « Đồ ăn và lúa gạo, nó ăn cũng chẳng trách gì, giận nó một điều là phá áo quần, sách vở lắm ».

Anh nhà nghèo cũng nói : « Chuột nhà tôi không phá quần áo, mà cũng không lục đồ ăn, giận một điều là thấy nó đói mà mình không chịu được ».

Hai anh kia hỏi : « Sao nó đói mà mình chịu không được ? »

Anh trả lời rằng : « Đêm nào vừa thiu thiu ngủ, nó lén lại cắn hoài, hại ngủ đà không được ».

70. Dốt hay nói chữ (bài số 36 tr.16)

Người hay chữ kia, rùi có con vợ hư lắm, cùng chẳng đã, phải đánh và nói rằng : « *Sự bất đắc dĩ tao mới đánh mày, chớ tao cũng biết : giáo đa thì thành oán* ». Có anh dốt kia nghe đặng, cũng về bắt vợ cúi xuống đánh mà nói rằng : « *Sự mất bát đĩa tao mới đánh mày, chớ tao cũng biết : gáo tra dài cán !* »

71. Nói láo như bò (bài số 37 tr.17)

Anh chủ nhà kia hay nói láo, có thằng đày tớ lanh nói đỡ cho anh hoài. Bữa kia anh nói với người ta rằng : « Tôi bị trận dông lớn quá chừng, đến đổi cái giếng nó bay lại cho tới làng xóm ! » Họ nói không có lẽ.

Thằng đày tớ cắt nghĩa rằng : « Sự đó là thiệt ; bởi cái giếng của chủ tôi có rào chận một hàng sơ ly, hôm đó trận dông nó trốc hàng sơ ly qua bên này, nên coi như hình cái giếng bay qua bên ».

Bữa kia anh ta uống rượu say, khoe tài với anh em bạn rằng : « Tôi vào trai gái với con vợ thằng khách ấy, rui nó về, cồn sợ đem giấu tôi trong thùng nhang, thằng ³² dở ra, thì thùng không, tôi đã độn về mất ! ».

Thằng đày tớ nói rằng : « Sự đó là thiệt ; hôm đó tôi có đi theo, thấy thím kia biểu chủ tôi ngồi, lấy thùng úp lại, tôi ngồi ngoài, gần bên lỗ chó, tôi kêu nhỏ, chủ tôi nghe, mang thùng lại dựa vách, chun ³³ lỗ chó mà ra. Thằng khách cầm đèn lại dở ra thì thấy thùng trống ».

Anh ta được mọi, ỷ có đày tớ nói đỡ cho, ăn quen cứ nói láo hoài. Bữa kia người ta đập được một con chuột cống, lớn bằng con heo con, ai nấy lấy làm lạ xúm lại coi, và nói rằng : « Chuột bầy lớn mà mấy người lấy làm lạ, bữa hôm tôi đập được con chuột lớn bằng con bò ».

Họ nói : « Cái đó mới là láo to đa ! »

Anh ta biểu hỏi thằng đày tớ coi. Thằng nói rằng : « Láo bực nào tôi còn đỡ đặng, trừ ra có cái láo như bò, tôi đỡ không nổi ».

72. Đi làm rể (bài số 38 tr.17)

Có thằng kia lanh trai, đi tới nhà cha mẹ làm rể, dọn cơm ra cho nó ăn. Bởi đường xa, đi đói, anh ta ăn hết cơm trong tượng mà không dám biểu bới thêm. Sẵn dịp ông nói chuyện mua nhà, anh ta luôn dịp nói theo : « Thưa cha, bên tôi có thằng đó muốn bán một cái nhà, cây cột còn tốt, ước chừng bằng cái tượng cơm đây ».

Ông ngó coi thì thấy trong tượng hết cơm, hồi trẻ bới thêm cho nó ăn. Ăn đặng ba miếng, ông hỏi tiếp theo : « Vậy chớ nhà đó nó bán bao nhiêu a con ?

Nó nói : « Thưa cha, khi trước nghèo, không cơm nó bán, chớ nay nó có ăn rồi nó không chịu bán nữa ».

73. Lò mò (bài số 39 tr.18)

Có người kia vợ nằm bếp mà không có mướn người nuôi, con em vợ thấy chị mình không có ai giùm giúp nấu nướng xông hơi, mới qua nhà chị mà nuôi giùm.

Ở trong nhà thì chật để được có hai cái chõng mà thôi. Anh ta có ý muốn em vợ, mới lần mò bò vô, rồi nghĩ biết mình làm chuyện quấy, thụt trở ra, bò tới, bò lui đôi ba bận.

Con em vợ nó thấy mà không nói, để coi thử anh vào làm cái gì, con mẹ nó thấy, ngắt thẳng nhỏ khóc lên, rồi ru như vậy : « Ôi, ôi ! Con ôi nín bú cho no : hồi người quân tử, chớ bò đi đâu ? »

Con em vợ thấy chị mình ru như vậy, lại biểu chị mình đưa cháu cho tôi ru cho, rồi ru như vậy : « Cháu ôi ! Hãy ngủ cho ngon ; của dì dì giữ, ai bò mặc ai ? »

Anh ta ở ngoài nghe, nột ý ứng tiếng lên, hát khan như vậy : « Đêm khuya gà gáy ó o, tao ngủ không đặng, tao bò tao chơi !!! »

74. Con rắn vuông (bài số 40 tr.19)

Có thầy kia hay nói láo, bữa nọ đi xa có dắt theo một thằng học trò. Dọc đường, gặp một đứa chăn trâu và chạy và la, mặt mày tái lét, thất vía hồn kinh. Anh ta đón lại mà hỏi rằng : « Thằng kia ! Mầy sợ giống gì dữ vậy ? »

Thằng chăn trâu nói : « Tôi bị con rắn bằng bắp chơn nó rượt tôi. »

Anh ta nói : « Dữ không, con rắn bây lớn mà sợ gì dữ vậy ? Tao mới đập một con trên xóm kia lớn quá, bề ngang bốn thước, bề dài sáu thước. »

Thằng học trò thấy thầy nó nói láo té mòi, mới ngắt thầy nó là có ý biểu thầy bớt bề ngang mà thêm bề dài.

Chẳng ngờ anh ta lại nói : « Ủa quên ! Tao nói lộn, chớ bề ngang bốn thước, bề dài năm thước ! »

Thằng học trò lại ngắt nữa. Anh ta giận mà nói rằng : « Mầy ngắt hoài, làm tao bớt nữa, con rắn ra vuông vức đi còn gì ? »

75. Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ (bài số 41 tr.19)

Ngày kia có bọn học trò đi học nghe sách về, phô khen đạo Nho rằng :
« *Vạn sự tùng nho dã xuất* ».

Xảy đâu gặp một ông già, năm giữa đàn, yếu liệt đang hấp hối, có con gái đứng gần bên ưu phiền phù trợ ông ấy. Các trò thấy vậy, ngừng chơn đứng lại, mà hỏi con gái ấy rằng : « Ông này giống gì chị ? »

Con gái ấy thưa rằng : « Anh vợ ông này là cậu ruột chồng tôi. »

Các trò nghe vậy hiểu không ra, tính ngược tính xuôi, tính bên bác qua bên chú, tính bên cô qua bên cậu, cũng không rõ ổng là gì con đó ; cùn lý, thôi mới hỏi rằng : « Chị nói tréo tréo tro tro vậy ; thôi ổng là giống gì chị, chị nói cho biết chút. »

Con ấy rằng : « Chớ nầy, nghe các thầy nói « *Vạn sự tùng nho dã xuất* » mà các thầy giải không ra lời ngu phụ nầy sao ? »

Các trò nghe thắm mật hổ thềm, lần lần lải rải đi hết.

76. Kính mang coi sách (bài số 42 tr.20)

Một người nhà quê thường ngó thấy ông già bà cả mang kính mà coi sách, thì bữa đi tới phố hỏi mà mua kính. Lấy kính mang vô cầm sách coi thử, rồi cời ra lắc đầu nói kính không tốt. Người chủ phố lựa một cặp tốt nhất trong phố đưa cho. Anh và đeo vô coi sách, cũng lộ ra lắc đầu nói không tốt. Chủ phố mới nói : « Hoặc là anh không biết chữ, anh coi không đặng ấy chăng ? »

Chú nhà quê mới nói rằng : « Khéo nói thật không ? Phải tôi biết chữ tôi coi sách được thì tôi có hỏi tôi kiếm mà mua làm chi ? »

77. Giấu đồ kéo chúng giết (bài số 43 tr.20)

(...)

TRUYỆN ÔNG Ó

Đến đây trích hết các bài hay trong tập Tiểu lâm Phụng hoàng San, bản in Phát toán năm 1912. Từ trương sau, tôi xin lục mười lăm bài in trong tập nhỏ gọi « *Truyện ông Ó* », do ông Bùi Quang Nho ở Bến tre soạn và in tại nhà in Huỳnh Kim Danh, Sài gòn, năm 1913, giá bán Một cắc (0\$10), gồm mười bảy trương, khổ giấy 0.22 x 0.15, nhan sách như vầy :
TRUYỆN ÔNG Ó, BÙI QUANG NHO Soạn.

78. Cho mượn trâu (bài số 1 tr.3)

Ngày kia ông Ó đi dạo trong một làng gần, thấy có người quen đương dọn đất cấy, lúc đó lối tháng chín, ông Ó mới hỏi rằng : « Cha chả ! Tối ngày rày mà cấy chưa rồi sao ? »

Người làm ruộng trả lời rằng : « Tôi năm nay làm ruộng nhiều mà rui xóm tôi trâu bệnh nhiều lắm không có trâu mà làm, tôi còn vài chục công nữa mà không có trâu, phải làm tay như vậy, khổ quá ! »

Ông Ó nói : « Nhà tôi gần mé rừng nên có anh em họ gởi ít cặp trâu đặng cho nó ăn cỏ rừng vì đồng bên tôi cấy rồi hơn một tháng, phải chi anh có chỗ nhốt tôi cho mượn vài cặp về mà làm ít bữa. »

Người làm ruộng tưởng thiệt, mời ông Ó về nhà, trầu nước tử tế, rồi cho đày tớ theo ông Ó đặng bắt trâu. Nguyên chỗ rừng ấy, năm nào khi xông quanh cấy rồi thì mấy chủ trâu đem làm chuồng cầm trâu trong rừng ấy. Khi đó ông Ó về nhà rồi nói với mấy đứa chăn trâu mượn bốn con trâu tơ chưa xỏ mũi, lấy dây chuối cột cổ giao cho mấy đứa ấy. Mà nghề trâu bầy, khi đi xa xa, nghe bầy nó ghé thì giựt dây chạy trở lại. Mấy đứa ấy về nói lại cho chủ nó hay công chuyện như vậy... Sau gặp ông Ó, người làm ruộng trách ông Ó sao nói gạt thì ông trả lời rằng : « Vậy không biết Ó xóm lừa sao ? »

79. Nói láo gạt người hàng thịt (bài số 2 tr.4)

Có một bữa kia ông Ó quá giang ghe trong xóm đi chợ đặng mua ăn, rùi ghe ấy về quên kêu ông Ó, nên ổng phải kiếm ghe khác mà về, chẳng ngờ kiếm cùng chợ không có ghe quen, mới nghĩ ra một kế gạt hàng thịt đưa về nhà, bèn lại gần một thớt thịt nói với người hàng thịt rằng : « Chú bán thịt coi đắt lắm, sao không thấy xuống dưới xóm tôi mua heo ? »

Tên bán thịt nói : « Dưới ông có nhiều heo lắm sao ? »

Ông Ó trả lời rằng : « Tôi ở nhà có một bầy heo mười mấy con, trông cho có ai mua nguyên bần mới bán mà không thấy, một hai khi có ghe lại mua mà họ trả lời thôi nên tôi chưa bán. »

Tên hàng thịt tưởng thiệt, mời ông Ó vô nhà đãi một bữa cơm, rồi cho ghe đưa ổng về đặng mua heo luôn thể.

Khi về tới bến, gặp bà Ó đi xuống bến gánh nước, thì ông Ó nói rằng : « Có chú lái này muốn mua bầy heo của mình. »

Bà vợ biết ý chồng, thì trả lời rằng : « Khi ông đi rồi. Có ghe lại mua xong, bắt mới rồi, nó mới lua ghe, tôi đi gánh nước đặng rửa đồ đây ! »

Tên hàng heo nghe nói chừng hửng, phải trở về ghe không.

80. Nói láo có Sách (bài số 3 tr.4)

Thuở ấy có quan huyện Cái quao³⁴ tánh người ham vui, nghe người ta nói ông Ó nói láo hay nên cho đòi tới mà dạy³⁵ ông nói nghe chơi.

Ông Ó trả lời : « Bẩm ông tôi nói láo có sách, chớ không phải đặt mà nói được. Nếu ông muốn nghe, xin cho phép tôi về lấy sách đem lại nói cho ông nghe. »

Quan huyện tưởng thiệt cho ông về lấy sách, lâu ngày không thấy lại, cho đòi tới mà hỏi sao không đem sách tới ?

Ông Ó trả lời rằng : « Bẩm ông, nói láo là vậy đó, xin ông xét lại. » Quan huyện tức cười, không nói gì nữa.

81. Nói láo tới Huế (bài số 4 tr.5)

Khi đó có nhiều quan lớn ở Huế vô trấn Nam kỳ, đã có nghe ông Ó nói láo, nên khi về kinh (Huế), mỗi lần có đám tiệc vui thì hay nhắc chuyện ông Ó Nam kỳ nói láo hay. Thuở ấy có một ông Đông cung, tánh ham vui nghe nói thì ước ao muốn nghe chơi, nên có nhiều quan muốn cho đẹp lòng Đông cung, khi có anh em đi trấn nhậm trong Nam kỳ thì cậy gọi ông Ó ra. Nhằm lúc có ghe bầu tải lương về kinh nên họ gọi ông Ó theo ghe bầu ra tới Huế. Ngày kia có người dắt ông Ó đem ra mắt Đông cung, nhằm lúc Đông cung đương cỡi voi đi săn bắn với các quan, ngài gặp ông Ó ngoài đường thì ngài mừng³⁶, mới hỏi rằng : « Bấy lâu ta nghe các quan nói rằng người nói láo hay, vậy thì nói cho ta nghe thử. »

Đông cung nói dứt lời, ông Ó trả lời rằng : « Nếu Đức Ông muốn nói cái chi thì gạt³⁷ đầu tôi mới nói đặng. »

Đông cung ngẫm nghĩ một hồi rồi nói rằng : « Thôi mặc ý nhà người muốn nói cái chi gạt ta mắc mớp thì nói. »

Ông Ó nói rằng : « Tôi nói gạt thế chi thì Đức Ông Cũng phải mắc mớp, song Đức Ông đương ở nửa lưng, đầu không tới trời, chơn không đụng đất thì không gạt được. » (là vì ngài đương ở trên lưng voi).

Đông cung muốn thấy tài ổng nói láo làm sao nên lật đật leo xuống đứng dưới đất biểu ông Ó rằng : « Người hãy nói đi. »

Ông Ó Cúi đầu xuống xin thứ tội và nói rằng : « Đức Ông dạy tôi nói láo nên tôi nói láo gạt cho ngài leo xuống đó ! »

Đông cung nghe nói tức cười rồi dắt về cung đặng ổng nói cho gia quyến người nghe.

82. Nói láo gạt các quan (bài số 5 tr.6)

Bữa nọ Đông cung đãi yến các quan, dạy đòi ông Ó tới nói láo cho các quan nghe. Khi ấy ai cũng muốn biểu ông Ó nói nghe chơi.

Ông Ó làm thinh một hồi không nói gì hết, các quan hỏi vì cớ nào mà ông không trả lời, mà coi bộ buồn rầu gì vậy ? Ông Ó bĩm rằng : « Khi tôi nghe Đông cung đòi thì tôi lật đật chạy không coi dưới đất, không biết tôi đạp nhằm con gì nó cắn tôi một cái tôi hất văng đầu mất, mà từ đó tới bây giờ nhức chỗ ấy hết sức, tôi nghe trong mình tê mê nên nói không được. »

Các quan tưởng thiệt, xúm lại hỏi căn chỗ nào ? Kê thì sai đi kêu thầy thuốc răn, chừng ấy có thầy tới hỏi thì ông nói : « Ấy là tôi nói láo cho các quan nghe chơi chớ không có chi hết. »

83. Nói láo gạt quân lính (bài số 6 tr.7)

Mấy ngày ông Ó còn ở tại Huế, đi dạo chơi trong thành phố, mấy cậu lính hầu của các quan thấy ông thì hỏi ông rằng : « Nghe nói ông ở Đồng nai ra đây có việc chi hay là đi nói pha lừng³⁸ các quan nghe ? »

Ó trả lời rằng : « Tôi là thầy địa lý có danh trong Đồng nai, các quan ngoài này người nào có trấn Đồng nai đều biết tôi, nên Đức Ông nghe danh tôi, ngài đòi tôi ra đây đặt chỉ một hai cái bí nhiệm cho ngài học, vì ngài ham học địa lý lắm. »

Mấy người ấy tưởng thiệt đồn vấy với nhau, mấy thầy đội, mấy chú cai đều tới rước ông liền liền mà chủ nào ông cũng hẹn chùng, cho tới ngày ông ra về họ theo đón đường nằng sử xin coi giùm huyết mả, kẻ thì coi cho ông bà, người thì coi cho cha mẹ. Chùng đó Ó nói dứt rằng : « Đức Ông rước tôi ra đây đặt nói láo, tôi cũng nói láo luôn với các cậu cho vui chớ tôi dốt đặc biết gì đâu ! »

84. Nói láo gạt ông quan hưu trí (bài số 7 tr.7)

Có một ông quan già, khi trước vô trấn Đồng nai có gặp ông Ó, nên lúc này hưu trí, ở nhà tại Huế, trong nhà vợ con đều làm nghề dệt hàng lụa. Bữa nọ đi dạo chợ thành linh gặp ông Ó đi chợ bèn kêu lại mà hỏi rằng : « Ông không phải là người Đồng nai sao ? »

Ông Ó ngó lại thấy ông già ăn nói nghiêm chỉnh thì chào và trả lời rằng : « Phải. »

Ông quan hỏi ông phải là ông Ó không ? Ó thưa phải, quan hỏi vậy có chuyện chi hay là ai kêu ra nói láo sao ? (quan này đã biết ông Ó nói láo).

Ó thưa rằng : « Không phải, cách hai năm nay trong Đồng nai để tìm trứng lăm, vợ tôi ở nhà nó cũng trứng, nó kéo được ít yến tơ mà bán không được, có một người lái ghe bầu ở ngoài Cửa Hàn vô ra buôn bán quen với tôi lăm, người ấy rủ tôi ra đây chơi, trước là cho biết xứ sở người, sau tôi bán tơ luôn thể, mà hôm nay chưa bán được, nay có người đi chợ nên tôi theo vào đây chơi. »

Ông quan ấy tuy biết ông Ó hay nói láo, song thấy ông nói có lý nên tin là thiệt, bèn nói rằng : « Như thiệt vậy thì tôi cho thặng này theo ông đặng nó dắt ông đem tơ lại nhà cho vợ con tôi mua. »

Ó đi với tên gia thần ông quan, một đổi xa rồi day lại nói với tên ấy rằng : « Thôi chú trở về bẩm với quan lớn rằng, quan lớn đã biết tôi là ông Ó nói láo đó, chớ tôi có bán chi đâu ! »

85. Nói láo trong dinh Đông cung (bài số 8 tr.9)

Ngày kia Đông cung hỏi ông Ó rằng : « Nhà ngươi ra đây coi nhưn vật xứ này với xứ người cách thế làm ăn có khác nhau không ? »

Ó rằng : « Tôi coi dân xứ này ít làm lắm ; dân trong xứ tôi không vậy ».

Đông cung hỏi : « Sao mà gọi ít làm ».

Ó rằng : « Dân trong tôi cày cuốc cả năm, không cho chỗ đất nào ở không ; còn ngoài này, bởi họ ít làm, nên để đất chai hóa ra đá lâu năm nó sanh sản ra thành núi, bởi vậy xứ này núi nhiều ruộng ít. Trong tôi nếu có núi như vậy, họ đào ít năm cũng sập ! »

Đông cung nghe nói cười ngất, rồi hỏi rằng : « Người nói giỏi vậy mà có thầy dạy hay là người bày đặt ra mà nói ?

Ó bậm : « Bẩm Đức Ông, dầu việc nhỏ mọn cũng phải có thầy. Thầy tôi dạy thường thường năm bảy mươi học trò : cách mười năm nay vua bên Tàu cho rước thầy tôi qua Bắc kinh nói cho vua nghe, khi thầy tôi về, vua có ban cho thầy tôi một trăm cân vàng, lại có cho tàu đưa về, rũi thay đi dọc đường bị ăn cướp Tàu ô giết thầy tôi lấy hết của. Sau vua Tàu hay có gửi thơ qua phủ ử ³⁹ vợ thầy tôi và có phong cho thầy tôi là Tổ sư nói láo. »

Nói tới đó, cả dinh Đông cung nín không được đều cười rộ một tiếng.

86. Từ Huế về Nam (bài số 9 tr.10)

Ông Ó ở tại Huế một ít lâu, Đông cung và các quan thường kẻ ít người nhiều, ông tính về bộ kéo chờ ghe bầu trở vô thì còn lâu, nên hỏi thăm đường sứ trở về.

Khi đi dọc đường, thấy một thứ khoai lang lạ bèn sanh ra một kế đặng kiếm ăn về đường, mới cắt một mớ dây lang ấy, gói lại kỹ càng, mỗi khi đi tới một xóm nhà thì ghé vô xóm xin nước tưới dây lang. Người trong xóm thấy vậy thì hỏi dây gì mà gói kỹ vậy ?

Ó trả lời rằng : « Khoai ngự ».

Họ hỏi sao mà gọi là khoai ngự ? Ó nói : « Thứ khoai này là của vua trồng trong vườn vua. Bởi tôi có một người anh em giữ vườn vua nên lén cho tôi ít sợi dây đây đem về làm giống, khoai này khác hơn khoai ta, trồng nó phải có giàn như giàn bầu, củ nó thòng xuống như bầu vậy, mà ăn củ nó cả năm ».

Ai nấy thấy ông già mà nói kỹ càng như vậy thì tin thiệt, nên năn nỉ với ông mà mua lại mỗi người một hai sợi làm giống. Ông cứ làm như vậy, nội bó dây lang mà đủ ăn về tới nhà.

87. Câu ồng (bài số 10 tr.10)

Ngày kia ông Ó muốn đi ra Vàm Nước Trong, là vàm vô Mỏ Cà, đặng thăm bà con mà đi bộ thì đường không có, khó đi, nên ra mé sông coi chừng có ghe nào đi đặng quá giang, ra đứng ngoài mé sông một hồi lâu, có một chiếc ghe nhỏ ở Mỏ Cà đi ra vàm, tên chèo ghe biết mặt ông Ó mới hỏi rằng : « Ông làm gì đứng đó ? Nói láo nghe chơi ông ! »

Ông Ó bèn nói tình huống rằng : « Tôi câu ồng từ sớm mai tới giờ, hồi nãy đây có con cá gì lớn quá nó kéo tôi gần té xuống sông, tôi sợ đứt câu nên tôi quăng ồng câu cho nó, tôi muốn kiếm xuống mà theo ngật trong xóm tôi không có ghe xuống gì hết, nên ngồi đây nhà ngó. Phải chi chú em cho tôi quá giang theo nó ra tới vàm, coi nó ra tới đâu, như may bắt được chia cho chú một phần ăn chơi. »

Tên kia hỏi : « Ông nói chơi hay là thiệt ? »

Ó chỉ bụi cỏ gần mé sông mà nói rằng : « Tôi trì bụi cỏ đứt còn đó ! »

Tên nọ ghé ghe cho ông Ó xuống, trong khi ghe chèo, ông làm bộ ngó mông hoài. Lúc tới vàm mà không thấy gì hết, thì ông chắt lưỡi mà nói rằng : « Chắc nó trằm dưới bùn nào sâu, mình vô ý không thấy. Vậy chú ghé vô nhà trước kia đặng tôi mượn chiếc xuống nhỏ bơi trở lại kiếm coi may có gặp chãng ? »

Khi ông bước lên bờ rồi thì nói với chủ ghe rằng : « Chú biểu tôi nói láo nên tôi nói láo cho chú nghe đó. »

88. Nói láo tình tuồng, đòn bà hoảng kinh (bài số 11 tr.11)

Bữa nọ ông Ó đi chợ, có gặp một người đòn bà cùng ở một làng với nhau, gặp ông Ó thì hỏi rằng : « Đi chợ sao ông ? Nói láo nghe chơi ! » (vì ông hay nói láo thường, nên ai gặp cũng nói không sợ mịch lòng).

Ông Ó day lại thấy người đòn bà biết người ấy ở xóm trên trong làng mình, bèn nói tình tuồng rằng : « Ủa ! Đi chợ sao em ? Hèn gì ở nhà thằng chồng em nó tung hoành. » (Nguyên người đòn bà ấy, chồng có tánh hay say rượu. Có vợ ở nhà thì chồng nó không dám uống rượu ; mỗi lần vắng mặt vợ thì đều say mà hễ say thì hay gây gổ đánh lộn với bợm say khác, nên Ó biết ý mà nói láo cho con vợ thất kinh, mới nói làm vậy). Con mẹ nọ nghe nói, hỏi việc gì mà tung hoành ?

Ó nói : « Tao nghe mỗ om sòm, tao hỏi thăm mấy người chạy mỗ về nói thằng chồng mầy nó say rượu rồi đánh lộn với người nào đó, đánh bằng cái vi tiền ⁴⁰ lỗ đầu người kia nên chủ quán sợ ra la làng và đánh mỗ... dân tới đã bắt ba người đóng trãng trong nhà làng, vậy em không hay sao ? »

Con nọ nghe thất kinh chạy về thì không có gì hết.

Ngày khác gặp ông Ó, nó trách rằng : « Sao ông ác dữ vậy ? Làm cho tôi hết hồn chạy về bỏ quên đồ đạc ngoài chợ chúng lấy của tôi hết ! »

Ó nói : « Tại em biểu qua nói láo. Nói láo là vậy đó ! »

89. Người chết của hết (bài số 12 tr.12)

Có tên kia con nhà giàu, tánh hay chơi bời, khi thì theo ghe chài ghe lưới, lúc lại theo bạn săn bắn. Bữa nọ đi săn với bọn săn trong rừng gần nhà ông Ó. Tên này thấy dấu heo rừng ủi thì hỏi ông Ó rằng : « Ai làm gì đào hang đào lỗ vậy ông ? »

Ó rằng : « Đó là heo rừng ủi chớ gì. »

Tên kia hỏi rằng : « Heo rừng cũng như heo mình, sao đất cứng như vậy mà nó ủi được ? » (là vì nó ủi lúc đất chưa khô).

Ó rằng : « Trời sanh nó có một cái nằm⁴¹ trên mỏ nó cứng như sắt, để cho nó cạy đất kiếm ăn. »

Anh ta thuở nay tuy nghe nói heo rừng, nhưng mà chưa hề thấy, nên tưởng thiệt. Kế một lát bọn săn giết được một con heo rừng. Tên nhà giàu mừng lấy dao nhỏ trong lưng xẻ cái mỏ con heo mà kiếm cái nằm, không thấy gì hết, mới hỏi ông Ó rằng : « Ông nói heo rừng có cái nằm trước mỏ, sao tôi kiếm không có ? »

Ó trả lời rằng : « Lời tục nói : người chết, của hết. Cái nằm ấy là của trời cho riêng nó mà nay nó chết rồi thì của hết, còn đâu mà cậu hỏi ? »

90. Đặt rượu bằng khoai thúi và khoai Sùng (bài số 13 tr.13)

Tiết tháng sáu tháng bảy, mấy người làm ruộng đào khoai đặng lấy đất ấy mà cấy lúa. Có một bữa ông Ó đi thăm bà con về, trời thì gần tối mà đường về nhà còn xa, Ó tính ghé vô xóm ngụ nhờ một đêm sáng ra sẽ về. Khi ghé vô một nhà kia thấy trong nhà lớn nhỏ đều xúm nhau mà lựa khoai, mấy củ thúi mấy củ sùng thì bỏ riêng ra. Còn trên bộ ván ngựa gần đó có một mâm cơm để sẵn. Ông Ó muốn kiếm một bữa lót lòng, mới bày chuyện ra mà làm như vậy, bèn ngồi xuống lượm mót mấy củ khoai thúi và khoai sùng, lấy khăn gói lại.

Chủ nhà thấy vậy hỏi : « Ông lượm đồ ấy làm chi ? »

Ó rằng : « Dem về đặt rượu ».

Chủ nhà nghe nói mới hỏi làm sao mà đặt rượu gì với khoai sùng ?

Ó nói : « Tôi có học với một người chệc ⁴² làm rượu Sử quốc công. »

(Nguyên thuở ấy người khách có đem qua bán một thứ rượu đựng trong cái ve đen thui kêu là « gia bì ». Rượu Sử quốc công mùi nó như khoai sùng). Bởi vậy nên Ó mới đặt chuyện mà nói láo. Ó rằng : « Lấy khoai sùng đâm cho nát, nhồi một cục để một đêm, rồi gia vô năm vị thuốc, lấy lá chuối gói như làm cơm rượu vậy, ba đêm ba ngày, mở lá ra bỏ vào khạp đập nấp cho chặt, lấy hồ dán cho kín để đủ mười lăm ngày thì cái xác khoai lặn xuống hết. Đoạn múc nước ấy mà ra chai hoặc ra bì thì ngon hết sức ; như muốn uống cho ngọt ngọt thì mỗi khạp phải bỏ vào bốn lượng đường phèn. »

Người nhà ruộng nghe nói dễ như vậy thì ham, bèn mời ông Ó ăn cơm rồi phụ với Ó lựa khoai thúi khoai sùng, lấy cối đâm một cối, nhồi cục để đó.

Sáng ngày sau, Ó nói đi chợ bổ thuốc rồi đi luôn không trở về.

Chủ nhà trông tới tối ngày không thấy trở lại, khi ấy mới hay bị gạt.

91. Chó săn (bài số 14 tr.14)

Ngày nọ ông Ó đi chơi, gặp một bọn vác lưới đi săn heo rừng.

Ó hỏi thăm săn có thịt không, bọn ấy trả lời rằng : « Heo rừng có bọn bọn mà rùi chó dở lắm, nên heo chạy hết. »

Ó nói : « Nhà tôi có giống chó săn giỏi lắm, nội trong xóm tôi ai đi săn đều mượn chó tôi, săn rồi họ cho thịt tôi ăn không hết. ».

Mấy người thợ săn này thuở nay chưa biết ông Ó nên tưởng thiệt, hỏi thăm rằng : « Chó ông giỏi vậy mà có chó con không ? »

Ó nói : « Con chó cái tôi nó mới đẻ năm con, ba đực hai cái. » Thợ săn hỏi : « Ước chừng ông để nhịn cho chúng tôi một con chó cái được không ? »

Ó nói : « Chó tôi thuở nay đẻ được bao nhiêu thì họ cũng nài hết. Như anh em muốn thì theo tôi về nhà, muốn con nào thì tôi sẽ để cho một con chơi. »

Bọn ấy theo Ó về nhà, thấy có một con chó cái ốm nhom, đầu thì đầy những ghẻ chốc, có ba bốn con chó con nằm một bên. Thợ săn hỏi : « Con chó này phải không ? »

Ó nói : « Phải ».

Thợ săn coi biết không phải chó săn thì nói rằng : « Tôi coi tướng nó là chó cỏ chó không phải chó săn. »

Ó nói : « Các người thấy nó xấu tướng, các người nói vậy. Để tôi thuật chuyện nó bắt heo lăn chai cho mấy người nghe. Năm ngoái cũng lối tháng này, khi nó có chửa lứa trước gần ngày, nhằm lúc mấy người lối xóm tôi họ rủ đi săn, mỗi người cũng có đem theo một con chó. Con chó cái tôi đây lúc đó nó đi là à ềnh mà nó cũng đi theo. Khi vô tới rừng, mấy con chó kia chạy vô trước, bữa đó gặp một con heo rừng lớn hết sức, nó đánh mấy con chó kia, con thì rách ruột, con thì chết tươi tại chỗ. Khi ấy con heo đánh

một cái, chó tôi bẽ đầu văng ra xa lắc, tôi thấy vậy nóng ruột, kéo bướng nó ra khỏi rừng. Thời may con heo đã mệt rồi nên nó không theo chúng tôi. Ra được bình yên ; khi ấy thấy con chó tôi tuy trọng bệnh mà coi bộ còn tỉnh, nên tôi hái lá giác rừng, tôi nhai với vôi ăn trầu, lấy dây choại bó lại cho nó, một lát coi hết chảy máu. Lúc ấy chúng tôi cũng đã khỏe rồi, mấy người kia rủ nhau trở vô trong rừng kiểm thấy mấy con chó họ bị heo đánh đó. Chó tôi thấy họ đi nó cũng chạy theo, chẳng ngờ con heo nó vừa khỏe một chút liền đứng dậy rượt theo thợ săn. Ai nấy đều thất kinh, kẻ thì mác thông, người thì lao phụng, đỡ gạt với nó mà chạy... Không dè con chó tôi nó chuyển bụng đẻ ra sáu con, mẹ con nó đeo theo sau đuôi con heo... Thợ săn mảng lo chạy một đôi xa xa, thấy con heo không theo nữa nên họ trở lại thì thấy heo ngồi đó mà cự với mẹ con con chó của tôi. Thợ săn thấy vậy lướt vô đâm giết được con heo. Khi đó coi lại mới hay rằng trong lúc nó rượt thợ săn, nó bị mấy mẹ con con chó ở sau cắn nó đứt nhượng nên không đi được. Con chó tôi, từ bị heo đánh bẽ đầu, chỗ vít tuy lành rồi, mà nó sanh ghẻ hoài nên ai nấy cũng chê nó là chó có ghẻ. »

92. Khi ông Ó về tới nhà (bài số 15 và bài chót tr.17 tập Bùi Quang Nho)

Anh em mừng tới thăm và hỏi rằng : « Ông ra Huế, có thấy cái chi ngộ lạ không ? »

Ó rằng : « Thiếu chi cái lạ. Tôi thấy một khẩu súng trí trước đền vua lớn hết chỗ nói. Ngày kia có người lính quen đem tôi đi chơi, tôi thấy súng lớn tôi trầm trồ, tên lính bắc thang dắt tôi leo lên trên vị súng coi chơi, thành linh trời phát mưa lớn, chạy đi đâu không kịp, tên lính dắt tôi chạy theo lỗ ngòi vào trong lòng súng mà đụt mưa, tới tạnh mới về các người nghĩ coi súng lớn là đường nào ? »

Hỏi rằng : « Ông có gặp mặt đức vua lần nào không ? »

Ó rằng : « Tôi có đi với Đông cung ra chỗ vua ngự nhiều lần. »

Hỏi : « Ông có thấy vua ăn mặc ra thế nào ? »

Ó rằng : « Đồ trào phục của vua như đồ hát bội mà đều thêu bằng vàng thiệt. Có cái mào vua mới nhiều tiền lắm. »

Hỏi làm bằng giống gì mà nhiều tiền ?

Ó rằng làm hết hai chục cân vàng !

Hỏi cha chả hai chục cân vàng thì vua đội sao nổi ?

Ó rằng : « Vậy các người không nghe hễ làm vua có quan phụ chánh ? Quan ấy theo phụ đỡ mào cho vua, sức hai ông phụ chánh, chừng năm chục cân, họ đỡ cũng nổi, lựa là hai chục cân ! »

Lời bàn. – Suốt một tập « *Truyện ông Ó* », mười lăm bài, tôi chấm có câu chót, gọi có chút màu sắc, bao nhiêu kia đều là gạt gẫm tiểu xảo, đọc rồi bỏ qua, chớ hiểu theo nay là mắc tội lường gạt, có lẽ phải ra Tòa. Nhưng đây là tập biên khảo sưu tầm, muốn cho đầy đủ, thì phải chép nốt.

TRUYỆN TIỂU ĐÀM – PHỤNG HOÀNG SAN VÀ DƯƠNG DIẾP

Bây giờ bắt qua một lối hành văn khác của
hai tác giả chung theo đúng nhan sách

93. Sửa mũ mấn (bài số 1 tr.5)

(Xem bài số 4 trong tập này)

94. Chim đồng độc (bài số 2 tr.6)

Có hai vợ chồng con chim đồng độc kia đẻ ra bao nhiêu thì bị người ta hốt trứng hốt con hết, mới dắt nhau qua nói với con rắn xin làm ổ gần nơi bộng cho khỏi bị hại

Con rắn nói : « Thôi, vợ chồng bây về ở với tao, ai mà dám ló đến đây ? »

Ngày nọ một đứa chăn trâu, thừa dịp con rắn đi ăn cỏ, leo lên bộng lấy ổ chim hết. Vợ chồng con chim rầu rĩ dắt nhau qua làm ổ gần bên ổ ong bầu. Từ ấy về sau, thì bình yên vô sự.

Chim mừng mà nói với ong rằng : « Tôi tưởng anh rắn là độc, nay mới biết không bằng anh. »

Con ong khoái chí nói lại rằng : « Đều nói mà nghe, thiên hạ thấy anh rắn ảnh hay nói khứa khóe lỗ miệng, người đều nói anh rắn độc ; chớ găm lại cho kỹ, thì MIỆNG ẢNH SAO BẰNG ĐÍT TAO ! »

95. Không bỏ thói cũ (bài số 3 tr.7)

(xem bài số 236, phần Tiểu lâm Vương Hồng ở tập sau).

96. Nghệt lối (bài số 4 tr.10)

Tên học trò kia còn nhỏ, lịch sự trai, đi học. Có đứa con gái, thấy trò nọ thì muốn lắm. Thường bữa, trò đi học về, con gái đón đường mà nói rằng : « Em gặp anh đây, cũng tử như *Cửu hạn phùng cam võ* » (nghĩa nôm : nắng lâu gặp mưa ngọt).

Trò nọ không biết câu chi đối lại, lấy làm tức mình. Bữa nọ chiều, học trò về hết, một mình anh ta lén ở lại, vào thưa chuyện hết cho thầy nghe, xin thầy dạy một câu đặng đối lại với nó.

Thầy rằng : « Có khó khi, mầy nói lại với nó như vậy : Anh gặp em đây cũng tử như *tha hương ngộ cố tri* » (nghĩa là : xứ lạ gặp người quen).

Anh ta mừng lạ thầy ra về đi nghinh ngang, con mắt dáo dác, có ý kiếm con kia. Chẳng dè con kia thấy chiều nay sao không thấy anh va về một lượt với học trò, thì biết va ở lại hỏi thầy. Kế thấy anh ta đi tới coi bộ vui lắm, con nọ mới nói như vậy : « Em gặp anh đây, như *Cửu hạn phùng cam võ, tha hương ngộ cố tri.* »

Anh va ghét lối, vì nó nói câu chận rồi, tức mình không biết làm sao mới đối như vậy : « Anh gặp em đây, cũng tử như Tử Trình Tử viết *Đại học* nãi *Khổng thị chi di thơ nhi sơ học nhập đức chi môn dã !* »

97. Dâu gội cha chồng (bài số 5 tr.11)

Có con kia mới về nhà chồng, vợ chồng thương yêu nhau lắm. Bữa nọ thằng chồng khuya dậy vác cày thả trâu ra đi cày, không kêu vợ dậy. Con nọ ở nhà ngủ cho đến mười giờ mới thức, ra đi rửa mặt thấy cha chồng ngồi dựa cửa ngó ra. Chị ta ngủ mới dậy con mắt ba chớp ba sáng, thấy cái lưng ống tưởng là chồng mình, tay thì gội miệng thì nói giỡn rằng : « Sao ngủ dậy sớm, sao không kêu người ta dối ? »

Ông cha chồng bị gội ba cái đầu quá day mặt ngó lại, con dâu thấy râu ria xồm xàm mắc cỡ đi cho một nước, vô buồng cuốn mùng gói quần áo xách ra về, không nói với ai hết. Đi ngang gặp thằng chồng đương cày, ngó lên thấy con vợ đi, liền hỏi : « Ủa ! Sao mầy về mầy ? »

Con vợ trả lời rằng : « Ủ, tao dễ, chừng nào cha mầy chết dôi, thì tao mới dễ ở dối mầy ! »

Thằng chồng nghe nói tưởng có khi ở nhà cha mình đánh khảo gì nó đây, cho nên nó giận nó bỏ nó về. Giận quá liền mở trâu vác cày về vừa tới sân quăng cái cày gãy tươi.

Người cha thấy vậy thở ra mà nói rằng : « Hứ ! Sớm mai bị ba gội, bây giờ gãy lợi cái cày ! »

98. Mượn ngựa (bài số 6 tr.12)

Có anh nhà giàu kia mà hay làm mặt hay chữ. Bữa nọ có khách đương ngồi nói chuyện. Có thầy kia quen lớn, viết cái carte mượn con ngựa, sai thằng nhỏ cầm lại đưa, anh ta coi rồi bỏ vào túi mà nói với thằng nhỏ rằng :
« Thôi, mầy về đi, rồi tao lại đi !!! »

99. Thuốc mắc cỡ (bài số 7 tr.12)

Người nhà giàu kia ngậm đồng bạc chơi rui quên nuốt mắc ngang cổ, chạy rước thầy tới cho thuốc.

Thầy rằng : « Có khó gì, mua một bộ bài cào về đốt đi, hòa với nước uống, còn ngoài thì lấy lá thuốc cứu đốt rồi nó ra. »

Chủ nhà hỏi sao vậy ?

Thầy rằng : « Dễ hiểu quá. Trong bị ăn cướp đánh ra, ngoài lửa cháy vô, tự nhiên bạc nó phải lòi ra chớ gì !!! »

100. Hỏi chỗ làm (bài số 8 tr.13)

Bốn thầy làm việc gặp nhau mừng rỡ, bỗ sua hỏi bình an mạnh giỏi, rồi một thầy hỏi rằng : « Vậy chớ bây giờ toa làm sở nào toa ? »

Thầy nọ trả lời : « Mỏa làm Nhà Rông. » ⁴³

Hỏi thầy này, nói : « Mỏa làm Sở Cọp » ⁴⁴

Hỏi vậy còn toa làm sở gì ?- Phú-de ⁴⁵

Hỏi thầy thứ tư : « Còn nghe nói toa làm tòa-bố ⁴⁶ mà làm về việc gì ?
»

Trả lời rằng : « Mỏa làm bộ trâu. »

101. Cõi đầu mua nón (bài số 9 tr.13)

Lão thầy kia ra ngồi tiểu tiện, ngó xuống coi chơi. Có anh nọ, đầu đội nón nỉ đen, đi ngang qua thấy, hỏi giả ngộ rằng : « Hai thầy nói chuyện gì với nhau đó ? »

Lão thầy ngược mặt lên trả lời : « Tôi coi cái đầu nó bao lớn đặng mua cho nó một cái nón. » (bài này tôi có thêm đôi chữ S)

102. Giáo tập (bài số 10 tr.13)

Có kẻ kia chết xuống, vua Diêm Vương nói : « Bởi vì kiếp trước, nhà người xài lả lẫm, thôi kiếp này cho người lên, làm chức giáo tập và cho năm đứa con trai. »

Quý sứ bẫm rằng : « Người ấy tội nặng, sao vua cho có phước đường ấy ? »

Vua rằng : « Người không biết chức nhỏ lương có mấy đồng, mà con thì nhiều, chạy không đủ cho nó ăn thì nó xé thân. »

(Bài này, tôi không đổi một chữ nào và giữ y chấm phết. Mấy thầy xem : con nhiều lương ít, không phải bây giờ mới có.)

103. Thầy say rượu (bài số 11 tr.14)

Thầy kia đi dạy học, học trò hỏi : « Thừa thầy, câu « *Đại học chi đạo* » là nghĩa gì ? »

Thầy giả say quở học trò rằng : « Mầy nè lúc tao đương say mà hỏi. »

Tối về hỏi vợ, vợ rằng : « *Đại học* là tên cuốn sách ; *chi đạo* là chứng cái đạo lý trong sách ấy. »

Sáng mai kêu trò đó mà nói rằng : « Chúng bây đại quá, hôm qua tao say lại đem vở hỏi, nay sao không hỏi đi. Cái hôm qua hỏi đó : *Đại học* là tên cuốn sách, còn *chi đạo* là chứng cái đạo lý sách ấy ».

Tên học trò hỏi : « Thừa, *Minh minh đức* là nghĩa gì ? »

Tên thầy mau mau ôm đầu mà nói rằng : « Khoan ! Khoan đã ! Tao say nữa đây nè ! »

104. Nói chữ An nam ra chữ Tây (bài số 12 tr.14)

Có hai thầy trò dắt nhau lên xứ thiềng thị chơi, thầy nói với trò rằng :
« Mầy theo tao, tao tập nói chữ cho quen. »

Đi tới chợ gặp một đám ma lớn đi, người vợ theo đưa khóc than vang
dày. Tên học trò thấy, lấy làm kỳ, hỏi thầy : « Trên này đám ma họ có hát lý
vậy thầy hé ! »

Thầy sửa lại rằng : « Họ ty toai (tu, toi) ! »

Đi một đổi nữa, tới cái thành, tên học trò hỏi : « Cái chi lớn dữ vậy
thầy ? »

Thầy rằng : « Lũy ! » (lui).

Rồi thấy họ cỡi ngựa. Trò hỏi : « Bò sao không có sừng vậy ? »

Thầy rằng : « Mã » (moi).

105. Thầy đốt (bài số 13 tr.15)

Có người chủ kia rước thầy về dạy con mình học, giao với ông thầy rằng : « Như thầy nói sách sái một chữ thì bớt tiền một quan ». Thầy chịu.

Bữa nọ nói sách Đại học, đến câu : *Ô hô tiên vương bất vong*, thầy nói lầm rằng : « Ư hý tiên vương bất vong ».

Ông chủ nói rằng : « Ô hô », chớ phải « ư hý » đâu ! »

Đến nói sách Luận Ngữ, câu châu con : « Ty cô lễ nhi cận ư hý ».

Thầy nói lầm rằng : « Ty cô lễ nhi cận ô hô ! »

Chủ giận nói : « Ty cô lễ nhi cận ư hý », chớ phải « ô hô » đâu ! »

Thầy giận quá, bữa nọ nói lén với học trò là con chủ nhà rằng : « Cha mày nhiều chuyện lắm, nay ô hô, mai ư hý, nay ư hý, mai ô hô ; có bao nhiêu đó mà bớt tiền tao hoài. »

Đến mãn năm chòng tiền công cho thầy về, toán trừ mấy chữ nói sái, thì còn có ba quan. Thầy giận rằng : « Thị hà ngôn hưng ; thị hà ngôn hưng ! »

Chủ nói : « Thị hà ngôn dư ! Thị hà ngôn dư ! »

Chủ xách hai quan tiền đem cất, còn lại có một quan.

Vợ chủ nhà ra nói : « Thôi, tuy thì nói vậy, chớ công thầy dạy con mình một năm cũng cực khổ, cho thầy phân nửa kéo tội nghiệp ».

Tên thầy nghe nói vậy mừng, chạy lại xá bà chủ mà rằng : « Phu nhơn bất ngôn, ngôn tất hữu trung ».

Chủ rằng : « Sái nữa : Phu nhơn bất ngôn ngôn tất hữu trúng ». Người chủ xách phứt quan tiền đi vô luôn.

106. Thuốc ngựa

Có thầy kia treo bảng bán thuốc ngựa. Có tên nọ vào mua, rồi hỏi phải làm sao ? Thầy rằng : « Có khó gì, bắt đặng con ngựa rồi vạch miệng nhét thuốc vào thì nó chết ».

107. Đánh cha già (bài số 15 tr.16)

Có tên thầy ngoài Bắc vào đất Đồng nai dạy trẻ con học.

Học trò quen rồi cũng học đặng ít tiếng. Bữa nọ đương uống trà, mới ra đối rằng : « *Chén bé* ».

Trò nọ lanh, thấy đó có cái tô, mới đối : « *Bát to* ».

Thầy khen hay.

Trò kia ngụ ý tiếng bát to, mới đối rằng : « *Cha già* ».

Thầy giận, bặt cho một bặt tai chúi lúi, trò và đi và khóc mà rằng : « *Bát to kia không đánh, lại đánh cha già !* »

108. Ngồi lâu phải đổi (bài số 16 tr.16)

Tên lính kia đi thú xa, tánh hay ghen, khi ra đi, vẽ một cái hình ngồi bên của vợ mà làm dấu.

Đi thú ba năm về, coi lại sao sai dấu, giận rầy vợ rằng : « Ủa ! Hồi đó nó ở bên kia, sao bây giờ qua bên này ? »

Vợ trả lời rằng : « Thì nó ngồi một chỗ lâu, nó phải đổi chớ sao ? »

109. Sớm đở tối đen (bài số 17 tr.17)

110. Học lợi (bài số 18 tr.17)

Tên thầy thuốc kia tới làm thuốc rũi chết người ta, chủ nhà giận bắt trói bỏ dưới nhà dưới. Khuya lại thầy lén mở trói lợi sông trốn về, mình mảy ướt hết. Bước vào nhà thấy con đương học mạch, nói với con rằng : « Con có học mạch thì phải học lợi với con nghé ! »

111. Địa lý (bài số 19 tr.17)

Có thầy địa lý nhỏ mới cưới vợ, tối ngủ với vợ, sờ cái mũi, nói rằng : « Đây thiệt phát long chi sơ » ; sờ hai cái vú, nói rằng : « Mừng đặng long hổ cụ toàn » ; sờ tới cái bụng, nói rằng : « Một gò bình sa rất tốt » ; sờ lần xuống nói rằng : « Ủ, đây là kim tinh tốt dữ, có huyết rồi. » Chừng leo lên, vợ hỏi làm gì vậy ?

Thầy rằng : « Tao coi đã đặng huyết rồi, để lo ban lên đặng mà tắc thi khâu. »

Người cha nắm cách vách nghe, mừng cười lớn lên mà rằng : « Con đã kiếm đặng huyết tốt, làm làm sao con cũng để dành đến sau con chôn cha vào đó nghe con ! »

112. Chó cắn tay (bài số 20 tr.18)

Tên thầy kia thấy đứa học trò nhỏ cầm cái bánh bèo.

Thầy rằng : « Mày đem đây tao làm cái trăng khuyết cho mày coi. »

Thằng nhỏ không dè đưa cái bánh cho thầy, thầy day cắn phứt hết nửa cái, rồi nói rằng : « Để tao làm trăng lặn cho mày coi ! »

Thầy vừa há miệng cắn bánh, thằng nhỏ nóng một lấy tay đập lại, lỡ thầy cắn nhầm tay, nó khóc. Thầy và hà tay và dỗ rằng : « Thôi thôi, bữa nay tao tha mày học. Về nhà có hỏi thì mày nói bị chó cắn nhầm tay nhé ! »

113. Mới dựng kệ (bài số 21 tr.18)

Vua Diêm Vương đau. Sai quỷ sứ lên rước thầy thuốc, dặn quỷ rằng : « Nhà thầy nào trước cửa không có ma là thầy hay. »

Quỷ sứ lên đi từ sớm mai đến trưa, coi nhà thầy thuốc nào cũng nhiều ma. Thấy nhà thầy kia có một con ma mà thôi.

Quỷ mừng vào hỏi thầy làm thuốc được bao lâu. Thầy rằng : « Tôi mới dựng kệ hôm qua ! »

Y là mới dựng kệ hôm qua mà đã giết hết một mạng, phải vài ba năm, biết là bao nhiêu ?

114. ĐỪNG CHO THUỐC NGƯỜI MẬP (bài số 22 tr.19)

Có thầy thuốc kia cho thuốc chết người ta. Chủ giận biểu đầy tớ đem ra đánh, thầy quì khóc lóc, chủ giận nói bằng không thì giải quan. Thầy sợ tội năn nỉ xin đem về chôn.

Chủ cho, thầy đem về tẩm liệm xong rồi, nhà nghèo không tiền mướn, bắt hai đứa con và hai vợ chồng khiêng đi chôn.

Đương đi, thầy buồn mới ngâm rằng : « *Làm thuốc như vậy, nghĩ cũng bức* ».

Vợ trách chồng rằng : « *Vì mình làm thuốc, vợ con cực* ».

Thằng con nhỏ rằng : « *Thây nặng đau vai cất chẳng lên* ».

Thằng con lớn rằng : « *Sau đừng cho thuốc mấy người mập !* »

115. Thầy thuốc hay (bài số 23 tr.19)

116. Hết gạo (bài số 24 tr.20)

Có thầy kia dạy học trò mà có tánh dè. Có hai vợ chồng tên nọ cho con học, lão thầy thấy mẹ thằng đó ngộ, ý muốn ve vãn, nói ló mòi ra, con con mẹ nọ biết, nó về nói lại với cha mẹ nó. Hai vợ chồng tính phá ông thầy chơi.

Bữa nọ thằng nhỏ thưa với thầy rằng : « Má tôi biểu tôi thưa với thầy, tía tôi đi khỏi, mời thầy tối nay qua chơi. »

Lão thầy mừng, tối lớn tơn qua, ngồi uống nước mới vừa rồi, kế người chồng về kê cửa. Lão thầy sợ quá, xốn xác không biết chạy đi đâu. Con mẹ nói nhỏ với thầy rằng : « Thôi, dưới nhà dưới tôi có sẵn lúa đương xay đó, thầy xuống giả đò xay, chồng tôi về một chút rồi đi, rồi mình sẽ nói chuyện. »

Lão thầy túng phải xuống xay.

Chừng người chồng vô hỏi : « Vậy chớ ai xay lúa đó ? »

Vợ rằng : « Tôi mượn ông thầy xay lúa. »

Người chồng biểu vợ châm nước uống, uống nước rồi biểu vợ : « Mầy đi nấu cho tao ba hột cháo, tao ăn rồi đi lấy củi. »

Vợ đi nấu cháo ăn uống xong rồi, kéo vợ xuống đè vợ giữa ngựa đó giỡn chơi hoài.

Lão thầy thấy gai con mắt quá phải ráng mà xay cho tới sáng, hết ba chục giạ lúa, rồi rút cửa sau về mất.

Cách nửa tháng, thằng nhỏ nói : « Thưa thầy, tía tôi đi khỏi, má tôi biểu mời thầy qua chơi. »

Thầy giận mà nói rằng : « Thôi, tao biết rồi, bên nhà má mầy đã hết gạo rồi đa ! »

117. Đi thú (bài số 25 tr.21)

Có người đàn bà kia, bị bụng chửa nên dòm xuống coi của mình không đặng. Khi nọ đẻ rồi, đẩy thánng ra ngồi dựa rào mà tiểu, dòm xuống thấy... mừng mà nói rằng : « Dữ không ! Xưa rày mới thấy mặt đa ! »

Vừa có tên lính đi ngang qua nghe nói, tưởng là người ta hỏi mình, liền trả lời rằng : « Ủ, tôi đi thú Chantabuom mới về ! » ⁴⁷

118. Tánh không chừng (bài số 26 tr.21)

Có người kia nhậm con mắt, nhỏ đủ thứ thuốc mà không hết. Có người biểu rằng : « Mỗi bữa sáng ngủ dậy, ra đi tiểu, lấy nước đá rửa nó, thùng thẳng rồi nó hết ».

Va y lời làm theo như vậy, chừng chín mười bữa thì thiệt hết.

Bữa nọ, anh ta ngồi đá, cầm... mà nói rằng : « Mày cho thuốc con mắt tao mạnh, tao thương mày quá ! Tao muốn may cho mày một cái áo, ngạt mày khi dài khi vẫn không chừng tao muốn mua cho mày một cái nón, ngạt mày khi lớn khi nhỏ không chừng ! »

Có kẻ đi ngang qua hỏi : « Vậy chớ ngồi nói chuyện gì đó hử ? »

Trả lời rằng : « Ta khen thầy thuốc hay chớ gì đâu ! »

119. Thuốc rất linh nghiệm (bài số 27 tr.22)

Có thầy kia treo tấm bảng rằng : « ĐÂY CÓ BÁN THUỐC CON GÁI MÊ ».

Bữa nọ tên lính vào mua, tên thầy đi khỏi, người vợ lấy bán. Người lính lộn vào lưng rồi, ngoắc vợ tên thầy vào buồng... rồi đi về.

Kế chồng về, vợ thuật chuyện lại. Người chồng giận quá, nói rằng : « Ai dạy mà lấy người ta ? »

Vợ trả lời rằng : « Nếu mình không làm như vậy, làm sao cho họ biết rằng thuốc nhà mình linh nghiệm ? »

120. Mau phai (bài số 28 tr.22)

Có người kia ở Mỏ Cà, có nghề chụp hình, cậy người đi nói vợ.

Cha mẹ đàn gái nói : « Để tôi hỏi lại coi con tôi nó ưng không đã ».

Tối lại cha mẹ kêu con gái ra hỏi rằng : « Có thầy chụp hình đi nói mầy đó, sao mầy có ưng không ? »

Con gái ấy vùng khóc lên mà nói với mẹ rằng : « Tôi không ưng thầy chụp hình đâu ! »

Mẹ hỏi sao vậy ?

Con gái rằng : « Mau phai lắm ! »

121. Cũng chết (bài số 29 tr.23)

Hai đứa dắt nhau ra bờ tre, trai gái với nhau.

Con gái hỏi thằng trai rằng : « Sao, anh thương tôi không ? »

Trai rằng : « Tao thương mày lắm chứ, như tao mà có bỏ mày, cho tao chết đi ! »

Trai hỏi lại : « Còn mày có thương tao không ? »

Còn rằng : « Tôi mới thương anh lắm chứ, như tôi mà có bỏ anh, thì cho tôi chết. »

Có ông già ngồi sông bên kia đường, nghe liền nói rằng : « Còn tao mà sống không đặng, tao cũng chết !!! »

122. Cũng một môn (bài số 30 tr.23)

Ông kia có ba người rể. Người rể lớn làm thợ bạc, người giữa thợ may, còn thằng rể út không biết làm nghề chi hết, ngày tối ăn chơi.

Ông giận trách rằng : « Làm thợ bạc muốn ăn bót mấy phân có mấy phân ; làm thợ may muốn mấy thước có mấy thước ; chớ mầy du hý du thực mà thôi. »

Rể út rằng : « Chẳng cần gì ! Để tôi rèn một cái mác, rồi tối tôi khoét cửa kho họ, tôi lấy bạc trăm bạc ngàn, chớ thềm thứ một phân hai phân, một thước hai thước như hai ảnh ! »

Ông giận rằng : « Nếu nói như vậy thì là mầy ăn trộm ăn cướp người ta hé ? »

Rể út giận mà nói rằng : « Vậy chớ hai ảnh ăn bót của người ta, hai ảnh là cái gì đó ??? »

123. Hết trị (bài số 31 tr.24)

Có tên kia gánh củi đi bán, rủi đụng nhằm mình tên thầy thuốc.

Thầy giận rằng : « Mày đui sao ? Tao muốn bạt cho mày một bạt tai. »

Tên ấy rằng : « Ý, ý, thầy ! Thà thầy đập tôi mấy cái thầy đập, chớ đừng có bạt tai tôi chết tội nghiệp. »

Có người hỏi sao vậy ? Nó nói : « Người đều nói hể phạm nhằm cái tay thầy thì hết trị ! »

124. Đòi ăn (bài số 32 tr.24)

Có tên kia đau bụng kiết, rước thầy đến hết thuốc, nói với thầy rằng :
« Tôi nghèo không tiền trả, xin thầy cho mạnh rồi, tôi đãi một tiệc cho vui
».

Thầy chịu, cho mạnh rồi mà nó nói dối rằng chưa.

Tên thầy giận quá, lén rình thấy anh đi sông bón, mới nói rằng : « Đó
anh sông tốt quá mà không chịu mời tôi ăn ! »

Anh rằng : « Thầy muốn ăn lắm sao ? »

Thầy nói : « Thì tôi sợ mệ có bấy nhiêu, mà anh xấu ruột quá ! »

125. Cạo váy (bài số 33 tr.25)

(xem bài số 31 trong tập này).

126. Tá thơ ngu, hườn thơ ngu (bài số 34 tr.25)

Có tên kia mới mua bộ truyện hai cuốn hay lắm. Anh nọ nghe, tới mượn về coi chơi. Tên kia có ý xấu nên cho mượn có một cuốn mà thôi. Anh nọ coi thấy truyện đứt khúc đầu, giận không trả.

Lâu quá, tên kia đến đòi, anh nọ trả lại có nửa cuốn, xé để lại phân nửa. Tên kia hỏi sao vậy ? Anh trả lời rằng : « Anh cho tôi mượn phân nửa, thì bây giờ tôi trả lại phân nửa cũng như anh vậy chớ sao ! »

Tên kia tức mình về đi kiện với ông huyện. Ông huyện cho đòi đôi đàng tới hỏi ắt chất rồi mới xử như vầy :

*Thằng cho mượn thiệt là quá dại,
Mượn rồi trả găm lại chẳng khôn !
Hai đàng đà tới giữa nha môn,
Vậy thì nín mà nghe ông xử.*

Đánh vài chục biểu sau đừng có hà tiện !

127. Trên dưới thông đồng (bài số 35 tr.26)

(xem bài số 46 trong tập này).

128. Cho sống lại (bài số 36 tr.26)

Tên thầy kia mang tử đi làm thuốc dạo. Cho thuốc một đứa con nít rui chết, chủ giận biểu phải đem về chôn. Tên thầy bỏ vào tử mang đi về.

Có nhà kia kêu thầy vào làm thuốc.

Thầy vào kéo tử ra hốt, quên kéo tuốt ngăn tử lòi cái thầy thẳng nhỏ.

Chủ nhà thất kinh, hỏi : « Ủy ! Thầy con ai mà thầy đem đó ? »

Thầy trả lời rằng : « Con nhà kia uống thuốc thầy nào chết đi, bây giờ biểu tôi đem về cho thuốc cho sống lại ».

129. Thầy thuốc đánh lộn (bài số 37 tr.26)

Đại phương mạch là thầy cho thuốc người lớn, còn *Ấu nhi khoa* là thầy cho thuốc con nít.

Tên thầy *Đại phương mạch* nắm đầu thầy *Ấu nhi khoa* mà đánh.

Người lối xóm chạy lại can ra mà khuyên rằng : « Thôi, hai thầy cũng đồng đạo với nhau rầy rà làm chi ? »

Thầy *Đại phương* rằng : « Thì đó, mấy ông nghĩ coi ! Như thằng này mới dễ ghét dữ chớ ! Có tôi làm thuốc cho người lớn mạnh giỏi, mới sinh sản con nít ra cho nó làm, còn nó làm con nít rồi không có người lớn cho tôi làm hé !!! »

130. Liên hữu hội (bài số 38 tr.27)

(xem bài số 47 trong tập này).

131. Thuốc trồng râu (bài số 39 tr.27)

(xem bài số 45 trong tập này).

132. Ông già không có miệng (bài số 40 tr.28)

(xem bài số 38 trong tập này).

133. Bị mắng (bài số 41 tr.29)

Có tên thầy kia, người có bệnh đến rước không dám đi, chủ giận sai đầy tớ tới mắng. Thằng nhỏ đi một lát rồi về.

Chủ hỏi có mắng thầy chưa ? Nó thưa chưa. Hỏi sao vậy ?

Nó thưa : « mắc họ ở trước chửi om đó chật quá, tôi chen vô có đặng đâu mà mắng ! »

134. Người lùn hun vợ (bài số 42 tr.29)

Người lùn mới cưới vợ, lúc lên giàn, hun vợ hơn một trăm cái mà chưa thôi. Vợ hỏi sao vậy ? Nó nói : « Chớ để tao xuống dưới rồi, mai tao lên chưa tới đây đã ! »

135. Cũng là thằng đui sương (bài số 43 tr.29)

Một bọn đui dắt nhau đi đường nói chuyện với nhau rằng : « Nghĩ lại trên đời, duy có mấy thằng đui sương hơn hết. Như mấy người sáng đó, cả ngày lợi lặn, sự ruộng nương cực khổ, sao bằng bọn mình, trong lòng thông thả không lo đặng thất gì hết ».

Có mấy người làm ruộng đi sau nghe, mới giả dò quan đi, hét lên rằng : « Quan đi sao mấy thằng này không tránh đường ? », trở cán cuốc khỏ trên đầu mấy thằng ấy, rồi lén nghe, nó lại nói : « Đó thấy không mấy anh ? Đi lại cũng mấy thằng đui sương hơn hết ! Quan đi mà không tránh. Vì chẳng vì, nó đập bụi đập bậm chút đỉnh rồi thôi, không chi mình ! Chớ phải mấy người sáng, thử coi : đã bị đánh thì chớ, mà không biết chừng còn bị ở tù nữa đạ !!! »

136. Tiếng không xa (bài số 44 tr.30)

Hai vợ chồng tên đui đồng ngủ. Vợ hẹn với một người gian phu đến làm công chuyện. Chồng nghe hỏi rằng : « Tao nghe tiếng đó ở đâu làm cái gì vậy ? »

Vợ dối rằng : « Tưởng khi ở vách bên kia họ chơi, ối, chuyện người ta, nói làm gì nà ! »

Một lát lại nghe nữa, chồng lại nói : « Tức quá ! Tao nghe cái tiếng nói lẫn quần lối đây chớ không có đi xa đã ! »

137. Cận thị (bài số 45 tr.30)

Ba người cận thị đi ngang qua tiệm kia, ngó lên thấy trước tiệm có tấm biển hiệu tiệm là Sơn Long.

Anh đi trước nói : « Tiệm đây có bán Song Lang hé ? »

Anh đi sau nói : « Phải đâu, họ đề hai chữ Sà bông mà ! »

Hai người cãi hoà, mới nói : « Thôi để hỏi monsieur sau này có nhãn lực hơn mình. »

Người sau ngó lên một hồi lâu, rồi nói rằng : « Hai anh đều lầm hết. Tôi coi trên đó có biển gì đâu !!! »

138. Bay nón (bài số 46 tr.31)

Người cận thị kia đi lạc đường, thấy trên tấm đá có đậu một con quạ, ngỡ là người ta, kêu mà hỏi thăm đôi ba lần, không nghe trả lời, mới lần lại gần, con quạ sợ bay đi.

Người ấy rằng : « Mỏa (moi) hỏi đường toa (toi), toa làm hiểm không chỉ, hèn gì bị gió thổi bay nón, đáng !!! »

139. Địt hay (bài số 47 tr.31)

140. Ăn trộm địt (bài số 48 tr.31)

Tên ăn trộm kia đánh ngạch vào, chun trốn dưới giường, rùi lờ trôn địt một tiếng lớn quá. Chồng nghe mắng vợ, vợ lại nói chồng, hai người rầy với nhau hoài. Tên ăn trộm nằm dưới giường, tức mình nín không đặng, nói lớn lên rằng : « Địt đó là ăn trộm địt đa ! » Rồi tông cửa chạy mất.

141. Cửa chẳng lìa mình (bài số 49 tr.32)

Một người con gái có nhan sắc lắm, có người nọ nghèo muốn cưới mà sợ nó chê. Mới mượn bà mai cho lan lợi, chuốt ngót nói rằng mình giàu có sang trọng. Con gái ấy chịu. Chờng cưới về, vào nhà thấy nhà rách vách nát, trong nhà không có một món gì nên thân. Con gái ấy biết mình mắc mưu, khóc hoài không thôi. Người chồng mới đem vô buồng... Đương nửa cuộc rồi thôi, mà nói rằng : « Chẳng phải tôi khoe với mình tôi giàu, tôi không phải như họ đâu, có của se sua, chưng dọn ra cho đầy nhà ; chớ tôi thì không, của tôi có bao nhiêu đó, thì tôi ràng theo chẳng khi nào lìa khỏi mình tôi, như mình có chê tôi nghèo, thôi thì đi về đi ! »

Chị ta lau nước mắt và cười và nói rằng : « Ai mà nói cái gì đâu nà !!!
»

142. Dám cho thua (bài số 50 tr.chót 33)

Có người đờn bà kia gánh hai đầu hai giỏ hai con heo đi bán.

Anh nọ đi đường có vác hai chục quan tiền, thấy heo muốn mua mà sợ tổn tiền, mới vác tiền đi sau con mẹ nọ mà nói rằng : « Phải ai cho mình hun cái chéó áo, mình cho năm quan ».

Chị nọ nghe nói, nghĩ cho hun một chút chéó áo cũng không hại gì, chịu đi.

Anh nọ hun cái chéó áo rồi mở năm quan tiền đưa, thiệt như lời.

Đi một đổi, anh lại nói rằng : « Phải ai cho mình bóp vú một chút, mình cho năm quan ».

Chị nọ nghĩ bóp vú cũng không hại gì, chịu đi.

Anh nọ lại bóp một cái rồi cũng trao năm quan tiền nữa.

Đi một đổi nữa, anh lại nói : « Phải ai cho mình MÚM VÔ VÀM một chút, mình cho một chục quan. »

Chị nọ nghĩ : « MÚM VÔ VÀM một chút cũng không hại gì mà đặng một chục quan, chịu đi ».

Anh nọ đem vào bụi, thiệt cũng *múm vô vòm* rồi lấy ra, đưa một chục quan rồi ra đi như thường.

Chuyến này anh ta lại ninh nang đi trước, chị nọ đi sau, thăm đờn, lại nói rằng : « Phải ai *cho vô một chút nữa*, mình cho hai chục quan tiền lại. »

Anh nọ chịu, dắt vô bụi cho đi nửa chừng, rồi lấy ra vác hai chục quan tiền đi trước.

Chị nọ lót tót đi sau, chịu không đặng, lại nói rằng : « Phải ai cho *vô hết trội*, mình cho cặp heo này ! »

Anh nọ chịu, dắt vào bụi, *cho vô thẳng tay*, rồi cũng lấy ra...

Chị nọ không nghe, kéo riết lại mà nói rằng : « Thôi anh làm cho
thăng bữa đi, rồi về nhà tôi cho luôn con heo mẹ nó ở nhà nữa... »

*Dưới bài đề « Sau sẽ tiếp theo »,
nhưng đến năm nay 1970, chưa thấy.*

*Hết tập « Truyện Tiểu Đàm » của
Phụng hoàng San và Dương Diếp
in năm 1914.*

CHUYỆN KHÔI HÀI

Lời bàn và dẫn qua tập « Chuyện Vui »
của ông Trương Vĩnh Ký

Bài số 142, đọc thấy « giựt gân hết sức ». Viết như vậy mới đúng là hài văn, chuyện tiểu lâm. Đọc đến hồi cụp lạp, sôi động, kích thích đến tột độ, bỗng dứt ngang, hẹn sau sẽ tiếp, nhưng trông chờ ngót năm chục năm, từ 1914 đến 1970, mắt dê đã mỏi mòn. Muốn đọc nữa thì hết tập, nhưng rượu trúc bầu, uống chưa đã thèm. Vì thế phải viết. Khi viết, trong tay có nhiều sách cũ, nếu sửa đổi lại rồi in ra làm của mình thì là hèn. Bởi đó, sao lục y nguyên văn.

Tiếng Việt Nam, ai cho là nghèo ? Trong bài 142, mấy tiếng dùng vẫn rề rề mà mắc mỏ không chỗ nói : *múm vô vòm*, cho vô chút nữa, vô hết trội, vô thẳng tay... Cần gì dùng tiếng tục, toàn chữ thanh mà nghĩa tục vô ngần. Nội ba chữ *múm vô vòm*, muốn cắt nghĩa cho thông, không phải dễ.

Tra chữ *múm*, Việt Nam tự điển hội Khai Trí ghi : « *Múm* : mím môi làm cho má phồng lên ». Hiểu vậy mà chưa phải vậy.

Tra ĐNQTAV Huỳnh Tịnh Của, không có chữ *múm*. Ông viết *mắm* và nói : « *Mắm* : mắm vào là châm vào, mới vào. Tỷ dụ : Thuyền mới mắm vào rạch là mũi thuyền mới châm vào rạch ». Nếu vậy, tôi hiểu : chiếc ghe ngoài khơi đút đầu vô cửa sông là chiếc ghe ấy nó *múm vô vòm*.

Thật ra, *múm*, nguyên là tiếng trợ từ. *Mớm* vào là chớm vào, ướm vào, sắp sửa vào.

Đứa trẻ mới sanh, bú vú mẹ là nó *mớm vú mẹ*.

Múm vô vòm dẫn ta đến một thành ngữ khác là « còn ở ngoài vòm ».

Còn ở ngoài vòm là còn ở ngoài vòng, chưa có dính ăn thua, chưa có việc gì. Ngày xưa trong Nam, ưa dùng để nói về chuyện cưới hỏi.

Tỷ dụ : Chuyện ông A cưới cô B, còn ở ngoài vàm, có nghĩa là chưa thành sự thật. Nếu trình kiểm duyệt, ngày nay tôi e cây kéo bà già sẽ cắt, và dạy, còn ở ngoài vàm, nghe tục tũ.

Tra chữ vàm. Vì nghe thường quá, tưởng đâu là tiếng Việt. Rõ lại Vàm là tiếng cơ-me Việt-hóa từ hồi Nam-tiến, gần đây. Vàm cho chữ Péam của cơ-me biến ra. Tự điển cam-bodgien-francais của ông J.B Bernard, 1902, viết :

Péam : embouchure. confluent. Tôi dịch : vàm.

Méât péam : Port, embouchure d'un fleuve. Tôi dịch : cửa sông, vàm vì méât là miệng.

Trong Nam có (xem tự điển Huỳnh tịnh Cửa) :

Vàm Nao, Vàm Tuần, Vàm Cống, Vàm Tấn, đều là các ngả sông lớn thuộc Mékong, Bassac (sông Mỹ-công, sông Ba-Thắc).

Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, là hai ngả sông lớn về cửa Lôi-rạp.

Vàm Tượng là vàm lớn thuộc Biên-hòa.

Vàm Tấn ở ngang xứ Đại-Ngãi (Sốc-trắng) và tôi biết chắc :

Vàm Tấn là do hai tiếng cơ-me *Péam Senn*, việt-hóa ra như vậy.

Bao nhiêu tiếng nói và thành-ngữ như trên, không ghi lại đây, một ngày kia không ai biết nữa và sẽ mất đi. Muốn cho dễ nhớ, có thể và không gì hay hơn là tiểu lâm. Sở kiểm duyệt có đồng ý với tôi không ? Bằng như không cho nói tục tũ, thì tôi xin kiểm duyệt luôn các bộ tự điển vì những chữ tục đều có ghi trong đó.

Nếu tự điển chứa nhiều tiếng tục mà được phép in, thì « tiểu lâm » tức là « rừng cười » cũng phải cho in đủ, không bỏ không bôi chuyện nào. Đốn những cây đại thọ, nhổ bỏ những dây thúi địt, cỏ cặc chó, cây dái ngựa thì còn gì là rừng ? Ai cũng biết nước mắt là không thơm. Thế mà những ai xa xứ xa nhà lâu năm vẫn nhớ mùi nó mà xin hỏi hương để nếm.

Con ngựa đực đứng ăn cỏ, cạp nhằm miếng cỏ có mùi nước đái con ngựa cái, hí mở lên cười lớn, ta có cấm ngựa cười chưa ?

Con người lương thiện, làm lụng tối ngày, không làm chánh trị, trong lúc nghỉ xả hơi, bày chuyện chọc cười cho bớt khổ, nếu kiểm duyệt cấm luôn thì khổ nạn cho con người ấy quá.

Ngày trước, khi còn cạo giấy để ăn cơm chánh phủ, có lúc coi về công văn « đi » và « lại » (courrier à l'arrivée et au départ). Trong sở, trước khi tới đến, có bày ra ba tập bì đựng giấy tờ, trên bì có ghi chữ lớn : tập thứ nhất « CHO VÔ » (entrée), tập nhì « CHO RA » (sortie) tức là công văn gửi vô trình quan trên và công văn xem rồi gửi ra để phân phát cho các sở dưới tay. Còn tập thứ ba, quan trọng không kém, thì ghi « CHO RA LUÔN », lúc ấy tôi ngồi chung một phòng văn với ông Dương Văn Minh, hai đứa tôi cứ cười ba danh từ này hoài... thét ông chủ sở hỏi duyên cớ tại sao chúng tôi cười, tôi cắt nghĩa, ông cũng cười theo và từ ngày ấy, rút tôi bỏ qua sở khác cho tôi khỏi cười. Như vậy, ba chữ « cho vô », « cho ra », « cho ra luôn » muốn thanh cũng được, muốn tục cũng được, tùy theo mình hiểu và cắt nghĩa, tục ở chốn phòng the và thanh ở chốn nha môn văn phòng, tuy nó vẫn là nó.

Tiếp theo đây, tôi xin chép y nguyên văn ba mươi tám « Chuyện vui » của nhà tiền bối trong Nam, ông Trương Vĩnh Ký. Đây là chuyện khôi hài cũ vào thời đó, ngày nay cuốn này rất khó kiếm, không chắc Thư viện Quốc gia còn tàng trữ, tôi không muốn giữ làm của riêng, xin sao lục ra đây, nhan là : Chuyện khôi hài TRƯƠNG VĨNH KÝ

143. Cũng vậy (số 1 T.V.K)

Gần tới ba bữa tết ai nấy rộn ràng sắm sửa dọn nhà dọn cửa lăng xăng viết liền viết đối rục rờ trong ngoài. Có một người kia kì cào, ai làm gì mặc ai, cứ thường. Tới ba mươi lấy tờ giấy quỳn đem ra viết hai chữ : CŨNG VẬY, treo lên đó. Anh em chúng bạn tới thăm đầu năm, hỏi làm gì bầy hầy vậy, không dọn dẹp một chút một đỉnh đỏ đen ba bữa với người ta cho vui ? Anh ta chỉ tấm liền ấy mà nói rằng : Ai sao tôi cũng vậy ; ai có giống gì tôi cũng có giống nấy, có thua ai đâu nào ?

144. Thơ ngày tết (số 2 T.V.K)

Học trò đi học phương xa, ngày tết nhớ nhà, mới làm bài thơ ăn tết thế này :

*Năm cũ – bước qua năm mới mung,
Bữa ba ngày tết rất thung dung ;
Nem ngoài hàng thịt không lo gói,
Bánh gỏi các nhà khỏi mượn bung.
Nêu bữa ba mươi đà kẻ cặm,
Pháo nhờ hàng xóm đốt nghe chung.
Ai đưa mai mốt thì đưa trước.
Việc quải việc đơm cũng chẳng cùng.*

145. Tú Suất⁴⁸ lật váy bà quan (số 3 T.V.K.)

Tú Suất là tay kì cào hay chơi lật lờ. Bữa kia, bà tổng đốc đi ngang qua trước phố ; trời thì mưa lâm râm. Chúng bạn cắc có đổ nhau, ai dám ra làm thế nào mà lật váy bà quan lớn chơi.

Anh ta chịu phóc lấy, lẳng cẳng trong phố bước ra, lạnh chanh trật chơn bòn văng lên váy bà ấy. Lật đặt chạy lại, miệng nói : « *Trăm lạy bà, con xin lỗi* », tay cầm khăn xách quách cái váy lên làm bộ chùi lia, ban đầu còn thấp thấp, sau càng dờ lên cao. Bà quan mắc cỡ lấy tay đưa xuống, nói rằng : « *Chả hề chi* ».

146. Lấy quần chúng phơi ngoài sào (số 4 T.V.K.)

Người ta thấy nhà kia phơi cái quần nhiều đại đóa tốt lắm. Mới đố Tú Suất làm thế làm sao mà lấy cho được coi thử thì làm. Tú Suất bịt khăn bện áo vô, ở trường mà đi giày, ở dưới thuyền bước lên đi ngay vô sân, rút quách cái quần mặc vô, đứng cặp tay sau lưng, nhắm cảnh chơi.

Trong nhà la lên : « Ủa ! Thầy ở đâu vô lấy quần người ta mà mặc kìa ? »

Anh ta nghe đỏ mặt té tai : « Ủa, cái này mới lạ cho chớ. Phao vu ngang dữ này ! Tré bay, đi mua coi trầu, mời lý trưởng lại đây cho tao ».

Lý trưởng tới ; Tú Suất thưa : « Thưa với lý trưởng, xin phân xử cái điều nhà này phao vu cho tôi xấu hổ quá. Tôi này, danh giá này mà đi vô ăn cắp quần mà mặc hay sao, mà nó dám đè ne cho tôi thế ? Thẹn tôi quá, tôi không nghe. Mặt này mà không có quần mà mặc, phải tới đây rút quần chúng mà mặc hay sao ? Nói cái thật quả phi lý ; không phép tôi ở trường mà tôi đi... »

Nghe nói rất lắm, chủ nhà sợ năn nỉ chịu thua đi cho rồi kéo lôi thôi khó lòng.

147. Tú Suất giành mền ông huyện (số 5 T.V.K.)

Cũng là Tú Suất, bữa kia, đi lỡ đường trọ nhà quán. Ông huyện đầu cũng vô ngủ đó nữa. Nghề con nhà học trò làm quen với nhau mau lắm. Trò chuyện trà lá với nhau. Ai dè anh ta tiềm tâm sẵn, muốn đoạt của ông huyện mà bỏ quán xá kéo mình tay không, không có lấy một đồng dính tay. Mới đốt đồng tiền, lữa khi ông huyện ra đi ngoài mà làm dấu nơi góc mền.

Nằm kề nhau, khuya lại giả dò ngủ mê, giật mền ông huyện mà đắp. Ông huyện tưởng cơn mê ngủ cũng để cho mà đắp. Sáng ông huyện dậy sớm ra đi. Kêu Tú Suất dậy. Va nằm đó ư ư không dậy : « Quan huyện ngài có gấp, ngài đi trước đi, tôi thong thả vậy. » Nhắm mắt ngủ lại.

Ông huyện nói : « Không thì trả cái mền cho trẻ nó bỏ vô cọ vô xiêng⁴⁹ cho rồi đừng có đi cho sớm chớ. »

Tú Suất nổi sung lên : « Ủa, ngài làm quan mà ngài nói cái mới lạ cho chớ, này ! Mền của tôi đang đắp sờ sờ, ngài nói của ngài ngài đòi, thật ngài làm bí mặt tôi quá. Mền tôi có dấu của tôi đây rõ ràng... »

Cãi không lại miệng, ông huyện nhịn thua bỏ đi đi.

148. Chữ Thiên trời đầu (số 6 T.V.K.)

Lão kia hay chữ mà cà xốc, thấy con kia đề đạm nhúm nha có duyên có sắc thì hát chọc rằng :

*« Thấy em cũng muốn làm quen,
Lại sợ em có chữ thiên trời đầu »* ⁵⁰

Con kia đáp lại :

*« Anh ơi, chớ nói thêm rầu,
Chữ thiên trời đầu lại có phết vai ».* ⁵¹

149. Thơ hòa thượng (số 7 T.V.K.)

Thăng cha học trò khó kia lý lấu, nghe chùa hòa thượng làm đám ; lết dép mo tới kiếm ăn. Mà thầy ấy không ngỡ ngàng gì tới, mới giận mà viết ba chữ dán cửa nhà chùa rằng :

*Thăng trọc nào thăng trọc nấy,
Trốn sâu lậu thuế tới ở đây.
Bao nhiêu xôi chuối đều ních hết,
Đã ra chó má chẳng phải thầy !*

Hòa thượng thấy vậy, liền biểu dọn cơm nước xôi chuối bưng ra một mâm vun chùn mà đãi ai ta. Ăn no nê rồi, anh ấy mới làm thơ khác sửa lại mà tạ, dán cửa thế này :

*Hòa thượng nào hòa thượng nấy,
Tu nơn tích đức tới ở đây.
Bao nhiêu xôi chuối đều phân phát,
Đã ra tiên bụt chẳng phải thầy.*

Lưỡi không xương nhiều đều lắt léo, nói xuôi cũng được, nói ngược cũng xong.

150. Đối « thần lần » với « khí gió » (số 8 T.V.K.)

151. Đối được vợ (số 9 T.V.K.)

Anh học trò khó lịch sự bảnh bao người, đi khuyên giáo, tới nhằm cái nhà kia giàu có. Trong nhà thợ đang còn làm ầm ầm ạc ạc, cũng có thầy lang (thầy thuốc) với thầy pháp tới đó nữa.

Con gái nhà ấy đã đúng tuổi chưa có chồng, thấy vậy thì thương, ra nói rằng : « Thôi, đừng có đi khuyên giáo làm chi mà xấu hổ đạo học trò, để tôi ra cho một câu đối, ai đối được trúng ý tôi thì tôi sẽ lấy người ấy làm chồng.

Ai nấy nghe ham chộp rộp. Xin cô ra câu đối đi. Cô ấy ra rằng : « *Đế Nghiêu, đế Thuấn, đế Võ ; Võ, Nghiêu, Thuấn, tam đế truyền hiền* ».

Chú thợ mộc hộp tộp đối lại rằng : « *Bào rà, bào tách, bào xoi ; xoi, rà, tách, ba bào phạt mộc* ».

Thầy pháp cũng nóng đối rằng : « *Lôi thiên, lôi tướng, lôi bông ; bông, thiên, tướng, tam thiềng trừ quỉ* ».

Thầy chùa xen vào đối rằng : « *Bồ đề, bồ tát, bồ lương ; lương, Đề, Tát, tam Bồ cứu khổ* ».

Thầy lang lại đối rằng : « *Huỳnh cầm, huỳnh bá, huỳnh liên ; liên, cầm bá, tam huỳnh giải nhiệt* ».

Anh học trò lịch ịch ở sau, đối rằng : « *Vương Văn, Vương Khải, Vương Thang ; Thang, Văn, Khải, tam vương kế Thánh* ».

Đối trúng ý, trúng đề, cô ấy chấm được.

May cha chả là may ; sẵn nhà sẵn cửa, sẵn cơm sẵn gạo ; nhảy phóc vô đó một cái, sướng đã nên sướng !

152. Câu đối có chí khí (số 10 T.V.K.)

Ông huyện kia đi dọc đường, gặp một thằng con nít đi học về. Thấy bộ mặt đứa sáng láng bánh lảnh, mới kêu mà ra câu hỏi rằng : « *Tự* là chữ, cất dẫn đầu, chữ *tử* là con, con nhà ai đó ? »

Đứa học trò chí khí đối lại liền : « *Vu* là chưng, cất ngang lưng, chữ *đinh* là đứa, đứa hỏi ta chi ? »

Ông huyện nghe biết đứa có chí lớn, bèn nói sau nó sẽ làm nên mà chớ. Mà thiệt như làm vậy chẳng sai.

153. Than kinh (số 11 T.V.K)

Bữa kia thầy bốn sớ làm lễ mờ, có ông bõ than điều thứ sáu vua David than tiếng ồ ồ dở khẹt, mà tướng đâu là giỏi là hay lắm.

Bên nữ, có mẹ già kia khóc thút thít.

Nghe sứt sứt hỉ mũi, anh ta càng rống ồ ồ hơn nữa.

Đến khi lễ rồi, ra, bõ mới hỏi bà già : « Chớ sao hồi tôi than kinh, bà khóc dữ vậy bà ? »

Bà kia chẳng lành thì chớ, vọt miệng trả lời rằng : « Tôi nghe tiếng bõ ồ ồ, tôi nghĩ tôi nhớ con bò hoa tôi nó mất đi mấy bữa rày, tôi tiếc tôi khóc.
»

154. Bẻ cau (số 12 T.V.K)

Chú lính Huế trọ trọ, ở hầu quan lớn, đi kiếm mua cau tươi, mà không có tiền mới đi làm xăng. Đi tẻ vô xóm, thấy cây cau tơ tốt buồng, lại leo tuốt lên. Trong nhà thấy chạy la : « Chú này chú ngang dữ bay ! Đang giữa ban ngày chú leo chú bẻ cau người ta kìa ! »

Hàng xóm chạy tới, một người một tiếng la dức om sòm : « *Thằng cha này ngang quá ghẹ đi cà ! Có xuống không ?* »

Thằng lính ở trên ấy mới thả giọng trọ trọ mà nói rằng : « *Ừa, xuống thì một ngày một xuống chợ ! Mà choa cộ ăn cặp ợ mô. Vộn choa đi hầu quan lộn kinh lược, choa gập anh em bạn dừng lại nọi chuyện, quan lộn ngài đi tuột mật chã biệt mô mà tìm ; choa mợi leo lên cô ni, mà mông coi thự ngài đi ngọ mô mà theo, mần rãng mà lại nọi choa thì bẻ cau. Tượng nọi mần rãng, chợ nọi rựa thì choa phạt một chực.* »

Tách một mép tuột xuống xung xăng đi mất.

155. Hóc lưỡi búa (số 13 T.V.K)

Người trong Huế, trong Nghệ hay đi đàng bộ ngả Tam điệp ra Bắc thành. Mà các ảnh cần kiệm lắm. Tới quán hỏi mượn cái niêu nấu cơm. Sẵn có cái búa bửa củi để một bên bếp, anh ta lần hồi ngời coi nồi cơm, cầm cục tháo quách lấy lưỡi gói vô trong cơm. Mụ quán ngời rửa bát liếc thấy.

Anh ta mang gói ra đi. Mụ quán chạy theo kêu giật giọng lại : « *Bớ cậu kia, trở lại đã. Cậu ăn cắp lưỡi búa tôi cậu đi.* »

Chú lính cùng quăng trở lại : « *Nội cại mọi ực cho chợ ni !* », quăng cái gói ra : « *Đọ, mụ xẹt lậy mụ coi* », dỡ gói cơm ra, có lưỡi búa : « *Vậy chớ cái chi chi đấy, đờ quả tang chưa ? Mà còn chối lẻo lẻo ?* »

Chú bộ hành mới nói rằng : « *May nhà mụ, mà cũng phước nhà choa ! Phại mà mụ không cộ nội, thì choa học lượi búa chệt đi còn chi mô ? Thôi, giạ ơn mụ, choa đi* ».

156. Cá rô cây (số 14 T.V.K)

Nghệ An là tỉnh rộng lớn đàng đất, lại đông dân sự hơn các tỉnh cả và nước An Nam. Người xứ ấy hay co ro còm rỏm cần kiệm quá. Người ta thường hay nói người Nghệ đi ra Bắc hay giắt lưng một con cá rô bằng cây khéo lắm, hễ tới quán thì chỉ xin mua ít trự cơm mà thôi. Quán hỏi có mua đồ ăn, thịt đông, chả giò, nước mắm chi không ? Thì nói không, xin một chút xiu nước mắm dầm cá mà thôi. Bỏ cá cây vô đĩa lật qua lật lại, húp cho mặm miệng mà trợn cơm ba miếng. Làm lộn làm vậ cho khỏi tốn tiền đồ ăn. Ăn rồi giắt cá vào lưng phúi đít đi ra.

157. Nửa trự cơm, nửa trự canh (số 15 T.V.K)

Người kia ở trong này ra Hà nội, tới quán trong lưng rờ coi đà ráo túi may còn lại có một đồng tiền bẽ hai. Anh ta làm điếm nói với mụ quán : « *Mụ bạn cho tôi nửa trự cơm với nửa trự canh.* »

Mụ quán xúc cho. Anh ta đổ canh vô hết, và mà ăn, nhăn mặt lại : « *Cha chà ! Mặn quạ, mụ làm phước cho thêm một tị cơm.* »

Trộn rồi ăn cũng chắt lưỡi : « *Chừ lại lạt quạ, ăn chà vô mô, mụ làm phước cho thêm chụt canh.* »

Ăn lua ba miếng chắc bụng, vạch hầu bao ⁵² lấy hai miếng tiền sứt, đưa ra : « *Tịnh cho phân biệt nợ, đây này là nửa trự cơm, còn đây là nửa trự canh* ». Rồi bỏ đi liền.

158. Yá vấ (số 16 T.V.K.)

Chú lính Huế chứng hay làm trẹo chơi. Đi đường mắc sông mới cắc cóngồi xề một bên cửa ngõ chúng yá. Người ta thấy la mắg om sòm : « Ủa, thắg cha này bậ chết ! Ở đầu khéo tới mà yá vấ không kìa ? »

Nó liền day lại mà nói : « *Cơ khộ thồi thồ ! Ợ ngoài Huệ vô đầu mà yá, còn kều là yá vấ. Đi mô chừ mà yá cho khọi yá vấ ?* »

159. Ăn hàng không trả tiền (số 17 T.V.K.)

Đời ông Tả quân, có đem quân hoang ngoài Bắc về, lấy làm đội tòng thiện mà sửa tánh nó lại, kêu là Bắc thuận. Mà bởi các ảnh ngang lăm, nên người ngoài đặt lại kêu là Bắc nghịch.

Bữa kia các ảnh nghe rao : « Ai ăn bánh canh không ? » Kêu lại, xúm biểu múc ; ăn no nê, quệt mỏ bỏ đi.

Con bán bánh mới hỏi : « Ủa ! Ăn rồi sao không trả tiền ? »

Các ảnh nói ăn trọt rằng : « Cơ khổ ! Mấy qua nghe kêu : « *Ai ăn bánh canh không ?* » mấy qua tưởng là bánh thí, mấy qua mới kêu mà ăn ; phải hay vậy mấy qua có ăn làm chi ! »

160. Nghe trống ném ki đi về (số 18 T.V.K.)

Cũng là bọn Bắc thuận, đi làm việc quan gánh đất đắp lũy bồi thành. Đến giờ nghe trống cho nghỉ, đưa nào đưa nấy quăng đại, giữa chừng cũng bỏ xuội xuống đó mà đi về. Chú cai mới la đòi đánh : « Còn một chút, không dám ráng tới nơi tới chốn mà đổ ? Gấp về dũ bay ! Tao đánh lột da đi bây giờ cho mà coi ! »

Các ảnh nói kì cào rằng : « Anh chả có lẽ đánh ; việc quan có giờ có khắc. Lệnh quan cho nghỉ, chúng tôi nghỉ ; đổ đây, thông thả chiều lại gánh. Anh dám đánh thì anh đánh đi ! »

161. Con học trò (đồng nhi) cứu thầy già Sáu (số 19 T.V.K.)

Buổi kia ngoài Bắc, có thầy già Sáu kia bị kẻ ngoại bắt ngang trước cửa nhà có đạo. Chúng nó thộp ngực thầy ấy đang xăm rằm lo trối. Con có đạo ở trong nhà, đâu cũng mười bảy mười tám tuổi, thấy vậy nóng ruột tính mưu cứu. Vụt đâm đầu chạy đại ra, bóp thầy ấy cho một bặt tai : « Tôi đã có biểu ấy cứ ở nhà ru con thì xong, ai bảo đi đâu mà lờ khờ thế ? » Năm tay kéo lôi đi mất. Rồi ra nói : « Các cậu khéo nè đưa đại đưa khùng mà bắt làm chi ? Nó là chồng tôi, mà nó khờ đại quá. » Chúng ngờ là thật, rã ra cả, rút nhau về.

Lời chú của người chép truyện. – Đây là cảnh bắt đạo đời trước, thưở đàng cụt. Có lẽ bắt người tu không bắt người có vợ, cho nên người này nhận diện làm chồng để cứu nguy cho thầy Sáu già.

162. Cứu Cự cho khỏi bắt (số 20 T.V.K.)

Có một mục khác, trong nhà có trữ cụ đạo, đồ lễ, sách kinh chi có đủ. Quan quân đâu, có ai báo, tới vây bắt.

Mục ấy lệ trí, nhũ cụ thoát ra ngõ sau. Mục mới vây lửa củi để dưới giường nằm ; đồ lễ, chén thánh, sách vở đem liệt cả trên giường lấy chiếu trải lên ngồi đó. Mặt thì choàng hầu ngồi rên hì hì.

Quân vô xét cùng nhà, dở cửa ra dở cửa vô năm bảy bận mà thấy mục ở giường cũ, không có vô. Mục và rên và nói : « Xin các cậu khép cửa lại cho tôi, kéo năm bung năm bấp gió máy tội nghiệp. »

Xét không được khi mồm gì cả, kéo nhau về mất.

163. Anh kì cào (số 21 T.V.K)

Nhà kia có hai anh em đều đi tu cả hai. Người anh làm cụ sở, người em còn làm thầy tư (bốn chức) mà yếu đuối. Cho về đi giúp cụ anh.

Bữa kia người ta rước cụ anh đi kẻ liệt xa. Thầy em xin đi theo : « Cụ đi, mình cũng đi với ». Anh rằng : « Sợ thầy đi không nổi, ở nhà thì hay ». Thầy ấy nói không hề gì. Thôi, đi thì đi. Đi đã hơn trót nửa phần ngày, mỗi chơn mỗi căng ; vừa tới cái suối, nước trong vắt, ở trong đá chảy ra ro re ro re ; thầy em vùng nói : « Mình ở lại đây, mình tắm một cái chơi cho mát, rồi mình về thôi. Việc cụ đi thì cụ đi, nó phải việc chi mình mà mình hòng phải đi cho mệt xác. »

Lần kia thầy về thăm nhà. Đâu lại gặp chị năm bếp, mà yếu, ít sữa, lại không được sỏi cho mấy. Anh rề mới cậy : « Cậu chịu khó đi mượn giùm cho một vú chút. Ủ, biểu trẻ đưa quan tiền cột lưng. » Ra đi tối ngày, ăn hết tiền, lơn tơn về. Anh rề mừng chạy ra hỏi : « Sao, mượn được vú hay không ? » « Ồi thôi ! Đi khắp cả cùng làng cùng xứ mà coi, mà coi thì người nào người nấy đều có hai vú cả, không ai một vú mà hòng mượn. »

164. Thầy kiện (số 22 T.V.K.)

Thằng kia dốt, nghèo không có chi, nghe ông nhà giàu kia kén rế hay chữ, ai đổi cho hay nhằm ý ông thì ông gả con cho. Đã nhiều nơi tới mà không xong. Anh ta nghe ham cũng lướt dép mo tới. Ông ấy hỏi nó đi đâu ? Nó thưa nó tới chịu kén. Ông vừa thấy con của ở trong thùng kiếng bò ra ; ông chỉ mà nói rằng : « *Con của đó* », đổi làm sao thì đổi đi.

Nó không biết cái khi mốc chi cả, sượng đi đó. Mà phép làm thình đi sao. Nó mới giơ cây dù nó cầm ra mà nói rằng : « *Cây dù đây* ».

Ông nhà giàu mắng cù bớ cù bắt đuổi đi : « Đồ bá láp ! Dốt đặc ! Vậy cũng lết tới làm phách ! »

Tức mình về đi tới thầy kiện lo. Thầy kiện hỏi đầu đuôi gốc ngọn rồi nói : « Được, không hề chi ; về chạy năm chục đem đây, mai đi với tao thì xong. »

Sáng ngày ra, thầy trò dắt nhau tới. Ông chủ thấy liền nói : « Ông đem cái thằng bá lếu đi đâu ? Nó không biết chữ nhưt là một, lựa là giống gì ? »

Thầy kiện : « Vậy chớ nó giỏi lắm đó, ông à. Nó đổi lại cây dù, cao lắm đó. »

- Cao làm sao mà cây dù đổi với con của ấy, mà gọi là cao ?

- Ấy, ông nói vậy mới lắm, không mấy thuở gặp đứa cao trí thế ấy đâu. Ông chẳng ra nôm rằng : « *Con của đó* », thì nó phải đổi nôm rằng : « *Cây dù đây* ». Con của là « *hoành hành hải ngoại* », nó đổi cây dù là « *độc lập thiên trung* ». Còn đổi làm sao hay hơn nữa ?

Ông chủ nghe thấm thấm, sau chịu đi, mà gả con cho nó.

165. Khăng khái (số 23 T.V.K)

Ông quan lão kia, người khăng khái, ăn ngay ở thật lắm, oai cũng chả sợ mà dữ cũng chả lo, cứ ngay thẳng làm hơn. Ông thấy ông vua hay tây tà mới chuộng cũ vong, thì ông tâu rằng : « Bệ hạ làm như người chất củi ; cây nào sau thì để lên trên, cây nào trước thì cứ để nằm dưới chịu ẹp đó hoài, không cất đầu lên được. »

166. Cấp trí (số 24 T.V.K.)

Người lệ trí cái chi đều đã lượng trước đi rồi, nên thường có lâm vấp rùi ro điều gì thì cũng an tại, không hay buồn rầu, chặt lưỡi, bứt đầu, bò xa bò xít thể nọ thể kia đâu : cứ giữ một mực luôn luôn. Có một lần kia có cái người lệ trí thể ấy đi chợ mua ít cái đồ cần dùng, om đất, nồi gọ, đồ gốm, mỏng mảnh hay bể ràng rịt chặt chĩa, xỏ cây dù quảy toong teng xăm xúi đi về. Đến chỗ kia đứt dây rớt xuống một cái bịch, bể tan bể nát ra cả. Anh ta cũng cứ lăm lúi đi mãi thế, cũng không ngó lại mà cũng không tỏ ra dấu gì tiếc chút nào ; cứ tự nhiên như thường vậy. Là vì biết đâu có làm sao đi nữa, có quày ngó lại, đứng coi đi nữa, thì cũng chẳng ít gì, việc đã rồi ; lại có khi chúng nói làm dơ đường, chúng bắt ở lại đó mà lượm miếng mà quét đi cho sạch nữa chẳng.

167. Tú Suất đóng cũi giải nạp về tỉnh thành (số 25 T.V.K.)

Tú Suất văn vật chữ nghĩa lanh nên quan lớn tổng đốc có cho vôi vôi ở dạy con cháu người trong nhà. Bữa kia như gần tới ngày lễ ăn mừng năm tháng năm, Tú Suất mới xin phép về nhà quê viếng mẹ già. Quan tổng đốc trao cho ba nén bạc, ít cây lụa, ít cây vải đem về làm quà (cho chác) bà con. Đi dọc đường thấy chúng đánh xóc đĩa, ngứa tay vôi đánh chẳng những thua hết ba nén bạc, lại thua tới lụa tới vải nữa.

Vừa may lúc ấy có ông lãnh binh mới, tỉnh sai đi bắt Chiêu Lãn là tướng giặc. Anh ta mới thiết kết bắt ông lãnh binh mà gỡ nợ chơi. Vậy thấy lính kéo đi tìm nữ tướng giặc, liền đâm đầu chạy chun vôi bụi. Lính áp lại vây bắt, anh ta ra mặt nói rằng : « Thôi, trời đã chẳng cho ta làm nên, thì phải chịu. Xin các cậu bắt thì bắt, đừng có đâm chém làm chi, ta là Chiêu Lãn đây ». Đóng cũi bỏ vôi, ông lãnh binh mừng điệu về tỉnh thành. Bữa hội hàm, khiêng cũi ra giữa sân, lính đóng hàng châu hai bên oai nghi lắm.

Quan tổng đốc dạy mở đồ che ra coi thử mặt Chiêu Lãn ra thế nào. Dở ra thấy Tú Suất, chưng hửng : « Cơ khổ, nó nhè thẳng cha Tú Suất nó bắt nó đem nộp ».

Trong ấy anh ta thút thít và khóc và bầm : « Thân lạy quan nhưn, con lĩnh ba nén bạc, lụa, vải quan lớn ban, con về dọc đường bị quân ông chánh lãnh, lấy hết bạc, lụa vải đi cả. Ước con quá. Trăm lạy nhờ phước dư quan nhưn... »

Quan tổng đốc dạy mở Tú Suất ra mà đem lãnh binh lại, bắt chạy bạc, lụa, vải thưởng cho Tú Suất.

168. Chọc con ông Tổng đốc (số 26 T.V.K.)

Cô Hai, con ông tổng đốc kia, ngồi võng đi dạo phố chơi. Tú Suất ngồi chơi với anh em bạn trong phố. Anh em đố Tú Suất dám ra chọc (ghẹo) cô ấy chơi. Tú Suất lớn tợn chạy ra, con mắt nheo, tay ngoắt, làm cô ấy mắc cỡ sượng, biểu trẻ võng về thưa với cha, nói người ta ở ngoài phố chọc xấu hổ, bêu bạo, thút thít.

Cho đòi trưởng phố, khai, bắt Tú Suất vô, quan lớn hỏi : « *Già mi ợ xự mô : mi làm giộng chi ?* »

Tú Suất, mắt nheo, tay ngoắt, mà bậm răng : « Trăm lạy quan nhớn, con ở xã... tổng... con là học trò... »

Mỗi khi quan lớn hỏi mà va bậm lại, va cứ va làm cái miếng mắt nheo tay ngoắt mãi.

Sau quan lớn tha về, kêu cô Hai mà dức sao việc có một chút làm tương bưng phở lữ : « Vậy chớ con không thấy nó có tật làm vậy hay sao ? »

169. Đánh phách (số 27 T.V.K.)

Dở thì hay đánh phách. Lão kia mới học nghề võ nhóm nhem biết được một hai miếng, đến đâu thì đánh phách khua mỏ rân đi đó. Bữa kia anh ta đánh ba hột cơm dẫn bụng, xách dù ra đi dạo xóm chơi. Nhắm bữa nước rông ngập, cầu kì trôi đi hết. Tới cái rạch rộng, không biết liệu làm sao mà qua. Liền cởi quần cởi áo buộc trên đầu mà long ngang qua. Mặc quần áo lại đi xăm xúi tới nhà quen đó ; vào trầu nước, ngồi mới vụt mới nói : « Cha chả ! Lâu ngày nháy, hôm nay qua rạch nước rông trôi cầu đi mất, làm tôi phải nhảy, dám moi đui kinh đi đó ! »

Chủ nhà biết nó nói phách mà lại nói láo, vì hồi nó lội qua thì chủ nhà đang ở trên cây cau bẻ cau thấy rõ ràng nó tuột quần đội đầu lội qua ; thì nói lại rằng : « Cơ khổ. Vậy mà hồi nãy tôi leo hái cau, tôi thấy ai vấn quần vấn áo trên đầu mà lội qua, tôi nói là anh đó ấy ! »

170. Làm bộ chị thợ làm bánh (số 28 T.V.K.)

Con mẹ kia tới giùm đám cưới. Người ta khéo thì làm chả làm nem, mà con mẹ vụng thì kêu đèn đánh chó. Chị ta thấy có khách, lại chỗ kẻ khéo làm bánh, lấy bột trây đầy mình, ra vô làm bộ chị thợ cho người ta khen ; lảng xãng nói mình mắc coi làm bánh làm trái. Bà chủ đám nghe nói trái tai, để một lát, mới kêu : « Chị kia, chớ cái dao cán bạc ăn trầu đây, trẻ nó nói chị lấy ở đâu, đem lại bữa cau ăn đây nào. »

Chị ta chối đay đay : « Cơ khổ thôi nhưng ! Tôi những mắc ôm củi rửa bát không hờ tay ; tôi có lấy dao làm chi mà ai lại nói tôi lấy ? »

Lòi chành ra, chúng biết, hết làm bộ thợ khéo đi chút.

171. Thợ chạp ròng trở phụng (số 29 T.V.K.)

Anh kia bất tài, có vợ rồi mà chưa có nghề gì làm ăn, đi theo bọn thợ làm tiểu công mà học. Mỗi bữa đi về hỏi vợ dọn cơm ăn mà thường hay nói với vợ mình học đã thành tài, chạp trở giỏi : *Chạp ròng trở phụng là tao đây.*

Con vợ lanh không nói gì ; đã nhiều phen anh ta chi tiếng ấy ra cho vợ mắng, lo ăn lo uống cho khá.

Bữa kia người vợ đi xóm lật đật chạy về hào hển, ngồi thở ra. Thằng chồng mới hỏi : « Chớ sao vậy ? Giống gì vậy ? »

« Ủy ! Thôi đừng có hỏi ! Chết đi bây giờ chớ chơi ! » Vợ và thở và nói.

Thằng chồng càng tức hỏi : « Giống gì thì nói chớ, làm thế gì như ma bắt vậy ? »

Vợ thở dài : « Ủy cha ôi ! Quan quân đang đi tìm bắt thợ chạp ròng chạp phụng, làm sao hư phạm, sai kiểu sai thức của vua ; đang đi bắt ầm ầm đi đó ! Chưa lo mà vén ót đi ? Bay đầu đi chớ không phải chơi !!! »

Chú chàng nghe cũng đà thất kinh, mà vì anh ta vô can, nên mới nói rằng : « Chạp ròng trở phụng là mấy anh thợ cái, chớ tao thì tao cứ khiêng cây xeo gỗ cho họ làm mà thôi, tao có biết chạp trở ở đâu mà tao hòng lo ? »

Té láo ra chút.

172. Làm xây (số 30 T.V.K.)

Lão kia đi đường tới quán cơm ăn uống no nê, nghỉ chơn nghỉ căng xong rồi, coi chừng coi đỏi bắt quách con ngõng của mục quán nuôi, ôm ra đi ngoáy ngoáy. Mục quán hỏi ban đầu có hỏi tên nó rồi, nó nói tên nó là Ba Rưởi. Mục quán nóng ruột chéo véo chạy ra ngoắc kêu : « Ở chú Ba Rưởi... »

Nó lăm lúi đi mà nói lại rằng : « Chín rưởi chưa được nữa là Ba Rưởi ! » Theo van mãi, nó cứ vậy nó nói. Hai bên hàng xóm người ta tưởng nó là người ôm ngõng đi bán, còn mục quán là người đi theo trả mà mua, ai dè nó là người đồ xây thế ấy.

173. Chó có sừng (số 31 T.V.K.)

Có đứa con nít kia ở đất nhà quê, không biết con dê ra làm sao, chưa hề có thấy bao giờ, bữa nọ thầy nó đem nó đi ra đất dinh, tới nhà kia có nuôi hai ba con dê. Nó lúc láo đi coi thấy, lật đật chạy vô thưa với thầy rằng : « Cha chả ! Chó xứ này dị cục khác chó xứ mình dữ lắm, thầy à ! »

Thầy nói : « Nó cũng vậy thôi, có khác gì ? »

Nó nói : « Thưa khác lắm chớ, chó này có sừng ; kia cà, thầy bước ra mà coi ! »

174. Dụng mưu làm thuốc (số 32 T.V.K.)

Có đứa con gái kia khi vờn vai làm sao trật lắt léo xuôi tay xuống không được, cứ giơ lên như vậy mãi. Thầy mần sửa hết sức cũng không xong.

Có một anh kia dùng léo mà chữa được, là đến biểu kêu nó ra rồi giả dò coi, xớ rớ xớ rớ đằng trước ra đằng sau, đằng sau ra đằng trước, rồi thò tay giựt quần nó một cái. Nghề thứ con gái hay mắc cỡ, liền quên đau mà lật đật lấy hai tay chụp quần mà vậ lại, thì liền lại như trước.

175. Thầy rờ (số 33 T.V.K.)

Có thằng cha kia tính hay mê sắc, thấy gái muốn lắm, mà nhát không biết làm làm sao, mới tới hỏi người kia thạo việc đời, từng trải cuộc chơi. Người ấy không biết dạy nó nghề làm sao. Mà cũng bắt tử đi, vậy mới dặn nó tối có muốn đi rờ, thì kêu ảnh đi theo với, ở ngoài cho vững cho, kéo mà sợ, có điều gì thì kêu, không có làm sao...

Bữa ấy hai thầy trò dắt nhau đi. Thằng nọ chun vào rờ con kia, ló quờ sao nó chụp được nắm đầu. Thằng ấy thất kinh la lên : « Thầy ôi, nó nắm đầu tôi... » Thầy ở ngoài nói rằng : « Không có hề gì. Mà giữ lấy, nó nắm mũi kia mới sợ ». Con nọ nghe, buông đầu nắm mũi, nó mới giật vượt khỏi chạy ra được. Hú vía.

176. Ông huyện với ông đồ (số 34 T.V.K.)

Có anh học trò thi đậu ông đồ ở đâu tới xứ chỗ ông huyện nhậm, ở dạy học, mà hay làm cách thể ông đồ lắm, đờn địch chơi bởi phong lưu, ông huyện không ưa mới làm một bài thơ biếm chơi rằng :

*Tú tài thi đỗ những khóa mô ?
Làm tích trong nhà mặt tỉnh khô.
Con trẻ ngất ngơ kêu cậu cống,
Mụ già nhóc nhách gọi cha đồ.
Ngày dài đờn phím nghe inh ỏi,
Buổi vắng thơ ngâm tiếng ầm ồ.
Ai khiến tới đây làm bậy bạ ?
Khen cho phôi lớn quá hơn bồ.*

Ông đồ nghe được thì bộ (họa) lại như vậy :

*Biển rộng minh mông dễ cạn mô ?
Đố bay một gáo múc cho khô.
Tuy chữa vẻ vang quyền cậu cống,
Song đà tỏ rõ mặt ông đồ.
Nhờ chút ơn Nghiêu nhuần phới phới,
Sá chi muông Chích sủa ồ ồ.
Cắm loài thạc thử lòng tham chạ,
Đố khoét cho tao lúa hết bồ.*

177. Ngô thì Sĩ với ông Tán lý Thường (số 35 T.V.K.)

178. Người can đảm (số 36 T.V.K.)

Ông tiền quân Trảm (tổng Trảm), nguyên là người ngoài Bắc, bị đày vô Nam với ông Khôi. Sau giặc Khôi nổi mà bị binh trào hạ thành được, bắt đóng gông bỏ vô cũi điệu về kinh.

Người ta thấy bị mang gông, người ta xúm lại, người ta coi, thì tổng Trảm bèn làm một bài thơ như vầy :

*Thiên hạ ai ai có thấy không ?
Cang thường một gánh, chả phải gông !
Oằn oại hai vai quân tử trước,
Nghinh ngang một cỗ trượng phu tòng ;
Sống về đất Bắc danh thơm ngợi,
Thác ở trời Nam tiếng hầy không ?
Nên hư cũng bởi trời mà chớ,
Há dễ là ai hại đặng ông ?*

Sau ngồi cũi điệu về Huế, ra tới Bình Thuận, ông ấy cắn lưỡi mà chết đi.

179. Cà xốc (số 37 T.V.K.)

Anh kia cũng là con nhà học trò chữ nghĩa văn vật mà nghèo phải vay phải tạm của ông nhà giàu kia, giàu mà dốt, hết ít chực quan tiền, mà tới kì hẹn không có mà trả, nên bị bắt tới ở xó chái xó hàng ba.

Bữa ấy có ông nhà giàu khác quen tới thăm ông chủ nhà giàu ấy. Ngồi nói chuyện, nói : « Đây anh giàu có có tiếng, mà anh có vật chi quý không không biết, chớ tôi, tôi có một vật thật quý. »

- Vật gì vậy, anh nói tôi nghe thử ?

- Tôi có một con gà, nó thường gáy : « Giàu có kho ! Giàu có kho ! »

Ông kia nghe vậy thì nói : « Tôi cũng có một con quý như vậy là con chó tôi nó sủa : Giàu hú ! Giàu hú ! »

Chú học trò bị bắt nợ nghe gai lỗ tai, chạy vô xen rằng : « Thừa với hai ông, tôi nghèo thì nghèo, tôi cũng có một cái cối đập quý lắm. »

- Quý thế làm sao mà kêu là quý, nói nghe thử ?

- Quý là hễ khi giã gạo, nhứt là khi giã lia thì nó kêu ngộ lắm.

- Nó kêu làm sao ?

- Nó kêu : « Láo xược ! Láo xược ! Láo xược ! »

180. Tú Suất bắt mụ nữ tu (số 38 T.V.K.)

(số chót tập « Chuyện khôi hài » của ông Trương Vĩnh Ký)

Tú Suất là người lanh lợi, nói xuôi cũng được, nói ngược cũng xong. Khi ấy có nhà nữ tu có tiếng ; trong ấy có một đứa con gái lịch sự xinh tốt ; người ta ai ai cũng đồn.

Anh em bạn biết ve nàng ấy thì khó lắm, không ai ve được ; bữa ấy mới đổ Tú Suất làm làm sao mà nhận mà bắt nàng ấy ra cho được.

Tú Suất chịu. Vậy mới tập trẻ hầu hạ, đứa kêu bằng chú, đứa kêu bằng bác, đứa kêu bằng cậu, đứa kêu bằng dượng, sắp đặt tử tế.

Tú Suất mới viết thư cho người đem vào thưa với bà sư cô coi nhà nữ tu ấy, mà xin bà ấy cho vợ mình lại, rằng nàng ấy tên là ấy, thật là vợ mình, vì giận hờn nhau mà bỏ mà lánh mình đi tu mà thôi. Nhứt diện xin với bà sư cô, nhứt diện đi thưa với làng sở tại. Làng đòi bà sư cô biểu đem nàng ấy ra đình làng mà tra hỏi cho ra việc.

Ở trong chùa kéo nhau ra nhà làng các đứa hầu Tú Suất chạy theo, đứa kêu bác, đứa kêu thím, đứa kêu mợ, đứa kêu cô dì mà khóc cùng đường rằng : « sao có bỏ... (chú, bác, cậu, dượng) mà đi tu cho đành ? »

Làng hỏi, nàng thưa một hai không có chồng, không biết người trai ấy là ai bao giờ...

Làng bắt lý rằng : « sao trẻ năm bảy đứa em cháu nó khóc nó kêu nó nhìn mình ; sao nó không nhìn các cô khác ? »

Nên làng dạy bà sư cô giao lại cho Tú Suất đem vợ về.

Nàng ấy giãy giụa khóc la mà phải vưng phép làng mà về theo Tú Suất, không chối cãi gì được.

*

Lời bàn : – Đọc 38 bài trong tập « Chuyện khôi hài » như trên, in năm 1882, cách đây đã tám mươi tám năm, học được nhiều việc ngộ :

- nhà tiền bối Trương Vĩnh Ký, cũng là một cây viết khôi hài thuở nay ít ai biết : trong cuốn của tôi, còn nhiều hàng viết bằng bút chì xanh đỏ, nguyên bút tích nhà học giả này, chứng minh ông muốn tái bản và có sửa đổi ít nhiều, nhưng tôi thấy không tiện ghi lại vì sợ rườm rà. Ý tôi là chép lại y nguyên văn bản in, để thấy chữ quốc ngữ cách gần một trăm năm, không thay đổi mấy.

- văn quốc ngữ trong Nam, buổi phôi thai, nhứt là của ông Trương Vĩnh Ký, viết rất dễ dàng, y hệt như văn nói chuyện, và chứa đựng nhiều chữ thông thường, khi lạm dụng thì văn trở nên nặng nề, nhưng khéo không là ở chỗ dùng đúng lúc đúng chỗ : thì, mà, thì là, đó hé, đó hử, đó chúc, làm xây, làm điểm, đánh lột da... cơ khổ thôi nhưng...

- tuy trong chuyện khôi hài, nhưng ông Trương Vĩnh Ký nhắc lại những mảnh sử vụn buổi giao thời : tích ông tổng Trăm đạo Tiền quân, chuyện ông Tán lý Thường và ông Ngô thì Sĩ, chuyện Tú Suất, chuyện mấy ông ghe hầu mấy ông quan lớn đời xưa, và ông khéo kể lại những dụng cụ từ khí nay không còn thấy biết nữa : cái cọ, cái xiểng, vông điều, cái nồi bung, nôi niêu, cái hầu bao, cái ruột tượng, v.v...

Ngày nay, thiếu chi người tự phụ không cần đọc văn xưa. Tôi lại sưu tầm và kiếm không có mà đọc.

Nói chuyện tiểu lâm mà không kể chuyện Cống Quỳnh thì vẫn còn thiếu. Vậy đây là chuyện ông vua cười Trạng Quỳnh cùng với năm chuyện khác, đều tuyển chọn trong những bộ sách hiếm :

181. Ông Cống Quỳnh

(Bài 30 Chuyện Đời Xưa Trương Vĩnh Ký, bản năm 1914, từ tr.41)

Truyện ông Cống Quỳnh đậu trạng, có nhiều đều pha lửng trở trêu tức cười.

Bữa kia có một người ở xa tìm tới kinh vào châu vua, đem dưng cho người một mâm trái trường thọ. Mới đem vô, nói chưa xong, ông Cống Quỳnh lại lấy lột ăn phứt đi. Vua thấy ông làm đều vô phép, si hồ cho vua, thì ngài dạy đem mà chém đi.

Ông ấy quỳ xuống tâu rằng : « Tâu Bệ hạ, muôn muôn tuổi. Nay tội tôi hỗn hào vô lễ, mà Bệ hạ đòi chém, thì là đáng lắm. Muôn tâu Bệ hạ cho tôi nói một ít lời cho cặn kẽ, rồi tôi sẽ ra chỗ pháp trường : trái này gọi là trái trường thọ, mà sao tôi ăn vô chưa khỏi cổ đà thấy chết ? Vậy thì nó là trái đoán thọ mới phải. »

Vua nghe được tha ông đi.

Bữa khác, vua ngự đi chơi, quân gia binh lính châu chực hầu hạ, thiên trùng vạn điệp. Ông Cống Quỳnh đi tắm ngó thấy, lật đật chạy dứt đầu vô bụi giơ dít ra. Vua ngự ngang qua thấy mới hỏi ai. Cống Quỳnh quì xuống tâu : « Tôi nghe ngài ngự, tôi núp không kịp, nên phải làm làm vậy ; tục nói : *hễ giấu đầu thì ra đuôi* ».

Trong nội, vua có nuôi một con mèo, cổ cọt cái xích bằng vàng. Cống Quỳnh vô ra ôm quách về nhà ; lấy xích vàng ra, cọt dây nuôi ở nhà. Mà thường ông biểu đem hai đĩa, một đĩa thịt thà, chả gỏi ; còn một đĩa, thì cơm nguội trộn với đầu tôm xương cá ; hễ nó lại ăn đĩa đồ ngon thì đánh ; nên nó quen đi cứ đĩa đồ hèn mà ăn mà thôi.

Vua tiếc con mèo, sai đi kiếm táo tác, kiếm không ra. Người ta nói có ngó thấy Cống Quỳnh nuôi con mèo giống in con mèo của vua, có khi nó đó. Vậy vua cho đòi ông Trạng tới, hỏi con mèo. Ông nói một hai không phải. Vậy ông bắt con mèo đem tới, biểu quân đem hai đĩa cơm, một đĩa đồ

ngon, một đĩa đồ quấy quá : mềo của vua thì thường ăn đồ mỹ vị, ngon lành, mà của tôi đâu đồ ngon mà cho ăn, ăn những cơm nguội cơm ngăm, mắm muối quấy quá vậy thôi ; nếu nó ăn đồ ngon thì thật là của ngài, mà như nó ăn đồ hèn, thì nó là của tôi chắc

Dem ra, thì con mềo tập đã quen, cứ lại đĩa cơm nguội mà ăn, thì Cống Quỳnh vỗ tay cười. Ấy ! Của dân sự nghèo nà thì nó như vậy ! Ôm mềo về mất.

Bên Tàu qua đi sứ, đem dưng vua một cái ve thủy tinh, liền không có miệng, mà trong có nước, xin hỏi làm làm sao mà lấy nước cho được. Vua cùng đình thần bối rối, không biết giải làm sao. Vậy hể đòi Cống Quỳnh tới, hỏi tính làm sao. Cống Quỳnh mới nói : « Tưởng là giống gì khó lắm, việc này liệu được mà ».

Vua mới giao cho anh ta mang về. Sáng ngày lọt xợt vô. Vua ra lập trào rước sứ Tàu choặng giải việc hỏi. Ông Cống Quỳnh tay xách dùi đục, tay cầm cái ve của sứ đem qua. Vua phán hỏi. Cống Quỳnh quỳ xuống : « Muôn tâu lịnh thiên tử, Tàu hỏi ; làm thế nào lấy nước ra cho được ? Vậy hể muốn lấy cho được nước, thì phải đánh mới được. » Và nói và đập bẻ cái ve đi.

Năm sau, sứ đem một con trâu có tài báng⁵³ lộn ăn hết các trâu bên Tàu. Dem qua hỏi coi thử An Nam có trâu nào giỏi hơn chăng ?

Vua đòi Cống Quỳnh tới hỏi coi thử tính làm sao.

Cống Quỳnh vào chầu. Vua phán : « Đó bây giờ Tàu người ta đem con trâu báng giỏi nhất có tài, coi thử mình có đem ra cự. Trạng tính làm sao ? »

- Muôn tâu Bệ hạ, có khó chi, để tôi về tôi tính. Xin sứ để ba bữa.

Ông Trạng về biểu bắt con nghé nhỏ còn bú, nhốt riêng nó ra, đừng cho bú ba bữa.

Tới ngày sứ đem trâu tiếng Tàu ra, ông Cống Quỳnh dắt con nghé ra.

Vua ngự ra, sứ bộ cùng triều đình tụt tới coi. Thả trâu lớn của Tàu ra, nó hăng đứng nghênh đó. Cống Quỳnh thả trâu ghé ra. Nó nhịn bú đã ba ngày, khát sữa, thấy trâu lớn tưởng là trâu mẹ, lảng cẳng chạy lại xúc xúc dưới bụng nơi sau háng, trâu Tàu nhột chịu không đặng, chạy mà tránh cho khỏi kéo nó rúc nhột. Càng chạy, nó chạy theo xúc, cong lưng chạy miết dài.

Cống Quỳnh đứng vỗ tay la : « Trâu Tàu thua rồi ! Trâu An Nam ăn rồi ! Thèm đem trâu lớn đầu. Sức con ghé con, ốm tong ốm teo, mà trâu kia còn phải thua nữa là ! »

Bước qua năm sau, Tàu giận thấy mình thua trí người An Nam, mới sai sứ đem một cây gòn đẽo bào bằng gốc bằng ngọn, lại kéo sơn đôi ba nước, mất da mất thịt cây đi hết, ở giữa có đề hai chữ : *Túc tử*. Đem qua đó An Nam biết là tên cây gì, lấy chữ đó mà bàn cho ra tên. Lại đó biết đầu nào là gốc đầu nào là ngọn.

Các quan hiệp nghị, mời Cống Quỳnh tới hỏi : « Sao, ông tính nói cái ấy đặng hay là không ? »

Cống Quỳnh chịu, lãnh về nhà tính. Sáng ngày ra, vua ngự, lập ban cho sứ vào châu, Cống Quỳnh vào quỳ xuống tâu : « Chữ *Túc* là lúa, chữ *Tử* là con. Hễ là : *còn lúa con ăn con mập, hết lúa con mòn con gầy : thì là cây gòn*. Còn biết nói đầu nào gốc đầu nào ngọn, thì xin xuống mé sông tôi sẽ coi. »

Vua quan cùng các sứ thầy đều xuống theo mà nghe nói. Dạy khiêng cây xuống. Ông Quỳnh mới thả day ngang qua sông, thì nó phải day trôi theo giọt nước ; đầu nào day trước ấy là đầu gốc.

Đến sau vua sai ông Cống Quỳnh đi sứ bên Tàu. Nhằm khi có các anh tẩn sĩ mới đậu. Thấy sẵn, lại nghe tiếng Cống Quỳnh giỏi văn chương chữ nghĩa lắm, vua mới mời Cống Quỳnh thử chơi ít bài. Mấy tẩn sĩ có tài làm thơ làm phú lạ, hễ nhảy lên ngựa cầm viết viết lia, nhảy xuống thì đã rồi.

Cống Quỳnh cũng không sợ, chịu ra thi. Dẫn ngựa voi ra nghiêm trang tử tế, phát viết, mực, giấy má xong rồi, nghe hiệu trống đánh một cái thùng,

thì ai nấy nhảy lên ngựa. Cống Quỳnh nhảy lên lấy viết huây huây ba cái lẳng quăng lúu quíu rồi nhảy xuống hô : « Rồi ! »

Người ta chưa ai rồi hết : đem vỡ lại nộ.

Quan giám khảo coi không ra, hỏi chớ Cống Quỳnh viết giống gì lẳng quăng coi không được, Cống Quỳnh nói : « Chữ bên tôi tháu làm vậy đó, như ngài coi không đặng, để tôi viết lại chữ thảo hay là chơn tự cho ngài coi ».

Vậy mới viết thơ cũ thuộc lòng cho họ coi. Họ lấy cho được thứ nhứt.

Bữa kia quan thừa tướng Tàu dọn tiệc, mời Cống Quỳnh tới uống rượu chơi một bữa. Đàng sá đâu đó đều có đào hầm, để gạt cho Cống Quỳnh sụp mà chết, kéo để Tàu chịu thua An Nam xấu hổ, chiếu bông nệm gấm trải liệt địa cùng đàng.

Ông thừa tướng tới nhà mời và rước Cống Quỳnh. Ra tới đàng có trải nệm bước xuống mời Cống Quỳnh xuống đi bộ cho mát, biểu Cống Quỳnh một hai đi trước ; Cống Quỳnh không chịu. Nhường cho quan thừa tướng rằng : « *Tiên vi chủ hậu vi khách* ». Quan thừa tướng mời gầy lười cũng không được, túng phải đi trước, Cống Quỳnh khôn, cứ bước theo dấu chơn thừa tướng thẳng tới nhà khỏi sụp vào đâu hết.

*

Ngày kia Cống Quỳnh vui, muốn khuấy chơi các quan triều một bữa. Chừng mới viết thiệp cho mời các quan tối tựu tại nhà uống rượu chơi.

Mặt trời chen lặn, vớng dá các quan lải rải tới. Cống Quỳnh mua rượu nhiều, ve chén bày ra bộn bàng ; còn biểu quân ở đàng sau nhà bếp cứ bằm thớt hoài. Nghe bằm lộp cộp lạp cạp hoài. Các quan tưởng có khi Cống Quỳnh dọn trọng thể lắm. Chẳng ngờ cũng không thấy dọn chi.

Cống Quỳnh ngồi cầm khách, cứ rót rượu mời các quan ; một chặp lại hối : « Trẻ coi lo dọn thoáng đi bây ». Nó dạ rân. Cứ thỉnh thoảng rót rượu mời uống khan hoài ; các quan đã xoàng xoàng đi hết ; thì càng vui càng

nói chuyện inh sinh. Cống Quỳnh lại càng rót rượu đưa cho ông này ông kia, dập thêm hoài.

Ngồi uống khan làm vậy cho đến hết nửa canh hai. Ông nào ông nấy, thôi say mềm, nằm thài lai ra đó hết. Quân hầu đi theo, thì đã cho về hồi chiều hết rồi.

Vậy ông Cống Quỳnh biểu quân trong nhà ra đưa các quan về, lại dạy nó tráo dinh hết, tới đâu thì biểu mở cửa đem thẳng vào giường kéo ngài say đã mê mất rồi. Quân dạ đàn võng đá ra. Võng các ông đem lộn dinh hết.

Đến sáng ngày ra, ai nấy thức dậy ngó sao mừng mền khác lạ không phải nhà mình, xén lên ra ai về dinh nấy, biết bị Cống Quỳnh khuấy chơi rồi, cảm cảm trong bụng giận ông Cống Quỳnh.

Mà ông Cống Quỳnh ngoan lắm, chạy đón các quan đang đi vô chầu, nói : « Cơ khổ ! Tệ quá ! Hôm qua cầu vui uống rượu cảm chừng chờ trẻ nó dọn ăn, mà mắc bụng đói say sớm làm không ai ăn hết ; thấy các ông say tôi hối quân võng các ông về kéo để khuya nhiễm mù sương có khi khốn. Té ra các ông báo tôi, thôi hôm nay thịt cá ê hề ăn không hết. »

*

Cách năm mươi bữa, Cống Quỳnh xin cấm chợ ba bữa để cho ông phơi sách. Thiên hạ đồn Cống Quỳnh phơi sách, đâu đó rủ nhau đến coi. Đến bữa ấy ông biểu quân đem chiếu trải giữa chợ, cối quần cối áo ra nằm giữa đó.

Người ta hỏi : « Ủa ! Nghe nói ngài phơi sách, mà sao ngài làm làm cái gì vậy ? ».

Ông mới chỉ cái bụng ông nói : « Sách ở trong bụng, chớ sách ở đâu ? »

Ông Cống Quỳnh thường hay đi đò, mà ông không có trả tiền ; tháng kia qua tháng nọ, ông cũng không có trả. Quân đưa đò nó mới đòi ông ; ông nói : « Thôi để mai một tao trả cho ». Ông về mua tre mua lá, chở ra giữa

dòng sông, cất lên một cái chòi, viết ba chữ dán vào đó : « *Chửi cha đứa nào coi về học lại* ».

Thiên hạ nghe ông Cống Quỳnh làm gì lạ không biết, thì đua nhau tới đó mướn dò ra coi. Coi rồi vô, kẻ khác hỏi chớ giống gì vậy ? Ai nấy đều nói : « Nói không được, hãy ra đó mà coi lấy ». Dò đưa đà không lập ; lấy tiền cũng đã mê.

Dỡ chòi rồi, quân chèo dò, nó còn đòi tiền ông Cống Quỳnh nữa.

Ông mới nói : « Bay mắc tao bây giờ thì có, chớ mà bay lại theo đòi tao nữa ? Vậy chớ ai làm cho bay đặng mỗi mấy bữa đó ? Bay có biết không ? »

Chuyện Cống Quỳnh còn nhiều đều dễ tức cười, mà như nói tình những chuyện ấy, thì nó mất vui mất hay đi. Để xen chuyện này chuyện kia, nhiều thứ thì hay hơn.

TRƯƠNG-VĨNH-KÝ

*

Thêm ba chuyện vặt về ông Cống Quỳnh. – Chuyện tích Cống Quỳnh, theo ông Trương Vĩnh Ký thuật, đến đây đã kết thúc. Như lời ông nói, mặc dầu chuyện gì hay, nói mãi cũng hóa nhàm. Tuy biết vậy, và trước khi bắt sang qua chuyện khác, tôi cũng xin chư đọc giả hãy nán lại ít phút, khoảng khắc chưa tàn điếu thuốc, chưa giập bã trầu, để cùng tôi ghi chép lại và tìm hiểu ba chuyện sau đây, cũng thuộc tích Cống Quỳnh và do người củi lụt Miền Nam thuật lại : và đây là lời tôi được nghe ông già bà cả kể lại :

Chuyện thứ nhứt. – Ông Cống Quỳnh bày kế dòm mặt vua. – Ai ai cũng biết, đời xưa đời xưa, bên nước ta và bên Tàu, vua chúa không cho ai thấy mặt. Dân thường, ai rui thấy mặt vua, thì bị tội chém đầu ! Theo tôi hiểu các ông giầu kỹ mặt mày, lẽ chánh là để giữ oai nghiêm thể thống, mà lẽ phụ, biết đâu chừng, là vì ba môi, méo miệng, chột mắt, hay sún răng ; xấu xí khó coi ! Sự thật xét ra, có nhiều ông vua rất khó tánh, nhưng có nhiều ông cũng dễ dãi bình thường, nhưng tự các quan đình thần bày chế lễ

nghi để rồi các quan tự áp dụng cho mình và tuân theo răn rất. Tỷ như khi vào châu, thì phải mọp phải quì, muốn tâu lên vua điều gì là phải giập đầu dưới bệ rồng, mà nào thấy được long nhan ? Còn như dân chúng, loại đầu đen máu đỏ, thì ối thôi khỏi nói xa cách ngàn trùng : mỗi lần vua ngự giá xuất thành, khi du xuân, khi hành hương hay điền điệp (đi săn) thì dân phải đặt bàn hương-án trước nhà, rồi rút lui vào trong đóng cửa không dám ngó ra đường, kẻ nào lỡ chân trái bước không vào nhà kịp thì phải lánh trốn hoặc úp mặt xuống đất chờ xa giá qua khỏi mới được đi đứng bình thường, như vậy mà nhiều khi không tránh khỏi roi vọt quân hầu hoặc bị bắt bớ chẳng qua cũng vì vua sợ nạn hành thích hay không muốn ai dòm lén mặt rồng.

(Nói đến đây, xin mở một dấu ngoặc, để thuật lại một chuyện ngoài đề, bởi đây là mục tiêu-lâm, nên nói nghe chơi vô hại. Số là trước kia tôi có nghe một bực lão thành từng ở lâu năm đất Cao-miên, quả quyết trên Nam-Vang, tục lệ phong kiến không kém và lối bốn mươi ngoài năm về trước, khi các bà công chúa, phi tần có dịp ra dạo phố, họ vẫn có nhiều cử chỉ lố bịch buồn cười, như họ xem dưới mắt họ không có ai, rui thời đang đi chơi ngoài đường, chẳng may váy sút hay chần tuột, họ vẫn tần ngần đứng đó chờ con tỷ tất đến vận xiêm y lại chớ họ không bao giờ chụp lại hay lấy tay tự mình vận chần vận váy lấy mình, vì chưng họ không muốn dùng bàn tay ngọc của họ làm cái việc hèn hạ ấy, hai là tự nhỏ chí lớn họ quen nhờ cậy con đòi con ở vận quần mặc áo cho họ, ba là họ tự xem là dân chi phụ mẫu, đứa nào cả gan dòm lén bửu-bối của tao thì tội kể như đáng chết vì họ là cha mẹ của dân kia mà. Cũng may việc ấy, nếu quả có, thì vẫn có đâu ở trên kia kia, chớ nếu xảy ra ở chợ Bến Thành hay đường Tự-Do dưới này thì vui biết mấy, vì biết bao thuở khỏi tổn tiền mà dân Sài-Gòn thấy được cái đó của con mái xứ Đê-thiên ? Đến đây đóng dấu ngoặc lại).

Trở về chuyện Cống Quỳnh, ông già bà cả miền Nam này thuật lại rằng có một bữa kia Cống Quỳnh nghĩ ra một kế để nhìn tận mặt Long-nhan. Ông mời vua và các quan đến nhà dùng một bữa cơm của hàng thứ dân cho biết mùi, và trong bữa cơm chỉ bày một món ăn độc nhứt của dân

quèn thường dùng, ấy là món bông súng để nguyên cọng chăm mắt, – xin đừng lầm lộn với bông súng xắt vụn kiểu « và rau », – và ăn theo kiểu này hồi thuở đó, phải ngược mặt đưa cọng súng lên cao mà thòng vào mồm, như vậy tha hồ chiêm ngưỡng long-nhan !

Có một lần tôi mượn chuyện này ra thuật giữa một bữa tiệc gồm nhiều cây ba-xi-đế tiểu lâm « ăn mặn uống đậm », không dè tôi bị sửa lưng ngon lành. Ông bạn ngồi cùng bàn nói không có kiểu ăn bông súng nào kỳ cục như tôi đã tả. Theo ông, không lý Cống Quỳnh mời vua dùng bữa theo kiểu dân hèn, là vì cách ăn ấy không đúng chỗ và đại chi bất hợp thời. Hoặc đó là một chuyện bịa, hoặc, như ông đã được nghe, thì đó là một bữa tiệc Cống Quỳnh xin chúc mừng tuổi vua bằng cách « ăn mì trường thọ ». Và tục ăn mì chúc thọ này, ông bạn tôi tả lại, là phải nuốt mì nguyên sợi, nếu nuốt được chon vớt thì càng hay, nhưng nhứt định không được nhai và không cho cắn, cứ để cọng mì chun tót vào họng, nếu nhai hay cắn thì ra « đoán thọ » còn gì ! Vua y tấu và đã trúng kế Cống Quỳnh, vì khi chúc thọ, Cống Quỳnh quì trước mặt vua, một tay bưng tô, một tay lấy đũa gắp mì giơ lên cao thẳng tay để thấy cọng mì thật dài, dài như tuổi vua « vạn vạn tuế », và khi giơ tay lên như vậy, mặt ngược lên, tha hồ ông nhìn mặt vua từ chang mà y kẽ tóc. Ông bạn dạy tôi một bài học đáng giá, không chi tôi cũng có tài liệu hôm nay viết trang này. Muốn cho đầy đủ, tôi xin thêm rằng cả bàn tiệc còn phân vân không biết thuyết nào là đúng, vì với cọng bông súng thì Cống Quỳnh là Y-nam, bằng như đối là sợi mì, e một nỗi « gánh vàng đem đổ sông Ngô », chuyện tiểu lâm Việt đã hóa ra tiểu lâm chệc !

Chuyện thứ nhì. – Cống Quỳnh cho ỉa mà cấm đái. – Chuyện thứ hai kể rằng có một ngày kia, đức vua có việc không bằng lòng Cống Quỳnh về một chuyện chi đó nên để làm nhục ông cho bỏ ghét, bèn ra lệnh cho quân lính kéo đến « ất vĩa » (ỉa vĩa) sao cho đầy nhà Cống Quỳnh để cho ông biết xấu (sao vua khiếm nhã và ở dơ đến thế ?)

Cống Quỳnh biết được tin, nghĩ ra một kế, nên khi quân lính sắp sửa ngồi xuống thi hành lệnh vua, Cống Quỳnh thản nhiên nói : « Lệnh vua dạy

thì cứ theo lệnh vua mà thi hành, tôi không dám cãi. Nhưng ai làm quá lệnh vua và làm ướn nhà tôi thì tôi chặt đầu ! »

Tự nhiên đòn tâm lý ấy vô cùng hiệu nghiệm. Nhà Cống Quỳnh vẫn sạch trơn tru, và các quân lính đều đứng dậy ra về không làm nhục chủ nhà được, vì có mấy ai trên đời này, khi đi đại mà không rỉ ra vài mớ giọt tiểu.

Chuyện thứ ba. – Sự tích ông bình vôi miệng túm. – Ai cũng biết bình đựng vôi ăn trầu đều có miệng tõe lõe đỏ loét và đầy vôi ăm ắp. Nhưng ngày nay ít ai ăn trầu và ít biết một thứ bình vôi có quai xách và có vẽ vôi bên hông, khi san-thủy, khi vân-long, khi tích Thái-công điều Vị, miệng tum húm và nhỏ xíu, nhỏ cỡ bạc cắc kền mười đồng ngày nay mà giá trị, đối với bọn sưu tập đồ cổ, có đến bạc muôn hay ít nữa cũng bảy tám ngàn bạc mỗi cái. Cái bình vôi miệng túm ấy có sự tích ngộ ngộ như sau.

Năm ấy Cống Quỳnh đi sứ qua bên Tàu và khi đi ngang tỉnh Giang-Tây, ông bị bọn thợ làm đồ sứ xúc phạm sao đó đến ông nổi giận, và để trác bọn này, ông bèn đặt chúng làm cho ông một ngàn hay năm trăm cái bình vôi có quai xách miệng túm, giao hẹn chuyển đi sứ ông sẽ ghé lấy hàng và trả tiền trót thế. Không dè ông lập tâm làm vậy cho nên bận về ông đổi đi ngõ khác, báo hại bọn thợ chờ mãi không thấy khách đặt hàng đến nhận lãnh ông vôi. Chuyện cũng không quan hệ mấy, vì không lấy thì ta để đó, nào mất mát gì đâu. Không dè cách sau đó ít lâu, tại tỉnh Giang-Tây xảy ra một trận lụt kinh khủng, bao nhiêu bình vôi Cống Quỳnh đặt đều trôi lênh nghênh theo dòng nước. Nhiều nhà bị phá sản, của cải trôi mất hết, nhưng nhà nào cũng vớt được thớt bình vôi này, nhờ miệng túm nước không lọt, nên nổi lình bình không chìm. Vớt được rồi không biết để làm gì, cũng không biết ăn trầu mà hiểu rằng đó là bình đựng vôi, bỏ đi thì tiếc, để lại thì choán chỗ lâu ngày thấm mật, đ.m. thặng nào làm ! Thâm ý Cống Quỳnh ở chỗ đó !

ĐỐI CỔ KỲ QUAN

Nay tôi bắt qua lựa rút năm chuyện trong một bộ sách rất hiếm có, gồm bốn mươi hai chuyện nhan là « *Đối cổ kỳ quan* » của ông Đặng-lễ-Nghi soạn, và nhà in Đinh Thái-Sơn tự Phát-Toán xuất bản năm 1910 (khi nào có vốn khá sẽ in lại đủ bộ).

182. Giấu đầu ra đuôi (bài số 10 tr.17 ĐCKQ)

Xưa nay lời tục ngữ hay nói : « hễ giấu đầu thì ra đuôi », là cố ý nói hễ chuyện có quả, thì giấu không nhem đặng. Tổng An phú hạ, làng Long lập, gọi là chợ Đá bàn, có một người quê quán ở đâu không rõ, đến ở ngụ tại chợ Đá bàn, mà buôn bán rất nên đất thời, chẳng bao lâu thì trở nên một vị nhà giàu, trong làng thấy anh ta có tiền thì cử làm chức hương trợ.

Tên hương trợ này có năm đứa con, ba gái lớn, hai trai nhỏ, mà ba chị gái này đều có bóng sắc mà ngặt có tật nói ngọng hết cả ba, ngày ngày ba chị em thường lo chải gỡ mà không dám đi đâu, sợ e ra đàng nói lộ ra người ta biết mình nói ngọng người ta chê cười ; nội xóm đó ít ai biết. Theo tục lệ của làng, tháng mười thì « cầu an », hát một chầu cho thiên hạ xem chơi. Ba chị em rủ nhau đi coi hát. Con chị cả bèn dặn hai em rằng : « Đi vô coi hát thì cứ coi hát, thấy sự gì cũng đừng nói, nếu nói ra họ biết mình có tật nói ngọng, họ đồn bậy thiên hạ chê cười ». Dặn rồi ba chị em ra đi vào đình coi hát.

Trong đình đang hát tuồng « Trá hôn », lớp Trần-tử-Minh đi học gặp cọt đem dưng hòm ấn, cọt thì là đội cái đầu cọt, mình mặc áo vải, lom xom nhảy ra đón đàng làm bộ hự hự ; thẳng hễ theo cậu, ngó thấy cọt thì sợ leo cây.

Con em út ngó thấy lấy làm lạ, không biết con gì, làm cái gì mà không hiểu gì hết, tức mình quá, liền hỏi chị thứ hai rằng : « Ị a ó àm ái ì ậy ? »⁵⁴

Con chị ba nó nghe em hỏi thì giận lắm bèn nói : « Ị ai đã ạn ừng ói à ọ ết ìn ói ọng ao ày ói ? »⁵⁵

Con chị lớn nó nghe nói lộn xộn thì nổi giận la con em thứ ba rằng : « Ó ói ì ặc ó ai iểu ày ói ? »⁵⁶

Té ra ba chị em đều nói lời mỗi chị nào cũng nói ngọng. Mấy người ngồi gần đều cười rộ lên, có người lại nói nhạo rằng : « Ai ói ặc ai àm ì ười. »⁵⁷

Ba chị em mắc cỡ bỏ ra về, ấy đó xưa nay hễ người nào có chuyện mà giấu thì sao họ cũng hay.

Luận như ba chị này giấu tật ngọng thì ắt phải mang tật câm.

183. Cóc cắn bể nồi vỡ (bài số 22 tr.33)

Lời tục ngữ thường nói rằng : « Nhứt chơi tiên, nhì giỡn tiền ». Nghĩ lại cho túc lý, cuộc chơi bài bạc hay sanh ra nhiều điều tai họa :

Lối năm tị, năm ngọ, ⁵⁸ cuộc bài bạc có công ty, ai chơi lén thì công ti nó bắt nó làm tội. Tại cầu Tam sai (Chợ lớn) có bốn năm người đờn bà có thói quen ham chơi bài lắm, mấy người rủ nhau lại nhà Ý Hai ⁵⁹ mà chơi bài, tới nhà ngồi nói chuyện một lát thì trời tối, liền gầy sòng, mà dặn nhau có chơi thì nói nhỏ đừng có làm om sòm mà công ti nó bắt, dặn rồi biểu đóng cửa trước cho chặt đừng cho ai vào đờn. Bốn người ngồi đánh, vài người ngồi ngoài coi, còn vợ chồng Ý Hai thì chủ chứa lo nước, trà, cau, rồi vợ chồng nằm ván bên kia mà hút, bốn người chơi tới giờ tuất (9 giờ) thì có một chị mắc tiểu quá mượn chị nọ cầm bài giùm cho mình đi tiểu, chị ta không dám ra phía trước, liền thẳng lại phía sau bếp ; trời thì tối, chị ta ngó thấy gần phía sau bếp có một đồng chi đen liền đi ngay lại đó mà tiểu. (Đồng đen đen đó là đồng ghè ống vì là vợ chồng Ý Hai là người buôn bán nước mắm.) Chị ta đi lại đồng đen đó, chị ta leo lên trên đồng ghè ấy mà tiểu. Ai ngờ có một cái ghè nằm ngửa, trong ghè lại có một con cóc, chị ta tiểu nhằm ngay miệng ghè đó, con cóc ở trong ghè bị nước hâm hãm thì sợ, liền nhảy tưng ra đụng nhằm chỗ... của chị nọ ngồi úp trên miệng ghè, con cóc nó cắn một miếng đau quá vì là cắn chỗ nhược da non. Chị ta thất kinh hồn bất phụ thể, bông quần té ngửa ra, miệng thì la oai-oải cách dị thường, hai chơn thì đạp ghè, hai tay thì cào ghè kêu rồn rảng... Trong nhà ai nấy thất kinh, ngỡ là công ti đã chụp đầu chỉ nơi cửa sau, chỗ đồng ghè, nên chỉ giẫy giụa ghè kêu rồn rảng như vậy. Trong nhà tắt đèn tối tăm nín ho, mạnh ai nấy trốn, người thì núp nơi kẹt cửa, người thì chun xuống ván, người lại chun ngồi dưới bàn thờ. Còn chị bị cóc cắn thì la rên giọng run rết, chị ta đứng dậy một tay thì xách quần một tay thì bùm chỗ vít cóc cắn, chị ta lần lom khom đi vô nhà, vừa đi vừa rên vừa nói rằng : « Chết đi mà thôi, chị em cứu tôi bần này. » Mấy người trong nhà nghe chỉ đi vào thì ngỡ là

công ti năm đầu chỉ dặt vô nhà, chị nọ núp trong kẹt cửa nghe chỉ đã vô gần bên mình, sợ quá lại càng ép riết vô kẹt làm cho cây song hồng cửa nó ngã ngang ra trúng nhằm vai chị bị cóc cắn, chỉ té quị xuống chơi với tay mò chụp cây mà vịn, mò đụng chị kia ngồi trốn dưới bàn thờ ; chị trốn dưới bàn thờ đụng nhằm tay mò năm mình thì ngỡ là người mò bắt, vụt đứng dậy mà chạy, đội cái bàn thờ, làm cho lư hương, chơn đèn, bình tích, đồ trà cùng các món trên bàn thờ đổ bể kêu lổn cổn lảng cẳng. Vợ chồng Ý Hai thì ngồi nép nơi vách, cái mâm hút thì để giữa ván, vợ chồng nghe sợ dữ đã đến gần thì sợ e nó sẽ năm đầu, nên vợ chồng mạnh ai nấy bò lết nháy đưa ra dặng xuống ván mà trốn, bò càng bất kể là mâm hút, làm cho mâm hút đổ nhàu xuống đất, đèn chụp nôi vố đều bể hết trơn, một chập lâu nghe tiếng vắng người chồng Ý Hai lần lần mò đèn mà thắp lên, rọi coi thấy một chị đội bàn thờ, còn một chị ngồi ôm... mà rên, rọi xuống ván thì thấy hai chị ngồi dưới ván mặt mày tái lét, té đái trong quần ướt đầm dề. Bây giờ đã an vụ công ti, mà chị nọ thì tay bụm ấy mà rên hì hì, thì chỉ nói lại đầu đuôi, song không biết con gì cắn, mà mấy chị kia xem thì nói : « Nó là sừng vun ». Chồng Ý Hai với vài người ra xem thì không thấy rấn rít chi hết, thấy một con cóc leo lên miệng ghè ngồi chom ngòm, hai tay vuốt mặt. Mấy người đề quyết là con cóc này cắn chỉ, chắc là con cóc nằm trong ghè chỉ đái vô ghè nên nó thót ra nó cắn. Cầm đèn trở vào, hỏi chỉ lại cho kĩ dặng cho biết mà chạy thuốc. Chỉ nói rằng chỉ ngồi trên ghè mà đái, khi đái dặng nửa chừng thì không biết là con gì ở trong ghè thót ra cắn ngay chỗ đó. Ai nấy chắc ý là con cóc cắn liền chạy lại lối xóm kêu cửa xin thuốc nói vụ bị cóc cắn mà bây giờ chỉ rên la nhức lằm, người trong nhà nói con cóc vàng nó cắn thì sôi đàm, cóc nó cũng có nọc chớ chẳng chơi đâu. Nói rồi liền chạy xuống nhà dưới lật cái đít cối giã gạo lên, lấy cái cây cạo cạo chín cái rồi hốt đất cạo đó bỏ vô tô nước khuấy bậy bạ một hồi, chờ lóng nước trong, lấy đem về cho uống, một lát thì êm hết nhức.

Các cuộc đã an, mấy chỉ nói chuyện lại cái đều khi nãy, đều cười ngả lẩn. Chị bị cóc cắn nói rằng : « Nay là ngày mồng hai tháng tư năm ngo, tôi

thề tôi không chơi bài bạc nữa, nếu tôi mà chơi nữa thì cho răn cấm tôi cho chết. »

Hồi đó trời đã hừng đông, ai về nhà nấy.

Thật cuộc bài bạc vui cũng lung, buồn cũng lung, cũng đáng ăn năn mà chừa cái, thì lấy làm vui hơn hết, mà lại có ích lợi, vui là đặng phu phụ hòa thì gia đạo thành, có ích là đặng ăn no ngủ yên giấc, khỏi sự mệt mỏi, khỏi lao khỏi tổn ; có lợi là khỏi tổn hao, khỏi tiêu xài vô ích, khỏi thua khiếm, khỏi rầu buồn, như vậy có phải chẳng xin nghĩ lại.

ĐẶNG-LỄ-NGHI

184. Tham thì thâm (bài số 26 tr.42)

Trong thế sự, ai ai cũng có lòng tham, mà việc tham có nhiều cách, nhưng mà có người tham phải, có người quấy.

Tại xứ Chợ Quán, làng Nhơn-gian⁶⁰ có một người tên T., hồi trước có làm việc làng, làm đến chức xã-trưởng, mà tâm tánh tham lam, lại thêm xuôi ngược lắm, hay câu mâu lỗi phép, ở với người nội lân đều ghét, vì là hay bắt vạ bắt tội, đòi giải đòi nạp đặng mà ăn lo ăn lót, và cứ làm như vậy xoàng-xoàng một ngày kia va bị người ta kiện phải mất chức Thôn-trưởng, rồi sau trong làng thấy va cũng lạnh, nên làng cử va làm một chức nhỏ nhỏ để mà đốc dân canh tuần.

Ngày hai mươi mốt tháng chín nhằm ngày làng nhóm lớn, làng nhóm tới canh ba mới xong việc, rồi ai về nhà nấy, mà anh ta thì còn ở lại nơi dò làng⁶¹. Cách một chập, có một người đi ngang qua dò, thú thôn-trưởng cự thấy liền hỏi : « Ai đi đó ? Đêm khuya như vậy, đứng đó coi ! »

Tên kia đứng lại. Cựu thôn-trưởng ra bắt tên kia đem vô dò mà tra hỏi : « Mày là người ở đâu, đi đâu, về đâu ? »

Tên kia thưa rằng : « Tôi là người ở lo ti (?), tôi đi bạn với người ta ở Chợ Sỏi (bây giờ là Bến Thành), nay tôi về thăm nhà. »

- Còn mấy cặp nấp chi trong tay đó ?

Tên kia nói : « Mười quan tiền của chủ họ trả cho tôi, tôi buộc lưng bốn quan, còn sáu quan tôi cầm đây. »

Chú thôn-trưởng cự thấy nó có chín mười quan thì muốn làm thế nào mà lấy cho đặng tiền nó. Anh ta liền làm bộ chỉ mặt tên kia mà nói rằng : « Mày nói mày đi bạn ghe cho họ mà tao xem hình mày giống là thằng ăn trộm. » Anh ta làm bộ ngó cái khăn trên đầu nó và nói nhận rằng : « Khăn đen mày bịt đó sao giống khăn tao ? Ủa ! Mà cái áo vân mày mặc đó cũng giống áo tao ! » Anh ta cố ý nói nhận làm vậy cho thằng nọ sợ mà lo lót tiền.

Tên kia cúi lạy và khóc thút thít : « Tôi lạy thầy, xin thầy thương phận con dân nghèo khó. »

Anh cựu thôn trưởng nạt nó : « Ể ! Mày là thằng gian, rõ ràng mày ăn trộm đồ của tao, nên tao coi hai món giống rồi ».

Tên kia vừa khóc vừa thưa rằng : « Trăm lạy thầy, xin thầy rộng xét, áo đen giống áo đen, khăn đen giống khăn đen, thầy nói vậy tội nghiệp em quá ! »

Ảnh lại nạt nó : « Ể, tội nghiệp gì mày nà ? »

Rồi anh ta xem mấy quan tiền rồi nói : « Ừa ! Mà mấy quan tiền đó cũng giống mấy quan tiền của tao. Quả thật mày là thằng ăn trộm, thôi không nói nhiều lời, tao ních trắng mày lại mai tao giải quan cho mày ở tù ».

Tên kia lạy và khóc thút thít : « Trăm lạy thầy xin thương em cùng, em không phải người gian. »

Anh ta nạt nó và nói : « Ể, ngay gian thầy kệ mày, tao cứ phép ».

Tên kia vừa khóc vừa nói : « Thật tội nghiệp quá, khăn cũng nói giống, áo cũng nói giống, tiền cũng nói giống ; thầy ôi, tiền nào cũng như tiền ấy, tiền nào cũng xỏ bằng chuối lác. »

Anh ta nói : « Thôi thôi, tao không nói sự chi hết, bây giờ tao bắt quyết mày tội đi đêm tam canh vô làng tao ; « không gian đi đâu tối, không tội đi đâu đêm ».

Tên kia nghe nói gắt lăm thì nói : « Thôi xin thầy cho tôi đi, tôi xin chịu cho thầy năm quan ».

Anh ta nói rằng : « Tao không thèm năm quan của mày đâu, tao đóng trắng mày mai tao nạp ; nếu mày muốn tao tha mày đi, thì mày phải để mười quan tiền lại cho tao thì tao thả mày đi ».

Tên kia năn nỉ hết sức mà anh thôn trưởng cựu cứ việc không nghe, tên nọ liền khóc bệu bạo trao tiền lại rồi ra đi. Anh ta đặng tiền thì mừng

lắm : « Mình cố ý nhận diện nói mạo là lấy tiền nó, chớ tiền, khăn, áo của mình ở nhà ! » Nói vậy mà sao trong bụng phát nghi, vội vã đi về nhà thì là canh tư, về nhà thấy nhà cửa mở, liền thắp đèn rọi coi, áo khăn đã mất hết, vào xem trong rương, vát ⁶² mười quan tiền cũng mất, lúc đó anh ta dậm chơn bức tóc nói : « Tức tôi quá, mình bắt đặng ăn trộm của mình mà lại thả đi mà ăn năm quan tiền, hồi đó mình nhìn bậy mà nhắm rõ ràng ». Anh ta nói cái này quả là trời đất phạt mình về tội tham.

Vậy từ này về sau không thềm tham bậy nữa ! Gẫm lại phận mình thuở nay, trong lòng cứ lo phương thế mà kiếm tiền, hồi mình còn quyền chức thì mình cũng làm nhiều điều bất phải, toan bề xuôi ngược lỗi phải tội vạ, làm rộn ràng, đến nay mình đã hết thời mà cũng cứ giữ thói cũ, đã không tu đức mà lại còn làm việc gian, thật là trời đất quỷ thần ngó thấy trong lòng rõ ràng, hèn chi lời sách nói rằng : « Nhơn bất tri, thiên tất tri chi ».

ĐẶNG-LỄ-NGHI

185. Ông chàng (heo rừng lớn) (bài số 27 tr.45 tập nhì)

Có nghe người ta nói rằng « ông chàng », mà không biết ông chàng ra làm sao, cũng không rõ tiếng « chàng »⁶³ là tên riêng, hay là làm sao mà kêu « chàng ». Còn tiếng thiên hạ kêu « ông » là ông ấy có chức chi, hay là có chi, hay là già cả mà người kính là ông.

Tiếng kêu « ông chàng », nguyên tích là tên của người đặt ra, tại làng Phú-sơn, có một con heo rừng lớn lắm, nó cứ ở theo mấy vườn hoang, ngày đêm gì nó cứ phá thiên hạ phải hư hại, chừng nó lớn nó đi thì cái móng nó chàng ra, nên gọi là chàng ; còn tiếng kêu ông là người ta sợ nó phá nên kêu bằng ông chàng cho nó đừng phá. Những người ở làng Phú-sơn với người ở gần thì bị nó phá hư hại lắm, khẩn vái bao nhiêu mặc lòng cứ việc phá, người làng Phú-sơn với mấy làng ở gần rủ nhau đi thưa vụ ông chàng.

Quan đốc-phủ tại Cái-Bè là Trần-Bá-Lộc, nghe làng bẩm về việc ông chàng thì quan phủ nổi giận nói rằng : « Loài thú vật phá dân sao gọi rằng ông ? Vậy thôi để ta đòi bọn thợ săn đến đặng bàn tính việc trừ ông chàng ».

Trong hai mươi người thợ săn thì có một người tên Quán Năng là người giỏi nghề võ lắm, thường thường đánh giết cọp như chơi ; tức thì quan phủ lựa một người đội với sáu tên lính đều là người giỏi võ nghệ, sáu người đều có đem đủ khí giới, quan phủ lại đòi mười lăm người có nuôi chó săn, giỏi, đều đem tới hiệp với bọn thợ săn với lính, quan phủ cũng đồng đi với bọn săn, đi đến làng An-mỹ, giáp ranh làng Phú-sơn.

Có người bẩm với quan phủ rằng : « Mới thấy ông chàng đi vô vườn của cai tuần Thống. »

Quan phủ dạy vây xung quanh vườn, thả mười lăm con chó săn vô lục. Chó gặp ông chàng ở giữa vườn, chó săn giỏi mười lăm con áp vô xung quanh đều cắn ông chàng, mà ông chàng không sợ, vì là da dày lắm, lại có nanh dài, mấy con chó cứ việc vây ép ông chàng vô bụi gai, ông chàng bị

nhiều vít lắm, phía trong thì chó, phía ngoài thì vạ săn ⁶⁴ ; mà ông chàng lén trốn ra khỏi vòng vây, chạy tới tại sân nhà của thị Hai Trong, mà ngày đó tại nhà thị Trong thì có tên Đinh với em là tên Vàng, anh em ngó thấy heo thì nói : « Cha chả, con heo này nó bị bọ săn rượt òa mệt rồi, vậy anh em mình đâm nó chết rồi giấu đi, thì anh em mình ăn trọn phần, khỏi chia cho ai. »

Nói rồi tên Vàng ⁶⁵ thì cầm cây thủ, còn anh là tên Đinh cầm một cây giáo tre nhảy vào đâm ông chàng. Đâm lụi hụi tràng qua trở lại, bị ông chàng đánh một cái mạnh quá, tên Đinh bủn rủn văng giáo, anh ta lính quính bị ông chàng đánh bồi một cái nữa rất mạnh lút nanh vào đi sâu lắm, huyết lưu mẫn địa, té xỉu xuống một lát thì chết. Ông chàng rượt nà theo tên Vàng, tên Vàng thấy anh mình chết thì đã kinh hãi, sợ e cũng phải chết như anh, liền quăng cây vừa chạy vừa la làng, may gặp đặng một cây, Vàng leo lên cây la om sòm xin : « cứu cứu ». Vạ săn nghe la thì chạy tới thấy tên Đinh chết nằm đó máu chảy đầm đề, còn ông chàng thì đứng dưới gốc cây hầm hầm ý muốn lên cây mà đánh tên Vàng. Quán Năng tay thì cầm giáo, miệng thì rao bảo bọ săn phải giữ cho cẩn thận, heo này say máu ngã làm dữ. Quán Năng cầm giáo nhảy vào cự với ông chàng. Năng đâm chàng, thì chàng đánh hất giáo ra, chàng đánh Năng thì Năng tràng trở, hai ãng đánh vùi với nhau cả canh, còn ngoài thì quan phủ đốc sức cho lính với vạ săn thủ thế chờ cho chàng sơ ý thì đâm, thương thay ông chàng ã cự nhiều hiệp nên mệt lắm, sơ ý bị Năng đâm một giáo ngay bụng, đâm lút lưỡi giáo. Chàng la « ét » một tiếng té xỉu, bị cây giáo ngoáy ngoáy trong ruột một lát thì chết, hết đời ông chàng.

Con heo rừng này mập lắm ú lắm, tám người khiêng mới nổi.

Công việc vậy ông chàng cho đến khi giết ãng thì không ai bị vít tích chi cả, với mười lăm con chó săn cũng chẳng ã tích chi. Trừ ra một mình tên Đinh lòng tham ăn nhiều phần nên phải chết. Hèn chi xưa nay có lời nói rằng : Tham thì thâm, ãm thì ãn.

Lại cũng có lời sách rằng : *Lạc bất khả cực, cực lạc sanh ai ; dục bất khả túng, dục túng thành tai.* (Vui chớ có vui quá mà sanh ra buồn ; muốn chớ có muốn quá sanh bại).

ĐẶNG-LỄ-NGHI

*

Lời bàn của người chép truyện. – Chuyện ông chàng không thuộc mục tiêu-lâm, nhưng tôi cũng ghi lại đây để cho thấy một cách săn thú dữ buổi chưa có súng và còn săn thú bằng binh khí thô sơ. Nhiều tiếng cũ được nhắc và phải tra tự-điển mới hiểu nghĩa. Thuở ấy, Thủ-Đức còn có cộp ở, còn làng Phú-Sơn và An-Mỹ này ở đâu. Có lẽ thuộc vùng Định-Tường vì trong bài có nhắc đến ông Trần-Bá-Lộc xưa ngồi trấn quận Cái-Bè. Một việc khác tôi muốn nói nơi đây là ngày nay *nanh heo rừng* rất được nhiều người tìm kiếm. Cứ xem dọc lề đường Phạm-Ngũ-Lão, mé ngang chợ Bến Thành, có đến năm sáu người đàn ông lẫn đàn bà, ngồi bán nanh thú rừng : nanh cá cúi, nanh sấu, nanh cộp, ngà voi, thanh hành nhứt là *nanh heo rừng*, lớp giữa giồi thành hình Phật để đeo cầu an, lớp để nguyên, nanh nào dài và cong, đặc ruột, thì bán rất cao giá, vì theo mê tín, nanh đặc đeo trong mình có thể hộ mạng, che chở khỏi bị đao thương động đến mình. Tục này hình như do người Cao Miên, Thái và đồng bào thượng truyền ra. Mấy năm trước, một cái nanh cong, dài, đặc, không tì vít, bán độ vài ba ngàn bạc ; nay thời buổi phân vân, bạc mất giá mà vẫn kiếm không ra, tuy vậy có nhiều người thừa thãi dám xuất ra cả trăm ngàn mua một vật mà sự hữu dụng còn chờ thí nghiệm, là *nanh heo rừng đặc*. Tháng mười một năm 1970, tôi được mắt thấy một cái nanh heo khoanh tròn giáp vòng, có thể làm vòng đeo tay như vòng ngọc thạch bộn võ củ ngày xưa, hỏi giá cho biết, người chủ bán nói : « hai trăm ngàn bạc ! » (Tôi gia công mấy tháng viết tập này, kiếm không tới một phần tư (1/4) của cái nanh ấy).

186. Bà già hóa ra nấp hòm (bài số 33 tr.65)

Tại xứ Gò-dầu-hạ, thuộc hạt Tây-ninh, có một người tên là Tư Cội, nhà ở gần Doi-cá-bông, vợ chồng chuyên nghề cày cấy rẫy bãi.

Tên Cội này có tánh hay nói phách lắm, hễ ai nói chuyện yêu ma thì va nói hòa theo, và chửi yêu ma, lại nói cối quần đánh ma chạy như đông.

Năm bính thìn ⁶⁶ nhằm tiết tháng ba tháng tư, trời mới sa mưa đông ngoài đồng ếch nó kêu vang tai, có nhiều người trong xóm đi soi ếch, có bà thị-Liệu ở xóm trên, bà cháu đi soi ếch đi ngang nhà Tư Cội kêu rủ đi. Cội lấy đèn lấy giỏ đi theo, ra tới đồng thì phân chia nhau, một người một nơi mà soi, bà cháu thị-Liệu nghe phía hố có nhiều ếch kêu thì đi lại đó mà soi. Thật chỗ hố đó ếch nhiều quá, bà cháu mừng lắm, soi một lát thì gần đầy giỏ. Ngựa ở đâu không biết nó chạy tới hí om sòm, bà cháu thị-Liệu sợ ngựa đạp, lật đật chạy, ngựa nó rượt riết theo, chạy một hồi đèn đuốc tắt hết, nghe vắng vẻ, bà cháu ngồi thở dốc. Còn giỏ thì vắng nấp, ếch nhảy ra sạch trơn, bà cháu liền đi theo đèn khác mà mỗi đèn của mình, dặng đi kiếm ít con về sáng nấu canh, khuya rồi ai nấy về tựu nhau nơi mé triền, hỏi thăm nhiều ít. Bà cháu thị-Liệu nói lại việc đi soi dưới hố bị ngựa rượt.

Mấy người kia nói : « Úy ! Bà già gan thiệt, cái hố đó ếch nhiều mà ma cũng nhiều, năm ngoái nó nhát sấp tôi chạy ỉa trong quần ! ».

Bà già nói : « Mà tôi có biết ở đâu ! ».

Mấy người nói : « Năm nay nó làm ngựa rượt đó là nhẹ, chớ năm ngoái nó làm mẹ con ông thầy rượt ⁶⁷, mấy đứa chạy tháo mồ hôi, đứa thì đá trong quần, đứa thì ỉa trong quần. »

Tên Cội nghe nói thì nói : « Máy anh dờ chớ như tôi, thì tôi cối quần đánh nó biến mất. »

Nói lập dập rồi ai về nhà nấy.

Cách hai ba ngày, có một bữa chiều trời mưa lớn lắm, rồi cứ mưa dầm hoài mà lại có hơi gió rao rao, gần tối thì thị-Liệu chạy nói : « Bà tôi biểu lại nói với bác Tư chờ bà tôi đi soi với. »

Tư Cội ừ. Con Liệu đi về một lát lâu thì trời tối, mà sao gió vụt vụt, bà cháu thị-Liệu sửa soạn đi, bà già liền phát nóng lạnh, bà già nói : « Sao tao lạnh quá run, để tao vào trùm một lát cho bớt lạnh rồi đi. »

Bà già thì trùm chiếu dận con cháu một lát rồi kêu tao. Con nhỏ nằm xó rổ lổi ván rồi ngủ, bà già trùm chiếu ấm cũng ngủ.

Tư Cội chờ lâu quá không đặng, liền xách giỏ cầm đèn ra đi, vừa đi vừa nói : « Mưa dầm ếch nó bắt cặp nhiều lắm, họ nói dưới hố nhiều ếch lắm, mà nhiều ma, vậy thôi mình không xuống hố, mình đi dựa mé cũng có. »

Nói rồi anh ta đi đến gần mé hố, thấy ếch bắt cặp ngòli liên liên, anh ta ham quá cứ cúi đầu đi tới lượm hoài, đi lần tới giữa hố thì lượm ếch gần đầy giỏ, liền gặp bà con Liệu.

Cội liền hỏi : « Bà làm gì mà lâu quá tôi chờ hết sức không đặng ? »

Bà già nói : « Tôi đi ngang kêu om thì thím nói chú đi rồi, tôi lật đật đi theo ; mà chỗ này ếch nhiều quá, tôi lượm cũng gần đầy giỏ, mà bây giờ sao tôi lạnh quá chùng, đi không đặng. Thôi xin chú đem giùm tôi về, chớ chịu dầm mưa lâu quần áo ướt hết, lạnh lắm ; nếu ở lâu nữa lạnh chết đi. »

Cội nói : « Thôi, bà ngòli đó đợi tôi lượm thêm ít cặp nữa cho đầy giỏ rồi về luôn ».

Bà già nói : « Thôi, xin chú đem tôi về rồi chú trút nửa giỏ ếch của tôi đó. »

Cội nghe nói thì ham liền chịu đem bà già về. Năm tay bả mà dắt, thì bả té lên té xuống, chơn run lộp cộp, đi cả canh mà đâu còn đó.

Cội liền hỏi : « Vậy chớ con Liệu sao không đi với bà ? »

Bà già run rẩy nói : « Nó mắc nóng lạnh. »

Cội nói : « Báo hại khuya khoắt rồi. »

Bà già nói : « Thôi, xin chú chịu khó công tôi một đổi lên tới mé đồng cho dễ đi, thì tôi ráng tôi đi, tôi cho chú hết giỏ ếch ».

Tư Cội có lòng tham, liền kê lưng cho bà già đeo cổ mà công đi.

Ban đầu mới công thì nghe nhẹ nhẹ, lâu lâu sao nghe nặng nặng, đi gần đến mé đồng thì nặng lung.

Cội nói : « Sao bây giờ là nặng lung lắm vậy ? »

Bà già nói : « Tại quần áo ướt, đi xa nó thấm nó nặng. »

Cội ráng đi một đổi nữa, thì chắt lưỡi kêu trời mà nói rằng : « Trời đất ôi, bà này bả là ma quỷ chi mà nặng dữ vậy ? »

Bà già nói : « Tôi không phải quỷ, cũng không phải yêu, cũng không phải ma ; tôi là cây vên-vên ngâm nước lâu năm nên nặng ! »

Cội nghe nói vậy thì trong mình đều mọc ốc, giơ tay lên mà xô bà già xuống, thì bà già đeo cứng trên lưng. Cội sợ quính, bà già thò tay rờ mặt tên Cội thì tay lạnh như đồng. Lại biểu : « Chú có sợ ma thì cởi quần mà đánh. »

Lúc đó Cội sợ quá, quăng hai giỏ ếch, quăng đèn, hai tay giơ lên xô bà già ai ngờ thò tay lên thì đụng nhằm một tấm cây. Cội sợ quá vừa la vừa chạy, mà tấm cây đó nó cũng dính trên lưng, chạy về tới nhà, Cội xô tấm cây rớt xuống một cái đụi giữa sân, anh ta tông cửa chun vô nhà té ngựa nơi ván nói không ra tiếng. Vợ thắp đèn ra sân coi thì thấy một cái nắp hòm « vỏ măng », mỗi ăn hết nửa ! ⁶⁸ Vợ xách đèn trở vào nhà kêu chồng, thì không ơ hữ chi hết, mở con mắt trao tráo đó mà thôi. Vợ sợ chết, hú hồn hú vía cả canh mới ơ hữ, sáng ngày thiên hạ lối xóm đến thăm, có bà cháu con Liêu đến. Cội thấy mặt bà già thì sợ vụt chạy, ba bốn người bắt lại mới dặng, mà xem bộ mặt lơ láo hết hồn, cứ khi không rồi làm bộ dớn dác vụt chạy, ngày ngày có người giữ. Lối xóm biểu đi rước thầy pháp đến chữa đuổi tà ma ra và truy hồn truy vía mới an. Người vợ liền mượn người lên Bàu-đôi mà rước thầy pháp tên là Tân, vốn là thầy có danh. Thầy đến nơi

bày bố đàn-tràng mà chữa một ngày một đêm, rồi truy hồn truy vía, lại cho uống bùa uống ngải, lớp thì uống thuốc bắc, chín mười ngày mới khá mạnh.

Từ đó về sau, anh ta không dám đi đâu ban đêm, cũng không dám nói phách nữa.

Trong xóm làng có nhiều người nói : « Thằng Cội nó nhát như cheo mà hay nói phách, nên nó mắc một chuyến như vậy, sau hết nói phách. Dầu nó chết thiệt, cũng không ai thương. »

ĐẶNG-LỄ-NGHI, 1910

*

Dẫn. – Ban đầu, tôi định kết thúc « *Phần Tiểu lâm cũ* » với bài « Bà già hoá ra nấp hòm », nhưng khi chép đến đây, chẳngặng dừng, tôi xin tiếp tục chép luôn thêm mười bốn bài nữa, lựa rút trong sách Đối cổ kỳ quan của Đặng-Lễ-Nghi xuất bản năm 1910, một là để lưu lại một thể văn tiểu-đàm xưa trên sáu chục năm, hai là vì tôi đâm ra bi quan không ắt gì có phương tiện xuất bản riêng một tập « chuyện cổ tích miền Nam », nên thà chép luôn trong tập này những mười bốn bài sau đây, gọi để đối không khí, vì nói tục hoài nghe thét cũng nhàm, và nhằm thỉnh thoảng xen kẽ năm ba chuyện về phong tục và cách sinh sống năm bảy chục năm về trước của đất Nam-kỳ Lục-Tĩnh, ắt cũng vô hại.

Năm bài trước trong tập Đối cổ kỳ quan, tôi đã kể là :

- 182, giầu đầu ra đuôi, (*kiêu ngạo tạt nói ngọng*).
- 183, cóc cắn bể nôi vố, (*cái hại của sự cờ bạc*),
- 184, tham thì thâm, (*bắt được ăn trộm mà còn để cho vuột*),
- 185, ông chàng, (*chuyện săn heo rừng đời Trần-bá-Lộc*).
- 186, bà già hóa ra nấp hòm, (*chuyện ma nhát*).

Nay kể thêm mười bốn bài nữa là :

- 187, tử sanh hữu mạng, (*chuyện một con cọp không ăn thịt con nít*).
- 188, ma liêng ban ngày, (*chuyện ma*),

- 189, một đêm ma nhát hai lần, (*chuyện ma ở đường qua Cầu Bông*),
- 190, ông bà bắt con cháu, con cháu bắt ông bà, (*chuyện cự với cọp*),
- 191, nàng dâu chí hiếu, (*cách cư xử dưới đời Minh-Mạng*),
- 192, cọp oán, (*chuyện hai vị anh hùng vô danh đời trước*),
- 193, cá ông cứu người, (*chuyện cá ông giúp ích chớ không hại người*),
- 194, cọp hóa ra chó, (*chuyện chó trêu tức cười*).
- 195, nước nóng trừ bệnh điên, (*cách chữa bệnh phóng ứng của thầy pháp*),
- 196, xà niên, (*chuyện người mọc lông hoá thú*),
- 197, trâu khôn sấu linh, (*chuyện giả sử đời Nguyễn-Ánh*),
- 198, nước gừng trị bệnh bôn đờn, (*lớn dái*) (*cách trị may rủi của người xưa*),
- 199, hồn Gia-định, xác Bắc-thành, (*chuyện thay hồn đổi xác*),
- 200 chuyện tà bất cảm chánh, (*chuyện chưa tới số ma không hại được*),

Sau đó, sẽ bắt qua phần Tiểu-lâm tân thời.

187. Tử sanh hữu mạng (số 11 tr.18 tập 1 Đặng-lễ-Nghi, 1910)

Làm người ở trong cõi trần thế, sống chết có số có mạng, sang hèn vinh nhục có phần.

Năm Tân mão ⁶⁹, tại hạt Tây-ninh có một người tên Dung, trong nhà nghèo chí đố, lại có nhiều con, mỗi năm hễ đến gần mùa lúa thì anh ta đi các nơi xa xa kiếm lúa sớm mà gặt, năm đó anh ta lên xứ Giồng-nổi mà gặt, đi có đem theo một thằng con trai nhỏ năm sáu tuổi, đặt nó mót lúa. Đến nơi cha gặt con mót đặt chín mười ngày thì hết lúa sớm, mà anh ta lại mang bệnh rét, liền tính bán lúa lấy tiền mà về. Cha con đem nhau về tới giữa truông Tầm-long thì anh ta tới cỡ rét đi không đặt, bèn ngồi dựa mé đường truông mà run. Cữ lạnh làm dai lắm, trời gần tối thì hết lạnh, tới cữ nóng mê man, anh ta nằm mê bên đàng, còn thằng con thì ngồi xấn bấn theo một bên đó, trời đã tối, mà ở giữa truông lại càng tối hơn. Có một con cọp đi tới đó há miệng hà hơi trên đầu thằng nhỏ. Thằng nhỏ liền vỗ cha nó mà nói rằng : « Cha, cha, con bò của ai mà nó lại nó muốn cắn tôi. »

Cha nó nóng mê man, nghe vậy thì nói : « Bò trâu gì thầy kệ nó ! Con hãy nằm mà ngủ. »

Con cọp cứ đi qua đi lại hoài, thằng nhỏ lại kêu cha mà nói nữa : « Cha, cha, con bò đó nó cứ đi qua đi lại hoài, tôi sợ nó cắn tôi. »

Cha nó nói : « Mầy hãy vào trong lòng tao mà nằm kéo nó cắn. »

Thằng nhỏ bò vô phía trong nằm ngủ, còn cha nó mê man, cha con đều ngủ hết.

Đến sáng Dung hết cỡ rét kêu con dậy đi, thằng nhỏ nói : « Hồi hôm con bò nó đi lại đây hoài mà bây giờ nó đi đâu ? »

Cha nó nghe nói thì nhớ lại, liền dòm dưới đất coi thấy dấu cọp đi qua đi lại lắm nhảm thì nói : « Lạ này, sao con cọp này nó không ăn mình ? Nó cũng không ăn con mình ? Hay là nó thấy mình nghèo mà nó sợ ăn rồi lây nghèo cho nó ? »

Anh ta nói lấp đáp rồi cha con đem nhau đi về.

Tới nhà nói chuyện lại và hỏi thằng nhỏ thì thằng nhỏ cũng nói lại y như vậy. Ai nấy nghe nói đều sợ kinh hãi, và đều nói là chưa tới số.

188. Ma liệng ban ngày (số 12 tr.20)

Thường nói rằng ma thì thuộc về âm, hoặc nó liệng hoặc nó nhát thì cứ ban đêm mà làm, chớ ban ngày thì xưa nay không có, mà con ma này nó lại liệng ban ngày. Tại làng Bình-đường, tổng An-thổ, có nhà tên Chánh, bữa tối ba mươi tháng chạp năm tị ⁷⁰ chưng đồ ra rước ông bà vừa xong thì đã khuya, trong nhà ai nấy đều vui vẻ, còn trên bàn thờ thì chưng đủ mọi món, người trong nhà nghe tiếng lộp cộp trên bàn thờ thì ngỡ là chuột, không ai thèm ngó lên làm chi, mà những đồ chưng trên bàn thờ thì nó đem đi dời đổi bậy bạ, tên Chánh lại xem nơi bàn thờ thì thấy đồ đạc sắp bậy bạ bèn la người trong nhà sao có sắp bậy bạ, rồi y sắp lại.

Sáng ngày trong nhà lo nấu cơm cúng, nấu rồi dọn đầy trên bàn thờ, vái lạy vừa xong ngó lên bàn thờ thì còn chén không, món nào cũng ăn hết sạch, lấy làm lạ lắm, liền kêu cả nhà vào nơi bàn thờ mà xem, ai nấy đều sợ, xem kỹ lại thì giữa bàn thờ có hai cái răng, ai nấy thấy răng lại càng sợ hơn nữa, nói lạo xạo một lát, lối xóm chạy tới chậ nhà mà xem.

Người bàn rằng : « Răng đó là báu ngọc. »

Người kia lại nói : « Khéo bày chuyện, đó nó là ma quỷ. »

Tức thì nó liệng đá gạch đất, người đều thất kinh, mạnh ai nấy chạy. Nó liệng trúng nhằm người con trai tên Chánh một cục đá nơi cánh tay rất nặng, liệng trúng nhằm con dâu nơi bàn tròn một cục đá cũng nặng, hết thấy sợ liền ra xa xa mà đứng, nghe trong nhà nó làm rầm rầm, nó liệng ra sân đủ các món, mâm, nôi, tộ, chén, đĩa, lu, vò, lúa gạo, bất kỳ món chi trong nhà nó đều liệng ra hết, không có chỗ mà tránh.

Người trong nhà đi lượm áo quần với món nào còn lại đem đi nhà khác mà ở đâu, người nhà không ai dám về nhà.

Tối lại, có sáu bảy cậu trai trai nói : « Thứ ma mà sợ nó cái gì ! » Liền cầm đèn đuốc đi vô nhà coi nó làm gì, mấy cậu mới vào tới hàng ba, thì trong nhà nó vãi tro cát vô mặt lại thổi đèn, rồi nó liệng miếng sành sành

ghè chén bát, nó liệng nà, mấy cậu sợ lỗ đầu xô nhau mà chạy vấp té kẻ thì
trẹo chơn, người thì trẹo tay, người xể mặt, quần áo rách tanh bành, thất
kinh từ đó về sau bỏ nhà, không ai dám tới.

189. Một đêm ma nhát hai lần (số 14 tr.22)

Xưa nay thế sự hay nói rằng : « Yêu tinh ma quỷ. » Tưởng chắc không ai thấy rõ nguyên hình, ma yêu tinh quỷ, trong bốn loại đó xét ra cũng như một, vì nó thường hiện ra hình này hình kia, hoặc là hình thú vật, hoặc hình bụi cây bụi cỏ. Cách chừng mười ba năm nay, tại nơi cây da Ông Bồn, người đồn ma tại đó nhiều lắm, ban đêm một người không dám đi ngang qua đó.

Có một đêm kia, tôi với tên Chức đi coi chữa bệnh nơi Bến Củi, khi ra về thì gần một giờ khuya, hai đứa đi ngang qua đó, thì nghe dưới hầm gần một bên đàng, dường như có người sàng miếng sành kêu rồn rảng. Tên Chức thì nhát lắm, nghe vậy thì nhảy tới kề một bên nít áo tôi mà đi, đi gần tới thì lại nghe sàng lung mà lại có tiếng người rên...

Tên Chức bảo tôi chạy, tôi nói : « Ai làm gì mặc ai, mình cứ việc đi, sợ gì mà chạy cho mệt. » Nói vừa dứt lời, ngó trước mặt thấy một con trâu lớn nằm ngang giữa đàng, mà hồi đó đàng còn hẹp, hai bên thì tre, không có chỗ nào mà tránh đặng, phải đứng dừng lại, tên Chức sợ run. Tôi liền nói với Chức rằng : « Khó quá, trở lại thì xa lắm, còn đi tới thì đi không đặng, nếu đi ngang trên đầu, thì sừng nó báng, còn đi ngang dưới chơn thì sợ chơn nó đạp, lấy làm khó tính. »

Còn con trâu thì nằm thờ ồ ồ, làm cho người dạn cũng hóa ra sợ. Tôi liền nói nhỏ với Chức : « Thôi hai đứa mình dang ra xa xa rồi chạy tới làm trốn nhảy phóng ngang qua bụng nó rồi chạy luôn. »

Chức không chịu, nói sợ lắm, e mình phóng qua không khỏi, té nơi bụng nó thì nó sẽ ăn, chi bằng chạy trở lại thì hay. Nói rồi vụt chạy trở lại, một đôi đứng đặng kia hú kêu. Tôi nói : « Mầy dại quá, mầy đứng đặng một mình, như ma nó nhảy lại chụp mầy thì ai mà tiếp mầy ! »

Chức nghe vậy sợ liền chạy trở lại, nít áo như trước. Rồi hai đứa đồng hè phóng ngang qua bụng con trâu, hai đứa phóng qua khỏi rồi chạy luôn

một đôi hơn một trăm thước, mà ngó lại sau lưng thì thấy con trâu hầy còn nằm thở ồ ồ, lấy làm lạ, ráng sức chạy một hồi nữa gần chợ Lò-rèn, ngó lại thì mất con trâu. Hai đứa nằm dài trên cỏ mà thở, mồ hôi ra đầm mình, một lát rồi hai đứa đem nhau đi về. Đi ra tới chỗ lăng Ông Thượng, thì ước chừng hai giờ khuya, đi tới chỗ lối mấy cây dừa trồng theo hàng, ngó thấy một con thỏ ở bên cây trâm bên kia hàng chạy ngang qua trước mặt, tôi nói : « Thỏ ! Thỏ ! Hai đứa ví đập. »

Chức nói : « Thôi đi cha ! Đừng báo hại như hồi nãy nói rằng nhảy khỏi bụng trâu, ai ngờ là nó rượt theo chạy gần sát cứt trong quần, mệ le lười. »

Tôi nói : « Có khi con thỏ thật vì là họ gánh đi bán làm sút. »

Mà con thỏ dạn quá, nó chạy xa xa chừng mười thước thì đứng đó, hai đứa nà lại rượt nó thì nó cứ thụt lui nhảy tới tràng qua tràng lại, hai đứa rượt hết sức mà bắt không được, cứ chụp hụt mãi, rượt bắt riết, kể bên hàng có nước có ô rô, có chun vô nó ngồi trong ô rô ngừ nghè như tiếng cộp ngừ, hai đứa sợ chạy riết, chạy tới Cầu Bông đứng lại nghỉ, mới biết rằng trong một đêm nay mà bị ma nhát hai lần.

ĐẶNG-LỄ-NGHI

*

Chuyện này cho ta thấy, cách nay chừng năm sáu chục năm (kể từ năm 1910, in sách, trở lên mười ba, mười bốn năm), thì chỗ lăng Ông Thượng cho đến Cầu Bông, đi một mình đêm khuya tới đó, không ai dám cả, vì sợ ma nhát ; một là vì không có đèn sáng, hai là đường rất nhỏ và hai bên toàn tre và bóng tối. Không biết « cây da ông Bồn » là ở chỗ nào, Bến-Củi là ở đâu ? Trên đường về, dựa theo câu « *nghe dưới hầm gần một bên hàng* », có phải đó là nơi ngày nay ta gọi Cầu Hang ở Gò-Vấp đó chăng ?

Bài này đáng chép lại vì tả cảnh Sài-Gòn năm xưa, quê nhưng rất thái bình, đi chơi khuya khoắc, lấy đêm làm ngày, và buổi ấy mới thấy giá trị của đêm trăng, không như ngày nay, con người sống máy móc quá, vật chất quá, văn minh đâu không thấy, mà hạnh phúc đâu mất rồi ? Tuy biết chuyện

thuộc về tưởng tượng, nhưng khắp nơi và tự cổ kim, đều lấy chuyện ma làm đề tài để đi đến thơ và mộng. Chuyện ma không nên bỏ.

190. Ông bà bắt con cháu, con cháu bắt ông bà (số 23 tr.36)

Thế sự thường hay nghe ông thầy, bà bóng nói rằng ông kia bà nọ bắt, mà không hề khi nào thấy rõ, chớ như việc con cháu bắt ông bà thì là rõ ràng.

Làng Phong-phú có tên Giang, nhà ở kề bên mé rừng. Tên Giang này có một đứa cháu mười hai tuổi, năm ngo⁷¹ ngày mồng hai tháng hai, sớm mai sớm đứa cháu đi ra mé rừng mà đi đồng, cọt rình bao giờ không biết, nhảy ra chụp, đứa cháu la oải oải vài tiếng, trong nhà nghe la đều chạy ra thấy cọt tha đứa cháu chạy thẳng vô trảng-Ông-Khê, là chỗ cọt tiếng, cả nhà không ai dám theo bổi, liền chạy đi báo với làng, tức thì làng chạy báo với quan huyện Thủ-đức, quan huyện nổi trống lên, mấy làng ở gần chạy tới, quan huyện dạy mấy làng ở gần phải nổi mõ hồi một bắt dân cho nhiều đem khai tới đi ví cọt. (Khai là đồ dùng ví cọt, người ta thường làm bằng cây cau già, chẻ miếng bằng ba ngón tay, trên đầu vạt nhọn ram lửa, bề cao quá với, róc ruột, róc cạnh cho tử tế, sắp một lớp nằm xuôi cách khoảng nhau chừng năm sáu phân, bề ngang chừng năm sáu thước mộc, rồi sắp một lớp nằm ngang qua cũng cách khoảng như vậy, thì nó có lỗ vuông vuông, khoan lỗ cột dây cho chắc. Cột tẩm trên với tẩm dưới dính nhau. Khi ví khai thì hai người hai đầu, còn bốn năm người cầm giáo, mác thong đưa theo mà giữ. Cọt thấy mấy mũi giáo chơm chớm thì không dám xáp gần. Khai thì cứ kê đầu liền liền nhau như vậy giáp vòng, khi đấy khai thì lựa người dạn mà có nghề, cầm rựa ở phía trong, chặt cây dọn cho trống mà đẩy khai lần lần vô, như cọt chạy lại thì hé đầu khai cho người ấy chun ra, hể cọt chạy qua bên này thì bên kia đẩy vô, nó chạy qua bên kia thì bên nọ đẩy vô, cứ vậy mà làm, đẩy lần lần vô cho nó tóm lại hẹp hẹp rồi sẽ bắn.

Lời quan huyện truyền ra, làng nổi mõ bắt dân tức thì, người thì cầm giáo, người cầm mác, người thì khiêng khai, xem ra lao xao rộn ràng.

Quan huyện cũng đồng đi theo đốc sức cho làng. Tới nơi dàn khai ra vây xung quanh trảng Ông Khê, bốn phía hương chức làng cầm khí giới

đốc dân, khai cứ đẩy tới mãi, gần tới giờ Ngọ, thì gặp thầy đưa nhỏ, xem lại còn cái đầu, hai chơn, một cánh tay. Quan huyện cứ truyền cho làng đốc sức dân ráng mà đẩy khai, thay phiên nhau mà đi ăn uống, bốn bên cứ việc đẩy nà khai vô là hẹp, lúc đó cọt nhảy ra, cả và dân đều la om : « Đẳng ta giữ lấy cọt ra đó ! »

Cọt nhảy hộ bên này, ngó thấy giáo mác chơm chớm, bỏ qua bên kia, thì bên kia cũng đưa giáo mác ra mà gìn giữ, khai đẩy nà vô, thì cọt chạy lộn xộn coi nhiều mà không rõ là mấy cọt, khai đẩy riết và hẹp thì thấy rõ là năm vị thần tiên, kẻ qua người lại, xem bộ mấy ông sợ, con mắt dớn dác, hằm hằm, khai đẩy một hồi nữa, xem là ớn rồi, xem lại cho kỹ thì là ba ông hai bà. Lúc này ông bà làm dữ, ông hộ đầu này, bà hộ đầu kia, nhảy hộ làm dữ một hồi không xong, rồi cứ việc ông đi qua bà đi lại, tới lui ngời ngở ra. Chúng dân nói : « Ông tiên, bà tiên, sao không đặng vên mà về động ? Hay là chư tiên có phép tàng hình ? Nếu trận này mà chư tiên phá không nổi, thì đời đời chư tiên không có giáng thế nữa ! »

Khai dồn lại hai ba lớp, ống bả quyết lòng phá vây, mà phá không nổi. Mấy người cầm súng leo lên cây nhắm bắn xuống, hễ bắn một mũi súng thì ống bả nhảy dựng lên chạy vòng theo xung quanh khai, hự hự làm dữ mà nõ chi đặng, bắn riết một lát thì ống bả đều chết vinh râu.

Hồi ban đầu thì ông bà bắt con cháu, rồi bây giờ con cháu bắt ông bà, dân làng khiêng ống bả về dinh, để nằm cho thiên hạ coi, người thì nói : « Mô Phật ! Tội nghiệp mấy ông tiên ! » Người thì nói : « Đáng kiếp, hại nơn thì nơn hại, đã đáng đời. » Người kêu « ông bị », người kêu ông tiên, người gọi ông thầy, người kêu là ông hùm, mà tưởng lại kêu ông bị là trúng hơn, vì là bị người ta giết !

Quan huyện lấy làm vui mừng khen làng xóm, khen dân rất có lòng lo mà trừ mối họa cho thiên hạ, mà trong cuộc ví khai đó thì người người đều đặng bình an.

Từ đó về sau, nơi tráng Ông Khê không còn bà nào ông nào hết, rất đáng khen cho người ở làng Phong Phú đã can đảm mà có lòng thương yêu

người đồng hương, nên đã hết lòng mà trừ loài thú dữ.

ĐẶNG-LỄ-NGHI

*

(Trong bài này, ta biết được một cách ngày xưa dùng khai ví cọp rồi mới trừ bằng súng hay giết bằng một cách khác, vừa hiệu nghiệm vừa không tổn hại sanh linh. Ngày xưa, trước đây lối nửa thế kỷ, cọp có rất nhiều, thậm chí ở Thủ đức và ở vùng Chợ Quán, mà cũng có cọp vồ bắt người ăn thịt. Còn nhớ Rừng Sác, năm xưa đặt một tổng là « tổng ăn thịt » để cho hiểu là nơi tổng ấy cọp rất nhiều hễ đến đó thì bị ăn thịt có ngày. Sau nhờ khai phá, dân đông và súng nhiều mới dứt nạn thú dữ.)

191. Nàng dân chí hiếu (số 24 tr.38)

Năm Tân tị ⁷² bên Tàu vua Đạo-Quang tức vị, bên An nam trào nhà Nguyễn vua Minh Mạng năm thứ hai, tại tỉnh Hưng hóa, phủ Cẩm Khê, huyện Hạ hòa, làng Y sơn, có một người tâm tánh từ hoà lương thiện lắm, tuổi ước chừng sáu bảy mươi, có một đứa con trai chừng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi, đã có vợ rồi, mà con dâu này thật là một người hiền lành cung kính cha mẹ chồng cũng như cha mẹ mình, nên cha mẹ với chồng thương yêu lắm. Trong nhà có một thằng đày tở tên là Cuội, cha mẹ nó vốn là người ở đồng lân, một ngày kia tên Cuội giận ai không biết, nên nó bỏ trốn đi mất.

Cha mẹ tên Cuội thấy con mất đã mấy ngày, thì nghi rằng chủ nhà giết con mình, liền làm trạng vào tỉnh mà kiện nhưn mạng. Quan trên cứ theo luật mà xử, nếu đày tở tôi mọi trốn mà không đi cứ với làng, ấy là giết người mà giấu thân. Quan dạy bắt hết cả nhà mà khảo kẹp, lấy làm khổ sở lắm. Khi bắt ông già bà già với chồng mà khảo tra thì ba người kêu trời than đất rất đỗi là oan, dầu kêu khóc bao nhiêu mặc lòng, quan cứ việc làm theo phép chẳng hề dung thứ. Nàng dâu thấy cha mẹ chồng với chồng chịu khảo kẹp như vậy, thì đau lòng xót dạ quá, nàng dâu bước đến lạy quan xin dung cho ba người, để tôi khai ngay. Quan nghe nói thì nói : « Mi khai chi thì khai ngay cho ta nghe. »

Nàng liền khai rằng :

*Tội ngộ sát tôi làm tôi chịu,
Bởi giận cùng giết tở thác oan.
Sai khiến chi, tở nói ngỗ ngang
Lấy banh củi đánh nhằm chỗ nhược.
Nó thác đó tôi liền dụng chước,
Lén mẹ cha đem nó bỏ sông,
Tội ác này tôi cũng giấu chồng,
Nay đố bề dám đâu yêm ần.*

*Thấy khảo kẹp thiết tha mấy bận,
Tội mình làm mình chịu đã đành.
Cúi trông lượng cả cao mình,
Tha hết thảy một tôi ưng chịu.*

Quan nghe lời khai thì mừng, liền biểu biện lại biên lời sao khẩu của con dâu, còn ông già bà già với chồng thì tha về, nàng dâu thì đem giam vào ngục. Quan làm án gởi đến xin quan tổng-trấn thượng số xử tử con dâu đó, trong án lại có câu nói rằng : « *Đã tử phao thi, độc tánh phụ nhưn khả úy, bốn hô ngộ sát, cố tình thãm dã tù tri* ». Quan tổng trấn xem án rồi thì cũng phê y như án quan BỐ đã kết. Rồi quan tổng trấn thượng số về trào.

Lịnh hoàng đế xem án rồi châu phê trăm quyết. Án trào trở lại nơi dinh quan BỐ, quan BỐ thi hành, tờ châu tri phát ra các nơi, cha mẹ chồng với chồng than khóc vô cùng, cha mẹ thì thương dâu thảo, chồng thì xót xa đau đớn vì mất vợ hiền, cả nhà buồn rầu bỏ ăn bỏ uống. Kêu trời than đất xin mình oan.

Thật lòng trời đất công minh, trời không phụ người hảo tâm. Nội ngày đó thẳng đày tứ tên Cuội, nó chạy về nhà nói rằng : « Tôi hôm nay đi bậy chơi mà sao hôm nay trong lòng tôi nóng nảy lắm, đi hướng nào cũng nóng nảy lương tâm, trừ ra đi về nhà chủ thì mới yên mà thôi. »

Tức thì người chồng đem tên Cuội đến thưa với làng, làng đem tên Cuội đến quan BỐ mà thưa lại, quan BỐ nghe qua lấy làm lạ, dẫn nàng dâu đến và hỏi rằng : « Mi là người vô tội, sao người dám chịu rằng giết người ? »

Nàng thưa rằng :

*Phận phụ nữ chỉ sanh ngoại tộc,
Về nhà chồng giúp nối tông đàng,
Hệ trời xui họa nợ phải mang,
Túng phải biến cứu người tai-họa.
Phận bõ liễu mất còn chẳng sá,
Cám nhà người tuyệt tộc mà thương.*

*Thân liễu thân cứu vện tai ương,
Sau kiếm vợ sanh con phụng tự.
Nhà người đặng an cư mọi sự.
Danh tiết này mất cũng rõ ràng.
Chẳng sá chi cốt nhục xương tàn,
Thác trợn nghĩa đã đành phận thác.*

Quan Bô nghe lời nàng dâu khai, thì mới biết rằng nàng này là phận đàn bà mà tâm tánh khí khái quá, thị tử như qui gia tân, thật là nữ trung hào kiệt, liền viết khai lại tử tế, gởi về trào xin nhờ lượng cao minh phán đoán. Lời khai về tới trào, đức Minh Mạng xem rõ thì khen người đàn bà có nghĩa, đức vua liền phê cho nàng dâu bốn chữ : « NGHĨA PHỤ KHẢ PHONG »

Trong lời chiếu chỉ nhà vua dạy quan Bô phải sơn thết bốn chữ vàng và phải bốn thân đem tẩm biển đến mà treo nơi nhà nàng dâu, cho nhơn dân xem rõ mà bắt chước theo nàng dâu đó.

Còn vụ cha mẹ thân tộc của tên Cuội vu cáo thì phải lấy theo luật mà xử.

Phần quan Bô lên án cho nàng ngộ sát, thì bị giảm đẳng. Rất đáng khen một người đàn bà về nhà người làm dâu, mà trong lòng lấy sự trung nghĩa mà ở, biết có cha mẹ chồng với chồng, mà không kể thân mình còn mất, thật trong đời ít có một người đàn bà chí khí như vậy.

ĐẶNG-LỄ-NGHI

*

Lời bàn. – Bài này vượt mức chuyện tiểu lâm. Sở dĩ chép ra đây, là để đổi không khí. Tội nàng dâu, ngày nay đâu có đến tử hình ? Chuyện thăng Cuội bỏ nhà đi biệt, bất quá còn tùy sự điều tra của nhà chức trách, mà án chủ nhà đâu đến trăm ? Ngày xưa coi rẻ mạng người, và bốn chữ « Nghĩa phụ khả phong » thật không ham. Duy phải nhớ chế độ ấy đã kèm xã hội ngày xưa trong nề nếp và bền vững cho đến nay. Nay quá ư tự do thành ra như đã thấy. Gặp tiệc cưới, tiệc hỏi, sau khi tửu hứng và chuyện tiểu lâm đi

đến mức cao thì nên lấy tích này làm món giải rượu thì cũng chưa lạt đề.
(24-12-1970)

192. Cọp oán (bài số 32 tr.60, cuốn nhì)

Năm Tân dậu ⁷³ tại tổng Hàm ninh hạ, làng Gia bình, có tên Thanh, bốn mươi chín tuổi, cháu là tên Miêng, ba mươi ba tuổi, chú cháu là người quê quán ở đâu không rõ, đến ở ngụ trong làng đã ba bốn năm, chú cháu làm nghề đưng thúng, song thật là tay ăn trộm nghề, tuy là ăn trộm, mà cũng biết nghĩa lý lắm, chẳng hề động tới của người trong xóm làng của mình, ăn trộm xứ xa hoặc là khác làng, chú cháu cũng ngăn cản không cho người gian vào phá khuấy trong xóm làng của mình ở. Người người trong lân lý đều biết chú cháu là bộm mà ai ai cũng thương mến, chú cháu có tật uống rượu lớn đánh bạc to, hễ có tiền mua món kia vật nọ đem về để dành uống rượu, mời anh em đến cả nhà, hoặc ra thai, ra đối, hoặc đánh cờ dẫu ăn dẫu thua cũng là phải uống rượu, người nào yếu rượu thì phải lo trốn về trước, còn người nào có sức mạnh thì ở đó mà chơi với chú cháu họ, chơi hoài uống luôn luôn cho đến khi nào ngã thì ngủ, còn có người nào biết nghề võ thì ra nơi sân đi quờn với nhau sơ sài rồi vô uống rượu, trong xóm làng đều tưởng rằng chú cháu họ biết chút đỉnh, chớ không gọi là giỏi. Vì là chú cháu giỏi thì để lòng không có lộ ra cho ai biết, có chơi thì giả bột sút miếng sút sức, nên ai ai cũng lầm. Tháng ba năm dậu ⁷⁴ chú cháu đem nhau đến tổng Bình điền (Thủ dẫu một) ăn trộm lừa cả bầy trâu, lớn nhỏ mười ba con vì lừa đi theo đàn rừng sợ chủ theo dấu nên đi theo ngã lòng suối khô ở giữa rừng sâu ; ban ngày thì ẩn trong rừng, ban đêm thì đi. Đã nhiều phen chú cháu gặp cọp thì đánh chửi coi cọp cũng như một con chó dữ chớ không hề kiêng sợ. Ngày đó mặt trời vừa xuống khuất ngọn cây, chú cháu đuổi trâu đi, thì có hai con cọp nhảy ra chụp bầy bạ làm cho trâu thất kinh nhảy bầy, người chú rượt cọp chạy, rồi lừa trâu gom lại, chú cháu đuổi trâu đi vừa tới cái trảng tinh những là cây dẫu tà-ben không mà thôi, khi đó thì trời đã tối thật, cọp ở đâu phía sau đi theo hừ hừ làm rộn ràng chạy đón dẫu không cho đi, xem kỹ thì là ba con lớn hai con choai choai, đều nhảy ào vô mà chụp, chú cháu liền cự một chặp lâu, người chú cầm cây giáo nơi tay đâm trúng cọp nào không biết mà gãy ngang lưỡi còn cái cán không, người

cháu thì đánh với hai con kia, còn chú thì đánh với ba con nọ. Ba con nọ nó áp vào một lượt, người chú có một cái cán giáo đánh không phi nên bị nó vỗ nơi bụng một cái nặng quá đổ ruột, liền kêu cháu mà nói rằng : « Miêng ôi, mày phải giữ lấy, chớ cọp nó đã vớ tao lòì ruột rồi. »

Miêng nghe chú nói bèn lui lại gần chú mà hỏi : « Sao vậy chú ? »

Chú nói : « Tao đâm nhằm nó khi nãy, nên cây giáo của tao đã gãy ngang lưỡi rồi. »

Người chú tuy đổ ruột mà tay cũng còn cầm cán giáo mà cự với nó.

Miêng nói : « Chú bị trọng vết lằm, thôi chú đeo nơi lưng tôi đây, đừng tôi công chú mà lui lại nơi gốc cây lớn, để chú ngồi đó đừng tôi đánh với nó, chớ cọp này nó thù oán quyết lòng hôm nay nó ăn chú cháu mình. »

Miêng công chú trên lưng, tay thì đánh với cọp, chơn thì lui lần lần lại tới gốc cây lớn, để chú rồi dựa gốc cây, lấy thế đừng một phía còn ba phía là lo giữ, mà cọp hăm hăm muốn giựt cho đừng thân người chú, song Miêng giữ gắt quá nó làm chi không đừng.

Miêng cầm roi mật cật nơi tay đánh một hơi rượt cọp dang ra xa chừng ba bốn chục thước rồi chạy vô ôm chú mà khóc.

Chú nói : « Tao chưa chết đâu. Mày phải ráng mà cự với nó. Nếu mày sơ hở thì nó sẽ giựt thân tao mà xé ; loài cọp nó hay thù oán lằm. Vì thưở nay chú cháu mình đánh chửi nó như chó vậy, hôm nay có khi trời biểu chú cháu mình thôi làm nghề ăn trộm, nên trời xui cho nó rủ nhau đông, mà hại chú cháu mình. »

Người cháu nói : « Xin chú chớ lo, bao giờ nó ăn đừng tôi thì mới ăn đừng chú. »

Cọp áp vô làm dữ. Miêng ra đánh một hơi rượt ra xa xa. Miêng lui vô, nó áp theo, va nỗ lực đánh một hồi nữa thì cây roi của va đã gãy hai, va liền nhổ đầu Tà-ben nhỏ nhỏ vừa tay cầm mà đánh với cọp, hễ gãy cây này thì nhổ cây khác, cứ vậy mà đánh hoài, qua đến canh tư thì hai đàng đều mệt khát nước, cọp ngồi ngó Miêng, Miêng chống cây đứng nhìn cọp, một lát

cọp lại áp vô làm dữ, Miêng cũng nỗ lực mà đánh, đánh đặng ba bốn hiệp thì xem trời đã gần sáng, cọp khát nước quá bỏ đi kiếm nước uống, lại thấy trời sáng thì sợ ban ngày Miêng sẽ đánh chết, nên bỏ đi, còn Miêng cũng khát nước lắm, hùng đông thấy có một vũng nước đục ngừ tinh là cứt chồn cheo không mà thôi, song cũng ráng mà uống vài ba hớp thấm giọng, rồi trở lại nói với chú rằng : « Trời đã sáng rồi, mà cọp nó đã bỏ mà đi hết, chắc là nó cũng khát nước như tôi. Phải chi trời sáng thì tôi giết đặng nó, ngặt vì trời tối, có theo bóng đen mà đánh mà thôi, lại mười phần mắc lo cho chú. »

Xem nơi trảng dầu đó, mấy cây nhỏ nhòa gãy ngang, cây thì ngã xiêu cây thì tróc gốc, xem ra tan nát cả công đất, bởi vì lớp thì cọp càn mà gãy, lớp thì Miêng nhổ làm cây mà đánh.

Miêng đi gom trâu lại thì mất hết một con nghé nhỏ, kiếm một hồi gặp con nghé chết nằm y nguyên, xem lại thì cọp chụp đầu nó phạm nhằm tai rách nát, nên bỏ không ăn. Miêng trở lại ngó thấy chú trọng bệnh thì khóc mà nói rằng : « Chú ôi, nay mai chú phải chết, cháu dầu đem trâu này về bán lấy tiền mà ăn uống với ai ? Thôi, cháu bỏ bầy trâu lại đây, cháu cũng chú về. »

Người chú nghe cháu nói như vậy thì la cháu mà nói rằng : « Nếu không dùng của người thì đem trả lại cho người, thì hay hơn ; chớ bỏ đây thì mình cũng mang tội lấy của người. »

Cháu liền nói lại rằng : « Nếu đem trả lại thì đặng đó, rồi chủ họ bắt cháu mà giải quan thì làm sao ? Vốn tôi không sá chi thân tôi ở tù, thật tôi lo thân chú tôi tàn chết không yên. »

Chú nói : « Lời cháu nói cũng phải, nhưng mà chú tưởng lại chủ họ không có lòng ác như vậy đâu ; mình làm ơn cho họ, thì họ cũng làm ơn lại cho mình. Vậy thôi cháu khá nghe lời chú, chịu khó lừa trâu trả lại cho chủ, rồi cháu sẽ cũng chú về nhà ».

Miêng vưng lời, liền cởi áo ra bó chỗ vít của chú, rồi đem chú lên lưng trâu, ngồi ôm chú, chơn thì thúc con trâu đó đi lừa mấy con kia, cứ đàng

thăng mà đi trở lại nhà chủ. Đi tới xế qua thì tới nhà, trong nhà chủ ngó thấy trâu về thì mừng lắm, chạy ra thấy chú cháu lịu đi thì lấy làm lạ liền hỏi căn cội.

Miêng đem chú xuống đất ngồi nơi bóng cây xoài, còn mình thì đi vào nhà chủ mà nói căn do cho chủ rõ.

Miêng nói với chủ rằng : « Chú cháu tôi vốn là người ăn trộm trâu của ông, lừa về đến nửa đường thì có năm con cọp nó thù oán, xưa nay chú cháu tôi đánh chửi nó, nên nó ra đón đường mà làm dữ, chú tôi đâm nó rùi gãy lưỡi giáo, nên bị nó vớ nhằm nơi bụng trọng bệnh, nó lại muốn bắt chú tôi với tôi mà ăn, nên tôi đánh với nó sáng đêm, đến sáng thì nó chạy hết. Nay chú tôi trọng bệnh, mười phần chắc chết, nên chú tôi bảo tôi lừa trâu mà trả lại cho chủ. »

Chủ nhà nghe nói thì cảm tình thương, hỏi người nhà đem cơm cho chú cháu ăn, rồi biểu bạn bắt một đôi bò mắc vô xe bò đặng đưa chú cháu về, lại cho hai mươi lăm quan tiền đem về mà lo thang thuốc cho chú.

Chủ nhà nói : « Cửa đã mất rồi mà may lại còn, dầu cho năm chục cũng đáng ». Lại khen người cháu thiệt là giỏi, cự với năm con cọp cả đêm mà không tì tích.

Miêng cúi lạy chủ nhà một lạy rồi đem chú lên xe bò mà đi về, xe chạy miết, đi tới canh một thì tới nhà. Thím của Miêng nghe xe chạy ra thấy chõng trọng bệnh thì nhào lặn mà khóc.

Miêng cũng chú đem vào nhà, còn xe bò thì trở về Bình-điền.

Người thím và đứa con gái nhỏ đều khóc van. Lối xóm nghe chạy tới thăm rất đông, kẻ đem thuốc này, người đem thuốc kia, song le nọc cọp càng ngày càng thắm vào lấy làm nhức nhối. Tên Thanh tính cầm không đậu, liền kêu Miêng vào mà trối rằng : « Chú chết rồi thì cháu phải bỏ cái nghề cũ đi, hãy lo làm ăn, chú gởi vợ con lại cho cháu, hãy lo mà bảo dưỡng cho tròn chung thi. Cháu hãy lấy tiền bạc của chú chôn bấy lâu nay nơi phía chái trên, lấy đó mà làm vốn. »

Nói vừa tới đó, cọp ở đâu đến rình ngoài cửa làm dữ, muốn phá cửa vô mà bắt, người chú nghe cọp làm dữ thì giận quá lồm cồm ngồi dậy nạt một tiếng lớn rồi té ngựa ra mà chết.

Miêng giận mấy con cọp làm rộn cho chú mình chết, liền rút cây gài cửa xô cửa nháy ra đánh cọp rống chạy dài, rồi trở vào ôm chú mà khóc kể thảm thiết. Mấy người lân cận nghe Miêng khóc cũng khóc theo.

Thím với người lân cận bèn hỏi Miêng các việc đầu đuôi, Miêng nói lại hết cho thím với cô bác nghe. Sáng ngày có nhiều người đi đến chỗ Miêng đánh cọp mà xem, thấy dấu qua lại tới lui cày gầy đất trầy cỏ tróc gốc, xem dấu rộng lớn gần một công đất, ai nấy đều kinh sợ, đều khen Miêng thật là tay giỏi lắm ít ai bì kịp. Từ đó về sau thiên hạ đồn vang, có nhiều người đến xin học, kẻ chịu tiền, người chịu lúa gạo. Miêng ra công dạy người ta mà kiếm ăn đắp đổi qua tháng ngày, lo nuôi dưỡng thím với em vuông tròn.

Cọp tuy là loài thú mà tâm tánh cũng khôn ngoan như người : hay thù vật, hay oán giận, dầu chuyện lâu đời ba năm thì cũng ghi nhớ đợi thời suy, đợi hồi biến mà làm, hễ thù oán bắt đặng người thù, thì không thèm ăn, xé thân ra mà bỏ đầu này một khúc, đầu kia một khúc, có khi chết rồi đem đi chôn, rồi tối lén tới moi lên mà xé. Con thú mà thù oán hơn người.

*Truyện này của Y-sanh lão-sư Dương,
vốn người ở đồng lân với Miêng thuật lại.*

ĐẶNG-LỄ-NGHI

*

Lời bàn. – Truyện này cho ta biết :

a) Vào thuở cựu trào, chưa có súng mạnh, con người can đảm và có võ nghệ, với roi dài mác bén, vào rừng không sợ cọp chút nào ;

b) Hai chú cháu, Thanh và Miêng, quả là hai anh hùng không gặp thời, đem sức mạnh đả hổ, dùng vào chuyện làm tướng lục lâm ; uống và tiệc cho tài ;

c) Ngày nay đi săn cọp, với súng tân thời, là một cuộc đi tàn sát thú rừng ; không như thời trước, thú và người, sức mạnh tương đồng, ai lanh trí dẻo dai là hơn, và như vậy mới là thể-thao ; chớ như đào hầm làm tum, núp trốn đợi con thú tham mồi, sơ hở rồi khạc đoạn xoáy vào nó thì có chi đáng gọi là phô trương can-đảm hay võ-nghệ ?

d) Ngày nay ngồi bàn ăn tiệc, thuật chuyện một người với roi trường đánh lui một đêm năm cọp dữ, dầu cho chuyện thiệt, họ cũng gọi đó là « tiểu lâm. »

193. Cá ông cứu người (số 34 tr.68)

Tai thường nghe người nói đi người nói lại rằng : Cá ông thường hay đi tuần ngoài biển, gặp ai bị chìm ghe chìm tàu thì cứu vớt, xưa nay có nghe nhiều người nói mà chẳng lấy chi làm tin, là vì người nói đi người nói lại, chẳng gọi là chắc.

Năm Canh-tí⁷⁵ có sáu người đi một chiếc ghe bầu ban đêm nhằm bữa sa mù tàu đụng nhằm chìm, nhờ cá ông đem ghe vô còn khỏi chết, sáng ngày có tàu khác chạy về Hạ-châu, ngó thấy người liền cho tam-bản vào rước chở đem bỏ nơi Hạ-châu, quan lãnh-sự nơi Hạ-châu lại cho giấy gửi về Sài-gòn, tàu đến Sài-gòn thì giao mấy người đó cho quan tuần thành, quan tuần thành lại giao cho quan coi việc quản xuất tàu thuyền, đặng người cho giấy đi về quê quán. Khi lính tuần thành đem sáu người lại tại nhà giấy bảy giờ sớm mai, thì quan chưa đến, nên người trong nhà giấy với mấy thầy hỏi đầu đuôi cho biết thì mấy người ấy nói rằng : Ghe ở Cửa Lục mà ra ngoài khơi, bữa đó trời sa mù không thấy chi cả, ghe đang chạy giữa vời thì có một chiếc tàu ở đâu không biết chạy sấn ngang hông chiếc ghe, rồi tàu chạy luôn, người trong ghe đều kêu cứu mà không có ai cứu, một lát lâu ghe vô nước lên tới sạp, ai nấy đều lo chết mà thôi, nước ngập lên lên khỏi sạp, rồi không hiểu làm sao mà ghe lại nổi lên mà vững vàng lắm, hồi đó ước chừng gần sáng, ghe vững vàng như vậy hồi lâu rồi sao ghe lại văng lên còn xa khỏi mé nước hơn mười thước, lúc đó trời đã hừng đông, ghe thì tan tành từ nơi từ miếng, song không mất món chi hết. Khi sáng thiệt mặt thì người trong ghe liền nói với nhau rằng : « Chuyện này có khi là ông thương mà cứu chẳng ? »

Mấy người liền đứng day mặt một phía mà vái lạy ông : « Chúng tôi nhờ có ông cứu mới sống, xin ông lên vọi cho tôi biết. »

Tức thì ngó thấy ngoài biển phun nước lên ngay bót như vòi rồng. Mấy người đều cúi lạy ông rồi ông lội ra một đỗi lại lên vọi phun nước một lần nữa rồi đi mất. Lời mấy người nói lại rõ ràng như vậy, kể quan đến hỏi

ở đâu thì họ khai rằng ở Quảng-bình. Quan liền dạy làm giấy tàu cho sáu người đi về xứ.

Gẫm lại loài cá voi là loài vô tâm vô tri mà cũng hảo tâm biết cứu người trong cơn nguy biến, ấy cũng là trời phú tánh cho nó như vậy.

Hèn chi có nhiều chỗ người ta xí đặt thây cá ông trôi thì vớt về mà thờ, làm lăng thờ kính nhang đèn luôn luôn, tứ thời hương hỏa bất tuyệt, kính thờ như vậy cũng đáng lắm, thật là loài cá mà biết làm ơn cứu thiên hạ.

ĐẶNG-LỄ-NGHI

*

Phụ bàn. – Việc cá ông cứu ghe bầu khỏi chìm, nay có thể cắt nghĩa theo khoa học được. Nguyên loại cá ông này, ngày xưa các vua ta đã phong đến chức « Nam-hải đại tướng quân », là cũng vì nhiều phen cá cứu ghe thuyền khỏi đắm. Sở dĩ có việc như vậy là vì loại cá này rất sợ biển động, vì sức nước khi bão tố sẽ nhồi nó mau mệt, nên chi nó tự kiếm vật gì ngoài khơi để núp theo đó mà tránh bị sóng nhồi, và nhờ vậy ghe bầu nào gặp thì ắt khỏi chìm. Đến như loại tàu sắt thì cá đội sẽ mau chìm hơn nữa, vì ghe thuyền ta lườn bằng như đất sét, nên cá đội được còn tàu sắt lườn sâu và nhọn, nên hễ cá ông đội là có mồi lật chìm ngay. Khi nào cá ông gặp bão mà không chỗ núp thì thường hay chết mệt, và ta gọi « ông lụy ». Vì bị săn lấy thịt, lấy dầu, lấy răng (fanon) cũng dùng như ngà voi, nên cá ông càng ngày càng ít, nay chỉ sống miền giá lạnh trên biển Bắc-cực.

194. Cọp hóa ra chó (số 36 tr.72)

Từ năm Ất-vị cho đến năm ngo⁷⁶, tính hơn mười năm sau, nhơn dân thì an, lo việc canh nông, công thương, đâu đó đều an ; mà còn mấy chỗ rừng bụi thì cọp hùm còn nhiều lắm. Nhứt là phía huyện Bình-long (Hóc-môn), có chỗ tục danh gọi là truông Ổ-gà, đó là chỗ cọp tiếng. Mấy nhà ở gần rừng thường bị cọp ra bắt chó heo, cũng có khi bắt người ta, ngày đêm gì cũng có.

Đêm hai mươi ba tháng năm, có nhà tên Lực ở gần mé rừng, nhà va có nuôi một con vện lớn, con chó này nó đi tha về một ghè đường lớn của ai không biết, ban đầu thì nó ăn ở ngoài, lần lần ăn vô trong, thì nó ăn lần vô sâu nên nó ráng sức rướn cái đầu nó lọt vô miệng cái ghè mà ăn cho hết đường, ăn hết đường rồi thì lấy đầu không ra, mang ghè mà đi bậy bạ đụng giường đụng ván, không biết đường nào mà đi, nó đi lại phía bếp, nó đi a vô bếp, bước chơn vô bếp có lửa vùi, nóng quá nó nhảy tung lên đụng nhằm cái kệ, trên kệ đó thì để ve chén nôi niêu đều đổ trên lưng nó, nó ngỡ là đánh nó, nên nó la tiếng ghê gớm, vì là miệng nó ở trong ghè, miệng nó la chơn thì chạy tông vách tông cửa đùng đùng. Người trong nhà thì đang ngủ, nghe làm đùng đùng mà lại có tiếng la ghê gớm, thì nói là cọp đã vô nhà ví chó mà bắt, ai nấy đều sợ không dám bước xuống đất, cứ ở đó vỗ ván vỗ vách mà đuổi cọp, người thì la làng, mấy nhà ở gần nghe la làng và nghe đuổi thì chắc là cọp vô nhà đó rồi, nên họ cũng la tiếp theo, tiếng la tiếng đuổi làm um sùm cả xóm, la đồn đến dinh quan phủ cũng nghe, quan phủ liền truyền cho lính sáu bảy người cầm súng, lại bắt dân canh nơi đó làng, với những người đàn ông ở gần đi theo cho đông, thầy đều cầm giáo mác thông, dao thơm, cây roi, người thì cầm đuốc người thì cầm đèn, xem lao xao lỗ xổ rất nên là vui, đồng đi đến nhà tên Lực, truyền vây xung quanh nhà, lại dặn rằng : « Tiên hậu tả hữu phải ráng mà giữ cho cẩn thận.

»

Trong nhà cũng còn la còn đuối, còn cho chó thì mắc đầu trong ghè, nghe la nghe đuối thì càng sợ, lại càng chạy tuông vách phen rầm rầm, tiếng la trong ghè lại càng ghê gớm hơn.

Lính với dân làng vây ở ngoài nghe trong nhà rầm rầm thì chắc là cọp còn trong nhà, nên đèn đuốc gươm giáo nghiêm giữ vô sát vách, có người hỏi rằng : « Cọp đâu ? Cọp đâu ? »

Người trong nhà nói : « Cọp còn trong nhà đây. »

Mấy người dạn đều tọc cửa cái cửa mạch, đuốc đèn rọi vô nhà sáng trưng, mà xem thì không thấy cọp, thấy con chó vận lớn mang ghè vừa chạy vừa la, anh dân kia cầm cây nơi tay đứng thủ, con chó không thấy gì hết, chạy đâm sầm vô mình ảnh, ảnh hoảng đánh một cây vô đầu bể ghè, con chó thấy người thì đông, lại thêm đèn đuốc, nó hoảng hồn quít đuối chạy mất.

Tức thì nghe lạng trang không có gì hết. Dân cùng lính đều vô nhà rọi đèn đuốc mà xem cho kỹ, thật là không có dấu cọp, mà người trong nhà kể thì la người thì đá trong quần dầm dề, mặt mày thì biến sắc, một lát tỉnh hồn lại ra hỏi căn cội, thì nói rằng : « Đang ngủ mà nghe làm rầm rầm lại có tiếng la ghê gớm, chạy tuông vách này đụng cửa kia thì ngỡ là ông thầy đã chun vào nhà bắt chó, nên phải la làng xóm xin tiếp ! »

Những người cầm đèn đuốc cầm khí giải đều ngó mặt nhau lơ láo, thề thốt mẹ mụ om sòm : « Báo hại làm chi bất nhơn vậy, đã mất giấc ngủ lại mất công. Các người làm thói đó, sau có chuyện gì ai thềm tiếp. »

Chủ nhà nói : « Cơ khổ nhưng, đang ngủ mà nghe ùng ùng có biết gì đâu, ngỡ là ông thầy, mà lại ban đêm tối tăm không thấy, chớ ai muốn làm chi vậy cho mất công các ông, lại nhà cửa nôi niêu của tôi đều xể xài hư bể hết. » Nói lời thôi một hồi, rồi ai về nhà nấy mà ngủ, ra đàng nói đi nói lại cười sùng sục, đi đàng hai bên xóm hỏi thăm : « Có ví đặng ông bị hay không ? »

Trả lời rằng : « Bị gì ? Bị ia bị đá trong quần dầm dề, đến đó mà coi, bị, bây giờ mệt về ngủ, ai hơi nào mà nói. »

ĐẶNG-LỄ-NGHI

*

(Đây mới quả là một chuyện thật biến ra chuyện tiểu-lâm, đánh dấu một thời đại, Hóc-môn còn cọt đến viếng, và truông Ổ-gà hiện ở chỗ nào?)

195. Nước nóng trừ bệnh điên (số 37 tr.74)

Năm Quý-dậu ^{zz} tại Giếng Mạch (Tây-ninh), có nhà thợ mộc tên Lại, vốn người ở đâu không biết, đến ở ngụ đó mà làm ăn đã ba bốn năm, gia thế tầm thường không dư không thiếu, thợ mộc này có năm đứa con đã lớn bốn trai một gái út tác chừng mười tám mười chín tuổi, tên là Lợi, lịch sự, vợ chồng anh thợ cứng nó lắm.

Ngày mồng tám tháng mười, trong làng có cầu an cúng thần, bữa đàng cả thị Lợi đi coi cúng, con trai lứa lứa nó áp chọc gheo bọn con gái lứa lứa, việc làng cúng gần mãn thì bọn con trai rủ nhau về trước núp trong bụi làm ma mà nhát mấy chỉ, lại phân nhau từ khúc mà nhát, đứa thì làm ma liệng, đứa thì làm ma lết, đứa thì bỏ tóc xả làm ma bò.

Khi làng cúng rồi thì ba bốn chị gái rủ nhau về một đàng với nhau, đi tới lối bụi rậm thì ma nó liệng, nó vãi cát ào ào, mấy chỉ hết hồn xô lẫn nhau mà chạy, chạy tới khúc khác thì lại bị ma bò ra đầu xồm xộp, mấy chỉ lại càng sợ hơn nữa, chị nào chị nấy té đái trong quần, chạy tới một đồi nữa, lại gặp con ma lết, vừa lết vừa rên, mấy chỉ sợ quính xô đùa nhau mà chạy, thị Lợi cũng chạy rui vấp té nằm dài, con ma lết nó lết lại dòm vô mặt, thị Lợi sợ quá chết giấc. Mấy con ma thấy chết giấc thì sợ tội lây tới mình đều bỏ chạy. Mấy người lớn ở sau đi tới thấy sự làm vậy thì la lên, có người chạy về kêu vợ chồng thợ Lại, vợ chồng ra đó khiêng về kêu gọi hú hồn hú vía, một chập lâu mới nói đặng, từ đó về sau thì hóa điên, cứ nói làm xàm rồi chạy bậy bạ, khi thì cầm roi, cầm dao rượt người ta, hễ nghe nói có thầy pháp đến chữa bệnh cho nó thì nó thường vác cây hoặc xách dao rượt thầy chạy mờ, có nhiều thầy nói rằng cao tay ấi mà cũng bị nó rượt mãi. Vợ chồng anh thợ rầu rĩ quá sức, vái van cầu khẩn cho con gặp thầy nào hay mà chữa cho lành bệnh, dầu tốn phí bao nhiêu cũng không sợ, có người lại biểu đem vô chùa đặng thầy tụng kinh giả tà cho nó thì nó hết điên. Vợ chồng anh thợ đem nó vô chùa đặng thầy tụng kinh, ai ngờ là thị Lợi vào chùa cứ đi bậy bạ leo lên bàn rinh Phật xuống mà nói chuyện, hỏi

bậy bạ Phật cứ làm thỉnh thì lại quăng ném, lấy mõ lấy chuông đem bỏ bậy bạ, khi thì vò đầu mấy thầy mà cười ; thầy chùa tính không xong bèn biểu vợ chồng anh thợ đem nó về kéo nó phá lăm.

Qua bữa sau có một bọn các lái đi mua trâu bò, đi tới đó thì đóng trâu bò lại cho ăn và vô nhà mượn nồi xin cho nấu nhờ cơm.

Nội bọn có bốn người, mà có một người tên là Tiến, trong bọn thường kêu là Tiến-lác, vì là mình va tinh những lác không, va có tánh hay nói lối, lại có tánh hay ưa ai khen hay, khen giỏi thì ráng sức mà làm.

Vợ chồng anh thợ nói : « Mấy người hỏi nấu nhờ cơm thì tôi không xấu ruột, mà ngặt một điều nhà tôi có một đứa con gái điên, sợ e nó làm bậy bạ mích lòng anh em. »

Mấy người các lái nói : « Hề chi mà ngại, ai chấp trách chi người điên khùng. Nó đánh ai nấy chịu. »

Mấy người cũng luôn miệng nói chơi : « Bọn tôi đây có một ông thầy cao tay ấ lăm, ông thường chữa bệnh điên hoài. »

Chủ nhà nghe nói thì hỏi phăng, mấy người kia chỉ nói : « Đây ông này, kêu là ông thầy Tiến. »

Chủ nhà nói : « Nếu thầy có phương thế nào mà cứu con tôi thật thì ơn như tái sanh nó. »

Tiến-lác nghe nói hùng chí, liền nói : « Để đùng đình tôi ăn cơm rồi sẽ hay. »

Một lát cơm chín dọn ra ăn, thì con điên đi lảng cháng xung quanh mà coi ăn, song không dám nói ông thầy sợ nó đánh họ hỏng ăn, khi ăn rồi thì con điên cứ lờm lờm ngó muốn làm dữ.

Tiến-lác vô bếp chụm nước, siêu nước gần sôi. Con điên cứ lờm lờm. Cha mẹ nó liền nói : « Con hãy đi ra, kéo ông thầy đó ông bắt ấ chết giờ. »

Con điên nghe nói ông thầy thì vội rút cái dao mà chém, cầm dao xốc nà vô kê. Thầy Tiến ngó ngoái lại thấy thì sợ nó chém liền chỉ trong mặt mà nói : « Mầy chết ! » Nó giơ dao xốc vô. Tiến sợ quính, không có chi mà đánh, liền thò tay nhắc siêu nước nóng gần sôi đập vô mặt con điên một cái tá hỏa, mặt mày đều phồng hết, mở con mắt không ra. Con điên quăng dao té ngửa nằm ngay đơ dưới đất chết giắc cả canh.

Tiến nói : « Không hề chi đâu mà sợ. Để tôi bắt ấn thâm hồn nó lại. » Rồi làm bộ giơ tay ra, miệng đọc lâm thâm hút một cái, rồi biểu khiêng nó lên giường. Một lát thì thị Lợi tỉnh lại mà coi bộ lơ láo, mà ngồi đâu ngồi đó không chạy nữa.

Mấy người các lái bèn kiểu chủ nhà lừa trâu bò đi, chủ nhà năn nỉ cầm lại đặt đền ơn cho ông thầy.

Mấy người nói : « Anh em tôi là việc buôn bán có giao ước với họ, nếu ở trễ ngày thì không đặt. Thôi anh em tôi còn lên nữa. »

Chủ nhà bèn hỏi : « Mà mấy ông ở đâu ? Làng nào ? Xin nói cho tôi biết, phòng đi đâu ghé nhà thăm. »

Mấy người lái bèn nói rằng : « Anh em tôi ở gần chùa Đá Ong, lối chợ Trảng đi vào ; nếu vô chùa đó hỏi tên Tiến thì có. »

Chủ nhà liền lấy trao ra năm sáu quan tiền đặt đi đàng uống rượu.

Mấy người ra đàng, rồi nói với nhau mà cười, hỏi anh Tiến-lác sao mà làm bất tử vậy ?

Tiến nói : « Tôi tính để ăn cơm rồi sẽ bày chuyện biểu làm gà vịt cúng, đặt anh em mình ăn uống chơi rồi làm đối-dá mà đi, ai ngờ là nó xốc vào đánh chém, tôi sợ quính nên lấy siêu nước nóng đánh bậy vô mặt nó cho nó sợ, sao thời may tà ma nó lại sợ mà xuất ra khỏi mình, cũng là may. »

Còn thị Lợi từ đó về sau hết bệnh điên. Vợ chồng thợ Lại nghĩ càng cảm ơn thầy Tiến vô cùng, liền mua một con heo với tiền bạc, bỏ lên xe bò, vợ chồng anh thợ với thị Lợi đồng đi đến chùa Đá Ong, tìm tới nhà thầy

Tiến, đem heo làm thịt cúng tổ, lại đem mười đồng bạc tạ ơn, biểu thị Lợi lạy thầy đền ơn, xin lỗi.

Vợ chồng anh thợ xin thầy mời ba ông lái kia tới uống rượu cho cháu nó lạy cho luôn, cũng là nhờ ơn mấy ông điểm chỉ, công việc xong rồi, vợ chồng với con, từ tạ thầy mà về xứ.

Truyện này cũng đáng làm gương cho mấy cô mấy chị chẳng nên đi đêm, chẳng nên đi coi đám đông đảo mà bị sự khốn nạn, làm cho cha mẹ buồn rầu điều ấy vô ích mà lại bị rủi ro.

Xin khuyên mấy người rần mắt đừng có chơi rần mắt mà người ta phải bị thiệt hại tội nghiệp tổn hao.

ĐẶNG-LỄ-NGHI

(Bài này tôi xin miễn phê bình và lấy đoạn sau thay cho lời bàn và kết luận.)

196. Xà niên (số 38 tr.77)

Tại thường nghe người nói con xà-niên, vốn nó là người ta mà có cầm ngải, hễ khi nào muốn đi vào rừng bắt thịt, thì ngậm ngải mà đi, trước khi ngậm ngải mà đi, thì dặn người ở nhà hễ thấy vác thịt về thì người nhà phải cầm chổi quét nhà ra đón, đánh lên đầu ba cái đặng cho ngải nó xuất ra khỏi mình, nếu không làm như vậy, để lâu ngải nó lậm vô mình thì phải điên. Nghe người tuổi tác nói rằng : Con xà-niên nguyên tích trước có vợ chồng chú kia nhà ở gần rừng, người vợ có cầm ngải, hễ vài ba ngày thì đi bắt thịt một lần mà mỗi lần đem thịt về thì chồng chạy ra lấy chổi đánh ba cái tức thì ngải nó ra khỏi mình thì đặng bình an. Có một lần vợ đi bắt thịt, chồng ở nhà uống rượu với anh em, say ngủ mê, vợ đem thịt về thì không hay, nên không có dãi ngải đặng ; người vợ lậm ngải liền bỏ chạy vào rừng đói khát ăn lá cây củ cỏ, lâu ngày mọc lông ra xồm xàm cả mình, lòng cũng biết thương cha mẹ chồng con, nên ban đêm thì nghe tiếng kêu « châu ôi », ban đầu thì đi hai chơn lâu lâu thì khòm, rồi lần lần bò quỵ xuống bốn chơn, như con thú. Ấy là lời người trên trước nói vậy song không đủ có mà tin.

Có chuyện như vậy :

Thợ Triều là người ở tại bến Kéo, có quen với tên Sâm, tên Hậu, tên Nhạn, vốn là người ở Rạch-Rễ, cả thầy đều là thợ rừng, thường hay đi vào rừng cốt cây mà bán, trong bốn người thợ này thì có một tên Sâm, hình cao lớn, sức lực mạnh lắm, lại trong mình thạo nghề võ, có nhiều khi đi cốt cây gặp cộp đón đàng thì để một mình Sâm cự mà thôi. Một ngày kia bốn người đi vào rừng cốt cây cột nhà, vào tới rừng liền phân nhau đi mỗi người mỗi phía xa xa nhau kiếm cây mà đốn, lại dặn khi nào có muốn kêu tự thì phải hú hồi, dặn dò rồi thì mỗi người đều đi mỗi phía mà đốn cây.

Tên Sâm kiếm đặng một cây cột lớn chừng năm sáu tay, liền tra rìu vào đốn ; đốn một hồi lâu cây ngã, Sâm bẻ thước đo cho đúng thước rồi sẽ trảy ngọn. Bẻ thước đo xong rồi, thì va ngồi nơi gốc cây ăn trầu hút thuốc, nghỉ một chút rồi sẽ chặt ngọn. Đang khi ngồi ăn trầu thì nghe tiếng đi ào

ào đằng xa, va liền đứng dậy mà coi, thì nó đi xốc lại gần, va nhìn sừng không hiểu nó là con thú gì mà dị vậy, đầu mặt mình mấy lông lá lồm xồm mà coi giống hình người mà sao lại đi bốn chơn. Con quái đó nó xốc nà vô muốn cắn, Sâm sợ liền thụt lui lại lấy cái rìu đập vô cây sứt cái chèn với lưỡi rìu rớt ra còn cái đầu rìu không, quyết lòng đánh với nó chớ không chạy. Con thú nhảy tới chụp, Sâm tràng qua trở lại, đánh một hồi lâu chừng giập bã trầu thì con thú té chết, Sâm mệt buông đầu rìu ngồi chài bài thờ dốc, lật đật lấy trầu ăn, vừa ăn vừa nói : « Mồ cha tám kiếp loài thú dữ, muốn cắn tao nên phải chết. »

Nói vừa dứt lời thì con thú đó run rẩy cả mình, tay chơn chuyển trở, Sâm ngồi nhìn sừng, một lát nó sống lại chờn vờn đứng dậy nhảy xốc vô mình, con mắt lờm lờm làm dữ, va lấy đầu rìu đánh với nó một hồi rất lâu, Sâm cũng mệt mà con thú cũng mệt, Sâm ráng sức mà đánh với nó một hồi nữa, con thú bị va đánh nhiều cái nặng té nhào xuống nằm kề bên gốc cây mà chết.

Sâm nói : « Khi này đánh chết rồi sống lại làm dữ, bây giờ để tao dỡ cây cột này lên đè mây. » Nói rồi ráng sức dỡ hồng cây cột lên gác đầu cây lên mình con thú. Rồi bỏ đi ra ngoài mé rừng, hú hồi kêu mấy anh kia tự lại mà coi con thú. Va hú vài ba chặp thì mấy anh kia nghe đi ra mé rừng gặp nhau. Sâm liền nói lại từ đầu chí đuôi cho ba anh kia nghe sự con thú quái lạ như vậy, dặt mấy ảnh vô chỗ đó coi : « Tôi đã đánh chết dỡ cây đè nó đó. »

Ba người đi theo Sâm vô tới đó thì con thú sống lại bao giờ không biết đi mất. Sâm rùng mình lấy làm lạ sao con đó có sức mạnh quá như vậy.

Thợ Triều, thợ Hậu nói rằng : « Nó là con xà-niên, nó có cầm ngải nên nó mạnh lắm. »

Bốn người cãi lẫn với nhau mà không biết có phải con xà-niên hay là không.

Tưởng lại mỗi xứ đều có thú lạ. Như bên phương Tây có thú đầu người ta mà mình ngựa, Tây kêu là *Centaure* (săn-tô) đó cũng lạ, như con

Sirène (xi ren), đầu và tay là người đàn bà mà khúc dưới là cá, có vây có đuôi. Hai con này cũng đối với xà-niên đời xưa.

ĐẶNG-LỄ-NGHI

*

Lời bàn của người chép truyện. – Ông Đ.L.N. quên nói rõ hai con thú của Tây kể nơi trên, vốn trong chuyện thần thoại, và không có trên thế gian. Con xà-niên đây cũng vậy. Thuở xưa, đường giao thông không có, sử-địa học, khoa-học và vạn-vật học đều mơ hồ, chuyện ngải chuyện bùa lại thành hành, nên chuyện người biến ra thú, vẫn được thuật lại và vẫn tồn tại trong trí óc bợm nhậu, là nhóm giàu tưởng tượng hơn ai cả. Đây là một đề tài tha hồ cho ta khai thác : chuyện con xà-niên. Ông Đ.L.N. tả rành rọt thợ Sâm khiêng cây cột mới đốn đẽ trên mình con xà-niên này, mà ông quên nói nó giống đực hay giống cái ? Những ai sau này có dịp nói tiểu-lâm « chuyện con xà-niên » trong bộ Đối-cổ kỳ quan của ông Đặng-Lễ-Nghi, in năm 1910, xin nhớ bổ túc cho vậy.

Về danh từ « xà niên », tôi nghi nó không phải tiếng Việt, có lẽ một do thần-thoại chàm của nhóm ngậm ngải tìm trầm, hai do chuyện tiểu-đàm của người Cao-miên là xứ bùa ngải và khí đột, giả-nhơn.

197. Nước gừng trị bệnh ôn đôn (lớn dái) (số 40 tr.81)

Xứ Giồng-Vấp, làng Lộc-giang, có nhà tên Mầu, làm nghề rẫy hái ruộng nương, và biết nhiều mặt thuốc nam, và cũng trị nhiều bệnh lành đã, nên trong xóm làng kêu và là thầy Mầu. Tuy là làm thuốc nam mà tổ đái cũng khá, hễ làm bệnh nào thì lành bệnh nấy, nên và có tiếng đồn rằng thầy có tài, lắm chỗ này rước chỗ kia rước.

Xóm trên có người tên là Đa, khi trước có làm trùn một năm, sau thôi làm trùn, mà trong làng cũng quen kêu là trùn Đa, trong nhà khá có ăn, có trâu bò, ngày nọ và bị ăn trộm lừa hết hai con trâu, và theo dấu rồi và chạy nhào theo trâu, chạy từ hừng đông cho đến đứng bóng thì mới gặp trâu, mấy người ăn trộm sợ chạy vào rừng, Đa lừa trâu về. Đi tới nửa đêm mới đến nhà, sáng ngày ra thì và phát bệnh lớn dái, vợ con lo chạy thuốc kia thuốc nọ thoa bóp mà không hết, rước thầy ngải, thầy Mên đến làm cũng không hết, trong nhà liền nhớ lại có thầy Mầu ở xóm dưới, tính sai người đi rước.

Trùn Đa nói : « Tao nghe thầy Mầu trị bệnh máu cho đàn bà thì giỏi, mà các bệnh khác, tao e và làm không hết, sợ e làm bậy tổn tiền vô ích. »

Người vợ nói : « Người ta làm thầy thì lẽ nào không trị bệnh đặng, việc thuốc vốn là phước chủ may thầy. »

Người chồng làm tỉnh, vợ liền sai người đi rước thầy Mầu tới. Thầy vô coi rồi ra nói rằng : « Bệnh của anh đây, nó muốn làm ôn đôn, nếu nó làm ôn đôn thì vô phương trị. »

Người vợ nói : « Như bệnh đó thì thầy liệu thể nào ? Uống mấy thang mà xọp mà mạnh ? »

Thầy nói : « Đôi ba thang thì xọp, mà đều có thuốc khác trị mới là mau, ở đây cũng có đem theo mà không đủ. »

Chủ nhà nghe nói xọp mau thì mừng vì là mấy bữa rồi nó làm tức chịu không đặng. Thầy cố ý kiếm chuyện nói đặng đi lo tìm phương rồi sẽ cho,

nhưng mà chủ cứ theo năn nỉ xin có phương nào thì cho bây giờ đừng cho nó bớt tức. Anh thầy ngẫm nghĩ liền hỏi chủ vậy chớ ở nhà có gừng già hay là không ?

Chủ nhà nói có, liền biểu đào cho nhiều bỏ vô cối đâm cho nát, chế vô chút nước, rồi đem vắt lấy chừng hai phần chén nước đem đây tôi hòa với thuốc của tôi rồi đem vào thoa nội trong một lát thì xẹp bớt.

Chủ nhà làm y như lời, đem chén nước gừng giao cho anh thầy, anh thầy làm bộ day mặt vô vách, dờ cái đây lấy một nhúm thuốc nát bỏ vào miệng nhai rồi nhổ vào chén cả cái và nước, liền trao cho chủ nhà biểu đem vào lấy tay mà chấm mà thoa cho cùng, thoa ba bốn lần cho nó thấm. Mới thoa vào thì nghe tẩn tẩn, một lát thì nghe nóng rát.

Đa liền kêu : « Thầy ôi, sao nghe nó nóng rát lung lắm vậy ? »

Anh thầy nói : « Không hề chi, cứ việc thoa hoài. »

Một lát lâu lâu nó nóng và rát quá chừng, Đa nằm ngòì không đặng, nó nóng và rát quá chịu không đặng, liền chửi anh thầy. Dầu chửi bao nhiêu cũng không hết nóng rát, Đa ngòì không đặng, rút cây rượt lão thầy mà đánh, lão thầy chạy xung quanh nhà vài vòng rồi chạy thẳng về nhà thờ hào hển.

Thím thầy ra hỏi : « Chạy đi đâu mà thờ hung vậy ? »

Lão thầy nói : « Chuyện tức cười lắm, mầy ôi ! Để tao nói chuyện cho mà nghe. Thằng cha trùm Đa nó đau sao không biết mà dái nó sưng lớn bằng cái tô, tao coi rồi nó biểu tao hốt thuốc. Tao cố ý nói dối dá đặng về mà kiếm phương, mà nó không cho về, nó cứ biểu cho thuốc. Tao nhứt định thứ gừng thì nó nóng, xúc vào có khi nó xẹp, tao biểu nó đâm nước gừng đem cho tao hòa thuốc. »

Vợ hỏi : « Vậy mình hòa thuốc gì ? »

Anh thầy nói : « Có thuốc gì đâu mà hòa ! Tao lấy thuốc hút mà thuốc nát, tao bỏ vô chớ không có chi hết, rồi tao biểu nó thoa ba bốn bận nên

thấm vào rất nóng quá, nó chửi, nó rượt tao nó đánh, tao chạy về đây. Còn nó ở đó làm sao không biết ! »

Vợ nó nói : « Sao mà làm bậy vậy ? Sao không hốt thuốc cho nó ? »

Lão thầy nói : « Thuở nay mình thường làm thuốc máu giỏi, làm thuốc cho đàn bà, chớ ai có làm bịnh lớn dái đầu mà biết. »

Còn trùm Đa, nóng nảy quá, rất rao quá chịu không đặng, chạy bậy bạ chạy ra đồng rồi chạy vô kiếm bầu kiếm vũng đặng nhảy xuống cho nó mát, kiếm quanh quất không có vũng bầu chi cả, liền ngó ngoái lại thấy trong chuồng trâu có nước cứt trâu, va nhảy ầm xuống nước cứt trâu, lút khỏi lưng quần, đứng giữa đó mà chửi lão thầy um sùm, một lát sao nghe êm mát, va thò tay xuống rờ thì xọp khô, lấy làm mừng, vội vã đi lên tắm rửa sạch sẽ, vào nhà nằm nghĩ đi nghĩ lại tức cười, mà cảm thương lão thầy bị mình đánh chửi, nghĩ càng cảm ơn thầy Mầu lắm, liền biểu trẻ trong nhà đi mua một chai rượu, bắt một cặp vịt, biểu vợ đưa vài đồng bạc, bảo trẻ xách rượu vịt đi với mình tới nhà thầy đặng xin lỗi và đền ơn.

Đến nơi thầy Mầu ra chào hỏi thăm : « Căn bịnh anh bây giờ có khi đã mạnh rồi chăng ? Còn bây giờ anh đi đâu mà ghé lại đây ? »

Trùm Đa nói : « Tôi cố ý đến thầy. » Liền để rượu với bạc nơi ghế và nói : « Tôi đem một chai rượu với một cặp vịt, đó là chút lễ mọn xin thầy nhậm mà tha lỗi cho tôi, còn hai đồng bạc là tiền tôi trả tiền thuốc. »

Lão thầy nói : « Anh có lòng thảo thì tôi rất cảm ơn, mà anh thiệt nhát gan quá. »

Nói sơ sài rồi hai đàng cười, Đa kiếu thầy ra về.

Thầy Mầu ngẫm nghĩ tức cười, lại nghĩ không biết tại nước gừng nóng mà xọp, hay là nước gừng với nước cứt trâu kị nhau mà làm xọp, lấy làm khó biện luận thứ nào là hay.

ĐẶNG-LỄ-NGHI

(Ấy ngày xưa trị bịnh như vậy, một cách phóng ứng và đúng là tiểu-lâm.)

198. Hồn Gia-định, xác Bắc-thành (số 42 tr.84)

Xem truyện kia sử nọ, thấy nhiều tích lạ lùng quái dị, khó mà luận biện giả chơn, là vì việc đã nhiều đời, tưởng lại những chuyện quái dị, tai biến thì đời nào cũng có, xưa thì truyện sử biên chép để lại, còn như đời nay có việc kỳ quái biên vào nhật trình cho thiên hạ xem.

Năm Quý-mão, ⁷⁸ xứ Hà-nội (Bắc-thành), có một chuyện rất quái dị, có thơ của người bằng hữu thuật lại rõ ràng. Tại châu thành Hà-nội, đường Hàng Buồm có một căn nhà mà hai chủ ở, ngăn làm hai, một người ở Gia-định làm thầy thông, một người Bắc-thành làm thợ rèn, hai người đều có vợ, ở chung như vậy đã lâu, một ngày kia hai người đàn bà đau bệnh, nội đêm ba mươi tháng năm lang-sa thì hai người đàn bà đều chết một lượt, sáng ngày đi khai nơi quan giám thành, quan giám thành xem xét rồi thì cho phép chôn.

Thầy thông là người Gia-định, có sẵn sàng tiền bạc lo tổng táng vợ an bài. Còn người thợ rèn là người Bắc, còn để xác vợ đó mà đi cho bà con thân tộc hay, lại cũng không có đủ tiền bạc mà dùng trong cuộc tổng táng, đến chiều tối mới mua đặt quan quách mà liệm. Trong nhà đang sửa soạn liệm, thì chị thợ rèn sống lại, ngồi dậy tỉnh táo, bước xuống đất đi cùng nhà, anh thợ rèn thấy sự kỳ quái thì lấy làm sợ, không hiểu ý nào, trong lòng hồ nghi ma quỷ nhập vào xác mà nhất, anh thợ rèn quì xuống lạy vợ mà hỏi. Chị thợ rèn ngó anh thợ mà xem ra bộ hổ người mắc cỡ.

Người đàn bà sống lại đó nói rằng : « Tôi là vợ thầy thông ở Gia-định, chớ không phải là vợ thợ rèn, vốn tôi là người đàn bà ở Gia-định mà tâm tánh hiền lành trọn 1 ngày trọn thảo với chồng nên cho sống lại mà ở với chồng cho trọn nghĩa cang thường. »

Mấy người Bắc-thành nghe nói thì lấy làm lạ lắm, và không hiểu chị thợ rèn nói giống gì lạ tai quá. Liền đi kêu thầy thông mà nói lại các việc, thầy thông nghe nói thì buồn rầu nhớ vợ, liền trả lời rằng : « Vợ tôi chết rồi chôn rồi, còn vợ nào đâu mà nói dị sự như vậy. »

Người đàn bà này cứ nằn nằn quyết một nói thầy thông đó là chồng thật của mình mà thôi, cứ theo mãi, thầy thông lấy làm lạ mà lại mắc cỡ, vì là cứ theo hoài, thầy thông tức mình liền nói rằng : « Như nói quả là vợ thì hãy nói tên cha mẹ ở Gia-định, ở làng nào tổng nào, tên cha mẹ bên chồng bên vợ, việc cưới hỏi thuở xưa làm sao, đồ nữ trang khi cưới những món gì, vợ chồng ở với nhau lâu nay làm sao, có dư dả hay là thiếu thốn, hồi chôn đồ tẩm liệm những vật chi phải nói cho rõ căn cội. »

Thầy thông hỏi dứt lời, thì chị ta nói lại rõ ràng mỗi việc đều y kỳ, lại nói trúng những tiền bạc vợ chồng dành để mà chôn đâu để đâu đều nói trúng hết thảy. Thầy thông ngồi sững đơng, không biết nói làm sao, thật lấy làm lạ quá lẽ, không biết lấy đâu mà luận biện cho minh bạch.

Lời nói thì mỗi việc đều trúng, là người Gia-định vợ thầy thông, mà ngật vì tay chơn mặt mũi hình vóc với lời nói thì là người Bắc-thành, thầy thông không chịu nhìn là vợ, chị thợ cứ việc theo thầy thông, anh thợ rèn cứ theo bắt vợ. Việc rất nên là liệu điếu, không ai biết đâu mà công luận, sự rất nên quái dị, không ai xử đặng.

ĐẶNG-LỄ-NGHI

199. Tà bất cảm chánh (số 30 tr.55)

Xứ Bắc-thành, tỉnh Bắc-ninh, có một người tên là Nguyễn-Chánh-Bình, tâm tánh cương cứng khí khái lắm, bình sanh không ưa sự dị đoan, ưa chánh ghét tà, việc văn chương người cũng thông, người đã vào hàng học sanh, vợ người khoản sớm để lại hai đứa con trai, đứa lớn nên mười một tuổi, đứa nhỏ nên chín tuổi. Chánh Bình ngày đêm lo dạy hai con cũng thông minh lắm. Ngày kia Bình đem hai con xuống Hà-nội mượn phố ở mà học đặng đến khoa mà thi cho luôn thể. Cha con tới Hà-nội mà không có chỗ ở, liền dạo theo thiềng thị kiếm phố mà mượn, vừa thấy một dãy phố, có một căn đóng cửa không có người ở, hỏi thăm nhà chủ phố đến mượn.

Chủ phố nói : « Phố tôi rất nhiều mà có một căn không ai mượn, dầu có mượn thì ở cũng không đặng, vì là ma yêu trong phố phá lắm, không ai dám ở. ».

Bình nghe nói thì cười và nói rằng : « Nếu không ai ở thì cho tôi ở. »

Chủ phố nói : « Tôi không tiếc chi mà sợ e chú ở không đặng, nếu chú ở đặng thì tôi cho ở không, tôi không ăn tiền. »

Bình nói : « Không hề chi mà chú ngại, cho tôi ở nó làm sao tôi thì tôi chịu. » Chủ phố thấy than thỉ lắm thì biểu người đi đến phố đó mà quét dọn tử tế cho Bình ở.

Nguyễn Chánh Bình vào phố ở đã hai đêm không có sự chi cả, qua đêm thứ ba, cha con đang ngồi đọc sách, thì nghe tiếng giày lộp cộp trên tấm bưng, tức thì nghe tiếng thối vo vo, đèn tắt. Nguyễn Chánh Bình tự nhiên lo thắp đèn, vừa xong thì lại thối tắt đi, nó cứ làm vậy ba bốn lần, mà Bình cũng không sợ, cứ lo đọc sách, đang đọc sách thì nghe có tiếng con gái nói thanh thoai rằng : « Nhà này là của tôi ở thuở nay, người ở đâu dám đến mà choán chỗ của ta ? Nếu người không đi thì ta sẽ làm hại. »

Bình nghe nói thì trả lời rằng : « Phố này ta mượn có chủ, ta chả đi đâu. »

Qua đêm sau cha con cũng đọc sách, liền nghe tiếng lộp cộp, ngó lại thì thấy trên vách thòng xuống một cái thang, có một người con gái tác chừng mười tám mười chín tuổi, nhan sắc đẹp đẽ lắm, đi xốc tới trước mặt Bình mà nói rằng : « Ta biểu đi sao không đi ? Nếu trong ba bữa mà không đi thì ta sẽ bắt con lớn của người chết. »

Bình nghe nói vậy nổi nóng lên, cầm quạt đánh vào mặt người con gái, tức thì con gái biến mất.

Cách ba ngày thì thằng con lớn đau bụng mà chết, Bình than khóc rồi lo chôn con. Tối lại còn một cha một con, cũng ngồi đọc sách, liền nghe tiếng kêu trên không mà rằng : « Sao người không đi ? »

Bình đáp rằng : « Tao chả đi đâu, tao ở đây, mi giỏi làm chi thì làm. »

Con gái ma nói rằng : « Nếu năm ngày nữa mà người không đi, thì ta sẽ bắt thác con người. »

Bình tự nhiên không sợ sệt chi, cứ việc lo học mà thôi. Đủ năm ngày thì đứa con đau mê man một buổi rồi chết. Bình than khóc và nói rằng : « Số mạng nơi trời. » Lo chôn con an rồi, tôi ngồi một mình mà học thì buồn vì là vắng con, trong một giây phút thì con ma lại kêu mà nói : « Sao người không đi, còn đợi ta bắt người nữa sao ? »

Bình nói : « Mi giỏi thì bắt ta, chớ ta nõ đi. »

Con ma nói : « Nếu người không đi thì người hãy coi ta ! »

Qua đêm sau, Bình đang ngồi học nghe tiếng động lộp cộp trên vách rồi nghe một cái đui, ngó lại thấy một cái đui người ta coi bộ như sinh mà tái xanh. Bình ngồi xem chớ không sợ chi, rồi rớt xuống một cánh tay cũng tái xanh, một hồi lại rớt cái mình.

Bình ngồi tự nhiên và rằng : « Lũ ma này thật là quái lắm. Bậy cố ý làm như vậy mà nhát tao, song tao nõ sợ, trối kệ nhà mi làm gì thì làm. »

Tức thì nó rớt liền liền đủ cả thân mình, ráp lại thành người liền bước tới trước mặt Nguyễn Chánh Bình, xem ra hình cung kính.

Bình ngó nó thì nó vòng tay lại mà lạy Bình và nói : « Xin quan lớn chớ chấp kẻ tiện tì. »

Bình nghe vậy thì thấy làm lạ liền hỏi lại rằng : « Mi đã bắt hai con ta sao mi không bắt ta cho muôn, nay lại đến mà xin lỗi ? Còn phận ta là một người bần sĩ sao gọi ta là quan lớn ? Có chi vậy hãy nói cho ta nghe ? »

Con ma nói : « Tôi không phải bắt con ông chết, đó là số mạng nơi trời. Vốn tôi là ma quỷ biết rõ ngày chết nên tôi mượn đó mà nhát cho ông sợ mà đi cho khỏi nơi đây, chớ ở lộn theo thì tôi sợ lắm. Thường yêu ma hay sợ người chánh khí, còn sự kêu bằng quan lớn là đến khoa thi đây, ông sẽ đậu đầu tấ sĩ, vì lòng trung nghĩa chánh khí thì ông đặng chức thiếu-bảo. Bây giờ tôi xin nói một điều xin quan lớn nhậm lời : tại chỗ quan lớn ngồi, đó là cái hòm của tôi, khi chông tôi chôn tôi thì có bỏ theo mười lăm nén bạc, xin ngài mượn người đào lên đem dời nơi khác, lấy mười lăm nén bạc đó mà tiêu xài nội cuộc, còn dư thì ngài tiêu xài, phận tôi tuy là ở nơi chín suối song cũng cảm đội ơn ngài, và tôi cũng hết lòng theo mà giúp ngài mọi việc. » Nói rồi biến mất.

Nguyễn Chánh Bình ngồi nghĩ một hồi rồi nói : « Ma quỷ rất nên kỳ quái. »

Sáng ngày Bình đi đến nhà chủ phố mà nói lại các việc đầu đuôi cho chủ phố nghe và xin chủ phố cho mình đào phố mà lấy cốt y như lời con ma xin.

Chủ phố chịu cho, Bình về mượn người đào xuống sâu hơn mười thước thì đặng một cái hòm bằng đá, trên nắp có khắc bốn chữ « Mã-Viện thứ thê »²⁹, xem điệu chữ giống điệu chữ đời Hán, dỡ nắp hòm thì thấy xác một người con gái mặt mày xinh tốt, một chặp lâu hơi gió vào thì tan lãn, xem lại cho kỹ thì có mười lăm nén bạc liệm theo. Nguyễn Chánh Bình lấy bạc mượn người đem dời hài cốt nơi khác, lại đắp xây mồ mả tử tế, lấy mười lăm nén bạc đó mà trả tiền tổn phí cho mấy người làm công còn dư tiền bao nhiêu thì Bình mua giấy tiền vàng bạc mà đốt hết, không lấy một đồng trong số tiền đó.

Qua năm sau tới hội khoa thi, thì Nguyễn Chánh Bình ra thi đậu đầu tấ sĩ, làm quan đến chức Thiếu-bảo y như lời con ma đã nói với mình năm trước.

Gẫm lại xưa nay chẳng khác, hễ người ở công bình chánh trực khí khái, dầu cho thần thánh cũng vì, còn loài ma quỷ thì kính sợ, như đời xưa, đời Tam-Quốc, có Tôn Bá-Phù (Tôn Sách) thật cũng là chánh khí, thầy Vu-Kiết dùng tà thuật mà có dám làm chi đâu, sau Tôn Sách bị bệnh mà chết.

ĐẶNG-LỄ-NGHI

200. Chuyện ma trong Chợ-lớn

Nhơn kể chuyện ma xen chuyện Tiểu-lâm, tôi xin kể nốt chuyện sau đây vốn là bài cắt trong báo Miền Nam ngày 20-5-1964, dưới ngòi bút của ông Bạch-Ngọc, và tiện đây tôi xin có lời cảm ơn tác giả, vì không rõ địa chỉ nên không thể biên thư hoặc xin phép tận nhà. V.h.S.

Ma Chợ-lớn. – Bạn Tôn Ngô, hiện là một công chức cao cấp tại sở Ngoại-kiều, có kể cho tôi nghe một chuyện ma hiện hình mà anh đã mục kích như dưới đây ở hai mươi năm về trước.

Đêm hôm ấy tôi có việc phải đi thăm một người bà con đau nặng ở vùng Chợ Thiết (Chợ-Lớn). Lúc đi trời không mưa, lúc trở về dọc đường thì trời đổ mưa xuống như trút nước. Tôi phải chạy núp vào một gốc cây da sát vách tường rào của bệnh viện Chợ Rẫy. Lúc ấy trời khuya không có một bóng người qua lại. Chỉ thỉnh thoảng một chiếc xe hơi chạy vút qua rồi mất hút. Chỉ còn lại con đường rợp bóng lá, mờ mờ dưới những ánh đèn đường vàng vọt qua mưa rơi... Độ nửa giờ sau, mưa dứt hột, tôi lách mình ra chỗ núp định đi dài theo đường chờ xe đi qua, đón đi về nhà ở Đất Hộ.

Đang đi, tôi vụt có cảm giác như sắp có ai sẽ đi ngược về phía tôi. Tôi vội đưa tay gạt những hột mưa còn bám đầy mắt cho dễ nhìn. Quả thật đúng vậy, không hiểu tự bao giờ có hai người xuất hiện và sắp đến gần tôi. Họ vận toàn trắng, có lẽ đây là hai kẻ mặc tang phục. Tôi ước đoán có lẽ hai kẻ có thân như chết tại nhà thương Chợ Rẫy, họ đi chôn xác vừa về. Vì lúc ấy, họ đang đi qua khỏi cửa nhà xác độ vài chục thước. Tôi cũng yên trí bước đều...

Hai bóng trắng vừa vượt qua tôi. Lúc ấy tôi chợt muốn hút thuốc cho đỡ lạnh, nhưng tôi không quẹt đem theo. Tôi lật đật quay lại định hỏi hai bóng trắng vừa đi qua, để hỏi lửa. Nhưng bỗng nhiên tôi thấy lạnh xương sống vì quay lại thì tuyệt nhiên sau lưng tôi không có một bóng người nào nữa. Mặc dù cái xoay lưng của tôi không đầy một phút. Tôi đứng phân vân, tim bắn loạn muốn vụt bỏ chạy, thì từ đằng xa, thấp thoáng hai bóng trắng

ban này chợt hiện ra và bước mau trở về phía tôi. Tuy điếng hồn, tôi cũng cố đứng chờ họ đến. Nhưng rồi cả hai người ấy như hai cái bóng bằng mây khói, tan biến dần dần trước mắt tôi, không còn thấy nữa. Đường khuya lạnh ướt và rùng rợn như nghĩa địa hoang vu. Tôi vụt bỏ chạy bất kể về hướng đường trước mắt, nơi ấy tôi thoáng thấy có ánh đèn đường hiện ra mở cho tôi một lối thoát.

BẠCH NGỌC (báo Miền Nam)

Tôi chép đến đây, chuyện ma đang giòn, như còn hai chuyện sót dỏ, tôi xin kể luôn đang khi ngon miệng vì biết mai này có còn sống để in tập khác tiếp theo tập này nữa không. Và mặc dù tôi đã hứa kể hết tập Đối cổ kỳ quan của ông Đặng-Lễ-Nghi là bắt qua kể chuyện Tiểu lâm tân thời. Đó là hai chuyện lựa rút trong bộ « truyện đời xưa » của ông Đinh-Thái-Sơn, in lần ba tại Sài-Gòn nhà in Phát-Toán, năm 1908 :

- Hồn Trương Hoa, ma hàng thịt ;
- Chuyện Thủ Huồn.

201. Hồn Trương Hoa, ma hàng thịt (chuyện số 31 tr.48)

Anh Trương Hoa là người đánh cờ tướng giỏi lắm, những người thế gian không ai đánh lại. Một ngày kia đánh cờ với một người kia, thì người kia phải túng nước ngồi mà nghĩ hoài, không biết đi nước nào mà gỡ cho khỏi thua. Anh Trương Hoa mới nói với người kia rằng : « Cờ này có một mình ông tiên là ông Đế-Thích, gỡ đặng mà thôi, chớ không ai gỡ đặng. »

Nói rồi một chập thì có một ông già ăn mày đến nhà Trương Hoa mà xin, thấy hai người đương ngồi mà đánh cờ, ông ấy bước lên đến mà coi, ông thấy anh kia túng nước, ông nói với Trương Hoa cho ông đi thử một nước coi. Anh Trương Hoa cười mà nói rằng : « Cờ này có ông Đế-Thích gỡ được cùng chẳng, chớ ông làm gì được mà nói. »

Ông già nói rằng : « Xin anh hãy cho tôi đi thử một nước coi, như không đặng thì thôi. »

Anh Trương Hoa bằng lòng mà cho ông ấy đi một nước cờ. Ông đi một nước thì gỡ đặng mà anh Trương Hoa lại phải thua.

Anh Trương Hoa tức mình, lấy làm lạ, mà nhìn ông già ấy hoài, rồi mời ông già ấy lên ngồi, anh ta mới bước xuống đất lạy ông già ấy mà nói rằng : « Tôi chắc ông là ông Đế-Thích, chẳng phải là người phàm. »

Ông già ấy từ chối không chịu, nói mình là người bần nơn.

Anh Trương Hoa không nghe cứ lạy ông ấy hoài, ông ấy phải chịu : « Tôi là Đế-Thích, tôi nghe anh nói đến tên tôi, nên tôi phải đến đây mà coi anh đánh cờ thế nào, thì thiệt anh cũng là người giỏi, tôi lấy làm bằng lòng lắm ; nay có một sự, số anh đã gần ngày chết, mà chưa biết bữa nào, bây giờ tôi phải về trời. Nay tôi dặn anh một điều, anh phải nói lại cho vợ anh biết, hễ đến khi anh chết rồi, thì phải thắp nhang lên mà vái tên tôi, thì tôi sẽ xuống mà cứu cho anh sống lại. »

Đó rồi ông ấy đi mất. Anh Trương Hoa tin lời ông nói là thiệt, mới dặn lại người vợ, hễ khi anh chết rồi phải làm như vậy. Người vợ cũng tin nhớ

lời Trương Hoa dặn.

Cách một ít lâu thì anh Trương Hoa chết, người vợ than khóc mà lo sự chôn cất, quên lời ông Để-Thích dặn. Cách chừng một tháng, người vợ đi quét trong buồng, ngó thấy bàn cờ tướng mới nhớ sức lại lời ông Để-Thích dặn trong khi đánh cờ. Lật đặt thắp nhang vái mà kêu tên ông Để-Thích. Được một chặp thì ông Để-Thích đến, ông hỏi sự tình thì người vợ nói : « Chết đã được một tháng rồi, mà mắc lo chôn cất nên quên lời ông dặn, bây giờ tôi thấy bàn cờ thì nhớ sức lại mà vái ông, xin ông tính làm sao cho chồng tôi sống lại. »

Ông Để-Thích rằng : « Anh Trương Hoa chết đã lâu thì thịt nát xương tan rồi, làm sao nhập xác cho đặng ? »

Chị ta lạy ông Để-Thích hoài không cho ông về, biểu ông làm sao cho chồng sống lại.

Mà may ngày đó, lối xóm có anh bán thịt heo mới chết. Ông Để-Thích mới nói với vợ Trương Hoa rằng : « Bây giờ phải nhập hồn cho thằng bán thịt, chị có bằng lòng chẳng ? » Chị ta nghe nói làm vậy không biết tính sao, cũng phải bằng lòng.

Đó rồi ông làm phép đem hồn Trương Hoa nhập vào xác thằng bán thịt mà sống lại. Thì vợ con thằng bán thịt mừng rỡ lắm, mà thằng bán thịt không biết vợ con mình là ai, coi nhà cửa thì lạ hết, cứ nói nhà Trương Hoa hoài. Vừa gặp vợ anh Trương Hoa đến, thì thằng bán thịt chạy đến ôm vợ Trương Hoa mà mừng rỡ. Vợ anh Trương Hoa đã nghe lời ông Để-Thích nói rồi, cũng mừng rỡ đem chồng mình về nhà. Vợ con thằng bán thịt chạy theo níu lại mà nói rằng : « Người này là chồng tôi, mà sao chị dắt đi ? »

Vợ Trương Hoa lại nói rằng : « Chồng của tôi, làm sao chị theo giành ? »

Rồi hai người đàn bà đánh lộn với nhau kiện đến quan.

Quan hỏi thằng bán thịt : « Vợ con mày là ai ? »

Thì nó nhè vợ Trương Hoa nó chỉ là vợ nó. Còn hỏi đờn bà kia là ai, thì nó nói vợ anh bán thịt cùng xóm với nó. Quan lại hỏi cách làm heo buôn bán làm sao, thì nó không biết chi hết, mà biểu nó đánh cờ tướng thì nó đánh giỏi lắm.

Quan lấy làm khó xử vì hồn người này xác người kia. Quan lại hỏi vợ Trương Hoa : « Trong khi chồng mày còn sống có làm điều gì nhờn đức lớn không ? »

Vợ Trương Hoa nói rằng : « Chồng tôi không có làm nhờn đức gì, có một sự đang đánh cờ tướng thì có ông Để-Thích xuống, thương yêu chồng tôi lắm. Ông mới dặn khi chồng tôi chết thì kêu ông, ông cứu giúp cho, rui thì tôi quên đi. Đến một tháng tôi mới kêu ông, ông đến thì chồng tôi chết đã nát thịt rồi. Khi ấy vừa có anh bán thịt này mới chết, nên ông đem hồn chồng tôi mà nhập với xác anh bán thịt này. »

Ông quan đòi thằng bán thịt ra một nơi riêng kia mà hỏi có biết ông Để-Thích không, thì nó nói y như lời vợ Trương Hoa nói, nên quan cho nó về nhà Trương Hoa.

Chép y nguyên văn bài số 31, trang 48-49-50 của tập « Truyện đời xưa » in lần thứ ba do ông Đinh-Thái-Sơn tự Phát-Toán xuất bản năm 1908 tại Sài-Gòn nơi nhà in Phát-Toán. 55-57 đường d'Ormay.

202. Truyện Thủ Huồn (bài số 25 tr.41)

Có một người tên là Thủ Huồn⁸⁰, ở tỉnh Gia-định, làm việc thơ-lại, thì làm nhiều sự bất nhơn muốn lợi cho mình mà hại người ta, cho đến khi già thì giàu có lắm. Người vợ chết đi, anh ta mới thôi làm thơ lại. Mà không có con, ngồi buồn mới tính mình giàu có mà không con, chẳng để của làm chi cho nhiều, phải đi ra xứ Bắc-kỳ đặng mà mua đồ chơi. Té ra đến đó là xứ Quảng Yên, vừa gặp nhóm chợ Mạnh-ma, đủ cả người dương gian âm phủ đến đó, anh ta mới đến chợ ấy mà chơi, vừa gặp người vợ ở âm-phủ lên đi chợ. Lúc ấy vợ chồng gặp nhau mừng rỡ lắm.

Anh ta mới hỏi người vợ rằng : « Mày chết xuống âm-phủ bấy lâu nay mày làm nghề gì ? »

Người vợ nói rằng : « Tôi chết xuống tôi ở vú nuôi con cho vua, tôi sung sướng lắm. »

Anh ta lại nói rằng : « Tình nghĩa vợ chồng ở với nhau đã lâu, từ khi mày chết đến nay, thì tao thương nhớ mày lắm, bây giờ mà gặp mày đây, thì mày phải đem tao đi với, xuống mà coi thử cho biết làm sao. »

Người vợ nói : « Đi thì đi, mà không đặng ở lâu, trong năm ba bữa thì về mà thôi. »

Đó rồi vợ chồng dắt nhau đi. Đến nơi rồi, người vợ giấu anh ta ở dưới nhà bếp.

Anh ta mới nói với người vợ rằng : « Mày phải đem tao đi mấy cửa ngục mà coi thử những người ở dương-gian làm sự chi, mà chết xuống mắc tội chi cho biết. »

Khi ấy người vợ đem anh ta đi đến cửa ngục kia, thấy có một cái gông lớn lắm, anh ta sợ lắm. Mới biểu người vợ đem lại chỗ anh chủ-ngục ở mà hỏi cái gông lớn đó, để phạt tội chi làm vậy mà không thấy ai mang ?

Anh chủ ngục mới nói : « Cái gông đó để dành, đặng sau làm tội Thủ-Huần. »

Anh ta mới hỏi : « Vậy cho Thủ-Huần ở trên dương-gian làm những tội chi ? »

Chủ ngục nói rằng : « Vì tên Thủ-Huần ở trên dương-gian làm việc thơ-lại, người ta có tội sống làm ra chết, tội phải làm ra quấy, cho vay đặt nợ một vốn ăn không biết mấy lớp lời, ăn ở nhiều sự bất nhơn bất nghĩa, trong bụng muốn tham lợi cho nhiều. »

Anh ta lại hỏi : « Như vậy thì vợ nó có tội chăng ? »

Chủ ngục nói : « Sự ấy là tại người chồng bất nhơn, thì làm tội một người chồng mà thôi, chớ vợ khỏi tội. »

Anh ta lại hỏi : « Tội như vậy, phải làm sao cho hết ? »

Chủ ngục trả lời : « Phải làm chay cho lớn, và bố thí của ấy cho hết, thì khỏi tội. »

Anh ta mới nói với người vợ mau mau đem trở lên dương-gian, chỗ chợ Mạnh-ma, rồi anh ta mau mau trở về Gia-định, mới rước thầy làm chay, mà làm việc bố thí đến ba năm, của anh ta mười phần hết bảy. Anh ta lại trở lại chỗ chợ Mạnh-ma một lần nữa, đặng chờ người vợ lên mà đi theo về âm-phủ mà coi thử cái gông đó làm sao. Vừa gặp người vợ lên, mới đem anh ta xuống âm phủ một lần nữa, anh ta mới đến chỗ cái gông mà coi, thì thấy cái gông mười phần nhỏ hết chín phần, còn một. Anh ta thấy cái gông nhỏ lại làm vậy thì mừng lắm, mới hỏi anh chủ ngục làm sao mà cái gông đó, trước khi lớn, bây giờ nhỏ như vậy ? Anh chủ ngục nói : « Vì tên Thủ-Huần ở trên dương-gian làm chay bố thí, thì tội nó giảm đi, cho nên cái gông nó nhỏ lại. Phải chi nó bố thí cho hết của nó đi, thì cái gông ấy tiêu mòn hết. »

Người vợ liền đem anh ta về dương-gian. Anh ta lại làm chay một lần nữa, và làm một cái nhà bè ở giữa sông (bây giờ là sông Nhà Bè) để mà thí

tiền gạo, cùng nồi niêu trách trã và những đồ ăn, bố thí hoài hết của thì thôi. Lại làm ra một kiếng chùa tại tỉnh Biên-Hòa, tục kêu là chùa Thủ-Huần.

Lúc ấy anh ta năm chiêm bao, có một người đến nói rằng : « Mây có lòng bố thí đã nhiều, lại làm một kiếng chùa mà thờ phật, thì mây đã đặng khỏi tội, mà kiếp sau mây đặng phước lớn. »

Thấy như vậy hay vậy, chớ không biết làm sao. Té ra sau lại đến đời vua Đạo-Quang ở bên Tàu, có giấy qua hỏi nước An-Nam tỉnh Gia-định có ai tên là Thủ-Huần chẳng ? Khi ấy vua An-Nam trả lời lại nói có, và hỏi vua Tàu vì cớ gì mà hỏi tên Thủ-Huần làm chi ?

Bên Tàu trả lời lại nói : « Vì vua Đạo-Quang sanh ra, nơi bàn tay có chữ son đề rằng : NAM VIỆT GIA-ĐỊNH THỦ-HUỒN »

Thì hiểu là anh ta đầu thai kiếp khác được làm vua Tàu ; cho nên vua Đạo Quang có cúng ba cốt Phật bằng vàng tại chùa Thủ-Huần tỉnh Biên-Hòa.

(Sao y nguyên văn bài số 25 trường 41-42-43 « Truyện Thủ-Huần » của tập « Truyện đời xưa » do ông Đinh-Thái-Sơn tự Phát-Toán xuất bản lần thứ ba tại Sài-Gòn và in tại nhà in Phát Toán 55-57 đường d'Ormay, năm 1908 không thấy đề tên tác giả. Đường d'Ormay nay đổi lại là đường Nguyễn-văn-Thinh, và nhà in Phát Toán nay là nhà in cổ cụ nhứt ở Sài-Gòn Joseph Nguyễn văn-Viết.)

Lời chú. – Chuyện Thủ Huần hay Võ-Thủ-Hoảng cho ta biết gốc tích sự thành lập nơi có địa danh là « Nhà Bè » nay còn đó. Chuyện có đáng tin hay không, chợ Mạnh-ma ở Quảng-Yên có hay chẳng, tôi không dám phê bình. Vì cốt truyện là khuyến thiện trừng tham, nên đáng để dành trong sách. Duy vua Đạo-Quang là có thật, ông tức vị năm Tân-Tị (1821), bằng năm 1851 (Tân Hợi) thọ 69 tuổi miếu hiệu Tuyên-tông Thành hoàng-đế (Siuen tsong Tch'eng hoang-ti). Việc ông vua này là hậu kiếp ông Võ-Thủ-Hoảng tôi không dám biết.

Nhà Bè còn đó, còn chùa Thủ Huồng ở Biên-Hòa có còn chẳng, là một vấn đề thiếu sót, tôi chưa được nghiên cứu và ước mong người thức giả xử

bưởi ngọt chỉ giáo.



Notes

[← 1]

Lum khum : lom khom (B.T).

[\[← 2\]](#)

Sắp sau : trở về sau (B.T).

[← 3]

Mũ mấn : là khăn xếp khăn chề, xưa xếp lại một vành để đội chịu tang, và có lệ mình đội cho mình ít được ngay ngắn, vì xưa không mấy có kiếng soi, nên thường đội rồi thì nhờ người khác sửa lại cho khỏi lệch. Ở đây, tác giả vô tài, chỉ ra công chép lại chuyện cũ trong sách xưa, có thêm như thêm nhệ một vài chỗ... Nay mượn làm bài tựa vừa để răn mình, cũng như kiểu lỗi trước.

[\[← 4\]](#)

Ngún : cháy dần dần.

[←5]

Người Hồng mao : người Anh (B.T.)

[\[← 6\]](#)

T.S.V.P. của J.W. Bienstock và Curnonsky, nhà Editions G. Grès. Paris, năm 1924.

[← 7]

Trọng : lớn.

[← 8](#)

Cấp thiêu : Việt nam tự diễn hội Khai trí viết : « cấp siêu là cái ấm con đun nước ».

[\[← 9\]](#)

Vừa rồi, tôi có đọc quyển 1001 chuyện cười, rất dí dỏm, nhà sách Khai Trí, Sài Gòn xuất bản. Tác giả, rất quen, là nhà học giả đất Thần kinh, ông Bửu Kế. Trong sách, nơi trường 70, chuyện số 78, có thuật một chuyện thơ con cóc, bốn câu thơ như sau :

Trên gác treo cái chuông

Nó vốn đúc bằng đồng

Nhìn xem như cái bát

Khi đánh kêu coong coong.

Bài 102, « Mua đồ cổ », không biết Vương tiên sinh nào ? Xin ân cần giới thiệu cuốn 1001 chuyện cười. Kỳ thật gồm 340 chuyện. Mong được đọc tiếp. V.h.S. 9-12-70.

[\[← 10\]](#)

Đặt rượu : Nấu rượu.

[\[← 11\]](#)

Váy : ngào (tai) (B.T).

[\[← 12\]](#)

Người các chú : Người Hoa.

[\[← 13\]](#)

Vã = va = người ấy.

[\[← 14\]](#)

Dao lựt : dao cùn, không sắc (B.T.).

[\[← 15\]](#)

Sượng : ngưng, xấu hổ (B.T.)

[\[← 16\]](#)

Giả ngộ : giả bộ (B.T.)

[← 17](#)

Phùng : Thùng (B.T.)

[\[← 18\]](#)

Sàng hốt : hoảng hốt.

[\[← 19\]](#)

Con nụ : con sen, con đòi, đây tứ gái.

[\[← 20\]](#)

Năm : không có trong nhiều tự điển, Khai Trí, Đào Văn Tập, Huỳnh tịnh Của và nhiều bộ khác.

[\[← 21\]](#)

Hạ thủ : ra tay, xuống tay (B.T.)

[\[← 22\]](#)

Khủng : bằng lòng, chịu (B.T.)

[\[← 23\]](#)

Đặt : trung tiện (phương ngữ – B.T.)

[\[← 24\]](#)

Học chuyện : kể chuyện (B.T.)

[\[← 25\]](#)

Đúm : đóm (B.T.)

[\[← 26\]](#)

Ngày nga : quấy rầy, làm phiền (B.T.)

[\[← 27\]](#)

Còn : con ấ (B.T.)

[\[← 28\]](#)

Đồng điều : Đồng đỏ, thường dùng để chỉ một phần sáu của xu (B.T.)

[\[← 29\]](#)

Hỡi còn : vẫn còn.

[\[← 30\]](#)

Ăn vãi, uống vãi : ăn suông, không có gì làm đồ ăn đồ uống.

[\[← 31\]](#)

Nói mở ngang : nói bẻ ngang ra.

[\[← 32\]](#)

Thăng : thăng ấy (B.T.)

[\[← 33\]](#)

Chun : chui (B.T.)

[\[← 34\]](#)

Tôi định Cái Quao đây thuộc hạt Bến Tre xưa, hay ở gần vùng đó. Vì ngày xưa, toàn dùng ghe thuyền xê dịch hay đi bộ hay cỡi ngựa, không lý là Gò Quao ở tân hạt Rạch Giá thì xa quá.

[\[← 35\]](#)

Dạy : bảo (B.T.)

[\[← 36\]](#)

Mãng : mừng (B.T.)

[\[← 37\]](#)

Gậy : gậy (B.T.)

[\[← 38\]](#)

Pha lừng : pha trò (B.T.)

[\[← 39\]](#)

Phù ủy : võ về, an ủi (B.T.)

[\[← 40\]](#)

Cái vi tiền : Ngày xưa ông bà ta còn xài tiền điếu, rất bề bộn. 600 trăm đồng mới vô một quan. Muốn tiện khỏ đếm nên chế ra cái vi, tức lấy một miếng ván dày, móc mương để lọt đồng tiền dựng bề dày, cứ đây một hàng là kể một quan, muốn mấy quan thì móc mấy hàng mương v.v... Tôi từng thấy cái vi tiền, nhớ hình nó dài và dẹp như cái bàn toán Tàu.

Trong ĐNQTIV Huỳnh tịnh Cửa cắt nghĩa : « Cái vi : cái via tiền, đồ để mà lấy mức tiền quan. Vi tiền là để tiền vào vi mà lấy mức ».

[\[← 41\]](#)

Nằm : đồ làm bằng sắt, hoặc bằng cây giống chiếc đũa mà dẹp một đầu, có thể mà cạy mà xoi (như nằm cạy vú cau). Vót nằm, rèn nằm. ĐNQATV Hùng tnh Cửa.

[\[← 42\]](#)

Người chệc : tiếng gọi người Trung Hoa ngày xưa (B.T.)

[← 43](#)

Nhà Rông là hãng tàu đi biển, Messageries Maritimes, nay còn, ở Khánh Hội.

[← 44](#)

Sở cộp, tức trường Sư Phạm, Ecole Normale, xưa ở ngang Sở Thú.

[\[← 45\]](#)

Phú-de là sở bắt chó điên và giữ đồ phạm pháp, xe cộ đời trước Fourrière.

[\[← 46\]](#)

Toà bố, nay gọi là toà hành-chánh. Làm bộ trâu, tức giữ bộ số về trâu. Cứ mỗi con vô bộ, ăn của đút một đồng bạc là đủ làm giàu, có vợ bé và cho con đi Tây.

[← 47](#)

Chú : Chantabuom ở bên Xiêm-la quốc, trước chánh-phủ Pháp có trấn một mớ linh ma-tà bên ấy.

[← 48](#)

Tú Suất là con ông đốc học (Vĩnh long), nguyên là người huyện Chương đức, tỉnh Hà nội. Người ấy là một người trong tứ hung đất Bắc.

Cọ : cái cọ : đồ đựng bằng tre mây để đựng đồ đi đàng (H.T.Của), đồ đựng bằng nang giống như cái xiểng (H.T.Của).

Xiểng : không có trong H.T.Của.

Xiểng : Siểng, panier de voyage pour provisions de bouche (Génibrel).

Siểng : thùng có nhiều ngăn và có nắp đậy để đựng đồ, hòm siểng.

(Việt ngữ chánh tả tự vị của ông Lê ngọc Trụ).

(Trên đây là lời chú thêm vào, không có trong bản Trương Vĩnh Ký).

[\[← 50\]](#)

Chữ 天 trời đầu là chữ phu (chồng) 夫 (B.T).

[\[← 51\]](#)

Có phết vai là chữ thất (mất) 失 (B.T).

[\[← 52\]](#)

Hầu bao, Hà bao, Hồ bao : cái đay đeo vào dây lưng, lưng lẳng tòn ten trước bụng, ngày xưa các quan và nhà giàu đều có, để chứa trầu thuốc, giấy má v.v...

[\[← 53\]](#)

Bảng : húc bằng sừng (B.T.)

[\[← 54\]](#)

Chị ba, nó làm cái gì vậy ?

[\[← 55\]](#)

Chị hai đã dặn đừng nói mà họ biết mình nói ngọng, sao mầy nói ?

[\[← 56\]](#)

Nó nói gì mặc nó, ai biểu mày nói.

[\[← 57\]](#)

Ai nói mặc ai, làm gì cười.

[\[← 58\]](#)

Sách xuất bản năm 1910 là năm Canh tuất, ất tị là 1905, Bính ngọ là 1906.

[\[← 59\]](#)

Ỡ : tiếng Triều châu, Phước kiến xưng hô các dì. Ỡ Hai ta gọi Dì Hai.

[\[← 60\]](#)

Làng Nhơn-gian trước ở vùng Chợ Quán. Ngày trước, cái nhà lớn ở đường Hưng-đạo-vương, đề trên bảng : « villa Nhơn-gian », sau bán và đổi làm trụ-sở hội « Đức-Trí-Thế-Dục » (SAMIPIC)

ở lo ti là ở gì ? Còn dò làng là điểm canh trong làng.

(Theo tôi hiểu, lo ti đây là lò ti, lò nấu rượu của công-ti, độc quyền rượu và bán rượu đời Pháp-thuộc, nhưng không biết phải vậy hay không). Lời phụ chú của người chép truyện. – Thuở đànng cừu, xài tiền điếu và tiền kẽm (zinc). Theo phép xưa, cứ sáu mươi (60) đồng kẽm là một tiền rồi mười tiền (10) là một quan ; và mười quan tiền thì gọi là một chục. Sức nặng của bốn chục là kể một tạ. Và cứ lấy hai mươi hai đồng tiền kẽm để một hàng dài là kể một thước ta.

Về thước lại chia ra có : thước mộc (dài bằng 22 đồng kẽm) hay là « hắt thước" và thước vải hoặc thước may thì đo bằng 27 đồng kẽm để khít nhau lại. Để đỡ khỏi mất công đếm lâu lắc, lại có chế ra cái ví tiền để sắp tiền vào đó khỏi đếm (đã cắt nghĩa rồi nơi bài số 87 chuyện ông Ó).

Cái khó ngày xưa là tiền không đúng cân lượng y nhau và không có tiền mẫu, mỗi lần đúc tiền là có khác chút ít, lại nữa hắt thước dài, vẫn tùy mỗi người cao hay lùn, nên cân lượng và thước ta rất phiền phức. Sách Taberd nói một thước ta là 0m48726. Philastre nói 0m526 ; Launay nói 0m636. Revue Indochinoise nói thước vải đo 0m644 ; Gia-định thông-chí nói một thước là 0m44, sách nữa nói 0m424, sách khác nữa lại nói 0m434, tôi kể bao nhiêu quý vị đủ diên đầu. (Theo Les Institutions annamites en Basse Cochinchine, q.2, tr.241).

Hỏi : « Truyện Kiều anh kể cũng lâu. Đố anh kể bằng bốn câu một tiền (60 đồng) ».

Trả lời : « Từ con lưu lạc quê người. Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm (15). Mười lăm năm bấy nhiêu lần. Làm gương cho khách hồng quần thử soi (15). Những là rày ước mai ao. Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình ? (15) Kể từ sen ngó đào tơ, Mười lăm năm mới bây giờ là đây... (15) »

Và một sinh-viên Y-Khoa đã nói với tôi, câu 3 trên đây nên đổi là : « ...mười lăm năm ấy biết bao... vi trùng !!! »

Vát tiền : Tra Việt-ngữ chánh-tả tự-vị của ông Lê-Ngọc-Trụ thấy ghi vát tiền, y như trên, trong tập Đặng-Lễ-Nghi. Nhưng tra thêm tự-vị Génibrel thấy ghi « Vác tiền » là năm quan (cinq ligatures), tức tiền nặng và nhiều đến phải vác trên vai chớ không mang trong lưng hay xách được.

Ngoài lời giải thích trên, tra tự-vị Huình-tĩnh-Cùa, thấy ghi chàng là mở trét ra. Trâu chàng là trâu sừng mở trét ra, tức lớn con lắm ; cũng nói : nhánh chàng là nhánh mở trét ra.

Bộ Khai-trí tiến-đức ghi : Chàng là mở rộng ra, soạc ra (tiếng Nam-kỳ). Nay, căn cứ theo bài trên, ông chàng là heo rừng thật lớn, gần bằng con trâu con mà móng nó bét ra, nhìn theo dấu móng thì biết đó là của ông chàng.

[\[← 64\]](#)

Vạn sản : một nhóm người cùng chung một nghề là vạn : vạn sản, vạn chài.

[\[← 65\]](#)

Tên Vàng thì cầm cây thỏ : cầm cây thỏ thế để đánh với ông chàng.

[\[← 66\]](#)

Năm bính thìn, trước năm 1910 (canh tuất) là năm 1856 Tây lịch, tức năm thứ 9 đời vua Tự Đức.

[\[← 67\]](#)

Ông thầy đây là cọp : vì dân chúng sợ quá nên kiêng, không dám gọi đến tên.

Ngày nay dùng hòm đóng theo kiểu Tây phương, một ngày kia con cháu ta quên hết các danh từ cũ, nên tôi xin ghi lại đây để nhớ, các loại hòm xưa có :

- Hòm đất : Hòm để mà liệm kẻ chết, cũng kêu là hàng đất (vì tránh tiếng hòm).
- Hòm vỏ măng : Hòm nắp đậy khum khum giống cái vỏ măng (có người gọi hòm lá sen).
- Hòm nắp trấp : Hòm đậy nắp bằng mà có chấn bốn góc cùng chạy chi.
- Hòm mái : Hòm trệt, bằng nắp mà mỏng, làm đơn sơ.
- Hòm chũn ngang (nói hòm chũn nhang là trệt) : Hòm không trạm trổ, của người nghèo thường dùng.
- Hòm lèo : Hòm có chạm trổ bốn phía mặt.
- Hòm sức : Hòm lớn mà nặng, thường đóng bằng cây quý và gọi là hàng sức.
- Hòm Tàu : Hòm đóng theo kiểu người Trung-hoa, và thường sơn mài và mạ vàng. Trại đóng hòm thì thường gọi trại hàng. Đi mua hòm thì gọi « đi nhắc hàng »
- Hòm rương là hòm đựng tiền bạc của cải.
- Hòm xe (trong Nam gọi rương xe) : rương có tra bánh, đẩy được ; rương xe giường hòm.
- Hòm gương : hộp đựng gương soi mặt cùng các món đồ trang sức.
- Hòm ấn : hộp để ấn son.

(theo HÙINH TỊNH CỬA)

[\[← 69\]](#)

Năm tân mao này tính ra năm 1891 thứ ba đời vua Thành Thái.

[\[← 70\]](#)

Năm 1910, xuất bản cuốn sách là năm canh-tuất, năm Ất-tị trước đó là năm 1905.

[\[← 71\]](#)

Bính ngọ : năm 1906 dl.

[\[← 72\]](#)

Năm Tân-tị : năm 1821 dương-lịch.

[\[← 73\]](#)

Tân dậu : 1861, năm thứ 14 đời vua Tự đức, năm Hàm Phong 11 bên Tàu.

[\[← 74\]](#)

Tân dậu : 1861.

[\[← 75\]](#)

Năm Canh-tí : năm 1900, năm thứ 12 đời Thành-thái.

[\[← 76\]](#)

Năm Ất-vị là năm 1895 ; năm Bính-ngọ là năm 1906.

[← 77](#)

Năm Quý-dậu là năm 1837 Tây-lịch. Đời Tự-Đức năm thứ 26.

[\[← 78\]](#)

Năm Quý-mão này là năm 1903, tức năm thứ 15 đời vua Thành-Thái.

[\[← 79\]](#)

Nếu thật Mã-Viện thì là một viên đại tướng đời Đông Hán.

[\[← 80\]](#)

Huồn : đây là tôi chép nguyên văn trong sách ra. Theo Việt-ngữ chánh-tả tự-vị của ông bạn Lê-Ngọc-Trụ, chữ Huồn (viết có g), căn cứ theo tài-liệu nhà học-giả tiền bối Trương-Vĩnh-Ký để lại, là do đọc trại tên ông này, viết Võ-Thủ-Hoảng.

Table of Contents

LỜI KHAI KHÔNG AI HỎI

SÁCH THAM KHẢO

1. Chuyện Ký Viên
2. Cây đơn
3. Ông điếc đi mừng tuổi
4. Sửa mũ mấn
5. Dương phù âm trợ
6. Ông thần bia (Xem bài số 5 trước)
7. Ăn nói khoan thai (số 29 bản Thọ An)
8. Tánh người chậm lụt (số 13 bản Phụng hoàng San)
9. Tánh trầm tĩnh của người Hồng mao (T.S.V.P. tr.149)
10. Lửa cháy nhà
11. Từ Hôn
12. Mảng lo viết văn
13. Nghe qua thì biết
14. Cha dạy con
15. Thằng bé ngu tối
16. Giấu cày
17. Ông già thật thà
18. Tưởng là gì ?
19. Hai anh sợ vợ
20. Thơ cóc
21. Ba anh dốt làm thơ
22. Bụng không
23. Không chịu thua (chuyện cờ tướng)
24. Chỉ nước cờ
25. Cờ ngoài, bài trong
26. Ông đồ Nghệ làm thơ
27. Bốn anh học trò đặt thơ trong chùa

- 28. Chế giãm
- 29. Phép trị rượu chua
- 30. Hùn vốn đặt rượu
- 31. Uống rượu bằng chén con mà chết hóc
- 32. Cạo vấy
- 33. Thầy hù
- 34. Cái gì không xài nó dài ra

VẤN ĐỀ RÂU

- 35. Mặt dày
- 36. Mặt dày
- 37. Ông râu rậm
- 38. Ông già không có miệng
- 39. Giống ông bộ râu
- 40. Thấy pháp râu đỏ
- 41. Thuốc nhuộm râu
- 42. Lấy giống râu
- 43. Râu quai nón
- 44. Lấy thuốc mọc râu
- 45. Thuốc trồng râu
- 46. Trên dưới thông đồng
- 47. Liên hữu hội
- 48. Truyện người râu ba chòm, người râu rìa

TIỂU LÂM PHỤNG HOÀNG SAN

- 49. Thơ ngựa hay (Bài số 6 trang 5)
- 50. Chó ngáp (bài 2 tr.7)
- 51. Kết lương hữu (Bài 14 tr.8)
- 52. Chiêm bao rui (Bài 15 tr.9)
- 53. Coi sách (Bài 15 tr.9)
- 54. Ông đánh cháu (bài 18 tr.10)
- 55. Làm biếng hai kiếp (Bài số 19 tr.10)
- 56. Dời nhà (Bài số 20 tr.2)
- 57. Tuổi sứt (bài số 22 tr.2)

58. Rễ bất lợi (bài số 23 tr.12)
59. Mượn đày tớ không tiền (Bài số 24 tr.12)
60. Hai anh em làm ruộng (bài số 25 tr.13)
61. Không đãi khách (bài số 26 tr.13)
62. Một món cũng đủ (bài số 27 tr.13)
63. Hà tiện (bài số 29 tr.14)
64. Xin nước lạnh (bài số 30 tr.15)
65. Cho đủ cặp (bài số 31 tr.15)
66. Đòi nợ (bài số 32 tr.15)
67. Mỗi ăn nhà (bài số 33 tr.15)
68. Mua phân (bài số 34 tr.16)
69. Chuột cắn (bài số 35 tr.16)
70. Dốt hay nói chữ (bài số 36 tr.16)
71. Nói láo như bò (bài số 37 tr.17)
72. Đi làm rể (bài số 38 tr.17)
73. Lò mò (bài số 39 tr.18)
74. Con rắn vuông (bài số 40 tr.19)
75. Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ (bài số 41 tr.19)
76. Kính mạng coi sách (bài số 42 tr.20)
77. Giấu đồ kéo chúng giựt (bài số 43 tr.20)

TRUYỆN ÔNG Ó

78. Cho mượn trâu (bài số 1 tr.3)
79. Nói láo gạt người hàng thịt (bài số 2 tr.4)
80. Nói láo có Sách (bài số 3 tr.4)
81. Nói láo tới Huế (bài số 4 tr.5)
82. Nói láo gạt các quan (bài số 5 tr.6)
83. Nói láo gạt quân lính (bài số 6 tr.7)
84. Nói láo gạt ông quan hữu trí (bài số 7 tr.7)
85. Nói láo trong dinh Đông cung (bài số 8 tr.9)
86. Từ Huế về Nam (bài số 9 tr.10)
87. Câu ổng (bài số 10 tr.10)
88. Nói láo tình tuồng, đờn bà hoàng kinh (bài số 11 tr.11)

89. Người chết của hết (bài số 12 tr.12).
90. Đặt rượu bằng khoai thúi và khoai Sùng.(bài số 13 tr.13)
91. Chó săn (bài số 14 tr.14)
92. Khi ông Ó về tới nhà (bài số 15 và bài chót tr.17 tập Bùi Quang Nhọ)

TRUYỆN TIỂU ĐÂM – PHỤNG HOÀNG SAN VÀ DƯƠNG DIẾP

93. Sửa mũ mấn (bài số 1 tr.5)
94. Chim đồng độc (bài số 2 tr.6)
95. Không bỏ thói cũ (bài số 3 tr.7)
96. Nghệt lối (bài số 4 tr.10)
97. Dâu gịoi cha chồng.(bài số 5 tr.11)
98. Mượn ngựa (bài số 6 tr.12)
99. Thuốc mắc cổ (bài số 7 tr.12)
100. Hỏi chỗ làm (bài số 8 tr.13)
101. Coi đầu mua nón (bài số 9 tr.13)
102. Giáo tập (bài số 10 tr.13)
103. Thầy say rượu (bài số 11 tr.14)
104. Nói chữ An nam ra chữ Tây (bài số 12 tr.14)
105. Thầy dốt (bài số 13 tr.15)
106. Thuốc ngứa
107. Đánh cha già (bài số 15 tr.16)
108. Ngồi lâu phải đổi (bài số 16 tr.16)
109. Sớm đỏ tối đen (bài số 17 tr.17)
110. Học lợi (bài số 18 tr.17)
111. Địa lý (bài số 19 tr.17)
112. Chó cắn tay (bài số 20 tr.18)
113. Mới dựng kệ (bài số 21 tr.18)
114. Đùng cho thuốc người mập (bài số 22 tr.19)
115. Thầy thuốc hay (bài số 23 tr.19)
116. Hết gạo (bài số 24 tr.20)
117. Đi thú (bài số 25 tr.21)
118. Tánh không chừng (bài số 26 tr.21)

- [119. Thuốc rất linh nghiệm \(bài số 27 tr.22\)](#)
[120. Mau phai \(bài số 28 tr.22\)](#)
[121. Cũng chết \(bài số 29 tr.23\)](#)
[122. Cũng một môn \(bài số 30 tr.23\)](#)
[123. Hết trị \(bài số 31 tr.24\)](#)
[124. Đòi ăn \(bài số 32 tr.24\)](#)
[125. Cạo váy \(bài số 33 tr.25\)](#)
[126. Tá thơ ngu, hườn thơ ngu \(bài số 34 tr.25\)](#)
[127. Trên dưới thông đồng \(bài số 35 tr.26\)](#)
[128. Cho sống lại \(bài số 36 tr.26\)](#)
[129. Thầy thuốc đánh lộn \(bài số 37 tr.26\)](#)
[130. Liên hữu hội \(bài số 38 tr.27\)](#)
[131. Thuốc trồng râu \(bài số 39 tr.27\)](#)
[132. Ông già không có miệng \(bài số 40 tr.28\)](#)
[133. Bị mắng \(bài số 41 tr.29\)](#)
[134. Người lùn hun vợ \(bài số 42 tr.29\)](#)
[135. Cũng là thằng đui sướng \(bài số 43 tr.29\)](#)
[136. Tiếng không xa \(bài số 44 tr.30\)](#)
[137. Cận thị \(bài số 45 tr.30\)](#)
[138. Bay nón \(bài số 46 tr.31\)](#)
[139. Địt hay \(bài số 47 tr.31\)](#)
[140. Ăn trộm địt \(bài số 48 tr.31\)](#)
[141. Cửa chẳng lừa mình \(bài số 49 tr.32\)](#)
[142. Dám cho thua \(bài số 50 tr.chót 33\)](#)

CHUYỆN KHÔI HẢI

- [143. Cũng vậy \(số 1 T.V.K\)](#)
[144. Thơ ngày tết \(số 2 T.V.K\)](#)
[145. Tú Suất lật váy bà quan \(số 3 T.V.K.\)](#)
[146. Lấy quần chúng phời ngoài sào \(số 4 T.V.K.\)](#)
[147. Tú Suất giành mền ông huyện \(số 5 T.V.K.\)](#)
[148. Chử Thiên trời đầu \(số 6 T.V.K.\)](#)
[149. Thơ hòa thượng \(số 7 T.V.K.\)](#)

150. Đối « thần lẫn » với « khí gió » (số 8 T.V.K.)
151. Đối được vợ (số 9 T.V.K.)
152. Câu đối có chí khí (số 10 T.V.K.)
153. Than kinh (số 11 T.V.K.)
154. Bẻ cau (số 12 T.V.K.)
155. Hóc lưỡi búa (số 13 T.V.K.)
156. Cá rô cây (số 14 T.V.K.)
157. Nửa trự cơm, nửa trự canh (số 15 T.V.K.)
158. Yá vất (số 16 T.V.K.)
159. Ăn hàng không trả tiền (số 17 T.V.K.)
160. Nghe trống ném ki đi về (số 18 T.V.K.)
161. Con học trò (đồng nhi) cứu thầy già Sáu (số 19 T.V.K.)
162. Cứu Cự cho khỏi bắt (số 20 T.V.K.)
163. Anh kì cào (số 21 T.V.K.)
164. Thầy kiện (số 22 T.V.K.)
165. Khăng khái (số 23 T.V.K.)
166. Cấp trí (số 24 T.V.K.)
167. Tú Suất đóng cũi giải nạp về tỉnh thành (số 25 T.V.K.)
168. Chọc con ông Tổng đốc (số 26 T.V.K.)
169. Đánh phách (số 27 T.V.K.)
170. Làm bộ chị thợ làm bánh (số 28 T.V.K.)
171. Thợ chạm rồng trở phụng (số 29 T.V.K.)
172. Làm xây (số 30 T.V.K.)
173. Chó có sừng (số 31 T.V.K.)
174. Dụng mưu làm thuốc (số 32 T.V.K.)
175. Thầy rờ (số 33 T.V.K.)
176. Ông huyện với ông đồ (số 34 T.V.K.)
177. Ngô thì Sĩ với ông Tán lý Thường (số 35 T.V.K.)
178. Người can đảm (số 36 T.V.K.)
179. Cà xốc (số 37 T.V.K.)
180. Tú Suất bắt mụ nữ tu (số 38 T.V.K.)
181. Ông Cống Quỳnh

ĐỐI CỔ KỲ QUAN

182. Giấu đầu ra đuôi (bài số 10 tr.17 ĐCKQ).
183. Cóc cắn bể nôi võ (bài số 22 tr.33).
184. Tham thì thâm (bài số 26 tr.42).
185. Ông chàng (heo rừng lớn) (bài số 27 tr.45 tập nhì).
186. Bà già hóa ra nấp hòm (bài số 33 tr.65).
187. Tử sanh hữu mạng (số 11 tr.18 tập 1 Đặng-lễ-Nghi, 1910).
188. Ma liêng ban ngày (số 12 tr.20).
189. Một đêm ma nhát hai lần (số 14 tr.22).
190. Ông bà bắt con cháu, con cháu bắt ông bà (số 23 tr.36).
191. Nàng dân chí hiếu (số 24 tr.38).
192. Cọp oán (bài số 32 tr.60, cuốn nhì).
193. Cá ông cứu người (số 34 tr.68).
194. Cọp hóa ra chó (số 36 tr.72).
195. Nước nóng trừ bệnh điên (số 37 tr.74).
196. Xà niên (số 38 tr.77).
197. Nước gừng trị bệnh bôn đờn (lớn dái) (số 40 tr.81).
198. Hồn Gia-định, xác Bắc-thành (số 42 tr.84).
199. Tà bắt cảm chánh (số 30 tr.55).
200. Chuyện ma trong Chợ-lớn
201. Hồn Trương Hoa, ma hàng thịt (chuyện số 31 tr.48).
202. Truyện Thủ Huồn (bài số 25 tr.41).